

PHẠM-HUẤN **CUỘC**
TRIỆT THỎÁI
CAO NGUYÊN
1975



Quyển "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975", tái bản lần thứ ba (tháng 11, 1993), với những dữ kiện, hình ảnh đặc biệt, và nhận định của các vị Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên, Tư lệnh những Mặt trận lớn năm 1975: Nguyễn Khánh, Vĩnh Lộc, Phạm Quốc Thuần, Ngô Quang Trưởng, Lê Minh Đảo, Phạm Duy Tất...



Tác giả trong cuộc hành quân Hạ Lào 1971.

Phạm Huấn là một nhà báo Quân Đội trong Bộ Biên Tập Điều Hâu.

Thành viên Ban Liên hợp Quân Sự 4 Bên và 2 Bên, đặc trách về báo chí, khi Hiệp định Paris 1973 được ký kết.

Chủ tịch Hội Phóng viên Chiến tranh Việt Nam, 1972-1975.

Tác giả đã theo học trường Võ bị Đà Lạt năm 1956, trường Đại học Quân sự năm 1963, và các trường Quân sự tại Hoa Kỳ: Infantry School, Fort Benning, GA. 1958, Civil Affairs School, Fort Gordon, GA và Special Warfare School (Green Beret Center), Fort Bragg, NC. 1965.

PHẠM-HUẤN **CUỘC**
TRIỆT THỎÁI
CAO NGUYÊN
1975

MINHHA AND HUAN PHAM
PC ART, INC.
PO BOX 51924
SAN JOSE, CALIFORNIA 95151
COPYRIGHT © 1993 BY PC ART, INC.
ALL RIGHTS RESERVED
INCLUDING THE RIGHT OF REPRODUCTION
IN WHOLE OR IN PART IN ANY FORM.
PUBLISHED AND DESIGNED BY PC ART, INC.
MANUFACTURED IN THE UNITED STATES OF AMERICA

LIBRARY OF CONGRESS CATALOGING IN PUBLICATION DATA
PHAM, HUAN: CUOC TRIET THOAI CAO NGUYEN 1975
ISBN: TX 2 021 086

FIRST PRINTING FEBRUARY 1987
SECOND EDITION APRIL 1987
THIRD EDITION NOVEMBER 1993

***Thành kính tưởng niệm những người đã hy sinh, gục ngã
trên đường rút quân Pleiku-Phú Bồn-Phú Yên
tháng 3 năm 1975.***

***Kính tặng
Các Chiến Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa***

CÙNG MỘT TÁC GIẢ:

CUỘC TRIỆT THOÁI CAO NGUYÊN 1975, Tái Bản Lần III (1993)

TRẬN HẠ LÀO 1971 (1990)

TƯỚNG PHẠM VĂN PHÚ VÀ NHỮNG TRẬN ĐÁNH (1988)

NHỮNG UẤT HẬN TRONG TRẬN CHIẾN MẤT NƯỚC (1988)

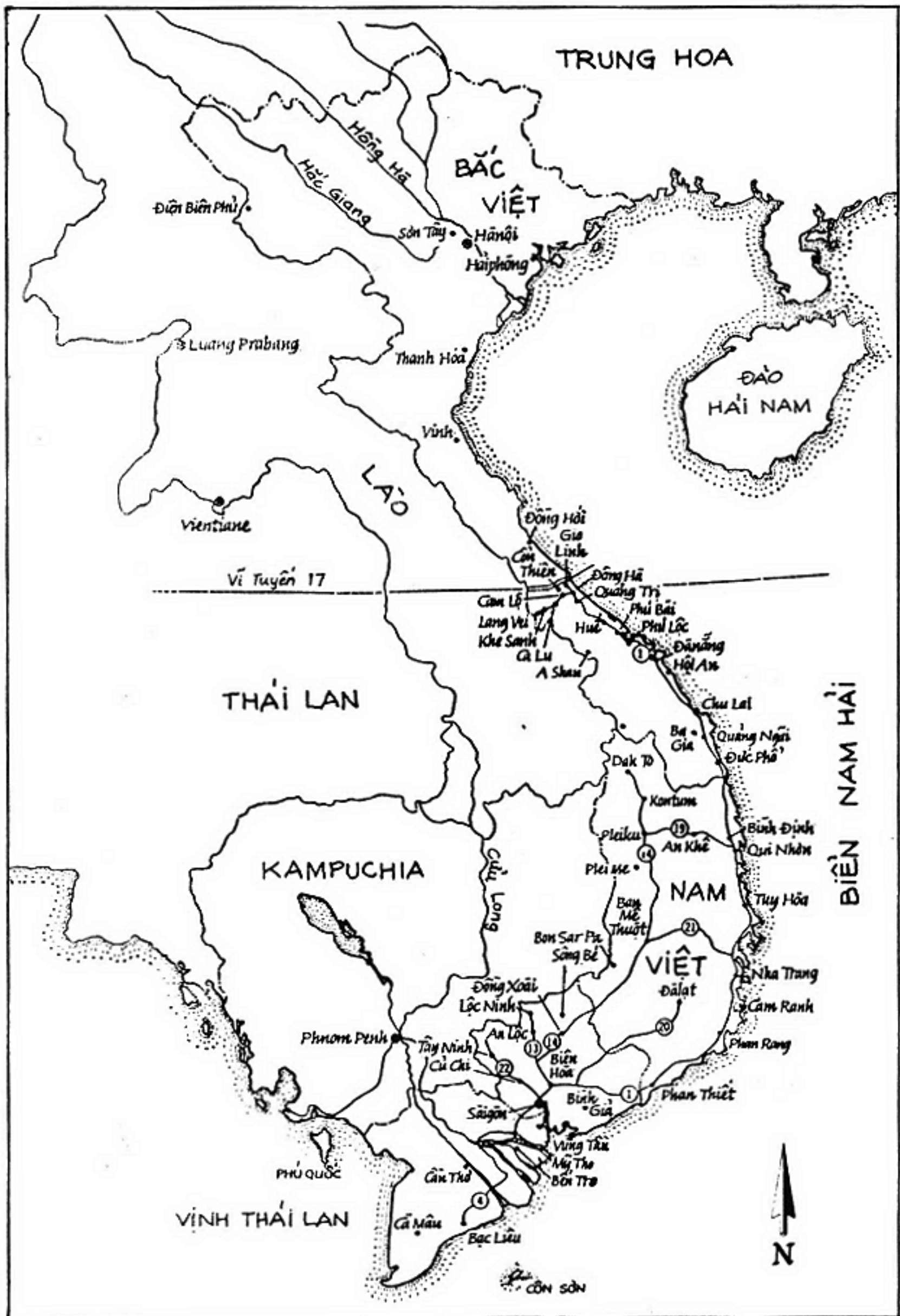
CUỘC TRIỆT THOÁI CAO NGUYÊN 1975 (1987)

MỘT NGÀY TẠI HÀ-NỘI (1973)

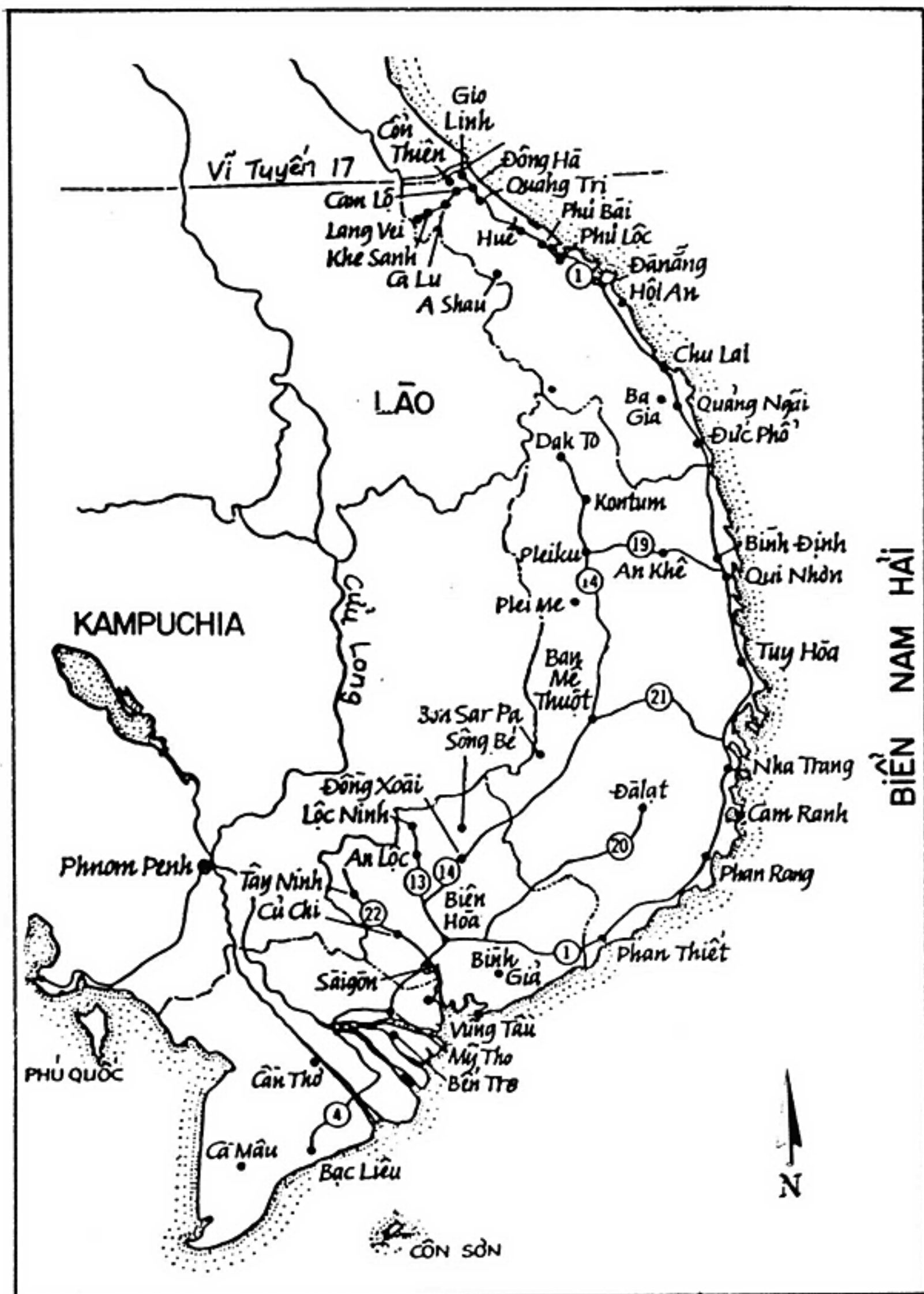
SẼ XUẤT BẢN:

30 NĂM CHIẾN TRANH VIỆT NAM

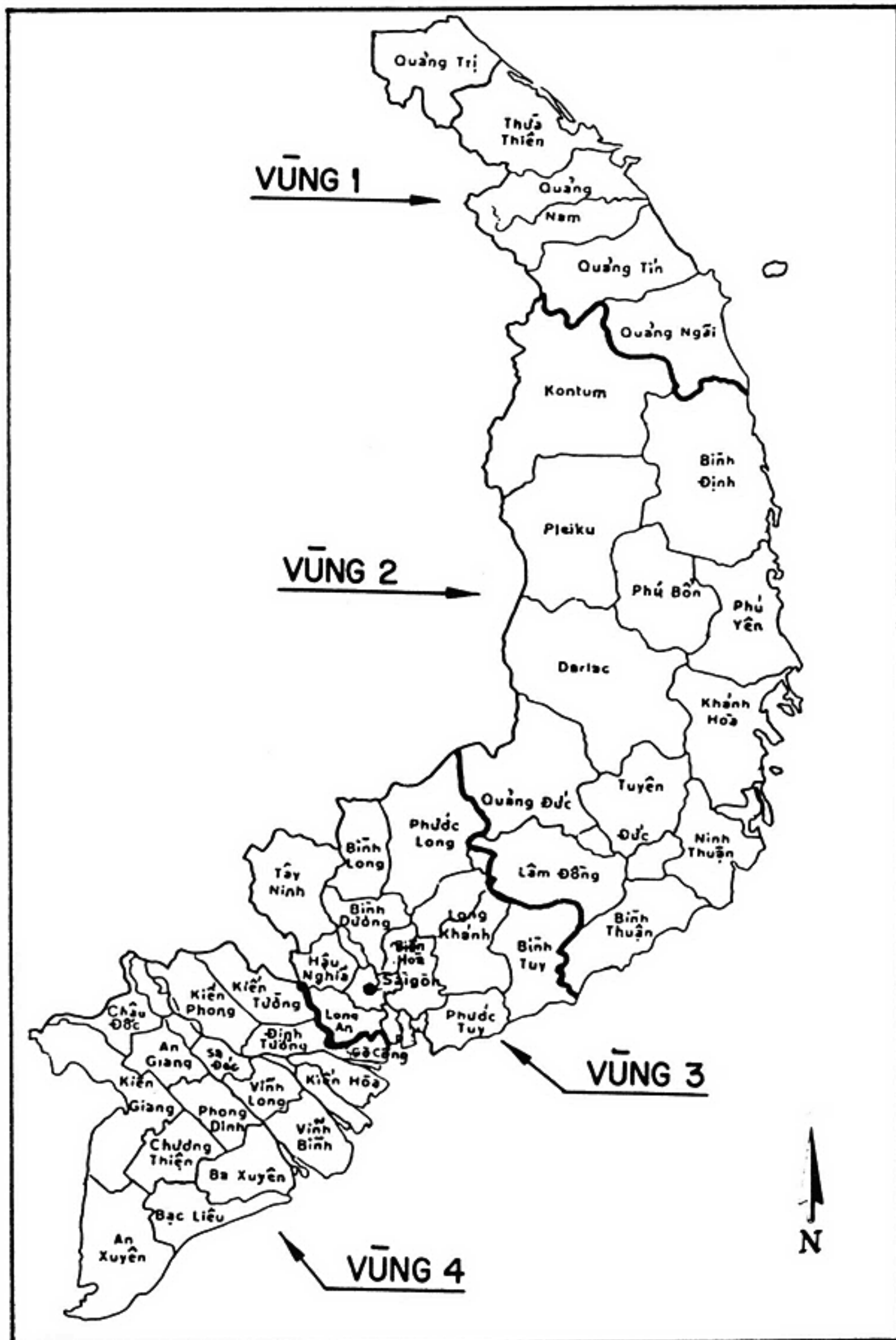
VIỆT NAM



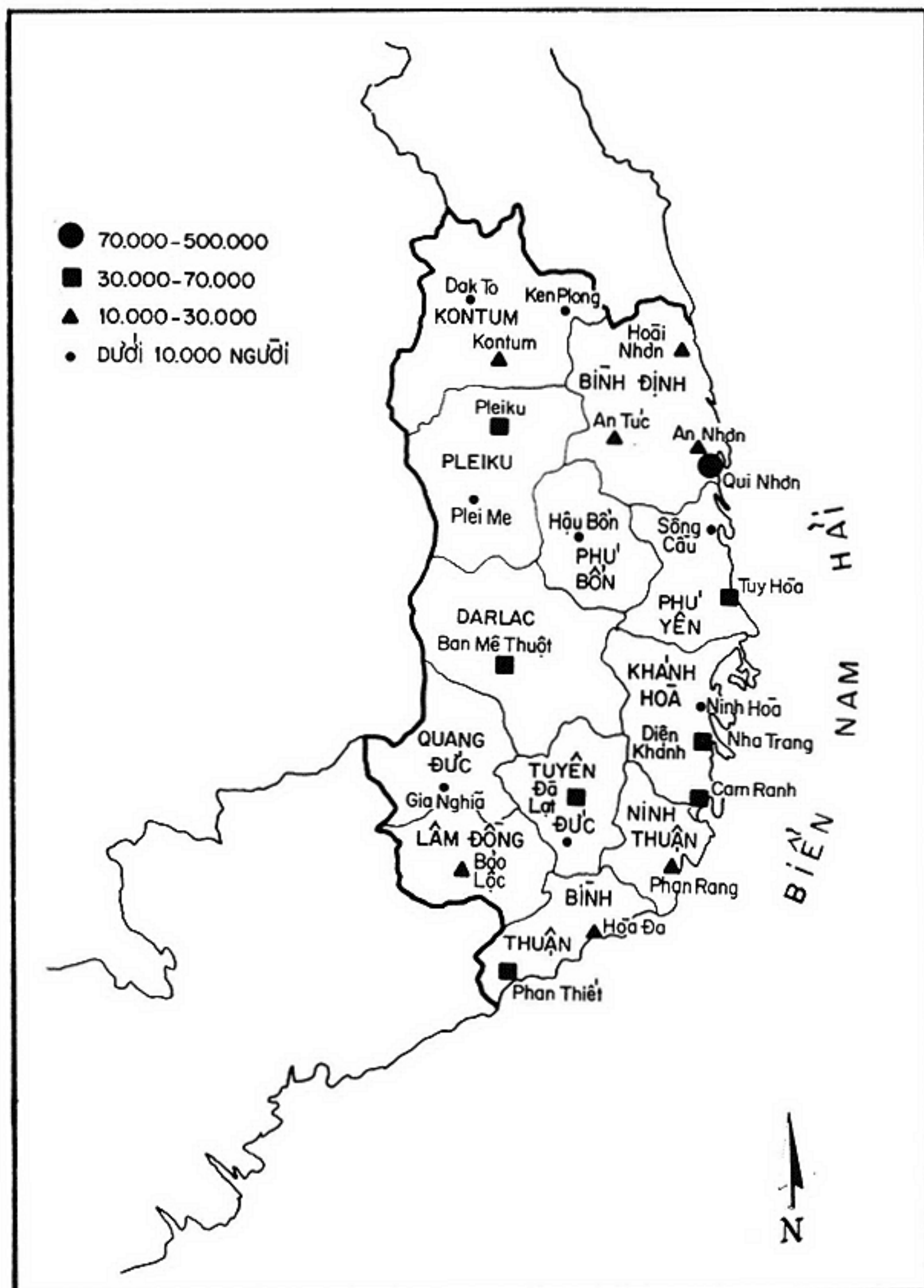
VIỆT NAM CỘNG HÒA 1954-1975



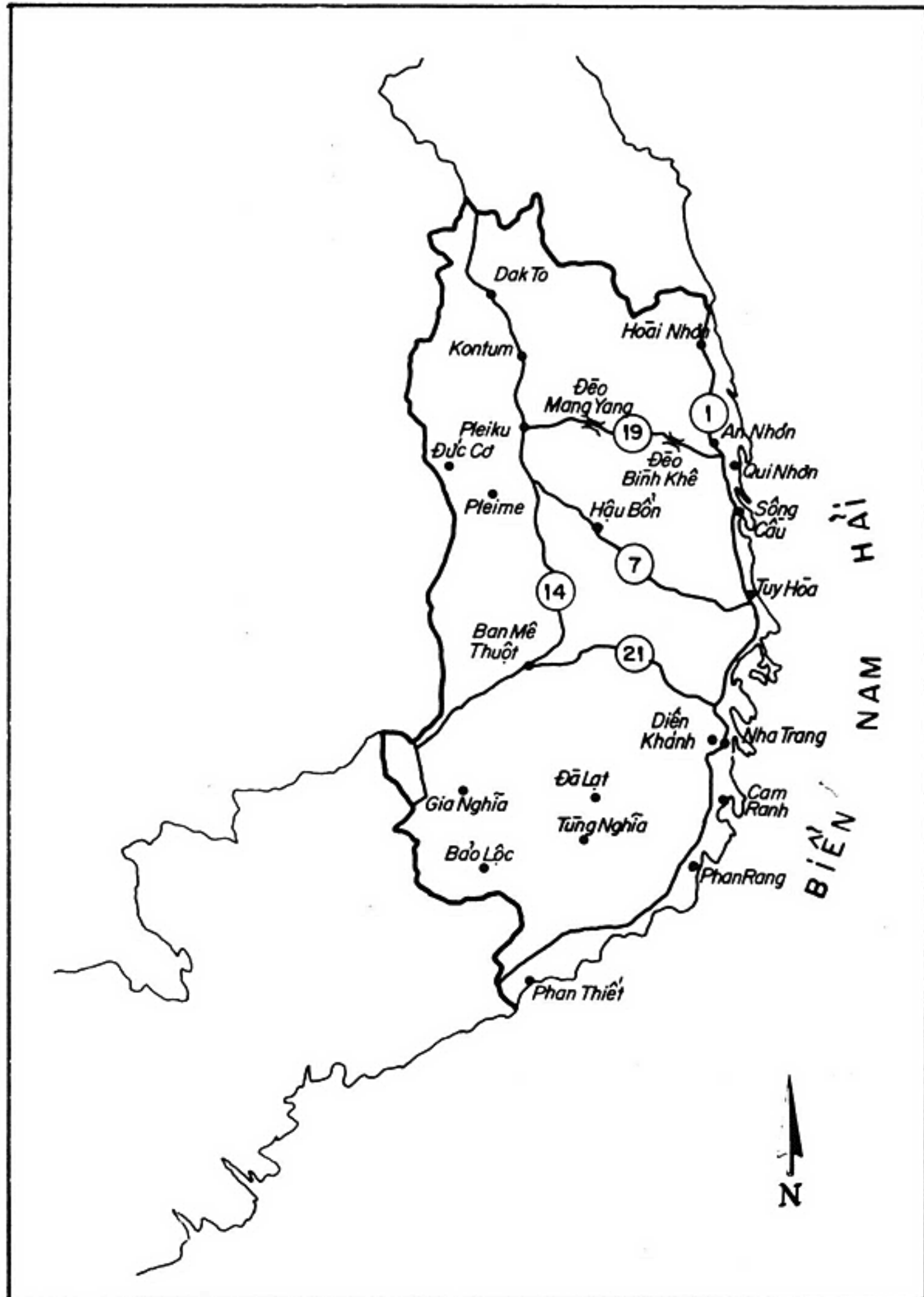
VIỆT NAM CỘNG HÒA VÀ 4 VÙNG CHIẾN THUẬT



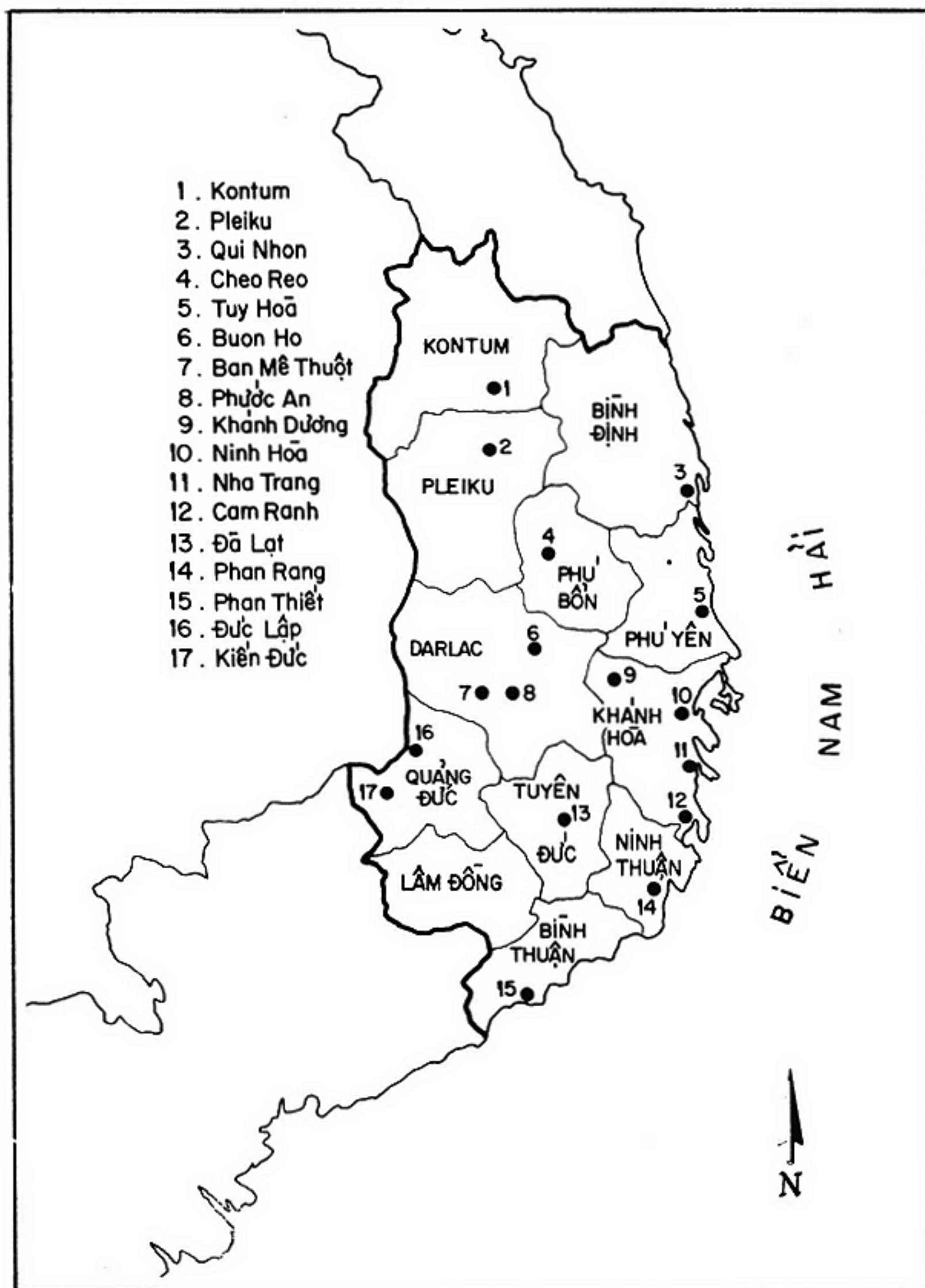
VÙNG II CHIẾN THUẬT
DÂN SỐ VÀ RANH GIỚI CÁC TỈNH



VÙNG II CHIẾN THUẬT
CÁC QUỐC LỘ CHÍNH 1, 14, 19, 21



NHỮNG ĐỊA DANH VÀ VỊ TRÍ QUAN TRỌNG
TRONG TRẬN CHIẾN SAU CÙNG NĂM 1975
TẠI QUÂN ĐOÀN II VÀ CHIẾN TRƯỜNG CAO NGUYÊN



MỤC LỤC

I . BẢN ĐỒ - Việt Nam, 9	
. Việt Nam Cộng Hoà 1954-1975, 10	
. Việt Nam Cộng Hoà Và 4 Vùng Chiến Thuật, 11	
. Vùng II Chiến Thuật: Dân Số Và Ranh Giới, 12	
. Vùng II Chiến Thuật: Các Quốc Lộ Chính, 13	
. Những Địa Danh Và Vị Trí Quan Trọng, 14	
. Mục Lục, 15	
. Tựa - Nguyễn Đạt Thịnh, 17	
II - TƯỚNG PHẠM VĂN PHÚ VÀ TÁC GIẢ, 27	
Người Mang Theo Giông Bão, 28	
Chiến Trường Cao Nguyên và Một Trận Đánh Quyết Định, 35	
III - MẶT TRẬN BAN MÊ THUẬT VÀ MỘT TRẬN ĐÁNH QUYẾT ĐỊNH, 43	
Tướng Phạm Văn Phú Tại Ban Mê Thuật, 44	
"Người Lính Kèn" Của Trường Võ Bị Đà Lạt, 51	
Các Dũng Sĩ Trung Đoàn 53 Bộ Binh Tại Mặt Trận Phi Trường Phụng Dực, 54	
Giây Phút Cuối Cùng Của Tư Lệnh Mặt Trận Ban Mê Thuật, 59	
Bay Trên Những Đơn Vị Anh Hùng, 65	
Đổ Quân Tăng Việ̣n Trung Đoàn 44 Và 45 Xuống Phước An, 69	
Mê Hồn Trận, 72	
Quyết Định Cam Ranh Ngày 14 tháng 3, 1975, 76	
Dấu Hiệu Một Sự Sụp Đổ, 77	
Trận Chiến, 81	
Đấu Trí, 88	
Quyết Định, 95	
Hình Ảnh, 109	
Lệnh Bỏ Phước An Của Tướng Thiệu, 125	
Thân Làm Tướng, 129	
"Chị Hai" - Những Người Đàn Bà Có Uy Quyền, 136	

IV . 9 NGÀY 9 ĐÊM TRÊN 300 CÂY SỐ ĐƯỜNG MÁU LIÊN TỈNH LỘ 7, 140

Ngày Dài Nhất Của 21 Năm Trên Chiến Trường Cao Nguyên, 141

Một Huyền Thoại Trong Chiến Tranh Việt Nam, 148

Khúc Quanh Cửa Tử Thần, 155

Tôi Sẽ Là Anh Hùng, 161

Những Cái Lệnh Và Một Hệ Thống Chỉ Huy Tồi Tệ, 172

Tướng Mặt Trận, Tướng Biên Khu, 179

"Phố Quận" Phú Bổn: Rừng Chiến Xa, Đại Bác Và Những Xác Người, 183

Những Đau Thương Bất Ngờ, 190

Sư Đoàn 22 Bộ Binh: Một Biểu Tượng, Một Uy Dũng, 195

Mặt Trời... Vẫn Ở Phương Tây, 198

Một Quyết Định Để Thu Ngắn Thời Gian, 203

Võ Ân, Người Anh Hùng Bất Tử, 207

Những Cánh Đại Bàng, 214

13 Giờ 13 Phút, Và...13 Thiệt Vận Xa!!!, 218

Tinh Thần Và Trách Nhiệm Của Các Tướng Lãnh Trong Cuộc Rút Quân, 224

V . NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG QUÂN ĐOÀN II, 230

Một Biến Chuyển Mới ? 231

Đoàn Quân Mũ Đỏ, 236

Tướng Weyand, "Sứ Giả" Cuối Cùng! 240

Tàn Theo Cuộc Chiến, 245

Những Sự Thật Bi Thảm, 250

Trở Lại Những Ngọn Đồi Vô Danh, 258

Vĩnh Biệt Những Anh Hùng Của Chiến Trường Bình Định Và Khánh Dương, 262

"Ông Đại Tướng", 277

VI . NHỮNG ANH HÙNG CỦA QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA, 281

Những Anh Hùng, 282

Những Giòng Chũ Cuối, 287

Phụ Chú Đặc Biệt, 296

. Bạt - Trần Văn Ân, 300

TỰA

Trong bảy năm cuối cùng của cuộc chiến, Việt cộng tấn công chúng ta ba lần. Chúng ta thắng hai lần. Hai lần chiến thắng này, chúng ta đều mua bằng những giá máu rất cao, nhưng lại không biết cách biến những chiến thắng đắt giá đó ra những thành quả cụ thể và lâu dài. Chúng ta chỉ thua một lần. Lần thua đó đã đủ làm chúng ta mất nước.

Sau ngày nước mất, nhiều người đã viết về nhiều nguyên nhân của việc thất trận; có thể nói là đa số những nguyên nhân nêu ra đều đúng, hoặc ít, hoặc nhiều, vì sự kiện một quốc gia bị xóa đi trên bản đồ, một dân tộc bị gông vào cùm xích, dĩ nhiên không chỉ có một nguyên nhân đơn thuần, mà do nhiều nguyên nhân phức tạp tạo thành: chính sách thối nát, chính khách vô luân, tướng lãnh bất tài, đồng minh hèn yếu, nhà tu bán lương tâm, văn nghệ lảng tránh, thanh niên bạc nhược, nội tuyến tung hoành... và nhiều, nhiều nguyên nhân khác nữa.

Nhưng nguyên nhân chính của một cuộc thất trận, hay thắng trận vẫn là nguyên nhân quân sự, vì trên chiến trường, vai trò chính vẫn là vai

trò của người lính. Điều này chỉ là một sự thật đương nhiên và đơn giản. Nhưng cái sự thật đương nhiên và đơn giản là những nguyên nhân quân sự định đoạt sự ngã ngũ của chiến trường đã không được mấy ai hiểu. Ngay giờ phút này, 20 năm sau trận tổng công kích Mậu Thân, 15 năm sau cuộc tổng tấn công 1972, cũng không mấy ai tìm hiểu về hai diễn biến quân sự tối quan trọng này. Và cũng không mấy ai hiểu rằng trận thua 1975 chỉ là hậu quả của hai trận thắng 1968 và 1972.

Tại sao năm 1968 Việt cộng lại phá hủy guồng máy du kích từ lâu vẫn kèm kẹp nông thôn miền Nam, cầm chân người lính miền Nam? Tại sao chúng lại tập trung toàn bộ du kích quân để ném vào chiến trường thành phố trong khi biết chắc rằng sẽ không mấy tên du kích thoát khỏi số phận bị tiêu diệt? Chúng ta thắng trên bình diện nào, và do nguyên nhân nào? Việt cộng thắng trên bình diện nào, và do nguyên nhân nào?

Nếu những dấu hỏi này được nêu lên đúng lúc, tức là ngay sau cuộc tổng công kích Mậu Thân, và phân tích thỏa đáng để tìm ra những giải pháp quân sự thích ứng, thì cuộc tổng tấn công năm 1972 sau đó đã trở thành cuộc mạo hiểm võ trang cuối cùng của Việt cộng trong cuộc chiến Việt Nam.

Hai lý do đã đưa bọn lãnh đạo chiến lược của Hà Nội đến quyết định giết đi 40,000 du kích quân và hủy bỏ guồng máy du kích của chúng tại miền Nam. Lý do thứ nhất mang tính chất thúc bách và tiêu cực: du kích quân Cộng sản thất bại trong chiến thuật du kích đang trở thành gánh nặng cho Bắc Việt.

Chương trình bình định và xây dựng nông thôn bảo vệ kiến hiệu nông dân Nam Việt và lúa gạo của họ, đã khóa kín kho tài nguyên nhân, vật lực, không cho Việt cộng sử dụng nữa. Du kích Việt cộng không còn bám được vào nông dân, uy hiếp sự đồng lõa của họ để lẫn trốn, cưỡng đoạt

lúa gạo của họ để sinh tồn. Bị tách rời khỏi nông thôn, 40,000 du kích quân chỉ là một lực lượng quân sự nhỏ bé, thiếu trang bị, dinh dưỡng, huấn luyện và kinh nghiệm chiến trường, trước sau cũng bị tiêu diệt. Nhưng trước khi bị tiêu diệt, tàn quân du kích còn đặt cho Hà Nội vấn đề nuôi dưỡng 40,000 miệng ăn, tản mát, rải rác khắp lãnh thổ Nam Việt. Dù cho nông sản của Bắc Việt có dồi dào được phụ khoản nuôi du kích thì khả năng vận chuyển của Bắc Việt cũng không giúp chúng đưa được về mỗi xã đội du kích một bao gạo mỗi tháng.

Nói trắng ra là quả chanh du kích đã bị vắt hết nước, đã đến lúc vô dụng. Trận Mậu Thân chỉ là hành động của bọn lãnh tụ chiến lược Bắc Việt ném đi cái vỏ chanh.

Lý do thứ nhì đưa đến trận Mậu Thân là cuộc bầu cử Tổng thống tại Mỹ. Vị Tổng thống đương nhiệm là Lyndon B. Johnson, con diều hâu trong chính giới Hoa Kỳ. Đối với Việt cộng thì bất cứ người nào đắc cử cũng tốt hơn Johnson tái đắc cử. Johnson đã đưa trên nửa triệu quân Mỹ vào Việt Nam; do đó đề tài tranh cử được đề cập đến nhiều nhất là chiến tranh Việt Nam.

Lập luận của chính phủ Johnson là Nam Việt và Mỹ đang thắng trên chiến trường và sự thắng trận đó sẽ đưa đến việc tái giảm lần hồi sự tham chiến của Mỹ. Tất cả những ai có mặt tại Việt Nam lúc đó đều biết rằng điều này hoàn toàn đúng với thực tại chiến trường chứ không chỉ là một lập luận tranh cử.

Bài toán của Hà Nội là làm cách nào phủ nhận với dư luận Mỹ sự chiến thắng của Nam Việt và Mỹ. Nói một cách khác là tìm cách đánh tráo sự thật, làm cho người Mỹ thấy là tình hình không những không sáng sủa mà lại còn đen tối và chiến tranh có nhiều triển vọng kéo dài miên viễn, không ngã ngũ.

Đáp số quỷ quái mà chúng ta tìm ra là trận Mậu Thân.

Phân tách hai nguyên nhân đưa Việt cộng đến trận tổng công kích Mậu Thân là đã cung cấp cả lời giải đáp cho câu hỏi: "Việt cộng thắng trên bình diện nào, và do nguyên nhân nào?" Chúng thắng trên hai bình diện chính trị và chiến lược, bằng cách làm giảm thiểu sự đồng minh chính trị của Mỹ với Việt Nam Cộng Hòa và xóa bỏ sự hiện diện của nửa triệu quân Mỹ trên chiến trường Việt Nam. Nguyên nhân giúp chúng thắng là chúng đã biết đánh vào nhược điểm của Nam Việt: Hoa Thịnh Đốn.

Câu hỏi còn lại là: "Chúng ta thắng trên bình diện nào và do nguyên nhân nào?" Chúng ta thắng trên chiến trường, thắng trong giao tranh. Nguyên nhân giúp chúng ta thắng không phải là một chiến lược tài tình, một chiến thuật khôn khéo, mà chỉ đơn thuần là tài thiện chiến, lòng can đảm và tinh thần hy sinh của chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa.

Clausewitz viết: "Trường quân sự cao nhất là quân sử". Nã Phá Luân, Hitler, Ngô Quang Trưởng, Rommel, Mac Arthur, Phạm Văn Phú, Lâm Bưu, Lê Văn Hưng, Võ Nguyên Giáp, Navarre, Nguyễn Văn Thiệu... đều là giảng viên của trường này. Họ trình bày những nguyên nhân, những hậu quả của những trận thắng và bại của họ.

Nếu quân sử được ý thức đúng tầm quan trọng của nó, và được học hỏi kịp thời thì sau cuộc tổng công kích 1968, chúng ta đã phát giác được những yếu tố sau đây:

1. Dẹp bỏ hệ thống du kích, Cộng quân có ý định đưa chiến trường đến một hình thái giao tranh khác. Hình thái duy nhất còn lại là chiến tranh quy ước.

2. Toàn bộ đại đơn vị của chúng ta, trừ hai sư đoàn tổng trừ bị, đều bị cầm chân trong hệ thống phòng thủ diện địa. Chưa một đơn vị nào đủ cơ động để sẵn sàng ứng phó với một cuộc chiến quy ước.

3. Sự ra đi của các đơn vị Mỹ, từ trước vẫn đóng vai trò cơ động trên chiến trường, tạo một khoảng trống mà các đơn vị Việt Nam phải trám bằng mọi giá.

4. Nhu cầu chiến tranh quy ước đòi hỏi Không quân Việt Nam phải được trang bị bằng oanh tạc cơ.

Nếu bộ máy cầm quyền Việt Nam Cộng Hòa phân tách chiến trường để tìm ra những điều tương đối cũng đơn giản này thì năm 1972 Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã được chuẩn bị để giao tranh trên một chiến trường quy ước, và một triệu quân Việt Nam Cộng Hòa đã thừa sức giáng cho đạo quân viễn chinh 300 ngàn người của Bắc Việt những đòn chí tử có tác dụng chấm dứt tham vọng đô hộ của chúng.

Nhưng chính phủ Việt Nam Cộng Hòa không làm gì cả ngoài việc khai thác chiến thắng Mậu Thân trên bình diện tuyên truyền, nhằm vận động tinh thần hy sinh của nhân dân và tinh thần chiến đấu của binh sĩ. Dĩ nhiên việc vận động, cổ xúy tinh thần chiến đấu của binh sĩ không có gì sai; nhưng sai là ở chỗ cấp lãnh đạo chiến tranh chỉ trông cậy vào tinh thần hy sinh, vào khả năng chiến đấu của binh sĩ mà không biết tạo môi trường chiến đấu thuận lợi cho họ. Nói một cách khác, bộ máy chiến tranh của Việt Nam Cộng Hòa chỉ hoạt động ở cấp chiến trường, và hoàn toàn tê liệt ở cấp cao hơn, hoàn toàn nhường cho địch quân tất cả mọi sáng kiến, mọi biến thể chiến thuật, chiến lược. Chúng muốn xoay chuyển, muốn tấn công chúng ta bằng cách nào, chúng ta vẫn cứ đối phó bằng chiến thuật thụ động phòng thủ, rập khuôn theo chiến thuật đã phá sản của người Pháp để lại từ năm 1954.

Nói rõ hơn là khi toàn bộ quân đội Bắc Việt chia làm 3 cánh công hãm Quảng Trị, Kontum và An Lộc, bằng những cuộc giao tranh quy ước, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa vẫn chưa có một thay đổi nào cả về chiến

lược, chiến thuật, hay tổ chức và vẫn chấp nhận giao tranh bằng những hình thái, những phương tiện của bốn năm trước: toàn thể chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đem máu, đem mạng ra mưu cầu phép lạ, đem xác ra dựng một thành trì bằng xương người, bằng thịt người, để ngăn chặn những sư đoàn cơ giới, những sư đoàn pháo binh Cộng sản. Công việc của vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội, của vị Tổng Tham Mưu Trưởng chỉ là theo dõi, đôn đốc, cổ xúy.

Ngày Đại tá Luồng đưa Lữ đoàn I Nhảy dù nhảy xuống Đồi Gió để từ đó tiến vào cứu viện An Lộc, thiết giáp Bắc Việt đã càn trên hầm chỉ huy của Chuẩn tướng Lê Văn Hưng, và bên trong thị trấn An Lộc, quân ta và quân địch đang đánh vùi trên đường phố, tạo thành một tình trạng "trộn độn" khiến Không quân không còn can thiệp được nữa. Mặc dù ít quân và thất thế, Sư đoàn 5 Bộ binh vẫn từ trong đánh ra và Lữ đoàn 1 Nhảy dù vẫn từ ngoài đánh vào, tạo thành hai cái gọng của một cây kềm nhỏ hơn vật bị kẹp chính giữa: ba sư đoàn Bắc Việt.

Một Tiểu đoàn của Lữ đoàn 1 Nhảy dù, Tiểu đoàn 6 đã bị tổn thất đến hơn nửa quân số. Trung đoàn 8 của Sư đoàn 5 cũng chôn một nửa chiến sĩ trong An Lộc. Nhưng cuối cùng, cái giá máu cao ngất ngưỡng, tinh thần hy sinh, sống chết với Đất Nước, và tài thiện chiến của binh sĩ vẫn giúp An Lộc đứng vững.

Quảng Trị và Kontum cũng đứng vững trong những bối cảnh và vì những lý do hoàn toàn giống như An Lộc: đơn thuần dựa trên giá trị chiến đấu của người lính và của đơn vị họ, và hoàn toàn trống vắng không có lấy một thuận lợi chiến thuật, chiến lược nào cả.

Bộ máy tuyên truyền của chính phủ, bộ máy độc nhất hoạt động tìm được ba tỉnh từ cho ba địa danh đẫm máu này: Quảng Trị ANH DŨNG, Kontum BẤT KHUẤT, và An Lộc KIÊU HÙNG. Một số bài hát, một số

khẩu hiệu cổ võ tinh thần chiến đấu của binh sĩ được phổ biến. Và chỉ có ngần đó.

Không ai buồn biết rằng chiến trường đã chuyển mình, địch đã thay đổi chiến thuật và tương quan giao tranh là mỗi chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đối diện ba tên lính Bắc Việt. Cũng không ai buồn thấy rằng tương quan giao tranh này là một điều nghịch lý vì tương quan lực lượng giữa toàn bộ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa và toàn bộ đạo quân xâm lược của Bắc Việt là chúng ta có một triệu, địch chỉ có 300 ngàn. Nếu vận nước còn thịnh thì chúng ta đã phải có được một chiến lược gia trong hàng tướng lĩnh khá đông đúc, khá xum xuê để vị này nhìn thấy điều nghịch lý và tìm cách đưa thêm 90% tiềm lực của quân đội xung trận, tạo thành lợi thế chiến lược mà Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng chỉ nhìn vào cái tư thế cơ động, chủ động của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa cũng đã không dám mơ tưởng đến một cuộc võ trang xâm lược. Nhưng vận nước đã suy. Chúng ta không có được vị tướng chiến lược gia đó. Miền Nam không tác chiến với khối óc của tướng lĩnh mà chỉ tác chiến với máu của binh sĩ.

Tuy vậy thêm một lần nữa máu của người lính đã tạo ra phép lạ: 12 sư đoàn Bắc Việt vấp ngã trước một lực lượng phòng thủ mà quân số chỉ bằng một phần ba lực lượng tấn công. Các cánh quân Bắc Việt "đút hơi" sau hai tháng công hãm không kết quả ba thị trấn Nam Việt.

"Đút hơi" là một hiện tượng chiến thuật tướng cũng cần nói qua. Đó là thành quả tối đa và cuối cùng mà một lực lượng tấn công có thể đạt tới. Điểm "đút hơi" được ấn định bởi tiềm năng quân sự của lực lượng tấn công, tiềm năng tiếp vận của hậu cần và tiềm năng phòng thủ của đối phương.

Ba trăm ngàn quân Bắc Việt đã đút hơi, đã không nhích thêm vào vòng đai phòng thủ được một tấc nào nữa. Sau điểm đút hơi, tột điểm của cuộc tấn công, lực lượng tấn công sẽ nằm trên triền xuống dốc: chỉ cần một

cái xô nhẹ là chúng lăn xuống vực thẳm.

Quân Đức Quốc Xã dứt hơi trước Stalingrad năm 1944; cuộc phản công của Nga phía đông và của Đồng Minh phía tây đã kết thúc chế độ và cuộc đời Hitler. Đại quân của Nã Phá Luân dứt hơi trước Mạc Tư Khoa, vị anh hùng Pháp trở thành thân bại danh liệt. Quân Bắc Hàn dứt hơi trước Phú Sơn; cuộc đổ bộ vào Nhân Xuyên của Tướng Mac Arthur đã đẩy chúng lui về đến tận sông Áp Lục, ranh giới Trung Cộng.

Năm 1972, nếu quý vị Tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa biết khai thác điểm dứt hơi của quân Bắc Việt và tạo cho chúng những tổn thất xứng đáng thì bọn lãnh tụ quân sự Bắc Việt đã không dám mon men tái diễn cái trò tấn công năm 1975.

Nhưng sau khi đánh bại chúng năm 1968, quý vị Tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa bình thản như những người ngoại cuộc, ngồi nhìn sự sụp đổ của chủ thuyết Johnson, và không thấy sự liên hệ giữa việc quân Mỹ rút lui và nhu cầu cải tổ quân đội để thích ứng với chiến trường quy ước và trảm những chỗ trống do sự ra đi của nửa triệu quân đồng minh tạo ra. Ngay cả sau khi đánh bại địch quân trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, sau khi đã đẩy chúng vào chỗ "dứt hơi" vì mức tổn thất lớn hơn khả năng tiếp vận, các Tướng lãnh của chúng ta lại vẫn bình thản để cho chúng yên ổn nghỉ xả hơi. Hai vụng về này không những làm chúng ta mất hai cơ hội thắng trận mà còn phung phí máu của chiến sĩ đã đổ ra rất nhiều để tạo nên hai chiến thắng khó khăn. Hai vụng về chiến thuật đó cũng đã nuôi dưỡng cái họa mất nước năm 1975.

*

* *

Thủ tướng Đức Eduard Leopold Von Bismarck nói: "Người đại chờ

kinh nghiệm bản thân, người khôn học kinh nghiệm lịch sử". Kinh nghiệm mất nước năm 1975 đối với chúng ta không chỉ là kinh nghiệm lịch sử mà còn là kinh nghiệm bản thân nữa.

Trong những năm 1968 và 1972 chúng ta đã không đạt được tới cái mức đại, chúng ta đã hững hờ để trôi mất những kinh nghiệm bản thân vô cùng quý báu mà chúng ta đã trả bằng những giá máu rất cao. Chúng ta và đồng bào ruột thịt của chúng ta tại quốc nội đang đau đớn gánh chịu cái hậu quả khủng khiếp của sự thờ ơ đó.

Mười hai năm lưu lạc, sống trong nỗi buồn lạnh nhạt quê người, trong nỗi sầu hoài hương, mà thời gian không làm suy giảm, mỗi người chúng ta đều đã thấm thía với bài học thất trận đắng cay.

Phạm Huấn viết quyển CUỘC TRIỆT THOÁI CAO NGUYÊN 1975 không sớm. Chúng ta có thể trách anh trễ nải trong việc mở rộng cánh cửa của ngôi trường quân sự cao nhất. Những tiết lộ của Phạm Huấn liên hệ đến diễn biến quân sự có tầm quan trọng quyết định đối với cuộc thất trận 1975. Ai cũng biết rằng chính CUỘC TRIỆT THOÁI CAO NGUYÊN đã tạo ra sự sụp đổ quân sự của miền Nam Việt Nam. Chúng ta có thể trách Phạm Huấn nếu chúng ta không tự trách thái độ thờ ơ của chính chúng ta đã không khuyến khích, không tạo môi trường thuận tiện cho việc viết và in tác phẩm, khiến những việc này thường có nghĩa là những hy sinh lớn của chính tác giả. Nhưng dù thiết thời, dù gặp bao nhiêu khó khăn, Phạm Huấn vẫn phải viết, phải ấn hành tác phẩm này. Đó là món nợ tinh thần của anh đối với Đất Nước, đối với Quân đội, và đối với riêng anh em đồng đội tại Quân khu II.

Tôi chỉ thành thật cầu mong sẽ có thật nhiều quân nhân viết thơ, viết báo thảo luận với tác giả về tác phẩm của anh.

Đó là niềm an ủi lớn nhất cho người cầm bút và đó cũng còn là chỉ

đấu khích lệ cho thấy là chúng ta còn tha thiết muốn học hỏi kinh nghiệm 1975, còn tha thiết muốn rút từ kinh nghiệm đau thương này một binh thuyết có khả năng giúp chúng ta khôi phục quốc gia, giải phóng đồng bào.

Là một người lính, tôi trang trọng cảm ơn Phạm Huân đã góp sử liệu để viết trang sử đau thương nhất, đen tối nhất của Đất Nước.

Honolulu, ngày 1 tháng Hai năm 1987

NGUYỄN ĐẠT THỊNH

II

TƯỚNG PHẠM VĂN PHÚ TỦ LỆNH QUÂN ĐOÀN II & CHIẾN TRƯỞNG CAO NGUYÊN VÀ TÁC GIẢ

NGƯỜI MANG THEO GIÔNG BÃO

Đầu tháng 11, 1974, Tướng Phạm Văn Phú được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân đoàn II và Chiến trường Cao nguyên. Lúc đó, tôi là thành viên của Ban Liên hợp Quân sự 4 Bên và 2 Bên, đặc trách về báo chí.

Tại bàn hội nghị với Cộng sản, sau vấn đề tù binh Mỹ được trao trả, hoàn tất chỉ còn là những buổi bàn cãi "cù nhầy", chán nản. Do đó, khi Tướng Phú vào Tân Sơn Nhất gặp tôi, nhắc lại lời hứa mà tôi hứa với ông hai năm trước, tôi đã nhận lời ngay.

Ngày hai năm trước đó, tôi hứa với Tướng Phú: "Khi nào ông được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân đoàn, tôi sẽ đi theo, viết cho ông một cuốn sách... để đời". Lời hứa này, để đáp lại cái tình tri kỷ mà Tướng Phú đã dành cho tôi từ nhiều năm nay.

Thời còn "hàn vi", khi còn là Thiếu tá Liên đoàn trưởng Liên đoàn Quan sát 77 Lực lượng Đặc biệt, trong một chiến thắng mở đầu cho cuộc đời võ nghiệp sau này - chiến thắng Suối Đá, Tây Ninh, 1964 - Tướng Phú được nhóm Phóng viên Quân đội viết nhiều về ông và đơn vị Mũ Xanh anh

hùng, và làm tan biến đi cái mặc cảm đau đớn của một tù binh từ Điện Biên Phủ trở về.

Khi trở thành "Tướng Mặt Trận" với mọi cấp bậc từ trung úy đến thiếu tướng đều được vinh thăng ngoài chiến trường, Tướng Phú vẫn nhắc lại "món nợ" này với anh em.

Riêng tôi, với cuộc đời võ nghiệp "phú quý giạt lùi", Tướng Phú thường ngó ý muốn giúp đỡ; nên từ những khi còn là Tư lệnh Lực lượng Đặc biệt, rồi Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh, và cuối cùng là Chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Quang Trung, Tướng Phú đều muốn tôi về làm việc với ông.

Chính cái cảm tình đặc biệt này đã thúc đẩy tôi có những hoạt động tích cực, làm sao để Tướng Phú thoát khỏi Trung tâm Huấn luyện Quang Trung, cái "lò đốt... Tướng", guồng máy tham nhũng khổng lồ nhất của Quân lực Việt Nam Cộng Hoà!

Tôi được biết rất rõ ràng về ngôi sao đầu tiên gắn trên cổ áo của Tướng Phú do cụ Trần Văn Hương kể lại. Hồi đó, Tướng Phú là Tư lệnh Biệt khu 44. Trong một cuộc đột kích chớp nhoáng, các lực lượng của biệt khu đã phá tan một sào huyệt quan trọng của Cộng sản Bắc Việt bên Cam-Bốt, tịch thu một số súng khổng lồ và những tài liệu giá trị.

Các cấp lãnh đạo đã bay xuống Cao Lãnh, Kiến Phong, khai mạc cuộc triển lãm chiến thắng, và gắn huy chương tướng thưởng các chiến sĩ hữu công. Cụ Trần Văn Hương lúc đó là Thủ tướng. Sau khi đã tham khảo với các Tướng Trần Thiện Khiêm, Tổng trưởng Quốc Phòng, Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hoà, cụ Hương phải đề nghị đến lần thứ 3 Tổng thống Thiệu mới lấy ngôi sao từ cổ áo của Chuẩn tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư lệnh Sư đoàn 21 Bộ binh gắn cho Tướng Phú!

Khi tôi mang vấn đề của Tướng Phú trình bày với "những người anh lớn" trong nghề làm báo, là các anh Nguyễn Kiên Giang, Nguyễn Đạt Thịnh; chúng tôi đều đồng ý là tới gặp "người thầy cũ" là cụ Trần Văn Hương, Phó Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa.

Sự thật, trong nhóm chúng tôi chỉ có "Anh Hai" Nguyễn Kiên Giang là học trò của Cụ Hương như các ông Lê Công Chất, Nguyễn Thạch Vân. Còn anh Nguyễn Đạt Thịnh và tôi là do cụ Hương trong một lúc thân mật đã tặng cho danh xưng "học trò" nói trên.

Mối thâm tình giữa cụ Hương và nhóm Phóng viên Quân đội chúng tôi cũng khá đặc biệt. Năm 1970, trong cuộc bầu cử Thượng viện, vì uy tín của hai vị "lão trượng" của miền Nam là các cụ Trần Văn Hương, Nguyễn Văn Huyền, tờ báo Điều Hâu và nhóm Phóng viên Quân đội chúng tôi đã vận động tối đa cho việc đắc cử của Liên danh Bông Huệ.

Sau khi đắc cử, cứ mỗi tháng cụ Hương trích ra 36 ngàn đồng tiền lương nghị sĩ, chống "ba-toong" đến tòa báo tặng cho một gia đình tử sĩ trong chương trình "Điều Hâu mớm con" và tất cả những đề nghị có lợi cho quân đội, hai cụ Hương và Huyền đều lên tiếng bênh vực tối đa.

Đặc biệt nhất là trong cuộc hành quân Hạ Lào 1971, do sự tiết lộ của chúng tôi, cụ Trần Văn Hương đã tổ chức cuộc họp báo tại tư gia, tố cáo Mỹ không yểm trợ đúng mức về không quân, đã làm thiệt hại nặng nề lực lượng chính yếu của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Trong đó gồm các Sư đoàn Nhảy dù, Thủy quân lục chiến, Sư đoàn 1 Bộ binh, các Lực lượng Biệt động quân, Thiết giáp...

Giữa năm 1974, trong một bữa ăn tối ngoài vườn của dinh Phó Tổng thống, khi nghe chúng tôi trình bày về trường hợp của Tướng Phú, cụ Hương nói ngay:

- Tôi đã được ủy ban Bài trừ Tham nhũng báo cáo về Tướng Phú.

Anh ta có thể bị hư, vì bà vợ đã bắt đầu tai tiếng về... tiền bạc. Các em yên tâm, tôi biết anh ta là một Tướng lĩnh chỉ huy ngoài mặt trận đã làm từ Đại đội trưởng đến Sư đoàn trưởng. Tôi sẽ trình Tổng thống cho anh ta chỉ huy Quân đoàn. Để ở mãi cái ổ tham nhũng đó (Trung tâm Huấn luyện Quang Trung) sẽ uổng phí đi!

Liên sau đó cụ Hương đã đề nghị cho Tướng Phú, và khoảng 4 tháng sau thì được Tổng thống Thiệu chấp thuận. Nhưng tại sao Tướng Phú lại lên Quân Đoàn II mà không phải là Quân Đoàn IV như cụ Hương mong muốn?

Quân đoàn II của miền cao nguyên với những dãy núi trùng điệp, nối liền ba biên giới Việt-Miên-Lào, với một lãnh thổ rộng lớn, gồm hai mặt trận Cao nguyên và Duyên hải là một vùng trách nhiệm nặng nề nhất trong bốn quân khu. Tư lệnh Quân đoàn II, ngay từ khi lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa được phân chia thành bốn vùng chiến thuật đã được mệnh danh là "Tướng Biên Khu".

Những vị Tư lệnh Quân đoàn tiên nhiệm có uy quyền và tài ba phải nói đến các Tướng Đỗ Cao Trí, Nguyễn Khánh, Vĩnh Lộc. Các Tướng "thân bại danh liệt" khi lên chỉ huy Quân đoàn II là các Tướng Lữ Lan, Ngô Dzu.

Tướng Phú, một "Tướng Mặt Trận", nổi tiếng khi còn là Tư lệnh Biệt khu 44, có những liên lạc tốt đẹp với các giáo phái Hòa Hảo và khối người Việt gốc Miên tại Vùng IV.

Ông cũng là Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh tham dự cuộc hành quân Hạ Lào và trấn giữ mặt trận tây nam Huế, thuộc Quân khu I trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Sư đoàn 1 Bộ binh là một trong những đại đơn vị tinh nhuệ, vũ bão hàng đầu của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, được báo chí ngoại quốc ca ngợi như Sư đoàn Số 1 "The Big Red 1" của Mỹ, và có thể so sánh với

bất cứ một sư đoàn nổi danh nào trên thế giới trong trận Đại chiến II.

Tướng Phú có thể là một Tư lệnh tài ba khi chỉ huy Quân đoàn IV hoặc Quân đoàn I. Nhưng với Quân đoàn II, một chiến trường hoàn toàn xa lạ với Tướng Phú, một chiến trường chắc chắn sẽ mở đầu một trận đánh quyết định của hai miền Nam-Bắc, liệu Tướng Phú có đúng với kích thước của một "Tướng Biên Khu" trong giai đoạn khốc liệt nhất của Đất Nước hay không ?

Tôi nhận lời đi với Tướng Phú lên Quân đoàn II - và cũng là lần đầu tiên trong 20 năm quân ngũ "đi theo" một Ông Tướng - vì muốn giữ một lời hứa, nhưng với những giao động, hoang mang tột độ. Tôi biết trước được cái giá mà Tướng Phú phải trả sau này - Quyết định của Tổng thống Thiệu bổ nhiệm Tướng Phú làm Tư lệnh Quân đoàn II là một sự trừng phạt ác độc, nghiệt ngã. Nhưng không ngờ đó cũng chính là một tai biến, một đại họa cho Đất Nước!

Tướng Phú được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân đoàn, nhưng không phải là do ý muốn của Tổng thống Thiệu, hay đề nghị của Đại tướng Cao Văn Viên, mà do đề nghị và áp lực của Phó Tổng thống Trần Văn Hương - do đó - ông không có một uy tín nào đối với dinh Độc Lập và Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Đại tướng Viên đã không tiếp Tướng Phú khi ông tới chào từ giã trước khi rời Sài Gòn.

Ngày 5 tháng 11, 1974 Tướng Phú bay lên Pleiku. Đó là một ngày giông bão. Ngồi bên cạnh Tướng Phú, nhìn nét mặt đăm chiêu khắc khổ, tôi thấy được sự cô đơn và lo lắng của ông.

Chiếc C-47 rộng thênh thang. Đây là chiếc máy bay chỉ huy của Tư lệnh Không quân Việt Nam mà người Chánh Văn Phòng Tướng Phú "ngoại giao" mượn để ông sử dụng hôm nay. Trên phi cơ, ngoài phi hành đoàn, chỉ vòn vẹn có bốn người: Tướng Phú, Thiếu tá Vinh, Chánh Văn

phòng, Thiếu tá Hóa, Sĩ quan Tùy viên, và tôi đi theo với tư cách một Phóng viên Báo chí.

Gần tới không phận Pleiku, trời mưa cực lớn. Giông bão. Chiếc Dakota 2 động cơ quay cuồng hơn một tiếng đồng hồ trong mây đen dày đặc, không thể nào đáp xuống được.

Tướng Phú, Vinh và tôi thỉnh thoảng bắt gặp những cái nhìn của nhau, nhưng không ai nói một lời nào. Cái im lặng đến ngọt ngào, ngột thở.

Chuỗi thời gian của 20 năm võ nghiệp của 3 chúng tôi có khá nhiều kỷ niệm. Có những lúc thân thích như anh em ruột thịt. Tướng Phú theo học trường Võ bị Đà Lạt trước Vinh và tôi khoảng 3, 4 năm. Cả 3 chúng tôi đều đeo cánh dù trên ngực áo.

Tôi biết Tướng Phú qua Vinh. Và đã viết bài báo đầu tiên về ông sau chiến thắng Suối Đá của Liên đoàn 77. Hồi đó, Vinh phục vụ trong "Đoàn quân Mũ Xanh" Lực lượng Đặc biệt do Tướng Phú chỉ huy.

Tự nhiên tôi thoáng nghĩ, nếu đây là một chuyến bay định mệnh, chuyến bay kết thúc đời những người yêu võ nghiệp như Tướng Phú, như Vinh thì quả thật oan trái, phi lý!

Nhưng rồi những nguy hiểm cũng qua đi. Lúc gần hết xăng, bằng những kinh nghiệm nghề nghiệp, người phi công đã lái con tàu của mình thoát khỏi những tầng mây đen. Qua khung kính mù mịt, tôi thấy được mòm núi nhỏ gần phi trường Cù Hanh. Mọi người thở phào nhẹ nhõm.

Phi cơ càng xuống thấp, mòm núi càng gần lại và thấy rõ hơn. Đó là "hình dáng" cái phần kín đáo và đẹp nhất của người đàn bà.

Thời tiết xấu, xuống phi trường Cù Hanh, Pleiku - theo kinh nghiệm của các pi-lót vận tải - cần phải thấy "mòm" núi đó mới thấy... yêu đời, và đáp an toàn được.

Khi chiếc C-47 chở Tướng phú tiến vào chỗ đậu, tiếng vỗ tay vang dội. Trời vẫn mưa như trút nước.

Đi trong đám đông những anh em mặc đồ trận sũng nước, tôi nghe được tiếng nói của một người quân nhân cao niên: "Đó là người mang... giông bão tới!"

CHIẾN TRƯỜNG CAO NGUYÊN VÀ MỘT TRẬN ĐÁNH QUYẾT ĐỊNH

"Hành trang" của tôi mang theo lên Pleiku với Tướng Phú là một số ý kiến, những đề nghị của các bậc đàn anh, những chuyên viên về quân sự, đối với hai mặt trận Cao nguyên và Duyên hải của Vùng II Chiến thuật.

Thêm vào đó là một số "vốn liếng" mà tôi đã thu thập được của tất cả các vị Tư lệnh Quân đoàn tiền nhiệm, của những cấp chỉ huy tài ba sau các chiến thắng lớn mà tôi đã có dịp gặp gỡ và phỏng vấn họ. Tôi say mê nghiên cứu về chiến trường Cao nguyên, về mặt trận B3, Vùng 3 Biên giới ngay từ những năm đầu của thập niên 1960, khi Bắc quân khởi sự đánh cấp trung đoàn.

Những địa danh Banhet, Dak Sut, Dak Peck, Dak Rotah, Pleime, Đức Cơ... tôi nhớ như nhớ tên những người tình.

Nhưng ngay từ hôm lễ bàn giao Quân đoàn, tôi đã biết được cái vị trí của mình trong lãnh vực quân sự, với Tướng Phú. Bằng những chữ nghĩa học hỏi, "vay mượn" của anh em, tôi đã viết bài diễn văn "bốc lửa" để Tướng Phú đáp lễ vị cựu Tư lệnh Quân đoàn và hiệu thị quân sĩ.

Trong Thế chiến II, Tướng Rommel của Đức so sánh trận chiến trên sa mạc là một cuộc chiến trên biển. Tôi cũng muốn Tướng Phú so sánh trận chiến giữa "đại dương rừng núi" vùng cao nguyên là một cuộc chiến trên biển. Những chiếc "tàu chiến" của địch mà quân ta phải đánh đắm là các đơn vị chính qui Cộng sản Bắc Việt.

Nhưng Tướng Phú đã không nói lên điều đó. Ông cầm trên tay bài diễn văn, nhưng đọc theo ý riêng, nên chẳng nói lên cái giá trị và mục đích của người viết!

Sau khi nhậm chức, bộ Tham mưu của Tướng Phú gần như vẫn giữ nguyên thành phần cũ, ngoài chức vụ Tham mưu trưởng Quân đoàn.

Tham mưu trưởng Quân đoàn cũ là Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm được nâng lên làm Tư lệnh phó Hành quân. Vị Tham mưu trưởng mới là Đại tá Lê Khắc Lý, do Bộ Tổng Tham mưu từ Sài Gòn bổ nhiệm.

Phương vị của tôi cũng được Tướng Phú quyết định. Tôi đã từ chối mọi chức vụ lợi lộc mà ông muốn dành cho tôi. Đổi lại ông đồng ý cho tôi những tự do, trong một cái giao ước nho nhỏ. Và tôi đã trở thành Sĩ quan Báo chí của Quân đoàn II, nhưng thuộc quyền chỉ huy trực tiếp của vị Tư lệnh Quân đoàn.

Cái "giao ước" nho nhỏ giữa tôi và Tướng Phú là, tôi sẽ có mặt trên mọi chuyến bay với ông để thu thập, ghi nhận mọi diễn biến, và những quyết định quan trọng. Tôi cũng là một "chuyên viên" trong lãnh vực báo chí và chính trị khi ông cần đến. Ngoài ra, tôi được hoàn toàn tự do trong nghề nghiệp, và cuộc sống riêng tư những khi bay về Sài Gòn, hay ở Nha Trang, Đà Lạt...

Tướng Phú đối xử với tôi rất đặc biệt. Ông cho mở cửa văn phòng của viên Cố vấn trưởng Quân đoàn tử nạn năm 1972, vẫn không được sử dụng từ hồi đó, để tôi làm việc sát cánh cạnh ông.

Bốn tháng lên Pleiku, trước trận đánh mở đầu quyết định trên chiến trường Cao nguyên - ngày 10 tháng 3, 1975 tại Ban Mê Thuột - gần như ngày nào tôi cũng bay với ông. Một tuần ít nhất bay sáu ngày. Bay liên miên. Hết Kontum, Quảng Đức, Phú Bổn, Ban Mê Thuột, lại về mặt trận Duyên hải Bình Định, Phú Yên, Phan Thiết...

Tướng Phú không có cái oai và những hào nhoáng bề ngoài của những Tư lệnh Quân đoàn khác. Ông đi bay trên chiếc trực thăng chỉ huy, chỉ có người Sĩ quan Tùy viên, Thiếu tá Hóa, và tôi. Trên phi cơ, ông làm việc với Hóa, liên lạc và ra lệnh cho các cấp chỉ huy dưới đất qua chiếc máy truyền tin.

Một lần từ Phú Bổn bay sang Lâm Đồng, qua những sào huyệt Việt cộng, trực thăng trực trặc, phải đáp xuống giữa rừng, chúng tôi đã tưởng rằng bị gặp nạn. Và cũng từ hôm đó, Vinh "võ trang" cho tôi đầy người. Chiếc mũ sắt, khẩu AR-18 với hai băng đạn cong quấn chặt làm một, những trái lựu đạn "mini", và chiếc áo đi rừng của Lực lượng Đặc biệt. "Quân trang và vũ khí" của Vinh đều được giao cho tôi. Ngoài nhiệm vụ của một nhà báo, tôi còn trở thành... cận vệ của Tướng Phú. Tôi chấp nhận điều đó để bảo vệ cho chính mình nữa.

Trong tháng đầu tiên gần Tướng Phú, tôi khám phá ra một điều là, ông thích những giây phút đơn độc. Những quyết định quan trọng của ông cũng là những quyết định không chia sẻ, và không muốn tham khảo ý kiến với những cấp chỉ huy khác.

Trong các Tư lệnh Sư đoàn, các Tiểu khu trưởng, Đơn vị trưởng chỉ có một người được Tướng Phú tin tưởng nhất là Đại tá Phạm Duy Tất. Đại tá Tất, Chỉ huy trưởng Biệt động quân, Quân khu II trước kia cũng ở Lực lượng Đặc biệt được ông "nâng" lên là Tư lệnh mặt trận Kontum.

Chiến trường Cao nguyên là một chiến trường đa diện. Chắc chắn

sẽ xảy ra một trận đánh quyết định giữa hai miền Nam Bắc. Nhưng trận đánh quyết định sẽ xảy ra tại đâu ?

Cho đến giữa tháng 2, 1975 với Tướng Phú và Tư lệnh mặt trận Kontum, trận đánh quyết định này sẽ xảy ra ở Pleiku, nơi đặt bản doanh của Bộ Tư lệnh Quân đoàn II.

Do đó, lực lượng yểm trợ chính yếu của Quân đoàn gồm các đơn vị chiến xa nặng M-48, đại bác 175 ly... đều tập trung tại Pleiku. Tướng Phú quan tâm nhiều đến đoạn đường nối liền Kontum Pleiku trên Quốc lộ 14. Ông ra lệnh cho Đại tá Tất bằng mọi giá phải giữ trục lộ này không để bị cắt. Trường hợp Pleiku bị đánh nặng, các Liên đoàn Biệt động quân từ bắc Kontum có thể về tiếp viện nhanh chóng. Thà mất Kontum chứ không thể để mất Pleiku.

Sự tiên đoán của Tướng Phú được các Tư lệnh mặt trận Kontum, và Tư lệnh mặt trận nam Pleiku do chính Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh chỉ huy tán đồng ngay.

Trước đó, do đề nghị và ý kiến của hai người, tôi đã cố gắng lung lạc cái định kiến này của Tướng Phú, nhưng không thành công.

Đầu tháng 12, 1974 tôi có dịp về Sài Gòn, gặp lại Đại tá Chu Văn Sáng, cựu Giám đốc An ninh Quân đội Vùng II, một người khá nổi tiếng trong lãnh vực an ninh tình báo và nghiên cứu về tử vi tướng số. Đại tá Sáng nói với tôi:

- Hôm lên chào "Anh Tướng" về Sài Gòn, "moi" thấy bàn ghế trong phòng Tư lệnh thay đổi, kê loạn lên.

- Chuyện đó có gì quan trọng không ?

- Có chứ! Như vậy có nghĩa là Tướng Phú cũng tin về địa lý, tướng số.

Ngừng lại giây lát, Đại tá Sáng nói tiếp:

- Anh Phú "tướng... mèo dùm" vì vậy số anh ấy bốc. Nhưng có hai điều "moi" muốn nói với "toi". Cái toà nhà sát biển ở Nha Trang, hiện là cư xá vắng lai của sĩ quan cao cấp (trụ sở Phụ nữ Liên đới của bà Ngô Đình Nhu trước kia), "toi" khuyên anh ấy không nên ở. Vào căn nhà đó, hoặc anh ấy sẽ "bốc" hơn nữa, hoặc sẽ là một đại họa cho Đất Nước (!).

- Còn điều thứ hai ?

- Nói anh ấy cẩn thận Ban Mê Thuột, vì theo các thầy địa lý người Tàu cho biết, đó là cái "tam tinh" của Việt Nam!

Tôi không tin nhiều về tử vi, tướng số, nhưng khi Đại tá Sáng nói điều thứ hai về Ban Mê Thuột làm tôi suy nghĩ. Trong vòng một tháng nay, đây là lần thứ nhì tôi đã nghe một "tiết lộ" tương tự như vậy.

Cách đây mấy năm, tôi được quen một nhân vật khá đặc biệt của miền Nam, người có biệt hiệu là ông Năm Huỳnh. Ông trên 60 tuổi, nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Tính tình bộc trực, thẳng thắn. Ông Năm Huỳnh và tôi cùng hợp nhau về hai phương diện: uống rượu, đánh mạt chược. Ông coi tôi như con. Tôi thích nhất là lúc ông nhìn vào chai rượu quý, rồi giơ ly lên nói:

- Nào, hai "đứa" mình uống. Còn đủ hai ly nữa, khỏi lo!

Những "canh" mạt chược gia đình, đánh lấy vui với các con ông và tôi, nhưng ông luôn luôn "ăn thua đủ"! Theo lời bà Năm kể lại, tính ông vẫn hiếu thắng và nhiều đam mê như hồi còn trẻ. Đã quyết định làm cái gì sẽ theo đuổi đến cùng. Và không chịu thua ai!

Hơn hai năm nay, ông đi Nha Trang, Ban Mê Thuột khai thác gỗ để xuất cảng sang Nhật. Tôi được biết ông không thành công trong dịch vụ này. Ông đã "đốt" mấy chục triệu bạc mà chưa có một chuyến gỗ nào chở đi ngoại quốc! Tiền bỏ ra khai thác gỗ phần lớn là của người em bà Năm, một tỷ phú. Một số khác của bạn bè, trong đó có cả... một linh mục.

Bà Năm Huỳnh là một người đàn bà, một người vợ, một người mẹ tuyệt vời. Bà biết ông không thành công nhưng vẫn chịu đựng, không hề ta thán. Bà buôn bán tần tảo, lo đủ cho các con và dành dụm tiền hàng tháng trả dần cho người em. Số tiền "trả nợ" chỉ là tượng trưng, nhưng bà đã trả với tất cả số tiền bà có!

Ngay hôm đầu từ Pleiku về Nha Trang, tôi khám phá ra ông Năm Huỳnh không khai thác gỗ. Ông liên lạc với Việt cộng, và tôi đến gặp ông ngay. Đón tôi tại cửa của căn nhà trên một đường phố nhỏ tại Nha Trang, ông Năm Huỳnh bắt tay tôi:

- Được điện thoại của cháu, bác gọi cho nhà hàng Frégate. Hôm nay có cua lột, mình ra đó "nhậu" chơi

-

Tại nhà hàng Frégate Nha Trang hôm ấy, ngay sau khi uống hợp rượu đầu tiên, ông lại nói trước:

- Nghe cháu đi với Tướng Phú, bác hơi ngạc nhiên. Và biết thế nào cháu cũng tới gặp bác!

-

Ông cười, vẫn nụ cười dễ dãi, hề hà rồi nói tiếp:

- "Chuyện" cháu tới định nói với bác, bác đã biết, và chấm dứt rồi. Cháu khỏi lo!

Tôi hỏi:

- "Chuyện" bác làm, thành công hay thất bại ?

Ông Năm Huỳnh suy nghĩ giây lâu rồi buồn rầu nói:

- Bác thấy thất bại nhiều hơn thành công!

-

Chuyện mà ông Năm Huỳnh làm từ 3 năm nay, và tôi nghĩ cũng là "cố gắng đóng góp" cuối cùng của đời ông. Đó là vào khu gặp lại "những

người anh em cũ", những cán bộ cao cấp Cộng sản, mà một thời ông đã ra bưng với họ.

Với cái nhìn xa rộng, khi Tổng thống Mỹ Nixon đi Tàu vào năm 1972, ông biết chắc chắn sẽ có một giải pháp cho Việt Nam. "Nếu người Việt Nam không ngồi lại "nói chuyện" được với nhau, để lo phát triển kinh tế, sẽ thua xa các nước láng giềng. Chiến tranh kéo dài, dân chúng nghèo đói, khổ sở..."

Tôi không thích chuyện ông Năm Huỳnh làm, nhưng tôi đã không đào sâu thêm vấn đề này nữa. Trước lúc ra về, tự nhiên ông nắm tay tôi thật lâu, dặn dò:

- Ông Phú (Tướng Phú) yếu tướng, cháu đi với ông nên cẩn thận và cố vấn ông, đừng để mất Ban Mê Thuột. Vì Ban Mê Thuột là một thành phố quan trọng, được coi như thủ phủ của miền cao nguyên. Từ lâu, Việt cộng đã muốn đánh chiếm thành phố này để làm một căn cứ chiến lược...

-

Nhận định này rất phù hợp với những sự việc xảy ra hồi Tết Mậu Thân. Ban Mê Thuột cũng như Nha Trang, là hai thành phố đầu tiên bị Cộng quân tấn công ngay sau giao thừa, trong cuộc tổng công kích của Việt cộng năm 1968. Địch đã sử dụng một lực lượng hùng hậu với quân số gần 4,000 để tấn chiếm một phần thị xã Ban Mê Thuột trong đêm 30 Tết, gồm toàn bộ Trung đoàn 33 Chủ lực miền, với 4 tiểu đoàn cơ hữu và đơn vị súng nặng, các tiểu đoàn cơ động tỉnh, và những đại đội địa phương. Trận chiến tại Ban Mê Thuột kéo dài nhiều ngày. Trung đoàn 45 Bộ binh, Thiết đoàn 8 Kỵ binh, các đơn vị Biệt động quân, Thám kích, Trinh sát, Địa phương quân của Khu 23 Chiến thuật đã tiêu diệt hơn 900 Việt cộng, bắt sống 143, trong 7 ngày đầu. Nhưng chúng vẫn không rời bỏ trận địa vì đã được lệnh phải chiếm Ban Mê Thuột với bất cứ giá nào.

Cũng vì vậy, sau khi gặp Đại tá Sáng ở Sài Gòn, tôi quyết định nói điều này (vụ giữ Ban Mê Thuột) với Tướng Phú. Trong một bữa ăn tối với ông tại Pleiku, tôi mang vấn đề ra trình bày một cách khéo léo. Tôi không tiên đoán về một trận đánh quyết định sẽ xảy ra ở đâu. Tôi chỉ nhắc lại những nhận định về chiến trường Cao nguyên của các nhà báo lớn, những chuyên viên nghiên cứu về quân sự và cộng sản như Hà Thượng Nhân, Nguyễn Đạt Thịnh. Những diễn biến tại hội nghị với Cộng sản gần hai năm mà tôi được tham dự và ghi nhận hầu hết những buổi họp chính.

Chắc chắn Cộng sản Bắc Việt sẽ đánh chiếm một thị trấn quan trọng miền cao nguyên hoặc biên giới để làm thủ đô cho Mặt trận Giải phóng miền Nam.

Thị trấn quan trọng này, theo tôi nghĩ sẽ không phải là An Lộc, Kontum hay Quảng Đức. Nhưng nếu Cộng sản đánh chiếm Pleiku sẽ bất lợi cho chúng. Vì địa thế trống trải, phía ta có ưu thế về không quân. Ngoài ra, tình báo địch cũng biết rất rõ ràng là chiến xa, pháo binh nặng của Quân đoàn đều tập trung tại đây.

Nghe tôi trình bày, Tướng Phú không nói gì cả. Tôi hiểu được cái giá trị về những ý kiến của mình đối với các quyết định đã có của ông.

III

MẶT TRẬN BAN MÊ THUỘT VÀ MỘT TRẬN ĐÁNH QUYẾT ĐỊNH

TƯỚNG PHẠM VĂN PHÚ

TẠI BAN MÊ THUẬT

Ngày 9 tháng 3, 1975.

Đó là một ngày Chúa Nhật. Sau bốn ngày tại mặt trận Bình Định, mãi tối mịt hôm trước chúng tôi mới về tới Nha Trang. Và chúng tôi vừa chết hụt khi chiếc trực thăng hầu như mất thăng bằng trong những cơn lốc xoáy, lúc bay ngang qua Vũng Rô gần Tuy Hòa.

Khi chuông điện thoại reo lên, nhìn đồng hồ mới 8 giờ sáng, mắt tôi cay xè và thật khó chịu. Giọng nói quen thuộc của Tân, một Sĩ quan Tùy viên khác ở Nha Trang, và cũng là em vợ Tướng Phú vang lên từ đầu giây bên kia:

- Ông Tướng mời anh vào bay gấp!

Ngừng lại một giây, Tân nói tiếp:

- Nhưng ông ấy mới chuẩn bị ăn sáng. Chờ 15 phút nữa anh ra thẳng phi trường, tôi lái xe về cho. Ông Tướng bay C-47, tàu bay đậu ở khu VIP bên dân sự!

Và Tân cúp máy.

Tôi linh cảm thấy một chuyện gì quan trọng sắp sửa xảy ra. Tình hình quân sự tại chiến trường Cao nguyên sau khi Phước Long mất thật nghiêm trọng. Các Quốc lộ huyết mạch 19, 21 nối liền Cao nguyên và Duyên hải đã bị cắt nhiều đoạn. Tỉnh Quảng Đức đang bị đe dọa nặng. Tại mặt trận Bình Định, các đơn vị của Sư đoàn 22 Bộ binh gần như quần thảo hàng ngày với Sư đoàn 3 Sao Vàng của Cộng sản Bắc Việt. Mặt trận nam Pleiku, Bộ Tư lệnh Hành quân của Sư đoàn 23 Bộ binh bị pháo liên miên.

Nghe tiếng sóng biển, nhìn qua cửa sổ của chiếc trailer, tôi thấy chân trời xa tít, và nắng lên thật đẹp. Tôi bước ra ngoài. Trước khi lái xe ra phi trường, tôi đã để ra giây phút nhìn cái trailer nằm sát biển Nha Trang, vì tự nhiên linh cảm rằng sẽ chẳng bao giờ trở lại đây nữa. Cái trailer, hay đúng hơn là nơi nghỉ mát của một viên Cố vấn Mỹ trước kia, ông Tướng Tư lệnh phó đặc trách bình định phát triển, ông Tỉnh trưởng Khánh Hòa đều muốn nhận làm của riêng mình. Nhưng Tướng Phú đã cho tôi "mượn" dùng làm nơi tạm trú mỗi lần ghé Nha Trang.

8 giờ 40 sáng, chiếc C-47 từ bãi đậu VIP phía dân sự phi trường Nha Trang tiến ra phi đạo. Đây là chiếc máy bay chỉ huy của Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Mỗi năm cứ mùa mưa đến, ông cho biệt phái chiếc Dakota 2 động cơ này lên cho Tư lệnh Quân đoàn II sử dụng. Bởi vì chiến trường Quân khu II gồm 2 mặt trận cao nguyên và duyên hải; thời tiết luôn xấu và sương mù. Những khi khẩn cấp nếu sử dụng trực thăng hoặc loại phi cơ nhỏ trên những chặng đường dài Pleiku, Phan Thiết, Bình Định phải bay rất lâu và nguy hiểm.

Lúc phi cơ sắp sửa cất cánh, Tướng Phú nói với tôi:

- Hôm nay mình lên Ban Mê Thuột. Quận Đức Lập, Quảng Đức hiện đang bị pháo rất nặng, có thể bị mất...

Và ông hỏi Hóa, Sĩ quan Tùy viên, về cái lệnh mời Chuẩn tướng Lê

Trung Tướng, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, hiện là Tư lệnh mặt trận nam Pleiku, và Đại tá Nghìn, Tỉnh trưởng Quảng Đức về Ban Mê Thuột họp sáng nay.

Nhìn vẻ mặt đăm chiêu, nghiêm trọng của Tướng Phú, tôi biết rằng Ban Mê Thuột sẽ vô cùng nguy ngập, nếu Đức Lập và Quảng Đức mất.

Tháng trước trong một buổi họp với Tư lệnh mặt trận nam Pleiku, sau khi xếp đặt ưu tiên cho từng mặt trận, Tướng Phú đã ra lệnh cho Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 Bộ binh về Ban Mê Thuột chỉ huy, và tăng cường thêm cho Ban Mê Thuột một đơn vị pháo binh 155 ly.

9 giờ 45 phút Tướng Phú tới phi trường Phụng Dực.

Sau những cái bắt tay vội vã, ông cùng với Chuẩn tướng Lê Trung Tường và Đại tá Nguyễn Công Luật, Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột về Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh.

Khi đoàn xe đi ngang qua dinh Tỉnh trưởng, thấy một số sĩ quan mặc đồ trắng đánh tennis, Tướng Phú tỏ vẻ khó chịu, và ngay lập tức ra lệnh cấm trại 100%. Tới Bộ Tư lệnh Sư đoàn, ông hối hả bước vào Trung tâm Hành quân.

Tình hình Đức Lập lúc này vô cùng nguy ngập. Các đồn phụ đã bị "bứt". Chi khu bị pháo từ 6 giờ sáng, và quân chính qui Cộng sản Bắc Việt đánh "trận địa chiến", và đánh ban ngày. Tiểu đoàn Địa phương quân đóng tại Núi Lửa cách Đức Lập 9 cây số bị địch tràn ngập sau một trận đánh đẫm máu. Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng và một số cấp chỉ huy khác bị Việt cộng sát hại.

Tướng Phú bốc máy liên hợp và liên lạc thẳng với Trung tá Nguyễn Cao Vực, Quận trưởng Đức Lập. Ông được báo cáo Trung tá Quận trưởng đã bị thương, hiện ở ngoài chỉ huy và điều khiển những khẩu đại bác 105 ly bắn trực xạ vào Cộng quân.

Đúng 10 giờ 30 phút sáng, quận Đức Lập biến thành biển lửa. Từ 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều ngày 9 tháng 3, 1975, Tướng Phú họp với Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, các Tiểu khu trưởng Ban Mê Thuột và Quảng Đức để duyệt xét tình hình các mặt trận.

Sau khi chấp thuận những đề nghị của các giới chức liên hệ và cho những chỉ thị cần thiết, ông ra lệnh cho Đại tá Nghìn, Tỉnh trưởng Quảng Đức bay về trước. Tại Ban Mê Thuột, để cho có sự thống nhất chỉ huy, Tướng Phú bổ nhiệm Đại tá Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 làm Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột.

Các Tư lệnh mặt trận phải ra lệnh đôn đốc các đơn vị chuẩn bị và sẵn sàng chiến đấu trong 2, 3 tháng liên tiếp; tổ chức những cuộc hành quân xa ngoài thị xã và vị trí phòng thủ.

Kho xăng, kho đạn phải được phân tán, đề phòng đặc công Cộng sản Bắc Việt đánh phá. Lệnh thiết quân luật mỗi nơi được ủy nhiệm cho các Tư lệnh mặt trận toàn quyền định đoạt.

Hai quyết định quan trọng khác của Tướng Phú:

1. Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột tùy theo tình hình, nếu cần cho phá hủy cầu 14 trên đường Quảng Đức-Ban Mê Thuột để làm chậm sức tiến của chiến xa địch.

2. Tư lệnh mặt trận Kontum tăng phái một Liên đoàn Biệt động quân cho mặt trận Ban Mê Thuột. Và Liên đoàn Biệt động quân này phải được đổ xuống Buôn Hồ ngay chiều nay.

Sự có mặt của Tướng Phú tại Ban Mê Thuột ngày hôm nay, 9 tháng 3, 1975 với những quyết định có tính cách quan trọng và cấp bách ông vừa ban hành là cái "bén nhậy" của một tướng mặt trận, một vị Tư lệnh có kinh nghiệm chiến trường.

Ông làm việc liên miên ngay từ khi tới Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ

binh. Khi quyết định tăng phái cho Ban Mê Thuột một Liên đoàn Biệt động quân, vừa cầm đĩa cơm trên tay, vừa gọi máy ra lệnh cho Tư lệnh mặt trận Kontum cho các Tiểu đoàn Chiến đấu của Liên đoàn Biệt động quân được tăng phái, chuẩn bị di chuyển trong 2 giờ sắp tới.

Sau đó, ông cũng đích thân liên lạc với Chuẩn tướng Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân ở Pleiku, để tận dụng tất cả trực thăng cho cuộc đổ quân được hoàn tất thật nhanh. Vì thế, đợt đổ quân đầu tiên của Liên đoàn 2 Biệt động quân xuống Buôn Hồ đã được thực hiện ngay chiều ngày 9 tháng 3, 1975.

6 giờ chiều ngày 9 tháng 3, 1975 rời Ban Mê Thuột, Tướng Phú ra lệnh bay thẳng lên Pleiku, thay vì trở lại Nha Trang nghỉ dưỡng sức. Và ngay buổi tối, ông vào làm việc, ở luôn trong chiếc "bunker", chiếc hầm nổi chống pháo kích của Tư lệnh Quân đoàn còn đang làm dở dang, sát với Trung tâm Hành quân. Lệnh cấm trại 100% được ban hành.

Từ lúc trở lại Pleiku, Tướng Phú có vẻ bồn chồn lo nghĩ. Ông hút thuốc lá liên miên. 9 giờ tối, khi được báo cáo Liên đoàn 21 Biệt động quân tăng cường cho mặt trận Ban Mê Thuột đã được trực thăng bốc từ bắc Kontum thả xuống Buôn Hồ, Tướng Phú thở phào nhẹ nhõm, và nói một mình:

- May ra thì... còn kịp!

Rồi quay sang phía tôi:

- Đây "ông nhà báo", mình làm một tầy mạt chược, khánh thành chiếc "bunker" mới!

Tiếp đó, ông ra lệnh cho Thiếu tá Hóa, Sĩ quan Tùy viên:

- Hóa! Chú mày điện thoại mời Đại tá Tham mưu trưởng và gọi Vinh. Bảo tụi nhỏ kiếm cái bàn vuông, bàn "dã chiến" cũng được.

Hóa có vẻ ngần ngại:

- Hôm nay Thiếu tướng bay từ sáng sớm, và giờ khuya rồi, tôi sợ Thiếu tướng mệt.

- Ô! ăn thua gì, hôm nay tôi muốn thức khuya, chú mày đừng làm ta xui xẻo!

Hóa không nói thêm nữa, lẳng lặng gọi điện thoại mời Đại tá Lý và Thiếu tá Vinh, Chánh Văn phòng Tư lệnh Quân đoàn. Hóa là Sĩ quan Tùy viên của Tướng Phú từ hồi còn ở Sư đoàn 1; người miền Trung, ít nói, tính lầm lì và rất chịu khó làm việc.

Tướng Phú là người sống bình dị, khắc khổ, không uống rượu, ăn chơi. Cái thú duy nhất của ông là hút thuốc lá và thỉnh thoảng được xoa một vài tầy mặt chược, "ăn thua" tượng trưng. Đây là môn "thể thao" vừa giải trí, vừa đấu trí! Canh mặt chược đêm 9 tháng 3, 1975 kéo dài khoảng hai giờ đồng hồ.

Và đó cũng là lần cuối cùng Tướng Phú được hưởng cái thú tiêu khiển này. Ông bị thua, thua cả... 3 người!

Gần 1 giờ sáng, Tướng Phú gọi ra lệnh cho Đại tá Phạm Duy Tất, Tư lệnh mặt trận bắc Kontum:

- Anh nhớ theo dõi "thằng con" anh mới rời Kontum chiều nay. Bắt nó phải "bung" ra hoạt động ngay. Ngày mai tôi sẽ ra lệnh Đại tá Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 mang bộ chỉ huy hành quân lên đó...

- ...

- Tôi nghe nói "thằng cha Dậu" là con gà chết. Nếu anh thấy hấn ta chỉ huy không được thì nên thay thế ngay. Đừng che chở, kéo hỏng việc hết!

- Tôi xin tuân lệnh Thiếu tướng!

Đại tá Phạm Duy Tất, Tư lệnh mặt trận bắc Kontum và cũng là Chỉ huy trưởng Lực lượng Biệt động quân, Quân khu II. Trung Tá Dậu, Liên

đoàn trưởng Liên đoàn 21 Biệt động quân vừa được thả xuống Buôn Hồ, đông bắc Ban Mê Thuột, và mới nắm quyền chỉ huy Liên đoàn Biệt động quân hơn 1 tháng nay!

"NGƯỜI LÍNH KÈN" CỦA TRƯỜNG VÕ BỊ ĐÀ LẠT

10 giờ 30 phút sáng ngày 9 tháng 3, 1975, quận Đức Lập tỉnh Quảng Đức biến thành biển lửa. Trước đó, hai viên đại bác 82 ly không giật của Bắc quân bắn trúng đài chỉ huy chi khu.

Đài chỉ huy sập. Người Sĩ quan An ninh tử trận tại chỗ. Trung tá Nguyễn Cao Vực, Quận trưởng bị thương, nhúng đầu vào lu nước, thoát ra ngoài. Ông Quận trưởng đích thân chỉ huy và điều khiển hai khẩu đại bác 105 ly, bắn trực xạ, ngăn chặn những đợt xung phong biển người của quân Cộng sản Bắc Việt.

Bốn ngày trước, 5 tháng 3, 1975 một cuộc phục kích tại phía đông Buôn Dak Gang cách bắc Đức Lập 10 cây số. Lực lượng chi khu đã bắt được một tù binh thuộc Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt, và tài liệu tiết lộ Bắc quân sẽ đại tấn công Quảng Đức và Ban Mê Thuột, mở đầu chiến dịch Tây Nguyên 1975. Nhưng nguồn tin này, cũng như nguồn tin tình báo tương tự của tiểu khu Ban Mê Thuột, khi khai thác một sĩ quan tù binh Cộng sản Bắc Việt trong toán tiền thám của Sư đoàn 320 Điện Biên Phủ tại Bắc

Ban Mê Thuật (tù binh Bắc Việt bị bắt ngày 7 tháng 3, 1975), đã không được Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh và Quân đoàn II "xếp hạng" là những nguồn tin quan trọng.

Hôm nay Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt nhất định san bằng quận Đức Lập để tiến quân về Ban Mê Thuật. Các công sự phòng thủ trên mặt đất sập hết, nhưng Quận trưởng Nguyễn Cao Vực và các chiến hữu của mình vẫn cầm cự chiến đấu dai dẳng ở các giao thông hào.

Nguyễn Cao Vực, người "pháo thủ" của các chiến trường Chiến khu D 1960, Bu Prang 1968, Kontum 1972, cũng chính là "anh lính kèn người Thượng" với cái tên "Cai Son" của sinh viên sĩ quan khóa 13 trường Võ bị Đà Lạt. Hạ sĩ Son, anh lính kèn là người đã mang đến cho các sinh viên sĩ quan những giây phút vui buồn đáng nhớ mỗi ngày. Từ điệu kèn báo thức, tập hợp đi ăn, cũng như mặc đồ trận, đeo ba lô buổi tối đi trình diện dã chiến khi bị phạt... Nguyễn Cao Vực là người có sắc diện như một cái cột nhà cháy, nên được bạn bè đặt cho cái tên "Cai Son". Và, anh rất thích cái tên đó.

Tôi có khá nhiều kỷ niệm với Vực, vì cùng một trung đội trong hai năm học tại trường. Đầu năm 1960, khi tôi hướng dẫn Dickey Chapel - người nữ Phóng viên kỳ tài của thế giới, đã từng nhảy dù theo một lực lượng Mỹ xuống Okinawa trong trận Thế chiến II - đi hành quân tại Chiến khu D, với một đơn vị nổi danh của Quân đội Việt Nam Cộng Hòa thời đó là Trung đoàn 8 thuộc Sư đoàn 5 Bộ binh, thì Vực là Pháo đội trưởng Pháo đội 105 ly, tăng cường cho đơn vị này.

Thiếu tá Nguyễn Văn Tư, Trung đoàn trưởng đã giới thiệu với chúng tôi hai quân nhân thiện chiến và "chì" nhất của Trung đoàn. Đó là Trung úy Bác sĩ Lê Đình Kỳ và Pháo đội trưởng Nguyễn Cao Vực. Bác sĩ Kỳ là người không thích hành nghề chuyên môn mà chỉ thích chuyện trận mạc.

Còn Vực được mệnh danh là một Pháo đội trưởng lì lợm, thiện xạ, bắn đâu trúng đó.

Một tuần lễ đi hành quân với Trung đoàn 8 Bộ binh trong Chiến khu D, Dickey Chapel và tôi thường ăn và ngủ chung với bộ Chỉ huy của Trung đoàn, gồm Thiếu tá Tư, Bác sĩ Kỳ, Trung úy Vực, và Hiền. Hiền là Sĩ quan Hành quân của Trung đoàn và cũng tốt nghiệp khóa 13 Võ bị Đà Lạt.

Trong sáu người chúng tôi, lần lượt Đại úy Hiền, Đại tá Tư đều tử trận. Họ đã hy sinh tại vùng đất và đơn vị mà họ đã chiến đấu, phục vụ nhiều năm. Dickey Chapel, người mà tôi kính trọng như một người chị trong nghề phóng viên chiến tranh, cũng vĩnh viễn ở lại Việt Nam trên "dãy phố buồn thiu" ngoài chiến trường miền Trung.

Hôm nay đến lượt Nguyễn Cao Vực. Anh là một Quận trưởng bất đắc dĩ. Anh đã bị thả xuống Đức Lập, và trở thành Quận trưởng dù muốn hay không, giữa năm Mùa Hè Đỏ Lửa 1972.

Và có thể đây là trận chốt trong đời binh nghiệp người pháo thủ tài ba của Sư đoàn 5 Bộ binh, của chiến trường Cao nguyên, đã lại có dịp thi thố cái khả năng chuyên môn của mình. Hai khẩu đại bác 105 ly bắn trực xạ vào các đơn vị tiền phong Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt chắc chắn đã có một sự đánh đổi cân xứng trước khi anh và các chiến hữu của mình vùi ngập trong biển lửa.

Tôi tự hỏi, nếu Vực không thoát được trong trận này, còn lại Bác sĩ Lê Đình Kỳ và tôi, ai sẽ là người sống sót sau cùng, sau 20 năm chiến tranh dài của một đời người?

CÁC "DŨNG SĨ" TRUNG ĐOÀN 53 BỘ BINH TẠI MẶT TRẬN PHI TRƯỜNG PHỤNG DỤC

Ngày 10 tháng 3, 1975.

Những trận mưa pháo vào Ban Mê Thuột từ 2 giờ đến 4 giờ sáng rạng ngày 10 tháng 3, 1975 đã gây kinh hoàng cho mấy chục ngàn quân cũng như dân, hiện đang có mặt tại thị xã này.

Sau đó là những chiến xa đủ loại, băng rừng, nghiền nát các ngã đường, để các lực lượng của những Sư đoàn 320, 316 Cộng sản Bắc Việt ào ạt tiến vào.

Nhưng, những người kinh hoàng và đau đớn nhất là hai cấp chỉ huy có trách nhiệm phòng thủ Ban Mê Thuột: Đại tá Vũ Thế Quang và Đại tá Nguyễn Công Luật!

Đại tá Luật, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Ban Mê Thuột là một Sĩ quan Thiết giáp kỳ cựu của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn I Thiết kỵ trong cuộc hành quân sang Lào 1971, người mà báo chí Việt Nam và ngoại quốc gọi là "Patton Việt Nam". Patton là danh tướng Thiết giáp của Mỹ trong Thế Chiến II. Đại tá Luật đã từng chỉ huy

một Lực lượng Thiết giáp quan trọng và tối tân nhất của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, với những Thiết đoàn M48, M41 chiến xa trong cuộc tiến quân này.

Đêm nay Bắc quân đánh trận địa chiến với chiến xa nặng, với chiến thuật biến người, thì trong tay ông vốn vẹn có được hai Chi đội Thiết vận xa M113 và những xe bọc sắt tuần tiễu của Địa phương quân. Một thứ "đồ chơi con nít" nếu so sánh với loại thiết giáp tối tân T54 của Nga Sô mà Cộng sản Bắc Việt hiện đang sử dụng!

Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 Bộ binh và Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột khi nghe những tiếng đạn bay xé không gian, nổ tại phi trường L19, trước tiểu khu, bộ Tư lệnh Sư đoàn, đã thấy ngay cái giá mà lực lượng phòng thủ phải trả. Bởi vì những khẩu đại bác 122 ly, 130 ly của Bắc quân đã kéo sát tới thị xã!

Những tiếng đại pháo của địch nổ tại Ban Mê Thuột cũng đã làm cho các tướng lãnh nắm vận mạng Đất Nước bưng tỉnh. Họ tạm quên đi những hận thù, những tranh giành quyền hạn, phe phái. Tất cả đều hướng về mặt trận này!

Lệnh của Đại tướng Cao Văn Viên từ Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa được truyền đi lúc 7 giờ sáng. Của Tướng Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng Chính phủ gọi từ Đà Lạt 8 giờ 40 phút. Của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ dinh Độc Lập lúc 10 giờ 10 phút, và 19 giờ tối.

Trận đánh quyết định mở đầu giữa hai miền Nam-Bắc đã xảy ra. Nhưng lực lượng giữa hai bên quá ư chênh lệch, như trứng chọi với đá nếu so sánh cả về quân số, vũ khí, chiến cụ. Địch đã ở thế thượng phong ngay từ lúc đầu!

Tuy nhiên, trong ngày đầu tinh thần chiến đấu của các dũng sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh, sự gan dạ của những phi công anh hùng A37, của những

chiến sĩ Địa phương quân tiểu khu Darlac, đã làm cho Bắc quân kinh ngạc, nể vì. Những tin tức phấn khởi bay đi khắp nước ngay khi "những cánh đại bàng" xuất hiện trên vùng trời Ban Mê Thuột.

Phi tuần phản lực A37 đầu tiên đã bắn cháy hai chiến xa, và hai cỗ đại bác phòng không của Cộng sản Bắc Việt ngay trong thị xã lúc 11 giờ 30 phút. Hai chiến xa khác cũng do không quân đánh bom trúng tại 2 cây số tây bắc Ban Mê Thuột. Lực lượng Địa phương quân Darlac đã tạo một bất ngờ lúc 11 giờ trưa khi bắn cháy một T54 trước bộ Chỉ huy Tiểu khu ngay trên đường Thống Nhất!

Trận "thử sức" của các trung đoàn tiên phong quân chính qui thuộc Sư đoàn 320 Điện Biên Phủ và những "dũng sĩ" Trung đoàn 53 Bộ binh trên phòng tuyến quanh phi trường Phụng Dực xảy ra lúc 14 giờ.

Mở đầu là những trận mưa pháo, cây nát sân bay. Từng đoàn chiến xa của Bắc quân gầm thét, di chuyển theo đội hình từ khắp ngả tiến vào.

Nhưng tinh thần các chiến sĩ ta không hề nao núng. Đây cũng không phải là "trận thư hùng" đầu tiên của các đơn vị tình nguyện giữa ta và địch.

Bởi vì trước khi rút về phòng thủ phi trường Phụng Dực, Trung đoàn 53 tăng phái cho mặt trận Quảng Đức đã đụng độ với các trung đoàn chủ lực của Sư đoàn F10 rất nhiều lần trong những tháng trước, và mấy ngày mới đây với Sư đoàn 320 Cộng sản Bắc Việt tại đông bắc Ban Mê Thuột.

Sau gần 2 giờ quần thảo, Trung đoàn 53 Bộ binh đã đẩy lui ba đợt xung phong biến người của địch. 15 giờ 30 Bắc quân chém về, để lại trên 200 xác và 50 vũ khí đủ loại, 4 chiến xa Cộng sản Bắc Việt bị bắn cháy.

Báo cáo chiến thắng về Trung tâm Hành quân Quân đoàn II bằng hệ thống điện thoại viễn liên từ phi trường Phụng Dực, "người lính số 1" của Trung đoàn 53 Bộ binh, một trong những anh hùng của mặt trận Ban Mê Thuột, Trung tá Võ ân, Trung đoàn trưởng nói với Tướng Phú:

- Trình "Mặt Trời", những "đứa con" của tôi sút mẻ chút ít, nhưng tinh thần rất cao. Trận đánh vừa kết thúc. Hơn 200 xác Việt cộng còn để nguyên ngoài chiến trường. Vũ khí tịch thu tôi đã cho kéo về phòng danh dự của phi cảng để "triển lãm"! Trong đó có cả 3 đại bác phòng không và 4 hỏa tiễn SA7 còn mới nguyên.

Tướng Phú vui mừng lộ trên nét mặt. Ông khen ngợi và ra lệnh cho Ân bằng một giọng hết sức thân mật:

- "Chú mày" giỏi lắm! Chuyển lời khen của tôi đến anh em. Ráng lên! Sau trận này mỗi người lên một cấp. Nhưng không được khinh thường địch quân! Phải chuẩn bị và đề phòng tối đa ngay! Rõ chưa ?

- Trình "Mặt Trời", tôi nhận rõ!

Tướng Phú cúp máy. Trung tá Võ Ân trở ra chiến hào phòng thủ cùng với các chiến hữu của mình.

Tuy nhiên chiến thắng trên đây chỉ là một may mắn đặc biệt, một chiến thắng sau cùng của Trung đoàn 53 Bộ binh trong trận đánh quyết định giữa hai miền Nam-Bắc năm 1975.

Ngày 10 tháng 3, 1975 là một ngày cực kỳ sôi động trên chiến trường Cao nguyên. Trong lịch sử 30 năm chiến tranh Việt Nam kể từ hồi còn quân đội Pháp, chưa bao giờ có những trận đánh đồng loạt, dồn dập như vậy.

Ngoài mặt trận chính Ban Mê Thuột, Cộng quân tấn kích khắp nơi. Các mặt trận bắc Kontum, nam Pleiku, bắc Bình Định, Quảng Đức và trên hai Quốc lộ 19, 21 đều bị áp lực nặng nề.

Tiểu khu Ban Mê Thuột bị mất liên lạc lúc 12 giờ trưa. Những đoàn xe chở quân của Bắc Việt vẫn tiếp tục tiến về Ban Mê Thuột. Lệnh phá cầu 14 trên quốc lộ nối liền Quảng Đức-Ban Mê Thuột được ban hành. Những trận pháo kích, đùng độ nặng nề quanh Căn cứ 93 phía nam Pleiku kéo dài suốt ngày.

15 giờ 15 phút, phi trường Cù Hanh, Pleiku bị pháo. Một trực thăng và một dãy nhà bị cháy, một Dakota bị hư hại.

18 giờ 20 phút, Cộng quân pháo trúng Bộ Tư lệnh Quân đoàn, khu cầu lạc bộ sĩ quan và Bộ Chỉ huy Không trợ II. Thị xã Pleiku thiết quân luật 9 giờ tối.

Tại mặt trận Bình Định, Trung đoàn 42 và 47 giao tranh suốt ngày với các đơn vị Cộng sản Bắc Việt và hạ 200 tên tại thung lũng Vĩnh Thạnh. Sư đoàn 22 Bộ binh hiện đã trực diện với toàn bộ Sư đoàn 3 Sao Vàng, các trung đoàn biệt lập của Bắc Việt tại Quân khu 5.

Một tin chấn động khác, 17 chiến xa Cộng sản Bắc Việt xuất hiện gần Phù Cát, Bình Định lúc 5 giờ 30 chiều.

Tổng kết tại mặt trận Ban Mê Thuột trong ngày đầu cùng với chiến thắng của Trung đoàn 53 Bộ binh, thêm 100 Cộng quân khác bị hạ trước tiểu khu, trước khi tiểu khu Darlac mất liên lạc, và trước dinh Tỉnh trưởng, gần sát với Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. 12 chiến xa Cộng sản Bắc Việt bị bắn cháy, trong số đó có 11 cái do Không quân đánh bom trúng.

Những lệnh cuối cùng trong ngày Tướng Phú chỉ thị cho Tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh mặt trận nam Pleiku và Tỉnh trưởng không được lùi khỏi Căn cứ 93 trên tuyến phòng thủ Bộ Tư lệnh Quân đoàn và thị xã này. Liên đoàn 21 Biệt động quân đã từ Buôn Hồ di chuyển về gần tới Ban Mê Thuột bằng mọi giá phải tái chiếm bộ chỉ huy tiểu khu và kho đạn Ban Mê Thuột.

19 giờ tối, Tổng thống Thiệu từ Sài Gòn gọi lên chỉ thị cho Tư lệnh Quân đoàn II giải quyết chiến trường Ban Mê Thuột mau lẹ (?)

GIÂY PHÚT CUỐI CÙNG CỦA TƯ LỆNH MẶT TRẬN BAN MÊ THUẬT

Ngày 11 tháng 3, 1975.

Trận đánh đẫm máu thứ hai giữa Trung đoàn 53 Bộ binh và một lực lượng quân chính qui Cộng sản Bắc Việt đã được tăng cường đông hơn gấp 10 lần, xảy ra lúc 5 giờ sáng. Đó cũng là lần xuất trận đầu tiên của Sư đoàn 316, sư đoàn tổng trừ bị của Bắc Việt tại mặt trận phi trường Phụng Dực trên chiến trường Cao nguyên.

Sư đoàn 316 tổng trừ bị Cộng sản Bắc Việt vừa di chuyển từ miền Bắc vào, và mới tới trận địa hồi đêm. Những báo cáo tiên khởi trong hai giờ đầu cho biết Trung đoàn 53 Bộ binh bị thiệt hại rất nặng.

7 giờ 45 phút sáng, đích thân Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột, Đại tá Vũ Thế Quang gọi lên Trung tâm Hành quân Quân đoàn II cho biết tình hình vô cùng nguy ngập. 10 chiến xa Cộng sản Bắc Việt đang bắn trực xạ vào Bộ Tư lệnh Sư đoàn.

Người sử dụng máy siêu tần số lúc đó là Trung tá Không quân Nguyễn Văn Giang, Giám đốc Không trợ II. Bằng những ngụy thoại, ông

cho biết đoàn phản lực cơ cất cánh từ Nha Trang đang trên đường, và sắp tới vùng trời Ban Mê Thuột.

7 giờ 55 phút, hai chiếc phản lực cơ A37 lao xuống mục tiêu, những chiến xa Cộng sản Bắc Việt, và đánh vô cùng chính xác. Nhưng chỉ mấy phút sau, bỗng nghe tiếng Đại tá Quang hét lên trong máy truyền tin:

- Ô!... "nó" đánh trúng tôi!!!

8 giờ. Đó là giờ phút của "định mệnh". Hai trái bom đã thả trúng hầm Chỉ huy và Truyền tin của Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột. Và Trung tâm Hành quân Quân đoàn II mất liên lạc với Ban Mê Thuột từ lúc đó.

Nghe câu nói sau cùng của Quang, tự nhiên tôi thấy đau lòng và đưa mắt nhìn Giang. Quang, Giang và tôi đều là bạn.

Quang với biệt danh "Quang dù", là người lính của chiến trường và thành phố trong hai thập niên 1955-1975. Trước năm 1960 khi chiến tranh còn ở cấp tiểu đoàn, một số sĩ quan trong các binh chủng Không quân, Nhảy dù rất nổi tiếng trong cả hai lãnh vực: ăn chơi và đánh giặc. Tên tuổi họ trở thành những nhân vật trong tiểu thuyết, các phóng sự với những biệt danh riêng. Chẳng hạn như: Cương "khềnh", Hợi "voi", Quang "dù", Hùng "sùi", Giang "nám"...

Thời gian ở Nhảy dù, Quang là một Tiểu đoàn trưởng trung bình, nhưng là người có một "nghệ thuật sống" siêu đẳng. Anh luôn luôn tự chế và thích nghi với mọi hoàn cảnh. Cuối năm 1963, Tiểu đoàn 6 Nhảy dù đang được tái huấn luyện tại Trung tâm Vạn Kiếp, mới được chỉ định tạm thời giữ chức vụ Tiểu đoàn trưởng, anh đã liêu lĩnh mang tiểu đoàn về Sài Gòn tham gia đảo chánh. Nhưng công trạng của anh chỉ được biết đến khi Tướng Nguyễn Cao Kỳ được bổ nhiệm làm Tư lệnh Không quân.

Rồi sau đó khi trở thành Thủ tướng, ông Kỳ đã đề cử Quang chỉ huy Liên đoàn An ninh Danh dự. Đường hoạn lộ chim bay từ đó!

Nhưng phải nói anh là người đang hoang, trung trực. Khi ông Kỳ bị ông Thiệu hất cẳng, cho "ngồi chơi sỏi nước", một bất ngờ, anh được ông Thiệu cho đi làm Thị trưởng Cam Ranh. Anh vào Tân Sơn Nhất hỏi ý kiến ông Kỳ. Không may cho anh, trong một canh mạt chược dở dang, ông Kỳ rất thờ ơ, lạnh lùng. Vì vậy, anh thất vọng bỏ đi. Từ đó, anh trở lại cương vị của một người quân nhân "nhà nghề". Tuy nhiên, bạn bè vẫn nghi ngờ và thường chế riễu anh là một "petit... Lê Nguyên Khang"(!) Mỗi khi có chiến thắng Việt cộng, tay phải cầm khẩu AK47 tặng Trung tướng Thiệu, tay trái trao khẩu CKC cho Thiếu tướng Kỳ. Cũng như Trung tướng Khang, luôn luôn đu giầy giữa "cánh phải và cánh trái" dinh Độc Lập với câu nói đầu môi: "ông Kỳ là bạn, ông Thiệu là thầy, tôi chỉ biết phục vụ cho quyền lợi của Tổ quốc và Quân đội"!!!

Sau khi rời chức vụ Thị trưởng Cam Ranh với thâm niên cấp bậc, Quang được bổ nhiệm làm Tư lệnh Phó Sư đoàn 23 Bộ binh.

Chiều ngày 9 tháng 3, 1975, Tướng Phú rất khó khăn và cân nhắc mãi mới chọn lựa anh làm Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuật, vì Đại tá Luật, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Darlac chức vụ nhỏ hơn, nhưng traten mạc và cấp bậc thâm niên hơn.

Tôi nhớ khi rời phi trường Phụng Dực, Tướng Phú bắt tay Quang và nói:

- Cố gắng và ráng cẩn thận nghe Quang! Đừng để lỡ dịp lên tướng kỳ này. Minh... Nhảy dù mà!

Quang đứng nghiêm chào Tướng Phú:

- Thiếu Tướng yên tâm, tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được. Và tôi sẽ chết tại đây trước khi Ban Mê Thuật mất!

Sau khi Trung tâm Hành quân, hầm Chỉ huy và Truyền tin của Tư lệnh Chiến trường bị sập, mọi người đều lo lắng cho số phận Ban Mê Thuật.

Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn được lệnh thành lập bộ Chỉ huy Hành quân trên không để chỉ huy mặt trận Ban Mê Thuột. Cả hai chiếc C47 và U17 của Tư lệnh Quân đoàn đều được sử dụng. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Hành quân nhẹ cũng được thành lập gấp rút ở Buôn Hồ.

11 giờ 50 phút, sau gần 4 giờ chờ đợi, Trung tâm Hành quân Quân đoàn II ghi nhận mất liên lạc hoàn toàn với Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột và Đại tá Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng tiểu khu Darlac.

15 giờ 30, Đại tướng Cao Văn Viên gọi cho Tướng Phú gay gắt ra lệnh "bốc" Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23 từ mặt trận nam Pleiku thả xuống Ban Mê Thuột chỉ huy.

17 giờ và 23 giờ đêm, những lệnh của Tổng thống Thiệu và Thủ tướng Chính phủ Trần Thiện Khiêm:

- Linh động trong mọi trường hợp. Cần thận không nên dồn hết quân vào mặt trận này.

- Tư lệnh Quân đoàn toàn quyền quyết định, có thể bỏ Ban Mê Thuột. Tránh sa lầy, vì có thể còn hai, ba mặt trận lớn nữa tại Quân khu II.

- Tường trình chính xác các sư đoàn Cộng sản Bắc Việt hiện tham chiến trên trận địa Ban Mê Thuột.

- Tỉnh Trưởng Ban Mê Thuột coi như đã mất tích. Chấp thuận thả một Tỉnh trưởng khác xuống chỉ huy nơi có dân và quân tập trung nhiều. Lập toà Hành chánh và bộ Chỉ huy tiểu khu Ban Mê Thuột lưu động.

Giây phút cuối cùng của Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột sau này được ghi nhận với những dữ kiện đặc biệt. Buổi sáng khi hai trái bom 500 cân

Anh của Không quân đánh sập một đầu hầm Trung tâm Hành quân của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, một số sĩ quan trong bộ tham mưu đã thoát lên được. Trên một thiết vận xa M113, Đại tá Vũ Thế Quang sử dụng máy truyền tin liên lạc với chiếc máy bay chỉ huy, cho lệnh các phản lực cơ trút bom ngay xuống bộ Tư lệnh Sư đoàn hiện đang bị địch quân tràn ngập. Và cho biết sẽ rút về phía Trung đoàn 53 Bộ binh tại phi trường Phụng Dực để tiếp tục chỉ huy.

Đại tá Nguyễn Công Luật cùng với Phó Tỉnh trưởng Hành chánh Nguyễn Ngọc Vy đi theo một hướng khác. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, chiếc thiết vận xa chỉ huy bị bắn cháy, Đại tá Quang thoát chết trong gang tấc. Cộng quân lúc này đầy khắp các ngã đường trong thành phố cùng với những đoàn xe tăng của chúng.

Cũng thời gian này, trên Quốc lộ 14, khoảng đường từ Đức Lập về Ban Mê Thuột, bộ Chỉ huy Hành quân nhẹ của Trung đoàn 53 Bộ binh cùng với một tiểu đoàn, được lệnh rút từ vùng hành quân phía đông bắc quận Đức Lập về tiếp cứu Ban Mê Thuột, cũng bị Việt cộng phục kích chặn đánh. Trung tá Trung đoàn Phó Trung đoàn 53 và hầu hết các sĩ quan đều bị tử trận hoặc bị địch bắt. Cánh quân này coi như bị tan rã trước khi tới được trận địa Ban Mê Thuột.

Đến xế trưa ngày 11 tháng 3, bên cạnh Đại tá Quang chỉ còn có người Thiếu úy, Sĩ quan Tùy viên và một người lính. Không thể đi tới được phi trường Phụng Dực và cũng không còn phương tiện truyền tin để liên lạc, ba người đã ẩn tránh trong một vườn cà phê mấy tiếng đồng hồ, đợi đêm tối nhắm hướng nam đi về phía Quảng Đức.

2 giờ sáng ngày 12 tháng 3, đi được khoảng 6 cây số đường rừng ngay khi vừa tới sát một làng Thượng, thì bị Việt cộng nổ súng, xông ra vây bắt. Thấy Đại tá Quang vẫn còn mang cấp bậc trên cổ áo và xưng danh là Tư

lệnh Phó Sư đoàn 23 Bộ binh, chúng đã trói lại, lột giầy và liệng xuống hố. Chừng một giờ sau, chúng được lệnh dẫn Đại tá Quang đi suốt đêm. Tối chiều hôm sau, ngày 13 tháng 3, được cởi trói, cho đi giầy vào và chở đi bằng xe Molotova sang Cam Bốt để khai thác. Vùng rừng núi này, chắc chắn là nơi đặt bản doanh bộ Tư lệnh chiến trường Tây nguyên 1975 của hai Tướng Cộng sản Bắc Việt Văn Tiến Dũng và Hoàng Minh Thảo.

Trong suốt thời gian bị điều tra, Đại tá Quang bị Việt cộng khùng bố tinh thần, cùm giữ hai chân trong hai thân cây lớn được khoét lỗ sẵn. Đó có thể cũng là kết quả đưa đến những lời cung khai của Tư lệnh Phó Sư đoàn 23 Bộ binh, như Văn Tiến Dũng đã viết trong cuốn Đại Thắng Mùa Xuân.

Nhưng với cuộc tấn chiếm Ban Mê Thuột bằng một lực lượng chính qui Cộng sản Bắc Việt đông hơn gấp 10 lần, có chiến xa, pháo binh yểm trợ, do chính Văn Tiến Dũng, Tổng Tư lệnh quân đội Bắc Việt trực tiếp chỉ huy, việc giữ được Ban Mê Thuột 48 giờ đã là một sự kiện hết sức đặc biệt. Vì Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh không có hệ thống phòng thủ để chiến đấu. Lực lượng chính yếu là Trung đoàn 53 Bộ binh thì trấn đóng tại phi trường Phụng Dực, cách Ban Mê Thuột 5 cây số. Trong thị xã, ngoài các đơn vị Địa phương quân, chỉ có những thành phần quân nhân lo về tiếp liệu, phòng giữ hậu cứ của các Trung đoàn Bộ binh, hậu cứ các đơn vị Thiết giáp, Pháo binh, Truyền tin, Quân cụ, Công binh.

BAY TRÊN NHỮNG ĐÓN VỊ ANH HÙNG

Ngày 12 tháng 3, 1975.

Theo lệnh của Tổng thống Thiệu sáng nay và sự quyết tâm tình nguyện của toàn thể quân nhân các cấp Trung đoàn 45 Bộ binh, Sư đoàn 23 đang trấn giữ mặt trận nam Pleiku, Tướng Phú quyết định đổ quân tăng viện, tái chiếm Ban Mê Thuột!

Cuộc đổ quân thật vĩ đại. Lần đầu tiên trong hai năm, kể từ khi Hiệp định Paris 1973 được ký kết, một lực lượng trực thăng khổng lồ được sử dụng: 46 chiếc HU1B và chinook.

Và kế hoạch được thực hiện từ lúc 8 giờ sáng ngày 12 tháng 3, 1975 tại căn cứ Hàm Rồng, nơi đặt bản doanh của bộ Tư lệnh mặt trận nam Pleiku và bộ Chỉ huy Trung đoàn 45 Bộ binh.

Tinh thần quân nhân các cấp Trung đoàn 45 lên cao độ. Họ quyết tâm trở lại Ban Mê Thuột với bất cứ giá nào để giải cứu gia đình, vợ con, cha mẹ... Những người vợ lính lên thăm chồng tại vùng hành quân bị kẹt lại, từ vợ ông Trung tá Trung đoàn trưởng, đến vợ một anh binh Nhị đều

nai nịt súng ống, đeo lựu đạn nhảy theo đơn vị. Họ như những cảm tử quân, không sợ hiểm nguy.

13 giờ 10 phút, Tướng Phú rời Pleiku, bay chỉ huy mặt trận Ban Mê Thuột trên chiếc U17.

14 giờ 30 tới Ban Mê Thuột. Gần một giờ trên trận địa, ông đã liên lạc và ra lệnh cho hầu hết các cánh quân ở dưới đất: Trung đoàn 53 Bộ binh, Liên đoàn 21 Biệt động quân, các Tiểu đoàn Địa phương quân còn đang phòng thủ tại Trung tâm Huấn luyện, và những đơn vị mới xuống Phước An.

Tôi cũng có mặt trên chuyến bay này, và đã thực hiện một phóng sự truyền thanh đặc biệt. Tôi nhớ câu đầu tiên được thu vào cassette, để được truyền đi trên các hệ thống phát thanh Việt Nam và Quân đội:

"Tôi đang ở trên vùng trời Ban Mê Thuột. Hôm nay là một ngày đẹp, một ngày vĩ đại của toàn thể quân, dân Quân khu II..."

Một ngày mà các chiến sĩ ta quyết tâm trở lại Ban Mê Thuột để giải cứu đồng bào và gia đình. Một ngày của những phi công anh hùng đã làm cho Bắc quân khiếp sợ.

Trong 4 tiếng đồng hồ buổi sáng, từ 8 giờ 30 đến 12 giờ 30, 11 chiến xa của địch bị bắn cháy, hàng cây số xác Việt cộng kéo dài từ phi trường vào thị xã.

Tôi cũng rất vui mừng khi trở lại Ban Mê Thuột. Bởi vì Ban Mê Thuột với tôi còn là một thành phố của kỷ niệm, như Hà Nội, như Huế.

Nếu trong chuyến trở về Hà Nội lần đầu tiên ngày 18 tháng 2, 1973, sau 19 năm đã cho tôi những xúc động chân thành, nhớ lại thời niên thiếu; và Huế, mỗi lần nghĩ đến là một lần vương vấn, nhớ thương, thì Ban Mê Thuột là nơi để tôi viết những trang "nhật ký hành quân" đầu tiên của 20 năm trong đời quân ngũ.

Bay trên mười ngàn bộ và với những cột khói cao ngất, che lấp cả nửa thành phố, tôi vẫn nhìn rõ đâu là sân vận động, cầu lạc bộ sĩ quan, tòa Đại biểu Chính phủ cũ, đường Lê Lợi, Quang Trung, Võ Tánh, suối Ea Ngay, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh...

Tôi nhớ nơi tổ chức buổi lễ dâng bạch tượng của người Thượng lên Tổng thống Ngô Đình Diệm trên đại lộ Thống Nhất năm 1957. Tại thành phố này những năm đầu của thập niên 1960, một ông Đại biểu Chính phủ, một vị Đại tá Tư lệnh Sư đoàn đều là nghệ sĩ. Một người đàn bà đẹp, một hoa khôi Hà Nội chết trong một tình yêu oan nghiệt, ngang trái nhưng tuyệt vời. Và một người con gái Thượng có khuôn mặt liêu trai, ma quái học trường Tây Đà Lạt, cứ mỗi mùa hè trở về xứ đất đỏ "Bụi Mù Trời"!

Ngày 12 tháng 3, 1975 đó cũng là lần cuối cùng tôi thấy Ban Mê Thuột! Khi bay trở lại Pleiku, tôi được biết buổi sáng nhà báo Nguyễn Đạt Thịnh, cấp chỉ huy cũ của tôi, và Phóng viên Điện ảnh Truyền hình Quân đội Phúc và Mỹ cũng đã xuống Phước An trong đợt đổ quân đầu tiên của Trung đoàn 45 Bộ binh.

Tôi chắc chắn trong buổi tối nay, trên các hệ thống truyền hình và truyền thanh Việt Nam sẽ có những tin tức, phóng sự đặc biệt về mặt trận Ban Mê Thuột.

Tướng Phú cũng rất phấn khởi. Ngay khi về tới Pleiku, ông ra lệnh thay đổi phương vị của một số cấp chỉ huy cho phù hợp với tình thế. Tướng Trần Văn Cẩm mới nghỉ phép từ Sài Gòn lên, trở lại chức vụ cũ là Phụ tá Hành quân của Tư lệnh Quân đoàn. Tướng Lê Văn Thân xuống Nha Trang chỉ huy mặt trận Duyên hải. Đại tá Phạm Duy Tất rời bộ chỉ huy về căn cứ Hàm Rồng chịu trách nhiệm luôn hai mặt trận Pleiku và Kontum. Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh sẽ xuống Phước An ngày mai để chỉ huy mặt trận Ban Mê Thuột.

Trung đoàn 44 cũng được lệnh chuẩn bị tăng viện cho đoàn quân tái chiếm Ban Mê Thuột.

Hai Liên đoàn Biệt động quân sẽ từ bắc Kontum di chuyển về thay thế các đơn vị Sư đoàn 23, phòng thủ mặt trận nam Pleiku.

ĐỔ QUÂN TĂNG VIỆN

TRUNG ĐOÀN 44 VÀ 45 XUỐNG

PHƯỚC AN

Ngày 13 tháng 3, 1975.

Cuộc đổ quân vĩ đại sang ngày thứ hai. Để chạy đua với thời gian và tạo bất ngờ trên chiến trường, tất cả các phi đoàn trực thăng từ Đà Nẵng, Cần Thơ đều được sử dụng, tổng cộng hơn 100 trực thăng đủ loại.

Bộ Chỉ huy Hành quân nhẹ của Sư đoàn 23 Bộ binh và Trung đoàn 45 nhảy xuống Phước An ngay đợt đầu ngày 13 tháng 3, 1975. Theo lệnh của Sài Gòn, tòa Hành chánh lưu động Ban Mê Thuột cũng được thả xuống cùng với đoàn quân tăng viện tái chiếm Ban Mê Thuột. Người tình nguyện đi làm Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột lưu động là Đại tá Trịnh Tiểu, Trưởng Phòng Nhì Quân đoàn II.

Đây là một sự kiện thật đặc biệt. Theo dư luận cái "giá" để mua chức Tỉnh trưởng qua đường giấy bà Thiệu, bà Khiêm, thường thường từ 10 đến 20 triệu. Nhưng lần này, ông Tỉnh trưởng lưu động may mắn không bị quý bà gởi người đến "thu hụi".

Ngày mới lên Quân đoàn II, tôi không thích Đại tá Tiểu. Tôi có một

"hiềm khích" nho nhỏ với ông. Trong một bữa tiệc "vui chơi" của vị Tư lệnh Quân đoàn tiên nhiệm, nhà báo Nguyễn Tú A chụp một vài tấm hình kỷ niệm. Đại tá Tiểu ra lệnh cho quân cảnh tịch thu cuốn phim.

Nguyễn Tú A liên lạc với báo chí Quân Đội chúng tôi để phản đối việc vi phạm quyền tự do báo chí và xài "luật rừng" này. Anh Nguyễn Đạt Thịnh sau đó đã can thiệp thẳng với Tướng Toàn để lấy lại cuốn phim cho Nguyễn Tú A.

Tuy nhiên, trên lãnh vực quân sự và tinh thần chống Cộng, Đại tá Tiểu là người đáng ca ngợi. Sau khi Cộng sản Bắc Việt tấn chiếm Ban Mê Thuột, ông đã có những đề nghị táo bạo và tình nguyện làm những công tác nguy hiểm nhất. Chính việc bổ nhiệm một Tỉnh trưởng khác và thiết lập tòa Hành chánh lưu động để chứng tỏ Ban Mê Thuột chưa mất, để kết hợp quân, dân trong việc hợp lực tái chiếm thị xã này là do sáng kiến của ông. Và ông đã tình nguyện giữ chức vụ và làm công việc đó. Tôi đã thấy được sự "phi thường" trong con người Đại tá Tiểu khi hai ngày sau, lúc ông đã ở mặt trận Phước An; bà vợ và hai con nhỏ vào Quân đoàn tìm ông để xin phương tiện về Nha Trang.

Cuộc đổ quân tăng viện ngày 13 tháng 3, 1975 diễn tiến rất tốt đẹp. Nhưng đây cũng là một ngày đau buồn cho Không quân. Một phản lực cơ A37 bị phòng không địch bắn hạ lúc 11 giờ sáng tại Ban Mê Thuột. Buổi chiều thêm hai A37 rớt. Một tại mặt trận nam Pleiku, một tại mặt trận Phụng Dực, Ban Mê Thuột. Và một trực thăng vũ trang bị nổ khi bay yểm trợ cho đoàn trực thăng chở quân tăng viện. Đối lại, những phi công anh hùng trước khi hy sinh đã bắn cháy thêm 4 chiến xa và nhiều dàn súng phòng không Cộng sản Bắc Việt tại phía đông bắc và đông nam Ban Mê Thuột.

13 giờ 15, Tướng Phú ra bãi bốc khích lệ tinh thần quân sĩ. Trong

dịp này, ông đã tiếp chớp nhoáng Ký giả lão thành Nguyễn Tú, báo Chính Luận và hai Phóng viên Điện ảnh, Truyền hình Quân đội chuẩn bị nhảy theo đoàn quân tảng viện. Pháo của địch cũng nã tới "chào mừng" lúc này. Nhưng đạn nổ cách xa cả nửa cây số!

Bay trở lại Pleiku, Tướng Phú họp với Tham mưu trưởng Quân Đoàn. Ông rất quan tâm về cường độ pháo kích của địch gia tăng mỗi ngày vào hai phi trường Cù Hành, Pleiku và Phù Cát, Bình Định.

Tin tức mới nhất và được xác nhận, quân ta bắt được tù binh của Sư đoàn 316 Cộng sản Bắc Việt tại Ban Mê Thuột làm cho Tướng Phú lo ngại. Sư đoàn 316 là sư đoàn tổng trừ bị của Bắc Việt, đã vào trận địa Ban Mê Thuột ngày hôm qua, và hiện là nỗ lực phụ cho Sư đoàn 320. Như vậy, việc tái chiếm Ban Mê Thuột càng thêm khó khăn.

20 giờ, Tướng Phú được điện thoại của Đại tá Cầm, Chánh văn phòng Tổng thống Thiệu gọi cho biết Tư lệnh Quân đoàn II ngày mai, 14 tháng 3, 1975 chờ họp với Tổng thống: việc tối quan trọng. Địa điểm và giờ họp sẽ cho biết sau!

Trong bữa ăn tối có Đại tá Hãn, Vinh và tôi. Một lúc vui vẻ, Tướng Phú đã kể lại cuộc đời thăng trầm của mình từ 1954 đến 1975. Khi bị bắt làm tù binh trong trận Điện Biên Phủ, bị giáng chức từ đại tá xuống trung tá năm 1966, những ngày chỉ huy Sư đoàn 1 ngoài Huế trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972...

"MÊ HỒN TRẬN"

Ngày 14 tháng 3, 1975.

Tin tức đầu tiên trong ngày cho biết Liên đoàn 4 Biệt động quân phòng thủ tuyến xa nhất mặt trận nam Pleiku đêm qua bị đánh, thiệt hại khá nặng. Lý do Lực lượng Thiết giáp tăng phái rút đi quá sớm, nên khi đơn vị này di chuyển về vị trí mới bị địch pháo và phục kích. Phi trường Cù Hanh, Pleiku cũng bị địch pháo ngay từ lúc mờ sáng.

Thế là sự giận dữ của Tư lệnh Quân đoàn II được trút lên đầu hai Đơn vị trưởng có trách nhiệm. Đại tá Đồng, Tư lệnh Lữ đoàn II Thiết kỵ và Thiếu tá Lương Văn Ngọ, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thám kích của Quân đoàn.

Thiếu tá Ngọ cũng là người có cuộc đời võ nghiệp "phú quý giạt lùi", như nhà văn Phan Nhật Nam tự viết về mình. Ông tốt nghiệp khóa 6 trường Võ bị Đà Lạt cùng với các Tướng: Lý Tòng Bá, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, trấn giữ Kontum trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972 trước đây, Tướng Trần Đình Thọ, Trưởng Phòng 3 Bộ Tổng Tham Mưu, "nhà báo lớn" Nguyễn Đạt Thịnh..., nhưng đến nay vẫn còn mang lon thiếu tá.

Thời ông Thiệu còn là Trung tá Chỉ huy trưởng trường Võ bị Đà Lạt (1955-1957), Thiếu tá Ngô cũng là một trong những sĩ quan cán bộ giỏi của trường. Nhưng vì ông là một người biết quá nhiều, hăng hái và bon chen trên mọi lãnh vực (!), nên trở thành nguy hiểm, chẳng ai tin dùng ông. Những sĩ quan cùng cấp bậc cùng thời với ông hồi đó, bây giờ đã là Tướng, là Bộ trưởng, Tỉnh trưởng. Như Tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 Bộ binh, các Đại tá Huỳnh Bửu Sơn, Quách Huỳnh Hà...

Tuy nhiên, Thiếu tá Lương Văn Ngô là người có tinh thần trách nhiệm, và chấp nhận mọi hoàn cảnh khi xảy ra cho đời quân nhân. Bị Tướng Phú gọi lên văn phòng khiển trách, ông nhận lỗi. Và ngay lập tức, tự mình bay thả các toán Thám kích xa để truy lùng những tổ đặc công của địch, cũng như cam kết tình trạng này sẽ không còn tái diễn nữa.

9 giờ sáng, Đại tá Cẩm, Chánh văn phòng của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa từ Sài Gòn gọi lên, xác nhận địa điểm và giờ họp của Tổng thống Thiệu với Tư lệnh Quân đoàn II hôm nay, 14 tháng 3, 1975.

9 giờ 30 Tướng Phú bay đi Cam Ranh bằng chiếc C47, được sử dụng như bộ Chỉ huy Hành quân trên không của Quân đoàn II từ hôm mặt trận Ban Mê Thuột bùng nổ. Bay trên đầu bộ Chỉ huy Hành quân của Sư đoàn 23 Bộ binh, ông đã ra lệnh cho Tướng Tường, các Trung đoàn trưởng và Tiểu đoàn trưởng, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng lưu động Ban Mê Thuột trong đoàn quân tăng viện mới được thả xuống Phước An, đông nam Ban Mê Thuột ngày hôm qua.

Buổi họp tại "tòa Bạch Dinh" Cam Ranh kéo dài từ 11 giờ 32 phút tới 13 giờ 29 phút. Thành phần tham dự gồm có: Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Tổng Tư lệnh Tối cao Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Đại tướng Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng Chính phủ, Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Trung tướng Đặng Văn

Quang, Phụ tá An ninh Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa và Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II và Chiến trường Cao nguyên.

Họp xong, sau khi đưa tiễn Tổng thống Thiệu và các Tướng lãnh khác, Tướng Phú bay về Nha Trang.

Ông ăn vội vàng bữa cơm với vợ con rồi trở lên Pleiku.

Từ Nha Trang đi Pleiku, ngay khi máy bay vừa lên cao, ông rời chiếc ghế dành riêng, xuống ngồi sát bên tôi. Trên máy bay lúc này ngoài phi hành đoàn đều ở trong phòng lái, chỉ có Đại tá Hãn, Giám đốc An ninh Quân đội Vùng II, Thiếu tá Hóa, Sĩ quan Tùy viên, và tôi. Ông nói nhỏ đủ một mình tôi nghe:

- Từ phút này tôi ra lệnh cho anh đi đâu phải được phép của tôi!

Tôi linh cảm có những biến chuyển, những quyết định tối quan trọng sắp sửa xảy ra nên nghiêm trang trả lời:

- Tôi xin tuân lệnh Thiếu tướng!

Tướng Phú chậm rãi nói tiếp:

- Trận chiến trong những ngày tới sẽ vô cùng khốc liệt. Tất cả những bí mật và những quyết định trong buổi họp vừa qua tôi sẽ nói cho anh hay. Và anh là người duy nhất (ngoài 5 Tướng có mặt trong buổi họp: Thiệu, Khiêm, Viên, Quang và Phú) biết những điều đó. Vì ngay cả vợ tôi, tôi cũng không tiết lộ cho biết.

Ngừng lại một lát, ông nói tiếp:

- Vì vậy đến một lúc nào đó, khi tôi ra lệnh, anh phải "ôm" những tài liệu (!) bí mật rời Pleiku ngay bằng trực thăng của tôi!

Tôi nhìn thẳng vào Tướng Phú, với sự kính trọng đặc biệt, tôi chậm rãi nói:

- Tôi không hèn như vậy! Tôi muốn được chia sẻ và ở gần Thiếu tướng trong những giờ phút nguy hiểm nhất. Và tôi xin nói ngay rằng, cuốn

sách viết về Thiếu tướng tôi chỉ có thể hoàn thành khi thấu thập được mọi diễn biến của chiến trường, và những giây phút chót của Thiếu tướng!

- !!!

Đợi một lúc thật lâu, chờ đến khi phi cơ sắp sửa đáp xuống, tôi hỏi ông:

- Trong những quyết định của Hội đồng Tướng lãnh, Thiếu tướng có bị "trói chân, trói tay", giữ từng tấc đất không ?

Tướng Phú lắc đầu:

- Không! Tôi được trao phó quyền hành rất rộng rãi. Kể cả quyền thừa lệnh Tổng thống thăng cấp tướng ngoài mặt trận!!

QUYẾT ĐỊNH CAM RANH

NGÀY 14 THÁNG 3, 1975

DẤU HIỆU MỘT SỰ SỤP ĐỔ

11 giờ 15 phút ngày 14 tháng 3, 1975, ông Thiệu tới Cam Ranh bằng chiếc DC6 Air Việt Nam dành riêng của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa.

Thời ông Kỳ làm Thủ tướng, chiếc DC6 đặc biệt này được trang bị như một "biệt thự bay". Hình bà Kỳ đẹp lộng lẫy, được treo ở một nơi trang trọng nhất trên máy bay.

Để cho có vẻ Mỹ, nhà báo Việt cộng Phan Nghị đặt tên cho chiếc DC6 này là Air Force I của Việt Nam!

Khi ông Thiệu trở thành Tổng thống, dù đứng chung liên danh và là Phó Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, nhưng không bao giờ ông Kỳ sử dụng chiếc máy bay này nữa!

Chiếc DC6 gần 100 chỗ ngồi, được chia làm ba khu. Khu trên cùng có giường nệm, ghế lớn, dành riêng cho Tổng thống, vừa là nơi làm việc, vừa để nghỉ ngơi. Tiếp theo là những hàng ghế dành cho các Tổng, Bộ trưởng, Tướng lĩnh và những người đi theo phái đoàn của Tổng thống. Phía dưới có những bàn và ghế để Tổng thống tiếp xúc với báo chí, hoặc dùng

những bữa ăn nhẹ cùng với các nhân viên tháp tùng. Những nữ tiếp viên phi hành cho chiếc "Air Force I" là những người đẹp nhất của Air Việt Nam được tuyển chọn. Phía ngoài và trên đầu máy bay, một bên là quốc kỳ, một bên là cờ hiệu của tổng thống phủ. Đó là biểu hiệu tượng trưng cho Quốc Gia và quyền uy của người sử dụng chiếc "Air Force I"!

Nhưng dù sử dụng chiếc phi cơ này, ông Thiệu cũng chẳng tăng thêm một chút uy tín nào. Thật là khác biệt nếu so sánh với cố Tổng thống Ngô Đình Diệm trước kia, mỗi lần đi kinh lý trên chiếc Dakota cũ hai động cơ làm từ thời Thế chiến thứ II. Đi đến đâu ông Diệm cũng được nhân dân đón tiếp, kính trọng!

Cụ Phó Tổng thống già Trần Văn Hương cũng đã thẳng thắn cho ông Thiệu biết điều đó. Có lần cụ nói:

- Tôi xin vô lễ được trình với Tổng thống, Tổng thống chưa có đủ uy tín để lãnh đạo quốc dân. Ngày nào tôi còn "đứng chung" với Tổng thống, tôi sẽ "ráng" giúp Tổng thống có thêm được phần nào uy tín với đồng bào!

Ông Thiệu không có uy tín với nhân dân, nhưng ông có uy quyền trước Quân đội! Đó cũng là chuyện dễ hiểu. Vì trong "chu kỳ Tướng lãnh cầm quyền" tại Việt Nam, 1963-1975, ông đã ở cương vị Quốc trưởng và Tổng thống gần 10 năm (1966-1975). Theo Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa, Tổng thống cũng là vị Tổng Tư lệnh tối cao Quân đội. Do đó, hầu hết những Tướng lãnh sau này đều do ông tự tay gắn sao trên cổ áo họ, và bổ nhiệm vào những chức vụ quan trọng. Đương nhiên ông trở thành vị Tướng có uy quyền nhất của 12 năm sau cùng, so với các Tướng Dương Văn Minh, Nguyễn Khánh, Trần Thiện Khiêm.

Tận mắt, tôi đã được thấy cái "hào quang uy quyền" của ông Thiệu trước Quân đội. Năm 1971 trong trận Hạ Lào, các đại đơn vị tinh nhuệ của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa bị thiệt hại rất nặng như Sư đoàn Nhảy dù,

Sư đoàn Thủy quân lục chiến, Sư Đoàn 1 Bộ binh, các Lực lượng Biệt động quân, Thiết giáp... Nhưng sau cuộc hành quân này, ông không muốn quân đội chấp nhận sự bại trận đó, ông bay ra Đông Hà, mở cuộc họp báo "đã chiến". Ngồi trên những thùng đạn pháo binh, tại thửa ruộng nơi tập trung quân của một đơn vị Nhảy dù, và nhìn về phía sông Bến Hải, ông lên án thách thức các lãnh tụ Cộng sản Bắc Việt. Ông đề cao Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, ca ngợi tinh thần chiến đấu chống Cộng dũng cảm của các chiến sĩ. Và ông đoan quyết trong một "trận thư hùng" kế tiếp, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa sẽ chiến thắng, sẽ chứng minh đúng lời ông nói.

Điều đó đã xảy ra trong cuộc tổng tấn công của Bắc Việt năm 1972.

Và mới đây, khi ông Thiệu ra ngoài tiền tuyến ăn tết với anh em binh sĩ. Đi trong một khu rừng vùng Bình Định, và giữa một rừng quân cùng với mấy Tướng lãnh khác. Một tiếng nổ long trời. Một "cơn địa chấn nhỏ". Một "đám mây hình nấm" dâng cao. Và tiếp theo là những tiếng hoan hô vang dội. Hàng ngàn, nhiều ngàn chiến sĩ từ những vị trí đóng quân, từ những ngọn đồi cao cách xa hàng cây số, đứng dậy cùng một lúc, giơ cao vũ khí đón chào ông. Họ hân hoan vui mừng được thấy ông, vì họ biết rằng ông cũng là một quân nhân đã từng chiến đấu ngoài mặt trận như họ.

Nhưng hôm nay ông Thiệu đã không sử dụng cái uy quyền, cái "hào quang" đó. Ông đã không bay trực thăng như "xuống An Lộc", "lên Kontum", "ra Quảng Trị"... năm 1972 khi những chiến trường này còn nguyên mùi thuốc súng. Ông đã không có một quyết định của người chỉ huy trong chuyến này. Lúc đầu là Đà Lạt, rồi Pleiku, Nha Trang, và cuối cùng... Cam Ranh! Có thể vấn đề bảo mật đã được sử dụng tối đa hay trong sự hốt hoảng tột cùng?

Ông sử dụng chiếc "Air Force I" bay ra một căn cứ bỏ hoang (!) của Mỹ. Không kèn, không trống, không lễ nghi quân cách! Ông đã không

có uy tín trước quốc dân. Bây giờ ông chối bỏ nốt cái uy quyền của mình trong Quân đội. Phải chăng đây là dấu hiệu của một sự sụp đổ??

Vì chỉ được biết vào giờ phút chót, để bảo mật cho chuyến đi của ông Thiệu, nên đã không có một chuẩn bị nào để đón tiếp ông và phái đoàn. Ngay cả một cái thang cao lên xuống dùng cho loại máy bay lớn DC6, DC4 cũng không có.

Chiếc "biệt thự bay" tiến vào chỗ đậu. Một chiếc xe jeep được lái tới sát bên. Ông Thiệu, các Tướng Khiêm, Viên, Quang lần lượt... "tụt" bằng dít khỏi chiếc DC6 để rồi bước trên mui xe!

Đứng sát chỗ máy bay đậu, nhìn ông Thiệu "xuống" một cách vất vả và khôi hài, tôi đã giơ máy ảnh lên, nhưng cuối cùng không thu bức hình này. Tôi muốn giữ một kỷ niệm với vị Chỉ huy trưởng trường Võ bị Đà Lạt năm 1955-1957, người mà các sinh viên sĩ quan khóa 12, 13, và tôi rất kính trọng vì tài chỉ huy và kiến thức sâu rộng.

TRẦN CHIẾN

11 giờ 32 phút ngày 14 tháng 3, 1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Tổng Tư lệnh tối cao Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Đại tướng Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng Chính phủ, Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Trung tướng Đặng Văn Quang, Phụ tá An ninh Quân sự của Tổng Thống, Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II và Chiến trường Cao nguyên bước vào phòng họp của tòa Bạch dinh Cam Ranh!

"Căn nhà trắng" lịch sử của vùng Đông Nam Á này được xây cất trên một ngọn đồi cao, nhìn ra biển và có thể quan sát khắp Cam Ranh.

Thời kỳ quân Mỹ còn chiến đấu tại Việt Nam, "tòa Bạch Dinh" Cam Ranh được làm trong một ngày với tốn phí 1 triệu mỹ kim để Tổng thống Hoa Kỳ Lyndon Johnson tới làm việc và nghỉ... một đêm!

Một triệu mỹ kim, đó chỉ là "số tiền nhỏ" trong số nhiều chục tỷ mỹ kim mà nhân dân Mỹ đã đóng thuế và viện trợ cho Việt Nam! Tòa Bạch Dinh này kể từ ngày Mỹ "giải kết" rút quân hơn hai năm nay, đây là lần đầu

tiên được sử dụng!

Vừa bước vào, kéo ghế ngồi xuống, Tướng Thiệu đã hỏi ngay:

- Tình hình nặng lắm phải không Thiếu Tướng Phú ?

Tướng Phú vừa sửa lại sắp bản đồ hành quân của chiến trường Quân khu II trên một cái giá đứng, vừa trả lời:

- Thưa Tổng thống, ... nặng. Rất nặng!

- ...

Và ngay khi Tướng Phú bắt đầu trình bày được vài câu về tình hình các mặt trận trên chiến trường Quân khu II, thì Tướng Thiệu đã chặn ngang:

- Tôi muốn anh trình bày mặt trận Ban Mê Thuột trước nhất. Đặc biệt về Ban Mê Thuột. Vắn tắt, rõ ràng và phải thật chính xác tình hình đang xảy ra trên chiến trường!

Tướng Phú:

- Dạ... kính thưa Tổng thống, kính thưa quý vị Tướng lãnh. Ngày đầu tiên, sáng 10 tháng 3, 1975 Cộng quân tấn chiếm Ban Mê Thuột với Sư đoàn F10, một phần của Sư đoàn 320 và những trung đoàn chiến xa pháo binh nặng 130, 152 ly. Nhưng tin tức mới nhất, xác thực nhất, thêm Sư đoàn 316 cũng đã vào trận địa.

Tướng Thiệu ngạc nhiên:

- Anh nói sao ? "Thằng" 316 cũng đã vào trận địa đánh Ban Mê Thuột ?

Tướng Phú đáp không nghĩ ngợi:

- Tôi xin đoan quyết với Tổng thống, Sư đoàn 316 Cộng sản Bắc Việt vào trận địa ngày thứ hai 11 tháng 3, 1975 và làm nỗ lực phụ cho Sư đoàn 320 "dứt" Ban Mê Thuột. Nếu Tổng thống không tin, tôi sẽ cho "bốc" hai tù binh của Sư đoàn 316 do Trung đoàn 53 Bộ binh bắt được tại mặt trận phi trường Phụng Dực về trình diện.

Tướng Thiệu quay sang Tướng Viên:

- "Thằng" 316 là sư đoàn tổng trừ bị của Cộng sản Bắc Việt, tôi nghe nói tháng trước "nó" còn ở ngoài Bắc phải không... Đại Tướng Viên ?

Tướng Viên:

- Dạ... đúng vậy! Phòng Nhì (Tổng Tham mưu) có trình cho tôi biết, đầu tháng 2, 1975, Sư đoàn 316 còn ở ngoài Bắc!

Tướng Phú giải thích:

- Tôi đã được báo cáo đầy đủ về cuộc thẩm vấn tù binh. Hai tên này cùng khai toàn bộ Sư đoàn 316 Cộng sản Bắc Việt mới được lệnh vào Nam giữa tháng 2, 1975. Vào trận địa ngày đầu tiên 11 tháng 3, 1975 đánh và bị bắt ngay. Chắc Tổng thống và quý vị Tướng lãnh còn nhớ những vụ đánh bom các đoàn xe Bắc Việt trên xa lộ đất, trực tiếp vận Nam-Bắc và cũng là hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh cũ, ngày cũng như đêm trong tháng trước? Bị thiệt hại rất nặng, nhưng Cộng sản Bắc Việt vẫn chấp nhận. Tôi nghĩ rằng, Sư đoàn 316 được điều động cùng với một số chiến cụ quan trọng tới Chiến trường Cao nguyên dịp này...

Bỗng Tướng Thiệu cắt ngang, hỏi Tướng Phú:

- Còn "thằng" F10 ? Tại sao bữa trước anh trình tôi "nó" di chuyển xuống Pleiku, chỉ có một trung đoàn đánh Quảng Đức ?

Tướng Phú:

- Trước 5 ngày Cộng quân tấn công Ban Mê Thuột, Phòng Nhì Quân đoàn bắt được điện đài biết rằng Sư đoàn F10 đã rời bắc Kontum. Tưởng rằng sư đoàn này sẽ tăng cường cho Sư đoàn 968 Cộng sản Bắc Việt tại mặt trận nam Pleiku. Nhưng chúng đã kéo toàn bộ xuống đánh Núi Lửa, Đức Lập và tiến về Ban Mê Thuột theo Quốc lộ 14.

- "Thằng" F10 là của mặt trận B3 ?

- Dạ thưa Tổng thống... đúng!

- Anh nói toàn bộ là gồm cả 3 trung đoàn ?
- Dạ, đó là các Trung đoàn 25, 29 và...
- Trung đoàn 147 ?
- Trình Tổng thống... đúng vậy!

Tướng Thiệu cắn nát miếng xì gà đang ngậm trên miệng:

- "Bon", thế anh định đối phó với tình hình này ra sao ?

Tướng Phú bình tĩnh trả lời:

- Thưa Tổng thống, Quân đoàn II đổ quân tăng viện để tái chiếm Ban Mê Thuột. Nhưng với tình hình hiện nay vô cùng khó khăn. Lực lượng chính qui Cộng sản Bắc Việt đông hơn gấp bội, và có quá nhiều chiến xa, đại pháo. Tôi luôn luôn tuyệt đối tuân theo lệnh Tổng thống trong việc tái chiếm Ban Mê Thuột, nhưng tôi không muốn bị sa lầy hơn nữa. Là Tư lệnh Quân đoàn, bị Cộng sản đánh chiếm mất một tỉnh, tôi cảm thấy nhục nhã vô cùng. Tôi sẵn sàng chịu mọi hậu quả, trách nhiệm. Và tôi cũng đã chuẩn bị tinh thần, gia đình, vợ con... để quyết "tử thủ" chiến đấu tại Pleiku, dù chết tại đó.

- Anh tin rằng sau Ban Mê Thuột Cộng sản sẽ đánh chiếm Pleiku ?

- Tôi tin chắc như vậy! Chọn cao nguyên là chiến trường chính trong năm nay, mưu đồ của Cộng sản Bắc Việt là bằng mọi giá phải đánh tan các đơn vị Quân đoàn II, chế ngự toàn vùng cao nguyên để gây tiếng vang quốc tế, và đặt thủ đô cho Mặt trận Giải phóng, và...

Tướng Thiệu hừ lên một tiếng, rồi nhếch miệng cười. Ông hơi khó chịu về cách trình bày dông dài của Tướng Phú. Chẳng lẽ trên cương vị lãnh đạo, một người có quá nhiều kinh nghiệm với Cộng sản như ông, không biết những điều Tướng Phú vừa nói hay sao ?

Tướng Thiệu cắt ngang lời Tướng Phú một lần nữa, rồi hỏi:

- Trường hợp Cộng sản tấn công Pleiku với hai, ba sư đoàn như đánh

Ban Mê Thuật, liệu anh chịu nổi không ?

Tướng Phú đáp không nghĩ ngợi:

- Tôi đã chuẩn bị một trận đánh quyết định ở Pleiku. Và nếu cần, tôi sẽ bỏ luôn Kontum. Cũng vì thế, tôi đã cho lệnh hai Liên đoàn Biệt động quân phòng thủ phía xa trên bắc Kontum rút về án ngữ Chu Pao để giữ không cho địch cắt Quốc lộ 14, khoảng đường Kontum-Pleiku. Với toàn thể Lực lượng Biệt động quân, Quân khu II, những thành phần còn lại của Quân đoàn và với Lực lượng Chiến xa, Pháo binh không quá chênh lệch giữa hai bên, tôi tin rằng sẽ giữ được Pleiku.

Chiến trường Pleiku do ta lựa chọn sẽ có ưu thế như của địch quân hiện nay tại chiến trường Ban Mê Thuật. Thêm vào đó, vì địa thế Pleiku trống trải, Không quân sẽ yểm trợ rất hữu hiệu để tiêu diệt chiến xa và pháo binh Bắc Việt...

Tướng Thiệu hoàn toàn bất ngờ về cách trình bày và những câu Tướng Phú trả lời các câu hỏi của ông ngày hôm nay. Tướng Phú đã không còn là một quân nhân luôn luôn tuân theo lệnh thượng cấp, và "sợ" ông như trước kia nữa. Ông ngược nhìn lên, và ông đã bất gặp một cái liếc nhanh của Tướng Phú về phía Tướng Khiêm, rồi... khựng lại. Và ông hiểu tại sao ? Trong cái bén nhậy và tinh tường của một cấp chỉ huy nhận định về thuộc cấp của mình, Tổng thống Thiệu biết rằng Tướng Phú đã có một sự thay lòng đổi dạ. Viên Tư lệnh Quân đoàn II này đã trở thành em út cật ruột, đứng hẳn về phe của Tướng Trần Thiện Khiêm!

Tướng Thiệu nhìn thẳng vào Tướng Khiêm, rồi lần lượt đến các Tướng Viên, Quang và chậm rãi hỏi:

- Sau khi Tướng Phú trình bày về mặt trận Ban Mê Thuật và Chiến trường Cao nguyên, quý vị trong Hội đồng Tướng lãnh có điều gì cần hỏi anh Phú ?

Tướng Khiêm hơi biến sắc mặt, giọng không được tự nhiên:

- Trình Tổng thống, hình như Thiếu tướng Phú muốn trình bày thêm.

Tướng Thiệu gật đầu. Tướng Phú trình bày tiếp:

- Kính thưa Tổng thống, kính thưa Thủ tướng và quý vị Tướng lãnh.

Có một vấn đề hết sức quan trọng, tôi xin được trình bày trước Tổng thống và quý vị tướng lãnh. Lực lượng Cộng sản Bắc Việt hiện tại ở cao nguyên có 4 sư đoàn và 1 sư đoàn, Sư đoàn 3 Sao Vàng ở mặt trận Bình Định, vùng duyên hải được tăng cường thêm nhiều trung đoàn pháo, chiến xa, phòng không. Ngoài ra, theo nguồn tin tình báo bạn (tình báo Mỹ?), thì năm nay Bắc Việt tung thêm 2 sư đoàn mới vào Chiến trường Cao nguyên: Sư đoàn 316 và 312 Cộng sản Bắc Việt, chứ không phải chỉ có một Sư đoàn 316 mà thôi.

Đồng thời, sau Hiệp định Ba Lê 27 tháng 1, 1973, Bắc Việt đã biến đường mòn Hồ Chí Minh thành "xa lộ đất". Với "hậu phương lớn" ngoài Bắc, những mật khu có sẵn tại Lào và Cam Bốt, Cộng quân có khả năng bổ xung quân số và tiếp vận mau lẹ hơn ta rất nhiều. Tôi e ngại rằng, nếu phải chiến đấu lâu dài, tôi sẽ không còn đủ quân số, đạn dược, nhiên liệu để chiến đấu...

Tướng Thiệu tự nhiên xoay hẳn người lại nhìn về phía Tướng Viên. "Chìa khóa của vấn đề" ngày hôm nay đã do Tướng Phú tự nói ra. Ông không biết điều mà Tướng Phú sắp yêu cầu Tướng Viên là do Tướng Phú tự chuẩn bị từ trước, hay chính là Tướng Khiêm đã "cố vấn" cho Tướng Phú. Mặt Tướng Thiệu lạnh lùng, đưa mắt nhìn lên trần nhà. Có lẽ ông đã biết trước đề nghị của Tướng Phú và dự đoán được câu sắp trả lời của Tướng Viên (?)

Tướng Phú thấy thái độ hơi lạ của Tướng Thiệu, ngừng lại giây lát, rồi tiếp tục:

- Tôi xin khẩn trình Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng chấp thuận tăng cường cho Quân khu II thêm 2 Liên đoàn Biệt động quân, hoặc các Lực lượng Tổng trừ bị khác của Quân đội. Và cho lập cầu không vận Sài Gòn-Pleiku, tiếp tế cho Chiến trường Cao nguyên mỗi ngày!

Tướng Viên quay nhìn Tướng Thiệu và nói:

- Vấn đề này tôi có thể xin phép Tổng thống để trả lời Thiếu tướng Phú ngay. Lập cầu không vận Sài Gòn-Pleiku để yểm trợ, tiếp tế cho Chiến trường Cao nguyên, không trở ngại. Nhưng lực lượng tăng cường cho Quân khu II... thì không còn quân nữa. Vì tất cả Lực lượng Tổng trừ bị của Quân đội đã được sử dụng!!

- ...

ĐẤU TRÍ

Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu vừa là một nhà quân sự, vừa là một nhà chính trị. Trong Quân đội, ông đã chỉ huy từ cấp nhỏ đến cấp lớn. Ông là Tư lệnh Sư đoàn 1 và Sư đoàn 5 Bộ binh trước năm 1963, và sau đó là Tư lệnh Quân đoàn IV, Tham mưu trưởng Liên quân, Tổng trưởng Quốc phòng.

Trên lãnh vực chính trị, ông là một người khôn ngoan, nhẫn nại, chịu đựng, thủ đoạn, thâm độc và... lì lợm.

Có dư luận cho rằng ông được làm Tổng thống vì ông Kỳ (Thiếu tướng Tư lệnh Không quân) đã "anh hùng Tàu", nhường cho ông. Điều đó không đúng hẳn!

Bởi vì "chu kỳ quân nhân cầm quyền" được Mỹ áp đặt tại Việt Nam như ở những quốc gia chậm tiến khác có chiến tranh, và ở trong "quỹ đạo" Mỹ, một may mắn nhỏ đã đến với ông và ông Kỳ cùng một thời gian, một địa điểm.

Trong một bữa ăn tối với "toàn quyền" Maxwell Taylor, bốn Tướng

trẻ đại diện Tướng Nguyễn Khánh, Quốc trưởng Việt Nam Cộng Hòa, thảo luận với ông Đại sứ về những liên lạc ngoại giao giữa hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ. Trong một lúc "bốc", ông Kỳ đã ăn thua đủ với "toàn quyền" Maxwell Taylor về chính sách "cây gậy và củ cà rốt" mà Mỹ đang áp dụng ở Việt Nam. Ông Thiệu và hai Tướng trẻ khác xanh mặt, và rất "nể" ông Kỳ. Đó là các Tướng Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh Quân đoàn I và Đề đốc Chung Tấn Cang, Tư lệnh Hải quân Việt Nam.

Nhưng ngay hôm sau, khi Tướng Khánh yêu cầu 4 Tướng cùng ông ký vào "phản kháng thư" gửi cho Mỹ thì hai người: ông Thiệu đã không chịu ký, và cả chính ông Kỳ cũng không dám ký. Lẽ dĩ nhiên "toàn quyền" Taylor và CIA Mỹ biết hết, do đó một thời gian ngắn sau, Tướng Khánh mang một nắm đất "ra đi... lưu vong". Ông Thiệu được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia, ông Kỳ làm Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương (Thủ tướng). Ông Thiệu thích ông Kỳ từ đó, vì biết ông Kỳ cũng là người khôn ngoan (!) như ông.

Khi trở thành Tổng thống, ông Thiệu muốn bắt chước cái "nghệ thuật" khi cương khi nhu với Mỹ của ông Kỳ, ông đã mời một ông Đại sứ bạn thân với ông Kỳ tới dinh Độc Lập, nhờ mách "bí quyết".

Ông Đại sứ, một nhà "phù thủy" trong ngành ngoại giao, và cũng là một "võ lâm cao thủ" trong làng mạt chược của Việt Nam, gật gù cái đầu "cổ vắn" ông Thiệu:

- Nếu Tổng thống muốn có những giây phút "bốc" và thật khôn ngoan như của Tướng Kỳ, Tổng thống phải biết đánh mạt chược. Mạt chược là môn thể thao để "đấu trí". Tướng Kỳ chơi mạt chược rất giỏi. Ông ấy "làm bài"... "kín" như bưng, té ra là "ù mủn, ù lớn". Làng không ai đỡ được!

- !!!

Tuy nhiên sau đó ông Thiệu đã không học đánh mạt chược để... đấu trí. Ông nghe nói đánh mạt chược cũng dễ bị "hư" và trở thành kiêu căng. Bởi vì có những chính trị gia nổi tiếng, những ông đại sứ, những chuyên viên sẵn sàng "hủy hoại thân thể"... sút ù khi chơi với mấy ông Phó Tổng thống, Thủ tướng (!), làm cho môn thể thao này dễ quá, và mất đi một phần... nghệ thuật!

Ông Thiệu đã chọn lựa một môn thể thao khác để chơi, và để... "đấu trí": câu cá!

Đi câu giúp ông tập được tính kiên nhẫn và có những quyết định sáng suốt. Có khi một mình ông trong đêm tối, giữa một vùng biển bao la, ông ngồi hàng giờ, nhiều giờ, đợi cá cắn. Những lúc đó, ông tập trung tư tưởng, tìm ra những giải pháp cho các vấn đề nan giải của Đất Nước, và để "đấu trí" với... bạn, với... thù, với... Mỹ!

Ông nhớ một đêm tối, trời lất phất mưa, ngoài vùng biển Côn Sơn... Trên chiếc tàu nhỏ, ông vật lộn với một con kinh ngư gần một tiếng đồng hồ. Con kinh ngư vùng vẫy chiến đấu làm cho chiếc tàu nhiều lần như muốn lật úp. Khi được kéo lên, đó là một con cá thật to và chiều dài gần bằng... ông! Đúng lúc đó, ngọn đèn pha cực sáng được chiếu vào chỗ ông đứng và con cá khổng lồ (!) ở bên. Một chiếc tàu khác lướt sóng như bay đến. Bấy giờ ông mới chợt nhớ ra ông có cái hẹn với một nhà báo ngoại quốc. Nữ Ký giả Oriana Fallaci, một nhà báo Ý nổi tiếng, bước sang tàu của ông Thiệu, bàn tay lạnh cóng khi bắt tay ông. Ông Thiệu với tay lấy chiếc field jacket của nhà binh để bên cạnh, khoác lên người Oriana Fallaci. Ông vẫn mặc quần đùi, áo chemise ngắn tay, và vẫn tiếp tục... câu. Cuộc phỏng vấn đã diễn ra sau đó gần hai tiếng đồng hồ, giữa đại dương!

Sau chuyến đi dài vòng quanh thế giới, phỏng vấn các vị nguyên thủ, các tướng lãnh nổi tiếng, khi trở về, trên hệ thống truyền hình, báo chí Mỹ...

Oriana Fallaci đã "xếp hạng" ông Thiệu và Võ Nguyên Giáp của Việt Nam là hai ông Tướng trong 10 lãnh tụ tài giỏi nhất thế giới (?)

Đấu trí và đương đầu với Mỹ trong gần 10 năm, ông Thiệu hài lòng nhất là trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 1968. Ông đã "gamble" hoàn toàn cuộc đời chính trị và sự nghiệp khi ông chống đối liên danh đang cầm quyền của Phó Tổng thống Mỹ Humphrey, và công khai ủng hộ Ứng cử viên Nixon.

Sau đó là những pha "đấu chưởng" ngoạn mục trước khi Hiệp định Paris ngày 27 tháng 1, 1973 được ký kết. Giữa hai "ê kíp" Kissinger-Haig và người-anh-em-trẻ-tuổi-tài-cai của ông, đó là Bí thư Hoàng Đức Nhã. Hoàng Đức Nhã cũng là bộ óc của dinh Độc Lập đã giúp ông đương đầu với Mỹ trong những năm sau cùng!

Nhưng rồi khi ông Thiệu nhận được tối hậu thư của Tổng thống Mỹ Nixon, "ký hay không ký" vào Hiệp định Paris, cùng với những tài liệu mật về cuộc đảo chính lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm năm 1963 do một người bạn Mỹ gửi sang, ông đã giật mình và hoảng sợ. Gần 10 năm nay, ông đã lãnh đạo Đất Nước, điều khiển quân đội bằng tiền Mỹ, đánh nhau theo kiểu Mỹ, và trong chính sách của Mỹ. Bây giờ ông không thể làm khác hơn những điều Mỹ muốn. Những tài liệu mật cho ông thấy từng ngày, từng giờ khi Tổng thống Ngô Đình Diệm bị hạ do Mỹ sắp đặt.

Do đó, ông đã phải nhắm mắt ra lệnh cho Ngoại trưởng Trần Văn Lắm ký vào bản Hiệp định Paris 1973, dù biết trước ký vào bản hiệp định đầu hàng này, khi các lực lượng chính qui Cộng sản Bắc Việt còn ở miền Nam, còn ở Lào và Cam Bốt, là ông dâng nốt miền Nam Việt Nam cho Cộng sản!!!

Ngày 8 tháng 1, 1975, Phước Long mất. Nhưng người-anh-em-bạn-thân....bán-xe-hơi-cũ Richard Nixon (biệt hiệu của Nixon do báo chí Mỹ

đặt) đã xuống vì vụ Watergate. Tổng thống Gerald Ford không phải do dân Mỹ bầu lên, nên đã không dám có một phản ứng quyết liệt nào với sự vi phạm trầm trọng hiệp định ngưng bắn của Cộng sản Bắc Việt.

Ông Thiệu là người khôn ngoan, đã định bỏ dinh Độc Lập chạy lấy người! Nhưng rồi trong nhóm "Kissinger Việt Nam" trẻ tuổi có tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng, Tổng trưởng Kế hoạch mang đến cho ông một niềm hy vọng.

Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Hưng vì ở Mỹ đã lâu nên không quen ăn mắm tôm. Thấy tóc mun con gái Việt Nam với mùi thơm "hoa mộc" lại tưởng là tóc bạch kim và màu óng ánh "toàn tơ"! Ngồi làm việc ở đường Hiền Vương, Sài Gòn nhưng luôn luôn nghĩ về Đại lộ 14, thủ đô Hoa Thịnh Đốn, tiến sang "Lầu Năm Góc" (chữ nghĩa của đồng chí Võ Đông Giang gọi Pentagon của Mỹ).

Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng quả quyết với ông Thiệu, Pentagon (bộ Quốc phòng Hoa Kỳ) hiện dành một ngân khoản lớn để sử dụng khi Việt Nam Cộng Hòa bị nguy khốn. Ông Thiệu nghĩ ngay đó là tiền để mua những tấn bom thặng dư do các pháo đài bay B52 từ Guam chở đến.

Cộng sản Bắc Việt càng tập trung quân đông bao nhiêu, chúng "sinh Bắc tử Nam" càng nhiều bấy nhiêu. Và ông thích chí... cười.

Phút thích chí với tiếng cười sáng khoái hy vọng đó đã vèo bay. Và cho đến hôm nay, Cộng quân chiếm Ban Mê Thuột đã 4 ngày vẫn không thấy Pentagon nhúc nhích. Kiểm chứng lại thì nguồn tin của tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng là nguồn tin lão khoét!

Ông Thiệu ở cái thế xuống hay không xuống đều "kẹt"! Ông bèn chơi bài liều, chứ không phải là... "lì" như thường lệ! Ông chơi một ván bài "cạn lạng" với Mỹ. Để dần mặt người anh em nước "Cờ Hoa": Các "toi" chơi xấu, cắt đi một nửa tiền viện trợ, thì "moi" cũng cắt một nửa Đất Nước

(Việt Nam) cho "thằng" Cộng sản!

Và để giữ chủ quyền quốc gia, ông đã không cho Mỹ biết về quyết định rút bỏ cao nguyên. Được thì ông vẫn làm Tổng thống, thua thì... huề cả làng!

Ông Thiệu biết cái quyết định của cuộc họp hôm nay sẽ vô cùng quan trọng, và cũng thật nguy hiểm. Ông không muốn gánh chịu một mình trước lịch sử, trước nhân dân và quân đội! Ông muốn kéo theo cả 4 Tướng lãnh hiện diện cùng dự vào quyết định này. Đó cũng là một độc chiêu để "đáp lễ linh động" với người bạn thân, và có thể cũng là đối thủ chính trị cuối cùng trong đời ông: Thủ tướng Chính phủ, Đại tướng Trần Thiện Khiêm!

Các Tướng khác ông chỉ hơi thương hại. Tướng Cao Văn Viên, người mà vì tai tiếng quá nhiều của bà vợ đã xin từ chức về hưu nhiều lần, nhưng ông giữ lại. Tướng Phú, Tư lệnh Quân đoàn II bây giờ là đàn em thân tín của Tướng Khiêm; đó là cái giá đương nhiên đương sự phải trả. Đi hàng hai có khác gì chơi dao hai lưỡi, bị đứt tay là đúng lắm rồi. Còn Tướng Đặng Văn Quang, một "tay" buôn súng lậu và bạch phiến, một "cây" kỳ thị Nam Bắc, và là người có thể làm bất cứ điều gì để có tiền kể cả đưa những tài liệu mật của Quốc gia cho ngoại bang! Bây giờ cho ông Quang chịu trách nhiệm chung cũng chẳng oan bao nhiêu!

Đối thủ chính trị cuối cùng của ông Thiệu là Tướng Khiêm, người cũng là cấp chỉ huy ông trong một thời gian ngắn. Khi "tam đầu chế" Dương Văn Minh-Nguyễn Khánh-Trần Thiện Khiêm điều khiển Quốc gia trong thời gian "loạn Tướng" năm 1964. Hồi đó Tướng Khiêm là Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, ông Thiệu là Tham mưu trưởng Liên quân. Tướng Khiêm cũng là người đã cứu Tổng thống Diệm năm 1960, và rồi cũng đã nhúng tay một cách đắc lực (!) trong cái chết của ông Diệm năm 1963.

Làm chính trị và đương đầu với ông Khiêm, ông Thiệu thấy khó hơn tất cả, so với ông Kỳ, với Mỹ, với Sư, với Cha, với những lãnh tụ chính trị khác, và với "cây kiềng quý", cụ Phó Tổng thống già Trần Văn Hương!

Ông Khiêm cũng sử dụng "chiêu thức" giống ông Thiệu, nhiều khi còn thâm độc hơn nữa. Ông Khiêm xuất chiêu ngay khi vừa biết "mật ước" giữa hai người không được tôn trọng. "Mật ước" để ông Khiêm làm Tổng thống từ năm 1976. Nhưng giờ phút chót của năm 1974, ông Thiệu thay đổi ý kiến, âm mưu sửa đổi hiến pháp, quyết định "cố" thêm một nhiệm kỳ nữa, nhiệm kỳ ba 1976-1980. Thế là ông Khiêm nổi giận, tung ra những "chương" độc địa nhất để hại ông Thiệu. Bắt đầu là vụ "chở hàng lậu có còi hú" ở Long An của bà Thiệu. Tiếp theo là tập hồ sơ tham nhũng rất dày do ông Khiêm chuyển cho Linh mục Trần Hữu Thanh, lập "bản cáo trạng số 1"!

QUYẾT ĐỊNH

Tướng Thiệu nhìn đồng hồ, 12 giờ 35 phút. Phút thứ 63 của phiên họp lịch sử. Lúc này ở phòng ngoài có thêm một Tướng nữa. Đó là Chuẩn tướng Nguyễn Văn Lượng, Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân.

Theo lệnh của Tướng Thiệu, Tướng Phú gọi về Nha Trang chỉ thị cho Tướng Lượng bay đến cùng với hai trực thăng. Nhưng Tướng Lượng tới cả nửa giờ rồi, và chỉ cách một bức tường mà không ai dám mở cửa vào trình, nên đành ngồi chờ đến hết phiên họp.

Phòng bên ngoài, ngoài lực lượng cận vệ đi theo Tướng Thiệu, còn có sự hiện diện của Đại tá Nguyễn Văn Hãn, Giám đốc An ninh Quân đội Vùng II, Đại tá Lê Trọng Đàm, Chỉ huy trưởng Cảnh sát Quốc gia Quân khu II.

12 giờ 37 phút, Tướng Thiệu bắt đầu phân tích tình hình Đất Nước. Ông cho biết quân viện của Mỹ cho Việt Nam sau Hiệp định Paris 1973, đang từ trên 2 tỉ mỗi năm đã giảm xuống chỉ còn hơn 1 tỉ năm 1974, và dưới 1 tỉ cho năm 1975: nghĩa là bị cắt giảm hơn 50%.

Trong khi đó, Bắc Việt được Nga Sô viện trợ tăng hơn gấp bội. Do đó quân số, chiến cụ chúng tung vào các chiến trường năm nay hùng mạnh hơn năm 1972 rất nhiều. Cộng sản Bắc Việt hiện đang sử dụng 4 sư đoàn chính qui trên Chiến trường Cao nguyên. Ngoài Quân khu I, lực lượng địch có thể lên tới 6, 7 sư đoàn.

Về phía Mỹ, từ khi Tổng thống Nixon xuống, mọi cam kết với Việt Nam Cộng Hòa trước khi ký Hiệp định Paris 27 tháng 1, 1973, coi như đã hủy bỏ. Không có, và sẽ không bao giờ có nữa, về việc sử dụng những pháo đài bay B52 ném bom trả đũa Bắc Việt khi Cộng sản vi phạm nặng nề hiệp định ngưng bắn. Nguồn tin bộ Quốc phòng Mỹ sẽ dành một ngân khoản lớn cho không quân Hoa Kỳ yểm trợ các chiến trường miền Nam Việt Nam khi nguy kịch cũng hoàn toàn sai!

Lãnh thổ phải phòng thủ quá rộng lớn, quân ít, chiến cụ ít, đạn dược thiếu thốn. Lực lượng Cộng sản Bắc Việt tấn công năm nay quá mạnh. Do đó, ông đã tham khảo ý kiến với các Tướng lãnh hiện diện (các Tướng Trần Thiện Khiêm, Cao Văn Viên, Đặng Văn Quang) trong quyết định "tái phối trí" lại các Lực lượng Chính qui Quân lực Việt Nam Cộng Hòa để phòng thủ, và chống trả hữu hiệu các cuộc tấn công khác của Cộng sản Bắc Việt trên hai chiến trường Quân khu I và Quân khu II.

Ngừng một chút, Tướng Thiệu hỏi Tướng Phú:

- Thiếu tướng Phú! Nếu anh được lệnh mang tất cả Chủ lực quân, chiến xa và pháo binh của Quân đoàn về phòng thủ và bảo vệ những tỉnh đông dân cư vùng duyên hải, anh sẽ tổ chức, điều động ra sao ?

Tướng Phú hình như đã chờ đợi sẵn để trả lời câu hỏi này của Tướng Thiệu:

- Thưa Tổng thống, cho tôi được "tử thủ" Pleiku, giữ cao nguyên.

Tướng Thiệu cười nhạt:

- Tử thủ ? Với quân số, đạn dược hiện có, liệu anh chiến đấu được bao nhiêu ngày với Cộng sản ?

- Thưa Tổng thống, từ 40 đến 60 ngày!

- Rồi sao nữa ?

Tướng Phú khựng lại, đưa mắt nhìn Tướng Viên cầu cứu, nhưng Tướng Viên quay đi chỗ khác. Tướng Phú đáp:

- Tôi sẽ chiến đấu đến cùng, cho đến khi không còn được tiếp tế súng đạn, lương thực nữa!

Đã đến lúc Tướng Khiêm thấy cần phải lên tiếng để cứu "đàn em" của mình:

- Anh Phú! Tổng thống đã quyết định!

Nhưng không biết có một động lực nào thúc đẩy, Tướng Phú vẫn liêu lĩnh nói với giọng hơi lớn:

- Thưa Tổng thống, thưa quý vị Tướng lãnh. Nếu rút khỏi cao nguyên năm nay thì một cuộc tổng tấn công khác của Cộng sản, có thể vào năm tới, sẽ mất vùng Duyên hải, và mất nước. Tôi và các chiến hữu của tôi có thể chết ở cao nguyên bây giờ, cũng không khác gì chết ở Sài Gòn trong năm tới!

- !!!

Tướng Thiệu là một người bản lãnh thủ đoạn. Ông cũng là một người say mê quân sự như chính trị. Vì thế, ông đo lường được mức đối kháng của Tướng Phú trong lúc này. Ông không muốn một kẻ điên rồ đang "húc đầu vào xe lửa", làm hỏng kế hoạch của ông. Và hơn ai hết, ông biết Tướng Phú không phải là một Tướng đàn em thân tín của ông, bảo sao nghe vậy. Tướng Thiệu lấy điếu xì gà thứ 3, châm hút rồi chậm rãi nói:

- Tôi ra lệnh cho anh, mang Chủ lực quân, chiến xa, đại bác, máy bay về phòng thủ vùng Duyên hải, và tổ chức hành quân tái chiếm Ban Mê

Thuật!!!

- Thưa Tổng Thống...

- Như vậy, không có nghĩa là rút bỏ cao nguyên...!

- Thưa Tổng thống...

- Lệnh này từ cấp Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng trở xuống không được biết.

- Thưa Tổng thống...

- Có nghĩa là các Lực lượng Địa phương quân vẫn ở lại chiến đấu. Các cơ sở hành chánh ba tỉnh Pleiku, Kontum, Phú Bổn vẫn tiếp tục làm việc cùng với Tỉnh trưởng, Quận trưởng như thường lệ.

- !!!

Tướng Khiêm đưa mắt ra hiệu cho Tướng Phú không nên nói thêm nữa. Ngừng một lát, Tướng Thiệu kéo một hơi thuốc thật dài. Mặt ông tự nhiên đanh lại, nhìn vào các Tướng Khiêm, Viên rồi đồng dục nói:

- Quyết định mang tất cả chủ lực quân, chiến xa, pháo binh, máy bay của Quân đoàn II khỏi Pleiku, Kontum tôi đã thảo luận với các Tướng lãnh. Đây cũng là một quyết định chung của Hội đồng Tướng lãnh, như quyết định hôm qua cho Tướng Trưởng ngoài Quân đoàn I.

Phòng họp im phăng phắc, không có một phản ứng, chống đối nào. Bổng Tướng Phú hỏi ông Thiệu một câu gần như lạc đề:

- Thưa Tổng thống, nếu Chủ lực quân, Thiết giáp, Pháo binh rút đi, làm sao Địa phương quân chống đỡ nổi khi Cộng sản đánh? Hơn 100 ngàn dân hai tỉnh Pleiku, Kontum và gia đình anh em binh sĩ?

- Thì cho "thằng" Cộng sản số dân đó! Với tình hình nặng nề hiện tại, mình phải lo phòng thủ, giữ được những vùng dân cư đông đúc, mầu mỡ, hơn là bị kẹt quá nhiều quân trên vùng Cao nguyên.

- !!!

Phải nói ông Thiệu là một "đạo diễn" tài ba trong "quyết định Cam Ranh 14 tháng 3" hôm nay. Dù muốn hay không muốn, ba Tướng Trần Thiện Khiêm, Cao Văn Viên, Đặng Văn Quang cùng "sa lầy", và có trách nhiệm chung với ông Thiệu trong quyết định này! Họ đều là thành viên của Hội đồng Tướng lãnh, lãnh đạo Đất Nước và Quân đội!!

13 giờ 03 phút ngày 14 tháng 3, 1975, lệnh triệt thoái cao nguyên coi như được hợp thức hóa và ban hành. Không một Tướng lãnh nào chống đối hoặc phát biểu thêm về lệnh này!!! Tiếp theo đó, các Tướng thảo luận về việc lựa chọn đường rút quân, Tướng Trần Thiện Khiêm vẫn lạnh lùng, lảm lì, ít nói như thường lệ. Tướng Đặng Văn Quang tiếp tục cho từng điều thuốc lá vào chiếc "tẩu" nhỏ, phì phà thở khói lên trần nhà. Mỗi khi Tướng Thiệu hoặc Tướng Viên đang nói, vô tình nhìn về phía ông, Tướng Quang lại nhếch miệng "cười lấy điểm" như muốn nói "tôi xin đồng ý!" Tư cách và dáng điệu của Tướng Quang giống hệt một chị điểm Mỹ... già ngời "cười cầu tài", hút thuốc lá vặt... đợi khách!

Đạo diễn phần chót của vở kịch rút bỏ cao nguyên vẫn là Tướng Thiệu (!) Tướng Viên được Tướng Thiệu hỏi về Quốc lộ 19 và 21 để rút quân. Tướng Viên cho biết Quốc lộ 21 coi như không thể sử dụng được. Bởi vì Quốc lộ 14, khoảng Pleiku-Ban Mê Thuột địch đã cắt. Lực lượng Cộng sản Bắc Việt hiện có 3 sư đoàn chính qui tại chiến trường Ban Mê Thuột. Đoàn quân triệt thoái sẽ không thể nào rút thoát đi được khi sử dụng Quốc lộ 21 từ Ban Mê Thuột về Nha Trang.

Quốc lộ 19 nối liền Pleiku-Quy Nhơn nếu lựa chọn, cũng khó thành công. Hai phía đông và tây đèo An Khê đã bị cắt, địch quân đóng chốt nhiều nơi. Trong cuộc chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh trước đây, nhiều liên đoàn lưu động của Pháp và Quân đội Quốc gia bị đánh tan trên đèo này. Không có một cuộc rút quân nào trên Quốc lộ 19 thành công!

Tướng Thiệu quay nhìn Tướng Phú đổi giọng thân mật:

- Thế nào Phú, "toi" có ý kiến gì không ?

Tướng Phú:

- Trình Tổng thống và quý vị Tướng lãnh. Để giữ được yếu tố bất ngờ, tôi xin đề nghị chọn "đường số... 7" để rút quân khỏi cao nguyên. Vì trên trục lộ này hiện không có chủ lực quân của Bắc Việt.

Tướng Thiệu:

- Anh nói "đường Liên tỉnh lộ 7" nối liền Pleiku-Phú Bổn-Phú Yên?

- Trình Tổng thống, đúng vậy!

Tướng Thiệu:

- Đường Liên tỉnh lộ 7... hình như đã lâu không được sử dụng. Có nhiều cầu bị hư hỏng, và mìn, bẫy do các lực lượng đồng minh gài từ trước chưa được gỡ bỏ...

Tướng Phú:

- Trình Tổng thống, ngay từ ngày đầu lên Quân đoàn II, tôi đã bay quan sát, và sau đó rất nhiều lần, tôi thấy đường Liên tỉnh 7 vẫn sử dụng được.

- Nhưng với những cầu cống bị hư, làm sao Thiết giáp và Pháo binh qua được ?

Tướng Phú:

- Trình Tổng thống, bây giờ là mùa nước cạn, Lực lượng Công binh Chiến đấu có thể ủi quang những khoảng đường gai góc, và sửa chữa những cầu, hoặc làm đường phụ cho đoàn xe đi qua.

Tướng Thiệu:

- Nhưng còn cây cầu dài, ngang sông Ba khi gần tới Phú Yên, anh chắc còn sử dụng được không ?

Tướng Phú hơi khựng lại:

- Cây cầu dài trên sông Ba sẽ là trở ngại chính cho cuộc rút quân, nhưng tôi đã có cách...

- !!!

- Thưa Tổng thống, nếu cầu sông Ba không sử dụng được, tôi sẽ thảo luận với Tướng Chúc Công binh, dùng tất cả những vĩ sắt PSP của các kho dự trữ ở Sài Gòn, Cam Ranh, và gỡ tại các phi trường Phú Bổn, Phú Yên để lấp ngang sông Ba, vì bây giờ là mùa nước cạn.

Tướng Thiệu gật gù suy nghĩ:

- Cây cầu trên sông Ba còn cách Phú Yên bao xa ?

- Dạ... còn khoảng 20 cây số!

- Pleiku-Phú Yên, 300 cây số hay hơn ?

- Trình Tổng thống, khoảng 300...!

Tướng Thiệu quay hỏi các tướng:

- Quý vị Tướng lãnh nghĩ sao về đường rút quân do Thiếu tướng Phú đề nghị ?

Tướng Khiêm vẫn im lặng. Tướng Quang môi mấp máy, nhưng lại thôi, vẫn chỉ là nụ cười "chờ đợi"! Tướng Thiệu nhìn Tướng Viên:

- Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng có quyết định gì về đề nghị chọn lựa đường Liên tỉnh lộ 7 của Thiếu tướng Phú ?

Tướng Viên:

- Trình Tổng thống, nếu sử dụng được tỉnh lộ 7 sẽ có yếu tố bất ngờ, và hy vọng thành công hơn Quốc lộ 19, nối liền Pleiku-Quy Nhơn!

Tướng Thiệu hơi chồm người ra phía trước. Ông có vẻ hài lòng về câu trả lời của Tướng Viên. Ngay lập tức, ông chỉ thị cho Tư lệnh Quân đoàn II:

- Thiếu tướng Phú, tôi cho anh toàn quyền tổ chức và quyết định về cuộc hành quân để mang tất cả chủ lực quân, chiến xa, pháo binh, máy bay

của Quân đoàn II về phòng thủ vùng Duyên hải và tái chiếm Ban Mê Thuột. Vì tính cách vô cùng quan trọng của cuộc hành quân này, và để giữ được yếu tố bất ngờ với địch, anh chỉ cho các Tướng lãnh, cấp chỉ huy dưới quyền biết từng phần của lệnh này, và ra lệnh tuyệt đối giữ bí mật với dân chúng!

Nói xong Tướng Thiệu nhìn đồng hồ, Tướng Phú không để lỡ cơ hội:

- Trình Tổng thống, tôi còn một vấn đề muốn được xin trình Tổng thống.

- Anh cứ nói!

- Thưa Tổng thống, tôi kính đề nghị Tổng thống đặc cách thăng cấp Chuẩn tướng cho Đại tá Phạm Duy Tất, Tư lệnh mặt trận Kontum. Đại tá Tất hiện chỉ huy 7 Liên đoàn Biệt động quân, quân số hơn 1 sư đoàn.

Tướng Thiệu suy nghĩ giây lát:

- Thăng cấp tướng rất quan trọng, phải lựa chọn người xứng đáng, có khả năng, đức độ, chỉ huy giỏi...

- Kính trình Tổng thống, Đại tá Phạm Duy Tất là một cấp chỉ huy giỏi, rất xứng đáng!

Tướng Thiệu hơi lưỡng lự, nhưng rồi nói:

- Được, tôi ủy nhiệm cho anh toàn quyền thay tôi trong thời gian này, gán lon Chuẩn tướng cho anh ta, và những cấp chỉ huy khác, nếu họ xứng đáng, và thấy cần thiết!

- Xin tuân lệnh Tổng thống!

Mặt Tướng Khiêm hơi biến sắc. Ông hoàn toàn bất ngờ về quyết định này của Tướng Thiệu. Vì quyền thăng cấp tướng trong Quân đội gần 10 năm nay chỉ do một mình Tướng Thiệu định đoạt. Tướng Khiêm với tư cách Thủ tướng Chính phủ cũng như Tướng Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa chỉ có quyền đề nghị, và cố vấn khi Tướng Thiệu tham khảo ý kiến!

Tướng Thiệu đứng dậy. Trước khi rời phòng họp, ông bắt tay Tướng Phú:

- Cố gắng nghe Phú! Phải chuẩn bị tổ chức, tính toán hết sức cẩn thận. "Plan" thời gian cho thật đúng, để giữ được "yếu tố bất ngờ"! Nếu không, bị quân chính qui Cộng sản Bắc Việt kéo tới đánh, một người lính anh cũng không mang ra được khỏi cao nguyên!

Tướng Phú đứng nghiêm chào Tướng Thiệu:

- Xin tuân lệnh Tổng thống. Tôi hiểu ý Tổng thống dạy!

- ...

Nhưng ngay khi Tổng thống Thiệu vừa quay đi, Tướng Phú cắn chặt môi lại. Ông đang có... một quyết định khác trong đầu ?

Phiên họp lịch sử về "quyết định Cam Ranh 14 tháng 3, 1975" chấm dứt đúng 13 giờ 29 phút! Tổng cộng 117 phút!

GHI CHÚ "Quyết định Cam Ranh 14 tháng 3, 1975" được viết qua tiết lộ của Tướng Phạm Văn Phú. Những diễn biến xảy ra sau do sự hiểu biết của tác giả về Chiến trường Cao nguyên, và một phần nào về "cuộc đời chính trị, quân sự" của các Tướng tham dự phiên họp này.

Chiều ngày 14 tháng 3, 1975

17 giờ 10 phút, Tướng Phạm Văn Phú họp bộ Tham mưu Quân đoàn thu hẹp trong chiếc "bunker" của Tư lệnh Quân đoàn. Tham dự gồm Tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân, Tướng Nguyễn Văn Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân, Đại tá Phạm Duy Tất, Tư lệnh mặt trận Kontum, Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn II.

Một bất ngờ mà chính tôi cũng không được biết. Trước buổi họp, Tướng Phú yêu cầu mọi người đứng dậy. Ông trình trọng tuyên bố:

- Thừa ủy nhiệm Tổng thống, Tổng Tư lệnh tối cao Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, tôi đặc cách thăng cấp Chuẩn tướng nhiệm chức cho Đại tá Phạm Duy Tất, Tư lệnh mặt trận Kontum!

Sau đó ông gắn sao lên cổ áo Đại tá Tất.

Việc Tướng Phú vội vàng gắn lon Tướng cho Tư lệnh mặt trận Kontum, đã gây bất mãn cho một số Đại tá khác giữ những chức vụ quan trọng của Quân đoàn. Bởi vì ai cũng biết Đại tá Tất trước kia cùng ở Lực lượng Đặc biệt, và là đàn em thân tín của Tướng Phú. Những người bất mãn nhiều nhất là Đại tá Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn, và Đại tá Đồng, Tư lệnh Lữ đoàn II Thiết kỵ.

Buổi họp tiếp đó kéo dài từ 17 giờ 20 đến 18 giờ 30 phút. Tướng Phú tuyên bố, ông sẽ tóm tắt những phần có thể tiết lộ được trong buổi họp tối mật sáng nay tại Cam Ranh. Ông yêu cầu các Tướng hiện diện cũng chỉ nên truyền đạt từng phần lệnh của thượng cấp, xét thấy cần thiết cho các cấp chỉ huy dưới quyền.

Tướng Phú cho biết tình hình cực kỳ khẩn trương khắp 4 Quân khu. Mặt trận Ban Mê Thuột, hoặc bất cứ một mặt trận lớn nào khác xảy ra cũng sẽ không có quân tăng viện. Vì tất cả lực lượng tổng trừ bị của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã được sử dụng. Tổng thống, Hội đồng Tướng lãnh

quyết định và ra lệnh rút hết Chủ lực quân, Pháo binh, Thiết giáp, Không quân của Quân đoàn từ Pleiku, Kontum về Nha Trang để phòng thủ mặt trận Duyên hải, những vùng đông dân cư. Cấp Tỉnh trưởng, Tiểu khu trưởng trở xuống không được biết về lệnh này. Các đơn vị Địa phương quân tiếp tục chiến đấu tại chỗ. Cơ sở hành chánh vẫn làm việc như thường lệ...

Cuộc rút quân được tổ chức như một cuộc hành quân cấp Quân đoàn. Lộ trình được lựa chọn là Liên tỉnh lộ 7, nối liền Pleiku-Phú Bổn-Phú Yên. Tham mưu trưởng Quân đoàn ra lệnh Liên đoàn trưởng Liên đoàn 6 Công binh phải đích thân bay quan sát đường rút quân. Ước tính nhu cầu, vật liệu cần thiết để sửa chữa và làm cầu, làm đường trên Liên tỉnh lộ 7.

Chuẩn tướng Phạm Duy Tất được đề cử chỉ huy tổng quát cuộc rút quân. Các Liên đoàn Biệt động quân đi tiên phong và đoạn hậu cùng với những đơn vị thiết giáp để mở đường, bảo vệ đoàn xe và cuộc rút quân.

Tướng Phạm Duy Tất, Chỉ huy trưởng Biệt động quân Quân khu II là một cấp chỉ huy có nhiều thành tích trên chiến trường. Tốt nghiệp khóa 4 phụ Sĩ quan Thủ Đức tháng 6, 1954. Một trong những sĩ quan Lực lượng Đặc biệt đầu tiên khi binh chủng này được thành lập. Nổi danh khi còn là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 91 Biệt kích Dù trong trận Pleime 1965.

Pleime là một căn cứ chiến lược sát biên giới Cam Bốt, cách Pleiku khoảng 60 cây số về phía tây nam. Căn cứ này được phòng thủ bởi một tiểu đoàn dân sự chiến đấu người Thượng, quân số hơn 400, với cấp chỉ huy là các sĩ quan và cán bộ Lực lượng Đặc biệt Việt Nam và Hoa Kỳ.

Ngày 19 tháng 10, 1965, hai trung đoàn chính qui Cộng sản Bắc Việt được tăng cường các đơn vị súng nặng tới bao vây, mở những cuộc tấn công liên tục suốt hai ngày đêm. Lực lượng phòng thủ bị thiệt hại khá nặng.

Ngày thứ ba của trận đánh, Tướng Vĩnh Lộc, Tư lệnh Quân đoàn II quyết định sử dụng một lực lượng hùng hậu để tiêu diệt địch quân, và giữ

căn cứ Pleime với bất cứ giá nào.

Sáng ngày 21 tháng 10, 1965, mở đầu cho cuộc phản công, Tiểu đoàn 91 Biệt kích Dù được các trực thăng Việt Mỹ bốc từ chiến trường Bình Định về, thả xuống một khu rừng khá xa với căn cứ Pleime để đánh lừa địch quân. Nhiệm vụ của cánh quân tiên phong này là vào tăng cường cho đơn vị phòng thủ Pleime, và cầm cự chiến đấu, chờ các Lực lượng Thiết giáp, Biệt động quân tới thanh toán chiến trường.

Từ địa điểm được thả xuống, các chiến sĩ Biệt kích Dù đã di chuyển suốt 12 tiếng đồng hồ không ngừng nghỉ, để tiến về Pleime. Và mờ sáng hôm sau, từ nhiều ngả ở phía đông của căn cứ, họ đã mở những cuộc xung phong chạy đua 100 thước trong hỏa lực địch để bắt tay với lực lượng phòng thủ. Cuộc tiến quân ma quái này đã làm cho bọn Việt cộng bất ngờ đến kinh hoàng.

Trận Pleime kết thúc ngày 24 tháng 10, 1965 với gần 1000 xác địch bỏ lại trận địa, 1 trung đoàn Cộng sản Bắc Việt bị xóa tên.

Sau chiến thắng Pleime, Trung tá Phạm Duy Tất được bổ nhiệm làm Chỉ huy trưởng Lực lượng Đặc biệt Vùng I và II Chiến thuật. Năm 1970, Lực lượng Đặc biệt giải tán, sát nhập Biệt động quân để thành lập các đơn vị Biệt động quân biên phòng. Ông trở thành Chỉ huy trưởng Biệt động quân Vùng IV, và sau đó lên chỉ huy Biệt động quân Vùng II kể từ năm 1972. Lực lượng Biệt động quân Vùng II gồm 7 liên đoàn, quân số chiến đấu nhiều hơn một Sư đoàn Bộ binh.

Chuẩn tướng Phạm Duy Tất là vị Tướng thứ hai của Khóa 4 phụ Thủ Đức, sau Tướng Trần Quốc Lịch, một Lữ đoàn trưởng tài ba của binh chủng Nhảy dù.

Ngày N của cuộc triệt thoái cao nguyên sẽ là ngày 17 tháng 3, 1975. Một số vấn đề quan trọng được các Tướng lãnh nêu ra về dân chúng, về số

chiến cụ khổng lồ sẽ bị bỏ lại. Bởi vì tổ chức hành quân triệt thoái, hay nói một cách khác là thiết kế và chỉ huy một cuộc rút quân vô cùng khó khăn. Thất bại nhiều hơn thành công. Và cuộc rút quân quan trọng của Quân đoàn II kỳ này được chuẩn bị vồn vện trong... 2 ngày!

Tuy nhiên, Tướng Phú cho biết đó là quyết định của thượng cấp, của Hội đồng Tướng lãnh. Chậm một ngày sẽ sa lầy, và là tự sát!

Tôi là người ngạc nhiên hơn ai hết về quyết định này! Mấy tiếng đồng hồ trước đây, trên chiếc C47 bay từ Nha Trang lên Pleiku, Tướng Phú tiết lộ cho tôi nghe những bí mật về "quyết định Cam Ranh ngày 14 tháng 3" sáng nay. Ông khẳng định rằng ông không thích là một bại Tướng. Do đó, ông sẽ không tuân lệnh Tổng thống Thiệu. Ông quyết định ở lại Pleiku, đánh một trận sinh tử với Cộng sản Bắc Việt, dù phải chết tại đó; hoặc sau đó nếu thua mới rút. Và ông cũng sẵn sàng chấp nhận cái giá phải trả là mất chức Tư lệnh Quân đoàn II! Bây giờ, Tướng Phú đột ngột thay đổi ?

Suốt đêm 14 tháng 3, 1975 Tướng Phú không ngủ. Ông ngồi làm việc và hút thuốc lá liên miên. Tướng Phú họp với Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn thêm 4 lần nữa để cho những chỉ thị cần thiết về lệnh rút quân.

Ông gọi các Tỉnh trưởng Pleiku, Kontum, Phú Yên, Quảng Đức, Nha Trang ra lệnh, và la hét phũ phàng (!) Tướng Tất cũng "chịu trận" với ông 3 lần trong đêm. Tướng Phú chỉ thị, bằng mọi giá Biệt động quân và Công binh phải mở đường trong ngày mai để đưa Pháo binh Quân đoàn, đại bác 175 ly và 155 ly, về Phú Bổn để yểm trợ cuộc lui binh.

3 giờ sáng tướng Phú gục đầu xuống bàn nói lảm nhảm một mình. Nói về hơn 100 ngàn dân, thương binh, gia đình binh sĩ bị bỏ lại. Về trận chiến lịch sử bi thảm, và cuối cùng của đời binh nghiệp! Tôi đã lấy máy hình chụp ông lúc này. Chụp cả chiếc giường trong chiếc "bunker" của Tướng Phú với hai cái mền nhà binh còn ngay ngắn, thẳng nếp.

4 giờ, kho đạn Pleiku nổ. Ông chụp ngay điện thoại, giọng thều thào ra lệnh Tướng Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân cho trực thăng võ trang lên khẩn cấp, lùng đánh các tổ đặc công của địch.

Kho đạn nổ suốt 2 giờ, gần 2000 viên đạn đại bác trong những ụ đạn 105 và 155 ly bị nổ. Đại tá Hãn, Giám đốc An ninh Quân đội Vùng II tới báo cáo có đặc công Việt cộng đột nhập phá kho đạn. Tướng Phú không hỏi Đại tá Hãn về tình hình kho đạn, nhưng hỏi:

- Anh có nghe gì thêm về việc báo chí loan tin Tướng Lữ Mộng Lan sắp lên thay tôi không ?

- Dạ... không, thưa Thiếu tướng!

- Chắc!... Lữ Mộng Lan, tên ông ấy giống tên đàn bà quá há ?

Tướng Phú nói rồi với chiếc cassette để ở gần giường ngủ, trao cho Đại tá Hãn:

- Đây! "ông Cò", tặng cho cái cassette mang về nghe chơi!

- Cảm ơn Thiếu tướng!

Tiếng "ông Cò" mà Vinh và tôi thường gọi hai "người anh em" khá thân ở Vùng II, Đại tá Hãn, Giám đốc An ninh Quân đội và Đại tá Đàm, Chỉ huy trưởng Cảnh sát Quân khu II, không ngờ Tướng Phú để ý, và lần đầu tiên tôi nghe ông sử dụng!

Sự thật, nguồn tin Tướng Phú bị thay thế như sau này chính Tổng thống Thiệu tiết lộ. Có đến 3, 4 ông Tướng được hỏi ý kiến; trong số đó có cả các Tướng Lê Nguyên Khang, Nguyễn Bảo Trị. Nhưng các ông Tướng này từ chối, viện cớ số tử vi xấu, sợ sao bị... cháy!



30 ngày trước khi Cộng quân tấn công Ban Mê Thuột, khi chưa bị rối loạn, chưa ban hành quyết định rút Cao nguyên, bỏ Huế; Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã đi khắp 4 Vùng Chiến thuật để ăn tết niên ngoài tiền tuyến với quân sĩ. Tại Mặt trận bắc Kontum, vùng biên giới Lào-Việt, Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên, hướng dẫn Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa tới thăm một đơn vị Biệt động quân trên tuyến đầu.



Trên phòng tuyến tây nam Pleiku đầu năm 1975. Từ trái: Tổng thống Thiệu, Tướng Phú, Trung tá Trung đoàn Trưởng Trung đoàn 44, Sư đoàn 23 Bộ binh, Trung tướng Lê Nguyên Khang, Phụ tá Hành quân, Tổng Tham mưu Trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, và Trung tướng Trần Văn Trung, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến tranh Chính trị.

BỨC HÌNH LỊCH SỬ VỀ QUYẾT ĐỊNH CAM RANH 14-3-1975.



Ngày 14-3-1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu với tư cách là Tổng Tư lệnh tối cao Quân lực Việt Nam Cộng Hòa tới Cam Ranh cùng với các Tướng Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng Chính phủ, Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng... ra lệnh cho Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II rút quân khỏi Cao nguyên. Quyết định chiến lược sai lầm này đã đưa đến sự sụp đổ tinh thần, làm tan rã Quân lực Việt Nam Cộng Hòa và mất nước đúng 47 ngày sau đó, 30-4-1975.



Chuẩn tướng Phạm Duy Tất, Tư lệnh Mặt trận bắc Kontum và một đơn vị Biệt động quân.
 Hình trên, từ trái: Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn I, và Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân, Quân đoàn II.



Trung tá Nguyễn Văn Giang, Giám đốc Không trợ Quân đoàn II (hình trên), người đã chỉ huy những trận đánh bom, và có mặt tại hầu hết các mặt trận trong những ngày sau cùng trên Chiến trường Cao nguyên. Và Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh Mặt trận Ban Mê Thuột năm 1975 (hình dưới, người đầu tiên). Hình chụp khi Đại tá Quang chỉ huy Liên đoàn An ninh tại Sài Gòn.





Ngày 30-3-1975, Tướng Weyand, cựu Tư lệnh Quân đội Mỹ tại Việt Nam được Tổng thống Hoa Kỳ Gerald Ford gọi sang thẩm định tình hình, sau những cuộc rút quân Cao nguyên và Quân đoàn I của Việt Nam Cộng Hòa. Tướng Phạm Văn Phú đích thân đi đón Tướng Weyand và trình bày tình hình các mặt trận tại Quân khu II.



**Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, một trong những Tướng lãnh phải chịu trách nhiệm nặng nề nhất về thảm bại của "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975".
Hình chụp Tướng Viên khi là Tư lệnh Lữ đoàn Nhảy dù năm 1963.**



Tác giả trong một cuộc tiếp xúc với đại diện báo chí của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu năm 1970 (hình trên), và với Đại tướng Nguyễn Khánh năm 1987 (hình dưới).





Theo nhận định của những nhà quân sự ngoại quốc và đa số các Tướng lãnh Việt Nam, trong trận chiến Nam-Bắc sau cùng năm 1975, nếu Tướng Đỗ Cao Trí là Tổng Tham Mưu Trưởng kiêm Tư lệnh Chiến trường, chắc chắn Quân lực Việt Nam Cộng Hòa không bị thất trận một cách đau thương như vậy.

Hình chụp cố Đại tướng Đỗ Cao Trí tại mặt trận khi còn là Tư lệnh Quân đoàn III.

HÌNH ẢNH OAI HÙNG CỦA QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA.



Các phi công phản lực.



Không gian vương dầu giấy.

(Hà Huyền Chi)





Trung tướng Phạm Quốc Thuần và Trần Văn Trà, đại diện Mặt trận Giải phóng miền Nam, trong Ban Liên hợp Quân Sự Trung ương.



3 trong 5 vị Tướng anh hùng của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã tự tử chết ngày 30-4-1975, sau lệnh đầu hàng của Dương Văn Minh, từ trái: Tướng Trần Văn Hai, Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tướng Lê Văn Hưng.

Tướng Phạm Văn Phú trong cuộc gặp gỡ báo chí, ngày đại quân Sư đoàn 1 Bộ binh vào Tchépone, Hạ Lào năm 1971. Tướng Phạm Văn Phú và Tướng Lê Nguyên Vỹ, Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ binh là hai vị Tướng cũng đã tự tử chết ngày 30 tháng 4, 1975.





Phóng vấn Tiến sĩ Brockmayer, Viện Trưởng Cao đẳng Quốc phòng Hòa Lan, và Tướng Vĩnh Lộc, Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên 1965-1968. (Hình dưới: Tướng Lê Minh Đảo và tác giả.)





Lần bay cuối cùng với Tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Mặt trận Long Khánh năm 1975.



Và cuộc hội ngộ bất ngờ sau 18 năm với các Tướng Phạm Duy Tắt, Tư lệnh Mặt trận Bắc Kontum và Tướng Lê Minh Đảo tại phi trường Dulles, Hoa Thịnh Đốn đêm 9 tháng 6, 1993. Từ trái: Chuẩn tướng và bà Phạm Duy Tắt, Tướng Lê Minh Đảo và tác giả (hình của Phạm Bội Hoàn, CBS).



Phạm Bảo Quân, đứa bé vượt đại dương trong bụng mẹ ngày 30-4-1975, từ Phú Quốc, Việt Nam, người đã giúp tác giả sau 11 năm trở lại nghề cầm bút, và hoàn thành quyển sách này.

LỆNH BỎ PHƯỚC AN CỦA TƯỚNG THIỆU

Ngày 15 tháng 3, 1975.

Mặt trận Ban Mê Thuột hôm nay tương đối lắng dịu. Dịch quân hình như muốn giám định tình hình và thực lực mới của phía ta với đoàn quân tăng viện đổ xuống Phước An trong những ngày 12 tháng 3 và 13 tháng 3, 1975.

9 giờ sáng, Thiếu tướng Phú ký thăng cấp Đại tá mặt trận thực thụ cho Trung tá Võ Ân, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 53 Bộ binh, đang chỉ huy mặt trận phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột. Lúc ở Trung tâm Hành quân đi ra, ông thấy một người đàn bà và hai em nhỏ đứng trước sân cờ của bộ Tư lệnh. Hỏi ra mới biết là bà Đại tá Trịnh Tiểu, phu nhân ông Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột lưu động, và hai con. Từ mấy hôm nay không thấy Đại tá Tiểu liên lạc về nhà nên bà sốt ruột mang con vào hỏi thăm chồng. Tướng Phú đã chỉ thị Phòng 4 Quân đoàn cấp phương tiện cho bà và gia đình về Sài Gòn.

11 giờ 45 phút, sau những cái lệnh cho bộ Tham mưu Quân đoàn và Tướng Tất, Tướng Phú bay về Nha Trang. Trước đó ông cũng gọi cho Đại

tá Hoàng Thọ Nhu, Tỉnh trưởng Pleiku, dặn dò đặc biệt. Tôi nghe ông nói: "Nhớ liên lạc thường xuyên với Tất!" Chuẩn tướng Tất là cấp chỉ huy cũ của Nhu.

Tình hình Pleiku ngay buổi sáng 15 tháng 3, 1975 nhất là phi trường Cù Hanh, đã bắt đầu hỗn loạn. Tin Quân đoàn II "di tản chiến thuật" bay đi nhanh chóng. Mọi người, mọi giới hoang mang tột độ. Tôi tưởng rằng sau đó Tướng Phú sẽ bay trở lên Pleiku. Nhưng... không!

Sự việc này làm tôi không thể hiểu nổi. Tôi nghĩ rằng Tướng Phú là người phải chịu trách nhiệm nặng nề nhất về sự thảm bại sau đó của cuộc rút quân.

15 giờ 30, tôi đang dần bụng bằng một bát mì gói tại câu lạc bộ "đã chiến" vừa thiết lập phía sau bộ Tư lệnh Quân đoàn II "di tản" tại Nha Trang, thì được gọi về trình diện Tướng Phú. Tướng Phú ra lệnh:

- Ngay bây giờ, anh đi bay cùng với Đại tá Thiên xuống Phước An bằng trực thăng của tôi.

Và ông ghé sát tai tôi:

- Anh gặp riêng Chuẩn tướng Tường nói nguyên văn lệnh của tôi: "lệnh của Tổng thống, rút bỏ Phước An, mang quân về phòng thủ tuyến Khánh Dương, càng sớm càng tốt"!

- Tôi nhận rõ!

Đại tá Trần Cửu Thiên là Phụ tá của Tướng Phú về binh định và phát triển. Tướng Lê Trung Tường là Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, đang chỉ huy mặt trận Phước An.

Lại thêm một cái lệnh, một biến chuyển vô cùng quan trọng nữa mà tôi không thể hiểu nổi! 23 giờ đêm 11 tháng 3, 1975, Tổng thống Thiệu gọi cho Tướng Phú chỉ thị tránh sa lầy, sử dụng quá nhiều quân vào một mặt trận. Toàn quyền linh động, có thể bỏ Ban Mê Thuột. Nhưng ngay

sáng hôm sau 12 tháng 3, 1975, các hệ thống truyền thanh, truyền hình và báo chí khai thác tối đa về lệnh tái chiếm Ban Mê Thuột của Tổng thống Thiệu. Tất cả lực lượng trực thăng 4 Quân khu của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã được tập trung để thực hiện cuộc đổ quân tăng viện vĩ đại này.

Và rồi hôm qua 14 tháng 3, 1975, Tổng thống Thiệu bay ra Cam Ranh cùng với Hội đồng Tướng lãnh, gần như bắt buộc Tư lệnh Quân đoàn II phải rút bỏ cao nguyên.

Tướng Phú trong buổi họp tại Cam Ranh, và trên đường về nói với tôi, thề quyết sẽ "tử thủ" Pleiku. Nhưng chỉ mấy giờ sau, họp bộ tham mưu thiết kế lệnh triệt thoái. Và sáng hôm nay, ông đã bỏ đi như một người chạy trốn, một cấp chỉ huy không có trách nhiệm!

Bây giờ lại lệnh của Tổng thống Thiệu, rút bỏ Phước An! Vì được biết nhiều điều bí mật quá (!), tôi bị vào "mê hồn trận". Và có lẽ cả Tổng thống Thiệu lẫn Tướng Phú, cũng đã vào "mê hồn trận"!!?

Một xe jeep quân cảnh hộ tống phóng như bay chở tôi ra phi trường. Chiếc trực thăng bán phản lực mang 2 sao của Tư lệnh Quân đoàn đã nổ máy chờ sẵn tại bãi đậu VIP. Tôi phóng lên thật lẹ, ngồi đối diện với Đại tá Thiên đã có mặt trên đó từ trước!

Sau 25 phút bay hướng Phước An, trực thăng bay cao tránh phòng không, trời xấu, quần thảo nhiều vòng vẫn không thoát ra khỏi được những tầng mây dày đặc. Đại tá Thiên, tay bấm độn, miệng lẩm nhẩm cầu kinh. Ông theo đạo Cao Đài và rất tin dị đoan. Mãi nửa giờ sau chúng tôi mới xuống được Phước An.

Sau khi kín đáo chuyển đạt lệnh của Tướng Phú cho Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, tôi tìm gặp Đại tá Trịnh Tiểu, Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột lưu động. Tôi đã nói chuyện với ông thật lâu. Đại tá Tiểu cho biết, với những tin tức tình báo xác thực nhất, hiện có 4 sư

đoàn Cộng sản Bắc Việt trong vùng. Đó là các Sư đoàn F10, 320, 968, 316 và các trung đoàn pháo, chiến xa, phòng không tăng cường. Trong khi đó lực lượng của ta ở cả hai mặt trận Phước An và quanh thị xã Ban Mê Thuột chưa tới một sư đoàn. Không chiến xa, không pháo binh 155 ly yểm trợ. Có một lúc, Đại tá Tiểu thở dài nói:

- Mặt trận Phước An sẽ bị địch "bút" bất cứ lúc nào. Có thể đêm nay...

Tôi đã đứng nghiêm chào và xiết chặt tay ông trước khi giã từ. Tôi cũng báo tin gia đình ông đã di chuyển về Sài Gòn, và xin lỗi về thành kiến, hiểu lầm lúc đầu.

Câu cuối cùng của Đại tá Tiểu nói với tôi:

- Nhờ anh trình lại với Tướng Phú về đề nghị trước đây của tôi. Bức Trung đoàn 41 của Sư đoàn 22 Bộ binh, gấp rút giải tỏa áp lực của địch tại mặt trận Khánh Dương. May ra thì chúng tôi còn cơ hội trở về sát nhập phòng thủ tuyến đó!!!

THÂN LÀM TƯỚNG

Ngày 16 tháng 3, 1975.

9 giờ sáng, một lần nữa, tôi cùng Tướng Phú bay đi Phước An. Muốn tạo bất ngờ cho các đơn vị đang chiến đấu tại mặt trận này nên ông không cho liên lạc trước. Trời xấu, bay cao suốt một giờ đồng hồ trên vùng hành quân, vẫn không nói chuyện được với những cánh quân dưới đất.

10 giờ 40 phút, trực thăng gần hết xăng mới bắt được tần số của Tư lệnh Sư đoàn 23. Bộ Chỉ huy Hành quân của Tướng Tường lúc này đã lùi về nam Phước An 4 cây số. Giông tố. Mây đen mù mịt. Phía dưới phải thả trái khói hướng dẫn cho trực thăng Tướng Phú đáp xuống. Tướng Tường trình bày tình hình vô cùng nguy ngập. Cộng quân với chiến xa đã tấn công đoàn quân tăng viện lúc 10 giờ.

Tin tình báo cho biết 2 sư đoàn Cộng sản Bắc Việt đã tiến về sát Phước An. Tướng Phú ở lại mặt trận chừng 15 phút rồi bay trở về Nha Trang. Ông ra lệnh cho Đại tá Lý Bá Phẩm, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Nha Trang phải đích thân lên chỉ huy mặt trận Khánh Dương, và

chịu trách nhiệm về Quốc lộ 21 trên khoảng đường từ Khánh Dương về Nha Trang.

Sàigòn rất nồn nóng về tin tức cánh quân bộ Tư lệnh nhẹ của Quân đoàn, đoàn quân triệt thoái từ Pleiku, và bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh tại mặt trận Phước An.

11 giờ Tổng thống Thiệu gọi ra, Tướng Phú đi bay chưa về.

13 giờ, một tin chấn động, Tướng Tường bị thương ở cầu 31, gần Khánh Dương, được trực thăng chở thẳng về quân y viện Nha Trang.

14 giờ Tướng Phú bay lên Phước An chỉ huy Sư đoàn 23 Bộ binh. Trước đó ông vào quân y viện thăm Tướng Tường để biết tình hình xác thực. Thấy Tướng Phú, Tướng Tường òa khóc như một đứa trẻ nít, dù ông chỉ bị thương nhẹ:

- Em chết mất Thiếu tướng ơi, Thiếu tướng... thương em!

Tướng Phú hét lên:

- Làm Tướng thà chết... chứ không khóc. Tôi vào đây để nghe anh trình bày tình hình, không phải để thấy anh khóc như... con nít vậy!

- !!!

- Thật là nhục nhã! Tôi không thể ngờ một ông Tướng đánh giặc lại có thể hèn như vậy!

Tôi nhớ có lần đã nghe một câu nói tương tự như thế từ một ông Tướng khác, cũng tại vùng đất này. Thời kỳ "loạn Tướng" nhất ở Việt Nam, sự lộng hành, tham nhũng và giàu có của một số "Tướng ông, Tướng bà" lên tuyệt đỉnh. Lính bị bóc lột đến tận cùng!

Đời sống anh em binh sĩ càng ngày càng tồi tệ. Ngay tại Sàigòn, vùng Chí Hòa, một vị Linh mục đến tòa soạn báo Quân Đội cho chúng tôi biết, có những gia đình chồng đi hành quân xa, vợ và các con ngày ăn một bữa cháo, đắp chiếu, sống cho qua ngày!

Chúng tôi họp nhau và quyết định "đánh" Tướng bản. Tuy nhiên là những quân nhân cấp nhỏ trong Quân đội, chúng tôi chọn lựa con đường an toàn mà vẫn đi đến kết quả. Vì vậy, trên tờ Điều Hâu, chúng tôi đăng hình 4 ông Tướng sạch ngoài bìa 1 với chú thích:

Nhất Thắng (Nguyễn Đức Thắng)

Nhì Chinh (Phan Trọng Chinh)

Tam Thanh (Nguyễn Viết Thanh)

Tứ Trưởng (Ngô Quang Trưởng)

Tiếp đó, chúng tôi cầu viện "người anh em" Nguyễn Văn Chúc tại Thượng viện. Sau khi Thượng nghị sĩ Nguyễn Văn Chúc tung chương phong thần 4 Tướng bản, nổi tiếng tham những nhất Quân đội:

Nhất Trí (Đỗ Cao Trí)

Nhì Quang (Đặng Văn Quang)

Tam Lan (Lữ Mộng Lan)

Tứ Quảng (Đoàn Văn Quảng)

Chúng tôi lại đăng hình 4 vị Tướng này lên, nhưng ở bìa sau của tờ báo! Chuyện này suýt xảy ra "vụ đấu súng" giữa Trung tướng Đỗ Cao Trí, hồi đó là Tư lệnh Quân đoàn III và Thượng nghị sĩ Nguyễn Văn Chúc.

Chúng tôi rất thích cái hào hùng, ngạo mạn của Trung tướng Đỗ Cao Trí, mặc dù ông là một Tướng tham những (!) Nhưng trường hợp của một Tướng khác đã làm chúng tôi khinh thường. Đó là Thiếu tướng Lữ Mộng Lan, Tư lệnh Quân đoàn II. Khi biết sẽ bị "đánh" trên số báo tới, qua một cấp chỉ huy trung gian, ông gọi về cho tòa soạn chúng tôi, tôi là người phải nghe cú điện thoại đó, ông nói:

- Nếu anh em không thương tôi, tôi sẽ xin Đại tướng giải ngũ (Đại tướng Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa), và đào một cái lỗ tự chôn mình ở Nghĩa trang Quân đội, vì tôi chẳng còn mặt mũi

nào nhìn thấy vợ con, bạn bè...

Không phục, nhưng chúng tôi đã tự ngưng loạt bài này! Ít lâu sau, Thiếu tướng Lữ Mộng Lan được vinh thăng 3 sao!!!

Khi Tướng Phú mới lên Quân đoàn II, lần đầu tới thanh sát các đơn vị Sư đoàn 23 Bộ binh hành quân tại mặt trận nam Pleiku; lúc đến căn cứ Hàm Rồng, nơi đặt bản doanh của Chuẩn tướng Lê Trung Tường, trong một phòng sát cạnh phòng làm việc, tôi thấy có treo bức hình ông thầy pháp to bằng nửa tấm bản đồ. Các sĩ quan dưới quyền nói, ông đi hành quân luôn luôn coi ngày, và bằng bùa ngải "cúng kiếng"!

Chuẩn tướng Tường cùng "băng" với Tướng Lữ Lan từ hồi 1963, khi hai người còn là trung tá và thiếu tá ở Sư đoàn 25 Bộ binh. Sau đó ông Tường về làm Tỉnh trưởng Qui Nhơn, rồi Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Tôi không biết ông qua "đường giây" nào mà Tướng Phú muốn thay ông Tư lệnh Sư đoàn này nhiều lần mà không được!

Ngày 11 tháng 3, 1975, sau khi bộ Tư lệnh Quân đoàn mất liên lạc với Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột, Tướng Tường bay chỉ huy. Lúc đó Liên đoàn 21 Biệt động quân từ Buôn Hồ được lệnh về tái chiếm tiểu khu Ban Mê Thuột.

Khi đơn vị này gần tới thị xã, ông bay ở trên, ra lệnh Liên đoàn Biệt động quân đổi hướng, di chuyển về phía Trung tâm Huấn luyện cách Ban Mê Thuột khoảng 5 cây số. Sau khi biết chắc Trung tâm Huấn luyện tiểu khu vẫn còn là vùng an toàn, ông cho trực thăng đáp xuống... chớp nhoáng! Một đám đàn bà, con nít chạy ủa lên, đó là vợ con ông!!!

Cánh quân Biệt động quân sau đó bị kẹt ngoài thị xã, không giao tiếp được với những lực lượng phòng thủ bên trong. Bây giờ chỉ bị thương nhẹ, ông tìm cách trốn đi nằm nhà thương!!!

14 giờ 30, Tướng Phú bay chỉ huy mặt trận Phước An và cho Phụ tá

Hành quân Sư đoàn 23, Tỉnh trưởng lưu động Ban Mê Thuật những lệnh cần thiết.

Một biến chuyển đột ngột rất lợi cho quân ta. Trời bỗng nhiên hùng sáng, mây đen tan hết. Phi cơ quan sát nhìn rõ các chiến xa địch di chuyển, và cho tọa độ rất chính xác. Phi tuần phản lực đầu tiên từ Phan Rang bay lên oanh kích đã bắn cháy 2 T54 của địch. Những phi đoàn sau đó đang lùng kiếm 3 chiến xa Cộng sản Bắc Việt khác cách vùng phòng thủ của Sư đoàn 23 chừng 2 cây số. Lực lượng tiên phong của địch tấn công thăm dò bị khựng lại.

Các phi công A37 hôm nay là cứu tinh của đoàn quân dưới đất. Và họ cũng trả thù được cho những bạn mình đã gãy cánh cách đây 3 ngày tại hai mặt trận Ban Mê Thuật và Pleiku.

15 giờ 40 phút, Tướng Phú đề cử Đại tá Nguyễn Văn Đức, phụ tá về Địa phương quân Nghĩa quân xử lý thường vụ chức vụ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Một lần nữa ông ra lệnh Đại tá Lý Bá Phẩm, Tỉnh trưởng Nha Trang trực tiếp chịu trách nhiệm về Quốc lộ 21 (từ Khánh Dương về Nha Trang), tổ chức tuyến phòng thủ thứ ba tại Dục Mỹ.

Ông cũng rất khó chịu về thái độ của Đại tá Phẩm khi từ chối chức vụ được đề nghị làm Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh.

17 giờ, viên Tổng lãnh sự Mỹ ở Nha Trang tới gặp Tướng Phú. Các giới chức Mỹ đã biết rõ về quyết định rút bỏ cao nguyên. Họ phản nản vì không được thông báo, hợp tác. Bây giờ là lúc họ phải tự lo liệu, thu xếp di tản nhân viên và các hồ sơ mật tại ba tỉnh Kontum, Pleiku, Phú Bổn.

17 giờ 15 phút, Tướng Tất gọi về xin oanh tạc Thanh An để 2 Liên đoàn 25 và Liên đoàn 4 Biệt động quân phòng thủ tuyến xa nhất trên tuyến Thanh An và Quốc lộ 19 (nam Pleiku) có thể rút về. Một sĩ quan trên chiếc trực thăng chỉ huy của Tướng Tất sau đó tiết lộ, khi Tư lệnh mặt trận bay

trên đầu cánh quân này, phía dưới đã bắn lên. Tất cả các cấp của hai Liên đoàn Biệt động quân này rất bất mãn vì cuộc rút quân nhanh quá, họ gần như bị bỏ rơi!

17 giờ 30, phi trường Cù Hanh Pleiku bị pháo. Một sự việc xảy ra cùng một địa điểm, nhưng tin tức khác nhau.

Tướng Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân nói bị pháo rất nặng. Tướng Cẩm, Phụ tá Hành quân và Đại tá Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn báo cáo phi trường chỉ bị pháo nhẹ, nhưng ngoài phi trường rất hỗn loạn. Tại Pleiku, khi Tướng Phú đi rồi, bốn người có quyền hành nhất là Tướng Tất, Tướng Cẩm, Tướng Sang và Đại tá Lý. Họ đều là những người bất mãn (!) và, không ai phục ai. Mọi quyết định theo "võ tự do", và chỉ với mục đích có lợi cho phe nhóm, em út dưới quyền.

20 giờ Tướng Phú cho gọi Tư lệnh Sư đoàn 23 và Tỉnh trưởng Nha Trang ra lệnh bảo vệ tối đa Quốc lộ 21, không để cho địch đóng chốt, và đề phòng sự xáo trộn, hỗn loạn trong thị xã. Không thể để như tình trạng Huế hồi 1972 sau khi Quảng Trị mất.

Những cái lệnh sau đó chỉ thị cho Tướng Cẩm ủy nhiệm các Tỉnh trưởng Kontum, Pleiku phòng thủ hai tỉnh khi bộ Tư lệnh Quân đoàn rời đi. Đích thân ông gọi cho Đại tá Nguyễn Văn Nghìn, Tỉnh trưởng Quảng Đức, ra lệnh phải giữ Quảng Đức "bằng mọi giá", dù phải chết tại đó!

Tôi nghĩ đây là một cái lệnh vô lý nhất của Tướng Phú. Quân đoàn di tản, tan hàng. Các tỉnh địa đầu như Kontum, Quảng Đức ở lại tử thủ. Lực lượng Địa phương quân với súng cá nhân, không được yểm trợ, sẽ chiến đấu với hàng sư đoàn quân chính qui, những trung đoàn chiến xa, pháo binh Cộng sản Bắc Việt ?

Tôi có một cái nợ nhỏ nhỏ với Nghìn. Tôi được quen anh trong một chiến thắng khi anh còn là một Trung đoàn trưởng. Hồi tết gặp anh ở Pleiku

anh than thở bị các đoàn thể chính trị "phá" quá nên chỉ muốn trở về Quân đội, hoặc hoán đổi một tỉnh khác. Anh nhờ tôi, nếu có dịp nhắc khéo với Tướng Phú (!)

1 giờ sáng Tướng Phú rời máy truyền tin STS vào phía trong. Một lát sau tôi nghe thấy ông hơi to tiếng và gắt lên:

- Đàn bà biết gì mà cũng bàn việc quân sự ?

- !!!

Sau đó, Tướng Phú trở ra nói với tôi:

- Bà ấy (bà Tướng Phú) muốn tôi phải trở lên Pleiku ngay đêm nay. Phải đánh một trận sinh tử đã, rồi có sao mới rút. Hừ... bà ấy nói "tôi không muốn có chồng là một bại Tướng!" Anh nghĩ sao ?

Tôi ngược lên, nhìn thẳng vào Tướng Phú. Tôi đã không trả lời câu hỏi này. Những quyết định, những hành động, của Tướng Phú trong hai ngày hôm nay làm tôi thắc mắc, nghi ngờ.

"CHỊ HAI"

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ UY QUYỀN

"Tôi không muốn có chồng là một bại Tướng!" Đó là câu nói của chính người vợ ông, mà Tướng Phú vừa nhắc lại sau một cái vãi nhỏ.

Bà Phú thắc mắc tại sao chưa đánh nhau ở Pleiku mà đã rút ? và bà muốn Tướng Phú trở lên Pleiku ngay để chỉ huy một trận sinh tử với quân Cộng sản Bắc Việt. Thắng, bại... tính sau!

Ở một lúc khác, một hoàn cảnh khác, và một người đàn bà khác, chắc chắn tôi sẽ tin ngay. Nhưng với bà Phú, tôi hơi có một chút nghi ngờ, mặc dù rất quý mến bà. Đó cũng là người đàn bà, một đôi lần bắt chước Tân, một Sĩ quan Tùy viên của Tướng Phú và cũng là em vợ ông, tôi gọi là "chị Hai".

Tôi nhớ lần đầu tiên gặp bà, khi Tướng Phú còn là Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh ở ngoài Huế. Một buổi trưa, tôi đi bay với ông từ mặt trận trở về. Bà ngồi chờ cơm Tướng Phú, và tôi là khách được mời. Tôi lưỡng lự, sắp sửa từ chối vì cùng đi với tôi còn có thêm hai Phóng viên phát thanh và truyền hình Quân đội. Bà Phú thấy ngay điều đó, ra cửa mời hai người

bạn tôi và tự tay lấy thêm hai cái chén, hai đôi đũa, rồi thân mật nói "Tôi xin lỗi, không biết các ông có tới bốn người. Mời hai chú cùng vào ăn cho vui. Cơm xoàng gia đình, thêm đũa, thêm chén mà!" Cử chỉ này làm cho chúng tôi cảm động.

Thời gian ở Huế, Tướng Phú nổi danh khi đại quân Sư đoàn 1 xuống Tchépone, Hạ Lào, và tái chiếm căn cứ Bastogne trong Mùa Hè 1972. Bà Tướng Phú cũng nổi tiếng về sưu tầm... đồ cổ! Báo chí lúc đó nói rất nhiều về cả hai sự việc này!

Bà Thiếu tướng Phú rất thân với bà Thủ tướng Khiêm. Cả hai bà đều sùng đạo Phật.

Khi Tướng Phú trở thành Tư lệnh Quân đoàn II, bà muốn có "một chỗ đằng hoàng" để tiếp bà Khiêm, vừa kín đáo, vừa lịch sự", mỗi lần bà Khiêm ra Nha Trang cùng bà đi chùa, hay viếng Tháp Bà. Do đó, bà đã quyết định lập bàn thờ cúng thổ địa để vào ở căn nhà lớn dành cho Tư lệnh Quân đoàn II.

Dinh thự này là Grand Hotel Nha Trang cũ, trước kia bà Ngô Đình Nhu làm trụ sở Phụ nữ Liên đới. Thời Đế Nhị Cộng Hòa là tư dinh của Tư lệnh Quân đoàn, nhưng chưa một ông Tướng nào mang gia đình tới ở, vì nghe nói khu đất này rất độc địa.

Bà Phú rất quan tâm đến chức vụ sau cùng của chồng. Bà nói với tôi và nhiều người thân, ngày nào Tướng Phú trở thành Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, bà sẽ vào chùa tu. Bà cũng rất vui mừng với cái tin Thủ tướng Khiêm sẽ "lên thay" Tổng thống Thiệu trong nhiệm kỳ tới (?)

Đồ cổ từ Huế mang về, bà có một lọ độc bình "rồng 5 móng" rất quý, từ thời Khang Hy. Một lần bà thảo luận với Tướng Phú, nhưng cũng để tôi nghe thấy về giá trị của chiếc độc bình cổ này, và lưỡng lự không biết "cho"

ai ? Bà Thiệu hay bà Khiêm ? Vì cả hai bà cùng thích... đồ cổ (!)

Tôi đã lúng lơ cố vấn bà "Chị Hai, tốt hơn hết hãy giữ lấy, chẳng nên cho ai cả !" Bà cười. Sau đó tôi không biết bà đã cho ai ?

Trong những ngày sôi bỏng của mặt trận Khánh Dương, Nha Trang, hôm ông Quận trưởng Khánh Dương cho lính Địa phương quân bắn súng cối vào gần hàng rào phòng thủ, rồi báo cáo quận bị Việt cộng tràn ngập, và rút lui. Tướng Phú giận lắm, định cách chức Tỉnh trưởng Nha Trang, và truy tố Quận trưởng Khánh Dương ra Toà án Mặt trận.

Nhưng rồi buổi tối, bà Đại tá Lý Bá Phẩm, vợ ông Tỉnh trưởng Nha Trang, tới gặp bà Phú... một lát, Tướng Phú lại đổi ý kiến.

Chỉ qua câu chuyện nhỏ này đủ chứng tỏ "chị Hai", bà Thiếu tướng Phạm Văn Phú là một người đàn bà có uy quyền !

Tuy nhiên, đó không phải là một "chị Hai" duy nhất mà tôi đã gặp. "Chị Hai" Nguyễn Phước Đại, người nữ luật sư khả kính, mỗi lần vung tay áo rộng, đi đi, lại lại trước tòa Thượng thẩm Sài Gòn, đã gây sự chú ý, cuốn hút đặc biệt.

"Chị Hai" Nguyễn Phước Đại đã lái xe mercedès tới tòa soạn báo Quân Đội gần cầu Thị Nghè, Gia Định uống rượu với chúng tôi nhiều lần. Chị tới để tranh luận "cái nhà là nhà của... Ta" khi chị ứng cử Thượng nghị sĩ lần thứ 2 trong Liên danh Cái Nhà. Chứ không phải "cái nhà là nhà của... Tây" như chúng tôi đã xuyên tạc!

"Chị Hai", Ủy viên Văn hóa và Ngoại giao khu Giải phóng Lộc Ninh năm 1973, người nữ cán bộ đại diện của Việt cộng để tiếp đón phái đoàn báo chí ngoại quốc và những sĩ quan... ngụy Saigon. Mười bảy tuổi theo kháng chiến, mười chín tuổi đã được huy chương đặc biệt của Hồ Chí Minh trao tặng năm 1946. Ba mươi năm sống trong rừng vẫn đẹp, vẫn... lịch thiệp.

Trong những lần trao đổi tù binh đầu năm 1973 sau Hiệp định Paris, tại Lộc Ninh, chúng tôi thường đòi "bia" giải phóng uống khi ăn cơm, cho đúng tác phong... ngụy, "chị Hai" mang ra những "chai bia 33" được lật nhãn bên ngoài, chúng tôi phản đối:

- Đó là "bia 33" của ngụy ở Sài Gòn!
- Không! "bia... giải phóng", các em uống đi!
- ...

Và một "chị Hai" nữa, người con gái đầu lòng của bác Năm Huỳnh mà ông hãnh diện. Người chị mà những đứa em tinh nghịch thường gọi là "bà lùn".

"Chị Hai". Đó là những người đàn bà đẹp, và có uy quyền!!!

IV

**9 NGÀY 9 ĐÊM TRÊN
300 CÂY SỐ ĐƯỜNG MÁU**

**LIÊN TỈNH LỘ 7
PLEIKU-PHÚ BỒN-PHÚ YÊN**

NGÀY DÀI NHẤT CỦA 21 NĂM TRÊN CHIẾN TRƯỜNG CAO NGUYÊN

Ngày Thứ Nhất, 17 tháng 3, 1975.

Ngày đầu tiên của cuộc rút quân. Trời mây mù, ảm đạm. Trong 21 năm chiến đấu chống Cộng giữ nước của quân dân miền Nam, kể từ sau Hiệp định Genève, đây là một ngày đau buồn nhất xảy ra trên Chiến trường Cao nguyên Việt Nam.

Thành phố Pleime nằm trên một ngọn đồi cao, nơi đặt bản doanh của bộ Tư lệnh Quân đoàn II hôm nay không còn vẻ uy nghiêm, hùng vĩ nữa. Cây cột cờ mà mấy ngày trước địch pháo gần trúng, đứng trơ trọi như một thân cây trụi lá. Không còn lá cờ vàng ba sọc đỏ thân yêu, không còn lá cờ tướng với những ngôi sao trắng được kéo lên, như mỗi ngày trước đây!

Con đường từ bộ Tư lệnh Quân đoàn về Pleiku dài mấy cây số, và từ những ngã đường khác đổ xô về, người và xe cộ nối đuôi, dồn, lấn, kẹt cứng.

Tin Quân đoàn "di tản" đã không còn là một tin "tối mật" như các giới chức quân sự mong muốn. Từ hai ngày nay, mọi người dân Pleiku, mọi

gia đình quân nhân, và chắc chắn cả... địch nữa, đều biết. Hồn loạn, cướp bóc, bắn phá xảy ra nhiều nơi, trong và ngoài thị xã.

8 giờ 40 phút, cắt đứt mọi liên lạc bằng điện thoại với bộ Tư lệnh Quân đoàn II ở Pleiku. Đoàn xe di chuyển, khoảng 4000 quân xa đủ loại và những xe dân sự.

9 giờ 15 phút, Tướng Lê Văn Thân, Phụ tá Quân khu II và Trưởng Phòng 3 Quân đoàn bay trên C47, bộ Chỉ huy Hành quân trên không, để quan sát đoàn xe. Thêm một máy bay bay quan sát được lệnh liên lạc thường trực với Tướng Phạm Duy Tất, chỉ huy cuộc rút quân.

Danh hiệu của các cấp chỉ huy trong cuộc triệt thoái Quân đoàn II ngày 17 tháng 3, 1975:

Tư lệnh Quân đoàn - Hiệp Tình

Tướng Phạm Duy Tất - Trường An

Tướng Trần Văn Cẩm - Phi Bảo

Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn - Công Danh

Đoàn xe - Công Bình

Trực thăng - Nam Hiền

9 giờ 30, Tướng Trần Đình Thọ, Trưởng Phòng 3 bộ Tổng Tham mưu gọi ra ghi nhận một lần nữa những rối loạn và tình hình xảy ra thật sự tại Pleiku ngày 16 tháng 3, 1975, để trình thượng cấp.

Theo báo cáo của Đại tá Lý gọi thăng về Sài Gòn, tình hình Pleiku ngày 16 tháng 3, 1975 cực kỳ hỗn loạn. Phi trường Cù Hanh, dân chúng, binh sĩ và gia đình tràn vào. Lực lượng an ninh không giữ được trật tự. Cướp của, hãm hiếp đã xảy ra.

Một báo cáo khác của Đại tá Hoàng Thọ Nhu, Tỉnh trưởng Pleiku gọi về Nha Trang trình với Tướng Phú thi, tình hình có rối loạn nhưng không ở mức độ trầm trọng. Bởi vì nếu "cực kỳ hỗn loạn" thì Tướng Tất

và bộ Tư lệnh Quân đoàn đã không sắp xếp và tổ chức được đội hình của đoàn xe, hơn 4000 cái di chuyển ngày hôm nay. "Tiếng nói" của Đại tá Nhu coi như là tiếng nói chính thức, đại diện cho Tướng Tất, người thay Tướng Phú chỉ huy cuộc rút quân!

Tướng Phú giận lắm, nhưng chỉ trình bày với Tướng Thọ, vì Đại tá Lý mất bình tĩnh nên báo cáo không đúng sự thật!!!

Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn II là một sĩ quan rất giỏi về tham mưu và tổ chức. Nhưng vụ Tướng Phú gán sao cho Đại tá Tất làm ông bất mãn và chán nản. Với sự thông minh và khôn ngoan, ông nhìn thấy trước sự thất bại của Quân đoàn kỳ này trong cuộc rút quân. Do đó, việc Tướng Phú hứa hẹn cho ông lên Tướng chỉ là một lời hứa viển vông, không bao giờ thành sự thật.

Cũng vì vậy, ngay khi Tướng Phú rời Pleiku, ông đã bất chấp mọi lệnh của Tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân Tư lệnh Quân đoàn, và Tướng Phạm Duy Tất, chỉ huy cuộc rút quân.

Tướng Phú được thông báo về sự việc này, nên khi nghe Đại tá Lý báo cáo thẳng về Sài Gòn những rối loạn, cướp bóc, hăm hiếp xảy ra tại Pleiku đêm qua 16 tháng 3, 1975 lại cho rằng Đại tá Lý bất mãn, nên phá hoại. Sự thật những điều Đại tá Lý trình cho Tướng Thọ đều đúng! Ghi nhận sự kiện này ra đây để nói lên sự đổ vỡ tồi tệ của hệ thống chỉ huy Quân đoàn II. Vì sự đổ kỵ, bất mãn, bất lực và vô kỷ luật của cả những sĩ quan cao cấp và có trách nhiệm nhất, đưa đến sự thảm bại nặng nề trong cuộc rút quân khỏi cao nguyên.

10 giờ phi trường Cù Hanh chính thức đóng cửa.

10 giờ 15 phút, liên lạc lần cuối cùng giữa Tư lệnh Quân đoàn II và Tướng Cẩm tại Pleiku bằng STS-106. Xác nhận về việc ra lệnh cho Tỉnh trưởng Pleiku phòng thủ tỉnh này. Nghi ngờ hệ thống truyền tin bị địch

phá.

10 giờ 45 phút, Đại tá Trần Cửu Thiên bay đi Phú Bổn cùng với các chuyên viên truyền tin, thiết lập hệ thống liên lạc để tường trình tình hình đoàn xe từng giờ về Nha Trang, Sài Gòn.

10 giờ 50 phút, Tổng thống Thiệu gọi ra lệnh giải tỏa gấp rút mặt trận Khánh Dương và Quốc lộ 21 bằng mọi giá. Chấp thuận cho Đại tá Nguyễn Văn Đức làm Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh.

Chặng đầu của cuộc rút quân Pleiku-Phú Bổn sáng ngày 17 tháng 3, 1975 diễn ra tốt đẹp. Hệ thống liên lạc siêu tần số từ Nha Trang và đoàn quân triệt thoái bị gián đoạn trong hai giờ đầu. Nhưng sau đó, từ 12 giờ 20 phút, mọi liên lạc và báo cáo đều rõ ràng.

13 giờ, đoàn xe về gần tới Phú Bổn. Một số xe bị ứ đọng. Những lệnh cần thiết được ban hành. Các Tướng Cẩm và Tất đích thân chỉ huy, điều động. Các đơn vị vào vị trí phòng thủ.

Liên đoàn 6 Công binh Chiến đấu và những đơn vị Biệt động quân tiếp tục mở và dọn đường cho chặng kế tiếp. Lữ đoàn II Thiết giáp và các Liên đoàn Biệt động quân khác đi sau cùng bảo vệ đoàn quân và chiến cụ, đề phòng bị địch đánh tập hậu.

13 giờ 40 phút, Tướng Thọ, Trưởng Phòng 3 Tổng Tham mưu gọi ra từ Sài Gòn cho biết, Tổng thống, Hội đồng Nội các, và các Tướng lãnh khen ngợi Tư lệnh và bộ Tư lệnh Quân đoàn II về cuộc rút quân.

Nhưng đấy chỉ là chặng đầu trên Liên tỉnh lộ 7. Con đường chôn vùi hàng nhiều ngàn xác đồng bào và trẻ thơ vô tội. Chôn vùi tên tuổi tất cả các Tướng lãnh đạo Đất Nước trong những năm sau cùng. Và cũng chính là con đường đưa đến sự sụp đổ mau chóng của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, để rồi miền Nam Việt Nam mất vào tay Cộng sản sau đó.

18 giờ 15 phút, Đại tá Tham mưu trưởng báo cáo về tình hình Phú

Bổn. Đã tổ chức, phân loại xe quân đội và dân sự. Ra lệnh các đơn vị không được tự ý tách rời đoàn xe đi riêng.

Một sự việc xảy ra vào buổi tối. Lính Thượng nổi loạn, đốt nhà, ăn cướp, nhưng chỉ là một nhóm nhỏ. Tỉnh trưởng Phú Bổn đã giải quyết và chặn đứng.

Mặt trận Phước An.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn II, các Lực lượng Thiết giáp, Không quân, Pháo binh và Chủ lực quân đã rút khỏi Kontum, Pleiku. Trong 2 ngày nữa, nếu đoàn xe không về tới Phú Yên như dự định, thì mặt trận Phước An sẽ vô cùng nguy ngập. Bởi vì địch chỉ cần sử dụng một phần lực lượng tại trận địa Ban Mê Thuột hiện nay, với chiến xa và trọng pháo yểm trợ, sẽ dứt Phước An dễ dàng. Và sau đó là Khánh Dương!

Kiểm điểm lại quân số của sư đoàn và những đơn vị tăng cường hiện đang ở mặt trận Phước An, Đại tá Đức, tân Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh vô cùng lo ngại.

Lực lượng chính yếu của sư đoàn là Trung đoàn 45 Bộ binh. Đơn vị với tinh thần cao độ, đã tình nguyện nhảy xuống Phước An trong đoàn quân tăng viện ngày 12 tháng 3 và 13 tháng 3, thì hôm nay đã tan hàng, trở thành dân sự già nửa quân số.

Buổi sáng, trong đợt di dân mới từ Ban Mê Thuột, khoảng 5000 người đã băng rừng đi về phía Phước An và nam Khánh Dương. Một số lớn là vợ con anh em binh sĩ Trung đoàn 45. Do đó, họ đã tự động bỏ súng, "chạy loạn" với gia đình.

Trung đoàn 45 còn lại đúng 200. Trung đoàn 44 với một Tiểu đoàn Chiến đấu và một Đại đội Trinh sát chưa sút mẻ, khoảng 300.

Liên đoàn 21 Biệt động quân, 110 người. Bộ Tư lệnh Sư đoàn tại Chu Cúc, 42. Hậu trạm tại Khánh Dương, 6.

Khoảng 700 tay súng, không chiến xa và có 4 khẩu đại bác 105 ly. Đó là thực lực của mặt trận lớn nhất hiện nay tại Quân khu II. Một trận đánh lớn nếu xảy ra, chắc chắn lực lượng này phải đương đầu với Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt từ Ban Mê Thuột kéo về, với quân số 7, 8 ngàn và có chiến xa, đại pháo yểm trợ!

"Người lính già" của chiến trường với 25 năm quân ngũ, Tư lệnh phó Biệt khu 44 của Tướng Phú năm 1969, chờ đợi giây phút này từ lâu. Và hôm nay... đã đến. Tổng thống Thiệu, Đại tướng Viên cùng chấp thuận việc bổ nhiệm ông là Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh!

Đại tá Đức khẽ mỉm cười, và tiến lại phía các chiến hữu của mình đang phòng thủ để quan sát.

17 giờ, phi cơ quan sát phát hiện khoảng 10 chiến xa địch gần Chu Cúc, xin đánh bom tối đa.

5 phi tuần khu trục từ Phan Rang lên. Điều động trễ 15 phút. Phi tuần 1 lên tới vùng mục tiêu lúc 17 giờ 40 phút. Trời mù, không nhìn rõ, các khu trục cơ phải quay về. Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh vẫn tiếp tục xin Không quân đánh tiếp.

Thêm 2 xe tăng Cộng sản Bắc Việt di chuyển ở phía bắc cây số 62, mặt trận Khánh Dương. Và tin tình báo mới nhất thấu thập được qua một tù binh Bắc Việt bắt được ngày 16 tháng 3, 1975, hai Trung đoàn 64 và 48 Cộng sản Bắc Việt đã di chuyển tới tây bắc Khánh Dương khoảng 20 cây số. Lực lượng Sư đoàn 23 Bộ binh sẽ cùng phối hợp với hai Tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 22 Bộ binh tăng cường tổ chức tuyến phòng thủ, chặn đứng cuộc tiến quân xuống Khánh Dương, Dục Mỹ của địch.

Nhưng cũng chỉ là trứng chọi đá! Quả thật trong trận này, lực lượng

Việt cộng và quân ta quá chênh lệch!

Một sự việc cuối cùng và đặc biệt xảy ra hôm nay mà tôi ghi nhận, đó là yêu cầu của hai Tỉnh trưởng Kontum và Pleiku xin máy bay chở bạc về Tổng Ngân Khố, Sài Gòn.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn lúc đầu chấp thuận, nhưng sau lại hủy bỏ. Vì phi trường Cù Hanh, Pleiku đã đóng cửa từ lúc 10 giờ sáng. Và, số bạc khổng lồ của hai tỉnh liền được... đốt đi!

Đây cũng là một sự việc cực kỳ khó hiểu. Tại sao các Tỉnh trưởng Kontum, Pleiku được "ủy quyền" ở lại phòng thủ hai thị xã này, lại xin máy bay chở bạc, và sau đó "đốt" đi hàng trăm triệu bạc, ngay cùng ngày Quân đoàn vừa di tản khỏi Pleiku ?

Tôi quá mệt mỏi nên đã không tìm hiểu "lệnh đốt bạc" từ đâu tới. Từ Sài Gòn hay từ bộ Tư lệnh Quân đoàn II ?

MỘT HUYỀN THOẠI TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM

4 giờ sáng ngày 10 tháng 3, 1975.

Sau những trận mưa pháo suốt 2 tiếng đồng hồ, Cộng quân với chiến xa và biển người, tấn chiếm Ban Mê Thuột. Và với một lực lượng đông gấp 10 lần, địch đã làm chủ tình hình ngay từ phút đầu.

Sự chống trả mãnh liệt của những đơn vị phòng vệ thị xã cùng với sự yểm trợ hữu hiệu gan dạ của các phi công anh hùng, đã chặn bớt được sức tiến của quân thù.

Nhưng ngày hôm sau, khi Cộng sản Bắc Việt tung thêm Sư đoàn tổng trừ bị 316 mới ở miền Bắc vào, thì lực lượng hai bên giữa ta và địch quá ư chênh lệch, cả về quân số, chiến xa lẫn vũ khí nặng!

12 giờ trưa ngày 10 tháng 3, 1975 tiểu khu Ban Mê Thuột mất!

8 giờ sáng hôm sau 11 tháng 3, 1975, 10 chiến xa T54 của Cộng sản Bắc Việt bắn trực xạ vào bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Vị Tư lệnh Chiến trường chấp nhận rủi ro, nguy hiểm, yêu cầu Không quân đánh bom thẳng vào những xe tăng địch. Những phản lực cơ A37 lao xuống. Ba chiếc T54

bốc cháy, nhưng rồi 2 trái bom khác rơi trúng sập một đầu hầm của Trung tâm Hành quân Sư đoàn 23 Bộ binh. Hệ thống truyền tin giữa Ban Mê Thuột-Pleiku bị hư hại hoàn toàn, mất liên lạc với Tư lệnh Chiến trường và Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột từ lúc đó.

8 giờ sáng ngày 11 tháng 3, 1975, giờ phút của định mệnh, và cũng là khởi đầu ngày thứ hai trong trận đánh quyết định giữa hai miền Nam-Bắc 1975. Chiến trường Ban Mê Thuột coi như kết thúc với sự tràn ngập của Bắc quân!

Nhưng tại mặt trận phi trường Phụng Dực, cách Ban Mê Thuột khoảng 8 cây số về phía đông, một trung đoàn (-) của Sư đoàn 23, với hai Tiểu đoàn của Trung đoàn 53 Bộ binh, một Chi đoàn Thiết vận xa M113, một Pháo đội đại bác 105 ly vẫn tiếp tục chiến đấu thêm một tuần lễ nữa. Chiến đấu dũng mãnh, dai dẳng, phi thường cho đến những người lính cuối cùng và những viên đạn cuối cùng được bắn đi!

Đó là một huyền thoại trong cuộc chiến đấu chống Cộng thần thánh nhất của quân dân miền Nam Việt Nam. Đó cũng là biểu tượng tinh thần gang thép, sắt đá của người chiến sĩ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Trận thử sức dò dẫm của hai trung đoàn Cộng sản Bắc Việt và các lực lượng phòng thủ mặt trận phi trường Phụng Dực đầu tiên xảy ra lúc 14 giờ trưa ngày 10 tháng 3, 1975, với kết quả địch bỏ lại chiến trường trên 200 xác chết!

Nhưng chưa đầy một ngày sau, 5 giờ sáng 11 tháng 3, 1975 khi những chiến xa T54 Bắc Việt nghiền nát những đường phố Ban Mê Thuột, tiến thẳng vào bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, cũng là lúc địch quân rửa hận cho đồng bọn chúng tại mặt trận phi trường Phụng Dực.

Sư đoàn 316 tổng trừ bị của Cộng sản Bắc Việt lần đầu tiên được sử dụng trên Chiến trường Cao nguyên và miền Nam Việt Nam. Từ xa lộ đất

Hồ Chí Minh, sư đoàn này bất chấp mọi thiệt hại, di chuyển ngày đêm để tới trận địa đêm 10 tháng 3, 1975. Và ngay sáng hôm sau, dốc toàn lực lượng tấn công Trung đoàn 53 Bộ binh!

45 phút khởi đầu là những cơn mưa đạn đại bác khiến chiến sĩ ta chìm ngập trong giao thông hào. Sau đó, Bắc quân với những tên lính trẻ xuất trận lần đầu, hung hăng, hò hét... xung phong. Từng lớp, từng lớp gục xuống, nhưng chúng vẫn hô, vẫn tiến.

Trận thư hùng thứ hai ngày 11 tháng 3, 1975 này kéo dài 2 giờ 40 phút. Gần 200 người anh hùng của chiến trường miền núi vĩnh viễn buông súng, ở lại Cao nguyên Việt Nam!

Nhưng những người còn lại vẫn tiếp tục chiến đấu. Chiến đấu không yểm trợ, không tiếp tế, không tản thương, không tắm gội, 24 trên 24 giờ ngoài chiến hào phòng thủ!

Quá nửa lực lượng bị thiệt hại từ khi ở mặt trận Quảng Đức rút về. Trung đoàn 53 Bộ binh hiện còn hơn một Tiểu đoàn với khoảng 500 tay súng. Và họ đã chiến đấu đơn độc sang ngày thứ ba 12 tháng 3, ngày thứ tư 13 tháng 3, ngày thứ năm 14 tháng 3, ngày thứ sáu 15 tháng 3, ngày thứ bảy 16 tháng 3. Và hôm nay, ngày thứ tám 17 tháng 3, 1975!

Thật anh hùng! Thật vĩ đại! Thật phi thường! Không còn từ ngữ nào khác hơn để ca ngợi, vinh danh họ. Và đó cũng là một huyền thoại độc đáo nhất của chiến tranh Việt Nam trong trận đánh sau cùng trên Chiến trường Cao nguyên!

Bay trên đầu những người anh hùng của mặt trận phi trường Phụng Dực trưa ngày 12 tháng 3, 1975, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên đã nói chuyện với hai người quân nhân lớn nhất và nhỏ nhất của Trung đoàn 53 Bộ binh.

"Người anh hùng Võ Ân", Trung tá Trung đoàn trưởng:

- Trình Mặt Trời, lực lượng địch quá mạnh. (Mặt Trời là danh hiệu ngày hôm nay của Tướng Phú, Tư lệnh Quân đoàn II).

- Chú mày chịu nổi không ? Tinh thần anh em ra sao ?

- Bị sút mẻ kha khá ngày hôm qua, nhưng chưa sao. Mặt Trời yên tâm!

- Chú mày muốn gì đặc biệt không ?

- Dạ không! Nhưng sao Mặt Trời không bay trực thăng hôm nay ?

- Tại qua muốn ở chơi với chú mày và những anh em khác lâu lâu một chút. Mà tại sao chú mày hỏi như vậy ?

- Tại vì tôi muốn mời Mặt Trời đáp xuống coi kho vũ khí Việt cộng ở phòng danh dự phi cảng cho anh em lên tinh thần.

Tướng Phú cười:

- Ý kiến hay đấy! Thôi... để lần sau vậy!

- ...

"Người anh hùng Nguyễn Văn Bảy", binh Nhì xạ thủ súng cối 81 ly:

- Em tên gì ? Bao nhiêu tuổi ?

- Dạ... binh Nhì Nguyễn Văn Bảy, 18 tuổi!

- Em thấy Việt cộng chết nhiều không ?

- Nhiều, nhiều lắm... Thiếu tướng!

- Em muốn xin Thiếu tướng gì nào ?

- Xin thuốc hút và... lựu đạn.

- Gì nữa ?

- Thôi!

- Thiếu tướng thăng cấp cho em lên binh Nhất! Chịu không ?

- ...

Một giọng cười khúc khích trong máy:

- Ông Thầy! Ông Tướng tặng tôi cái "cánh gà" chiên bơ!

- Không được... tao phản đối!

- ...

Cái "cánh gà", chữ V, là hình dáng của chiếc lon binh Nhất. Ông Thầy là tiếng gọi thân mật vị Trung tá Trung đoàn trưởng mà người "binh Nhất vừa được tân thăng" Nguyễn Văn Bảy thường hay sử dụng.

Mẫu đối thoại trên cho thấy tình chiến hữu, anh em của những người lính Trung đoàn 53 Bộ binh. Đó cũng là một cách để chứng minh, tại sao trong những ngày cuối cùng họ vẫn sống chết bên nhau? Họ đã chia nhau từng viên đạn, từng dùm gạo sảy, từng hộp nước, từng hơi thuốc...

Theo thời gian, 7 ngày đêm chiến đấu dài hơn 7 năm tại mặt trận phi trường Phụng Dực. Đã ba ngày rồi, từ khi lệnh triệt thoái cao nguyên được ban hành, Trung đoàn 53 không còn nhận được bất cứ một tiếp tế, liên lạc nào với Quân đoàn. Họ đã phải sử dụng cả súng đạn tịch thu được của quân thù trong trận đánh đầu tiên, để bắn lại chúng!

Nhưng hôm nay 17 tháng 3, 1975 sẽ là ngày dài nhất trong cuộc đời lính chiến của họ!

7 giờ 40 phút sáng, khi rừng núi cao nguyên vẫn còn ngủ yên với những lớp sương mù phủ kín, hàng trăm, hàng ngàn viên đại bác Bắc quân nã vào những chiến hào của Trung đoàn 53 Bộ binh. Cỏ cây rạp xuống. Những cột đất đỏ từng cụm, từng khóm tung cao!

Trận địa pháo kéo dài một tiếng đồng hồ. Tiếp theo sau là tiếng loa kêu gọi đầu hàng. Tiếng hò reo "sóng vỡ" của biển người. Và rồi tiếng gầm thét của hàng đoàn chiến xa T54 trên khắp ngã tiến vào, cây nát phi đạo phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột!

Hôm nay là ngày đầu của cuộc rút quân của Quân đoàn II. Sư đoàn 316 Cộng sản Bắc Việt quyết khai tử Trung đoàn 53 Bộ binh, quyết nhổ đi "cái gai" cuối cùng của mặt trận Ban Mê Thuột, của Chiến trường Cao

nguyên để tiến về Duyên hải.

8 giờ 30 sáng, Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, vị Tướng lớn nhất của Quân đội gọi yêu cầu được tường trình đặc biệt về mặt trận phi trường Phụng Dực và các chiến sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh.

Đây cũng là một vinh dự, một hãnh diện cuối cùng dành cho những dũng sĩ tại mặt trận này! Nhưng Đại tướng Viên chỉ được báo cáo qua nguồn tin không chính xác (!) của bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 hành quân ở Phước An: Trung đoàn 53 Bộ binh đang bị đánh rất nặng, Bắc quân đã tràn ngập vị trí phòng thủ!

Đạn hết, lương thực hết, không còn cấp chỉ huy, không còn được yểm trợ, không còn máy móc liên lạc để... kêu cứu. Những chiến sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh gục ngã từng người, từng tổ, từng... tiểu đội... trong những chiến hào...

11 giờ 30 sáng, tiếng súng im bặt. Bắc quân cầm ngọn cờ đỏ trên đài kiểm soát của phi trường Phụng Dực, và thu dọn chiến trường.

Không có tù binh, không có cả những người lính bị thương. Những dũng sĩ Trung Đoàn 53 Bộ binh không còn chiến đấu nữa. Họ đã tan ra, đã nát ra... từng mảnh vụn, và lẫn trong đất đỏ của miền cao nguyên hùng vĩ!

Ngày 17 tháng 3, 1975 Trung đoàn 53 Bộ binh bị Bắc quân xóa tên. Đó cũng là một ngày đau buồn! Lần đầu tiên trong 21 năm chiến đấu chống cộng, giữ nước, bộ Tư lệnh Quân đoàn II triệt thoái khỏi cao nguyên!

Nhưng không, đó vẫn chưa phải là những dòng chữ cuối cùng viết về các dũng sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh! Bởi vì... vẫn còn những anh hùng của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa mang phù hiệu của Trung đoàn 53... trên vai áo.

Hai ngày sau, khi Bắc quân tràn ngập phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột, một nhóm 16 quân nhân của đơn vị này đã về được Phước An và tiếp tục chiến đấu tại mặt trận Quốc lộ 21.

Một tuần lễ sau nữa, ngày 24 tháng 3, 1975 ba người anh hùng khác, sau 7 ngày 7 đêm, đi trên mấy chục cây số đường rừng núi, sống với cỏ cây thiên nhiên, từ Ban Mê Thuột đã lên tới buôn Thượng Dam Rong, Đà Lạt!

Họ là những quân nhân bất tử của Trung đoàn 53 Bộ binh! Họ thật vĩ đại! thật phi thường! Và đó cũng là một huyền thoại của chiến tranh Việt Nam trong trận chiến Nam-Bắc sau cùng 1975.

KHÚC QUANH CỦA TỬ THẦN

Ngày Thứ Hai 18 tháng 3, 1975.

8 giờ 45 phút, liên lạc tốt giữa Nha Trang và đoàn quân triệt thoái tại Phú Bổn. Tình hình trong đêm vô sự. Tin xác nhận du kích Việt cộng pháo súng cối vào phía sau đoàn xe lúc 17 giờ 30 ngày 17 tháng 3, 1975, làm cháy 1 quân xa và 1 xe dân sự. Thiệt hại không đáng kể.

9 giờ, một tin tình báo vô cùng quan trọng của Phòng Nhì bộ Tổng Tham mưu Sài Gòn chuyển ra. Các đơn vị du kích Việt cộng đã tập trung được một số súng cối tại tây nam Hậu Bổn. Sẽ pháo đoàn xe khoảng từ Phú Thiện đến Phú Bổn. Nếu thành công, tiến dần về phía nam, tiếp tục pháo, chặt đứt đoàn xe ra nhiều đoạn, làm trì trệ cuộc rút lui, chờ chủ lực quân Cộng sản Bắc Việt tới. "Yếu tố bất ngờ" của cuộc rút bỏ cao nguyên trên đường Pleiku-Phú Bổn-Phú Yên cũng không còn nữa. Đêm qua, Sư đoàn 320 (hay Sư đoàn 968 Cộng Sản Bắc Việt ?) đã bỏ mặt trận bắc Ban Mê Thuột, kéo theo đại bác 122 ly, pháo của Sư đoàn 23 Bộ binh bỏ lại, tiến về Phú Bổn.

Tướng Phú nóng như lửa đốt khi nghe tin này. Từ 9 giờ 5 phút đến 9 giờ 15 cố gắng liên lạc với hai Tướng Tất và Cẩm bằng máy STS106 không được, ông la hét, đập bàn, đập ghế. Dọa bóc lon Trưởng Phòng 6 Truyền tin Quân đoàn.

9 giờ 15, Đại tá Bình được lệnh bay đi Phú Bổn, hỏa tốc chuyển công điện này cho hai Tướng chỉ huy đoàn quân.

9 giờ 25 phút, "Lâu quá... không có tin tức Đại tá Bình gọi về!" Ra lệnh cho Thiếu tá Hoá, Sĩ quan Tùy viên lấy trực thăng Tư lệnh Quân đoàn bay đi Phú Bổn, cùng một nhiệm vụ như Đại tá Bình.

Làm sao có tin tức được của Đại tá Bình gọi về trong 10 phút khi đường bay Nha Trang-Phú Bổn (và thời gian di chuyển ra phi trường) phải mất ít nhất một tiếng đồng hồ ?

9 giờ 45, Tư lệnh Quân đoàn II bay C47 chỉ huy đoàn quân triệt thoái (!) Tướng Phú hơi mất bình tĩnh, và hình như bị rối loạn!

Trên đường từ Nha Trang đi Phú Yên, một lúc bình thường trở lại, ông nói:

- Ô!... Ba cái thằng du kích lẻ tẻ, nó pháo cũng chẳng ăn thua gì!

Khi nóng nẩy, ông lại khiển trách Trung tá Trưởng phòng Truyền tin Quân đoàn cũng có mặt trên chuyến bay, về hệ thống liên lạc quá bết bát!

Những lúc Tướng Phú rút thuốc lá châm lên hút một hơi, hoặc không hút hơi nào, rồi dụi đi, và lại đốt điếu khác, tôi biết rằng lúc đó ông đang nghĩ đến Sư đoàn 320 Cộng sản Bắc Việt, Sư đoàn Điện Biên Phủ. Đó là đơn vị Cộng sản đã cầm tù ông trước khi cuộc chiến tranh Việt Pháp chấm dứt năm 1954.

10 giờ 10 phút, liên lạc được với Phú Bổn từ trên bộ Chỉ huy Hành quân trên không của Quân đoàn.

10 giờ 15, từ trên C47, Tướng Phú ra lệnh cho Tướng Cẩm phối kiểm

nguồn tin tình báo vừa được phổ biến.

- Điều động cấp thời Liên đoàn 7 Biệt động quân "đập tan" lực lượng Việt cộng ở tây nam Hậu bốn.

- Phán pháo những điểm nghi ngờ.

- Tổ chức lại và thật mau lẹ để các xe di chuyển cách nhau một khoảng cách tương đối, không gần nhau quá.

- Thiết giáp bố trí phía ngoài cùng với các cánh quân Biệt động quân.

- Lệnh cho các Đơn vị trưởng vừa di chuyển vừa sẵn sàng chiến đấu.

- Các vị trí hiện tại của Tướng Cẩm, Tướng Tất, Đại tá Đồng, Lữ đoàn trưởng Thiết giáp và các Liên đoàn trưởng Biệt động quân ?

10 giờ 25 phút, Tư lệnh Quân đoàn II thảo luận với Tướng Phạm Duy Tất, chỉ huy đoàn quân. Tướng Tất trình với Tướng Phú về tình hình chung của các lực lượng chính yếu bảo vệ đoàn xe: các Liên đoàn Biệt động quân, Lữ đoàn II Thiết giáp, các hợp đoàn trực thăng của Không quân...

Kế hoạch toàn bộ di chuyển nhịp nhàng. Tướng Tất cũng báo cáo, nguồn tin tình báo của bộ Tổng Tham mưu chắc chắn đúng. Trước đó, Liên đoàn 23 Biệt động quân đã chạm địch, và Việt cộng rút lui về phía tây nam Hậu Bốn.

Liên đoàn 7 Biệt động quân đã di chuyển tới khu của Lữ đoàn II Thiết giáp. Tướng Phú ra lệnh Tướng Tất, sau khi Liên đoàn 7 Biệt động quân "clear" xong Việt cộng, sẽ đi cùng với Thiết giáp, để tăng cường và phối hợp bảo vệ đoàn xe.

Tướng Phú hỏi về vị trí của các Liên đoàn 22, 4, và 25 Biệt động quân ? Trong máy, tôi nghe Tướng Tất lúng túng trả lời về vị trí và quân số của các Liên đoàn 4 và 25 Biệt động quân.

Liên đoàn 4 và 25 Biệt động quân phòng thủ tuyến Thanh An, Pleime rút sau cùng. Tôi không biết ngày hôm qua họ có ra kịp để sát nhập

vào đoàn quân không ? Tự nhiên tôi nhớ đến người-anh-em Trung tá Đặng Hưng Long, tức "Long bao tử", Liên đoàn trưởng Liên đoàn 25 Biệt động quân, một người bạn khá thân của Vinh và tôi. Theo một phản ứng tự nhiên, tôi thầm cầu mong Long và các chiến hữu của anh có mặt trong đoàn quân triệt thoái.

Theo tiết lộ của Tướng Phạm Duy Tất sau này, ông đã không hy vọng Liên đoàn 25 Biệt động quân rút ra khỏi được mặt trận tây nam Pleiku để sát nhập vào đoàn quân triệt thoái. Vì từ những ngày trước, Liên đoàn 25 Biệt động quân quần thảo liên miên với hai trung đoàn Cộng sản Bắc Việt. Các Tiểu đoàn 67 và 90 Biệt động quân bị thiệt hại hơn nửa quân số. Chỉ có Tiểu đoàn 63 tại Pleime, ở xa nhất còn nguyên vẹn. Nhưng Liên đoàn Biệt động quân này vẫn được lệnh tiếp tục ở lại chiến đấu, để đoàn quân từ Pleiku và bộ Tư lệnh mặt trận nam Pleiku tại căn cứ Hàm Rồng có thể rút đi an toàn.

Tiểu đoàn 63 Biệt động quân từ Pleime, sau đó đã phải đánh suốt đêm 18 tháng 3 để rút dần ra phía quốc lộ. Cuối cùng, những đơn vị còn lại của Liên đoàn 25 Biệt động quân cũng tập hợp, sát nhập được với đoàn quân, và trở thành lực lượng đi đoạn hậu, bảo vệ phía sau.

Trong một tuần lễ giao tranh ác liệt với các đơn vị chính qui Cộng sản Bắc Việt, các chiến sĩ Mũ Nâu đã loại khỏi vòng chiến hơn 300 địch quân. Đây cũng là chiến tích sau cùng của Liên đoàn 25 Biệt động quân trên Chiến trường Cao nguyên.

Nhưng sự may mắn đã không đến với Trung tá Đặng Hưng Long, Liên đoàn trưởng. Đêm 31 tháng 3, 1975, trước khi Phú Yên mất, vừa về tới một bìa làng của quận Châu Thành, tỉnh Phú Yên, anh bị Việt cộng bắt sống, và cái chết tưởng rằng đã kề bên. Thời gian này, những Sĩ quan Biệt động quân, Lôi hổ, Thiết giáp bị địch bắt đều bị chúng sát hại tại chỗ để

trả thù.

10 giờ 30, những lệnh sau cùng của Tư lệnh Quân đoàn trước khi trao quyền chỉ huy lại cho Tướng Tất, chỉ huy đoàn quân từ Phú Bốn về Phú Yên:

- Cho phi cơ oanh kích tối đa những vùng nghi ngờ có địch tập trung.
- Giữ liên lạc chặt chẽ với Tư lệnh Lữ đoàn H Thiết kỵ và các đơn vị bảo vệ đoàn xe.
- Theo dõi thường xuyên hoạt động của Liên đoàn Công binh.
- Cho lệnh khi có xe hư, cháy phải đẩy ra ngoài ngay, không để đình trệ.

Thời gian này, Liên đoàn 6 Công binh Chiến đấu đang dồn mọi nỗ lực vào việc ủi con đường phía nam Phú Bốn, để đoàn xe có thể di chuyển mau lẹ. Một cây cầu giữa Phú Bốn-Phú Túc cũng vừa được sửa chữa.

Liên đoàn 7 Biệt động quân được lệnh nhổ 3 chốt của Việt cộng ở phía nam Phú Bốn. Hai chốt cấp trung đội, và một chốt cấp đại đội. Những chiến xa M41 dàn đội hình ào ạt tiến vào vùng mục tiêu, yểm trợ quân bộ. Không quân cũng được gọi đến, sử dụng tối đa phi pháo, để giải quyết chiến trường mau lẹ.

Nhưng rồi một rủi ro xảy đến. Bom của Không quân đã đánh trúng làm bốc cháy hai chiến xa M41. Biệt động quân và Thiết giáp bị một số thương vong.

Cùng lúc đó, một số lớn lính Thượng bỏ chạy, nổi lửa đốt doanh trại. Tình trạng bất lực. Thế là rối loạn xảy ra. Quân lính vô kỷ luật. Các cấp chỉ huy cũng bó tay. Một lính Biệt động quân dí súng vào ông Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn... dọa nạt. Khắp các ngã đường bên ngoài, và mọi nơi trong thị xã Phú Bốn, xe cộ và người... chật cứng. Dân chúng đi theo đoàn xe quá tham lam, đồ đạc mang, xách, xếp, chất như những nhà kho

lưu động. Nếu không may, chỉ cần một trái lựu đạn vô ý rớt nổ có thể làm chết và bị thương hàng trăm người!

Tướng Phú được tin này trên đường về Nha Trang, khi đang bay quan sát chặng đường rút quân còn lại, Phú Bốn-Phú Yên, trên Liên tỉnh lộ 7, ông đã gọi máy trấn an, yêu cầu Tướng Tất và Đại tá Đồng, Thiết giáp quên chuyện rủi ro, và phối hợp chặt chẽ với Không quân.

Đường Liên tỉnh lộ 7, nối liền Pleiku-Phú Bốn-Phú Yên là con đường mà trong 4 tháng lên Quân đoàn II với Tướng Phú, tôi đã bay cùng với ông ngang qua rất nhiều lần.

Cứ mỗi lần bay trực thăng từ Pleiku đi Nha Trang, Ban Mê Thuật luôn luôn phải ghé Phú Bốn đổ xăng. Và từ Phú Bốn, Tướng Phú thường ra lệnh cho Thiết tá Lượng, phi công bay trên Liên tỉnh lộ 7, khoảng Phú Bốn-Phú Yên, và bay thật thấp, để ông quan sát. Có lần Tướng Phú nói với tôi:

- Trong tương lai, có thể con đường này sẽ cứu sống mình (?)

Hôm nay, một lần nữa ông đang quan sát con đường mà đoàn quân triệt thoái sắp di chuyển qua!

TÔI SẼ LÀ ANH HÙNG

Trên đường bay về từ Phú Yên, Tướng Phú vẫn hút thuốc liên miên, và đắm chiêu suy nghĩ. Đây là lúc ông tính toán quyết định những vấn đề quan trọng.

Ngay từ khi mặt trận Ban Mê Thuột bùng nổ, và tin chính xác cho biết có bốn sư đoàn quân chính qui Cộng sản Bắc Việt trên trận địa, ông tiên đoán tướng Bắc Việt chỉ huy cuộc tấn công này phải là Văn Tiến Dũng hay Hoàng Minh Thảo.

Đây là trận "thư hùng quyết liệt", một cuộc "đấu trí vĩ đại" (nguyên văn lời Tướng Phú), giữa các tướng tài giỏi nhất của Bắc quân và Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên.

Ông không muốn trở thành một Tướng bại trận! Vợ con ông cũng không muốn như vậy. Do đó, ngày 14 tháng 3, 1975 ông đã xin "tử thủ" và được chết tại Pleiku!

Nhưng rồi... cuộc rút quân vẫn xảy ra.

Hôm nay sẽ là một cơ hội để ông lấy lại uy danh, để chứng tỏ ông

là một Tướng Mặt Trận thật sự, như báo chí đã đặt cho.

Con đường Liên tỉnh lộ 7 trên chặng còn lại của cuộc rút quân, Phú Bốn-Phú Yên mà ông đã quan sát thật kỹ trưa nay, thật gay go, hiểm trở. Hàng 5, 6 chục cây số cần ủi quang mới di chuyển được. Hơn 20 cây cầu phải được sửa chữa, bắc lại, đặc biệt cầu sông Ba gần tới Phú Yên dài khoảng gần 300 thước, sẽ là những trở ngại vô cùng lớn lao. Và chưa chắc chiến xa, pháo binh nặng đã sử dụng được.

Thêm vào đó, với ba cái chốt nhỏ của Việt cộng mọc ra hôm qua ở phía tây nam Hậu Bốn, đã gây khó khăn cho cuộc rút quân. Hôm nay, và ngày mai, nếu địch tập trung được khoảng một tiểu đoàn quân địa phương với súng cối, đóng chốt dài theo đường, bắn phá, cắt đứt đoàn xe, rồi đại quân Cộng sản Bắc Việt từ Ban Mê Thuột tới bôn tập, thì những thiệt hại lớn lao sẽ không thể nào lường trước được.

Con đường Liên tỉnh lộ 7 do chính Tướng Phú đề nghị, lựa chọn cho cuộc rút quân. Con đường mà ngay từ ngày đầu tiên lên làm Tư lệnh Quân đoàn II, ông tin tưởng rằng sẽ là con đường cứu sống ông, khi Bắc quân đánh trận địa chiến, biến người để chiếm cao nguyên.

Nhưng với thực trạng hiện tại, đường Liên tỉnh lộ 7 có thể sẽ là con đường chôn xác hàng chục ngàn đồng bào, chiến hữu, và chôn vùi tên tuổi ông!!!

Tướng Phú đứng bật dậy, cười lớn: "Tôi sẽ là anh hùng!!!"

Tôi được nghe câu nói này từ miệng Tướng Phú một lần trước đây. Hôm nay, và sẽ còn một lần nữa.

Trong trận Hạ Lào, khi chờ bay với Tướng Phú, và thả những Phóng viên Chiến tranh can đảm nhất của Quân đội: Dương Nghiêm Mậu, Dương Phục, Nguyễn Thế Hải xuống Tchépone, Tướng Phú tiết lộ với tôi: "Sáng nay, chờ tin tức Trung đoàn 1 vào Tchépone, Đại tướng Viên đã nói rằng,

nếu hồng phúc nhà tôi lớn, chỉ cần một người lính của Sư đoàn 1 trở về, tôi đã trở thành... anh hùng" (???!!!)

Trận đó, Trung đoàn 1 Bộ binh đã trở về được hơn một Tiểu đoàn. Đại tá Diêm, Trung đoàn Trưởng sống sót, sau đó là Tư lệnh cuối cùng của Sư đoàn 1 Bộ Binh. Nhưng, Trung tá Lê Huấn, người "em" thân yêu nhất của các "anh" Ngô Quang Trưởng, Trần Ngọc Huyền (cựu Tư lệnh Sư đoàn 1 và Chỉ huy trưởng trường Võ bị Đà Lạt), đã "ở lại" cùng với 99% chiến hữu của mình. Trung tá Lê Huấn là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 1, Sư đoàn 1 Bộ binh, một trong những cấp chỉ huy tài ba, anh hùng nhất của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Buổi trưa ngày 18 tháng 3, 1975, sau khi tiếp và thảo luận với Tướng Nguyễn Văn Chức và Đại tá Chỉ huy trưởng Công binh về những phương tiện, vật dụng cấp thời để tu bổ, và làm cầu trên chặng đường Phú Bổn-Phú Yên, Tướng Phú gọi cho Tướng Trần Đình Thọ, Trưởng Phòng 3 Tổng Tham mưu, thông báo về tình hình của đoàn xe. Ông lại than phiền về Đại tá Lý, Tham Mưu trưởng Quân đoàn "vẫn chứng nào tật đó", báo cáo bậy bạ, không đúng sự thật với bộ Tổng Tham mưu (?)

14 giờ, bộ Tư lệnh Quân đoàn ra lệnh cho một hợp đoàn trực thăng và 4 "gunships" bay ra Phú Bổn, đặt dưới quyền điều động của Tướng Cẩm để giải quyết chớp nhoáng những việc xảy ra có thể làm trì hoãn cuộc di chuyển. Hai C47 cũng được lệnh bay liên tục để quan sát mọi biến chuyển của đoàn quân triệt thoái.

15 giờ 05 phút, Đại tướng Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng Chính phủ và phái đoàn tới thăm bộ Tư lệnh Quân đoàn II. Đây là giây phút Tướng Phú chờ đợi từ lâu. Đại tướng Khiêm là một vị Tướng lớn của quân đội mà ông mang ơn, kính trọng. Ngôi sao đầu tiên trên cổ áo khi ông là Tư lệnh Biệt khu 44 đã được một phiếu thuận trước nhất của Đại tướng Khiêm. Và

mới đây tại Cam Ranh, ngày 14 tháng 3, 1975, Tướng Khiêm đã cứu ông khi ông định "cãi" Tổng thống Thiệu về lệnh rút bỏ, hay tử thủ Pleiku ?

Với sự tin tưởng và hiểu biết của Tướng Phú, sau trận tổng tấn công của Cộng sản Bắc Việt năm nay, Tổng thống Thiệu sẽ từ chức, và Tướng Khiêm lên thay. Tướng Khiêm sẽ trở thành Tổng Tư lệnh tối cao của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa!!!

Gần một giờ nghe tường trình về cuộc triệt thoái cao nguyên, Đại tướng Thủ tướng Chính phủ và phái đoàn đã nhiệt liệt khen ngợi Tướng Phú và bộ Tư lệnh Quân đoàn II. Đây là cuộc rút quân vĩ đại nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Cũng trong lúc này, Tướng Trần Đình Thọ, Trưởng Phòng 3 Tổng Tham mưu từ Sài Gòn gọi ra cho biết, Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa cũng khen ngợi tối đa.

Trước khi Thủ tướng Chính phủ và phái đoàn ra về, tôi thấy Tướng Phú đứng trình sự việc gì với Đại tướng Khiêm, vẻ mặt rất nghiêm trọng. Vì vậy, tôi đã tới hỏi ông ngay sau đó:

- Thiếu tướng có thể cho tôi biết về những điều Thiếu tướng vừa trình riêng với Đại tướng Khiêm ?

Tướng Phú nói nhỏ đủ cho một mình tôi nghe:

- Tôi tường trình với Đại tướng Khiêm về chặng đường gai góc, khó khăn còn lại. Tôi đã cho ông biết cái quyết định táo bạo của tôi. Nội nhật chiều nay, nếu không "clear" xong ba cái chốt và ủi được con đường phía nam Phú Bổn, trước khi "thắng" 320 (Sư đoàn 320 Cộng sản Bắc Việt) bọn tập đánh, tôi sẽ ra lệnh các đơn vị chiến đấu băng rừng, di chuyển thật lẹ về Phú Yên. Chiến xa và đại bác bỏ lại, phá sau. Cứu quân trước đã!

- ...

- Tôi đã là anh hùng... nếu mang được 50% lực lượng và vũ khí khỏi

cao nguyên. Nhưng tôi sẽ mang đủ mấy chục ngàn quân chủ lực của Kontum, Pleiku về phòng thủ mặt trận Duyên hải!

- Đại tướng Khiêm nói Thiếu tướng sẽ là anh hùng ?

- ...

Tướng Phú không trả lời câu hỏi này của tôi, ông tiết lộ một bí mật khác:

- Tôi đã đề nghị bỏ tỉnh Quảng Đức, Thủ tướng sẽ về trình Tổng thống tối nay.

Đúng! Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II và Chiến trường Cao nguyên sẽ trở thành anh hùng, nếu bây giờ, ngay bây giờ 16 giờ 45 phút ngày 18 tháng 3, 1975 chấp nhận cái nguy hiểm của một người lính, bay trực thăng đáp xuống Phú Bổn, để biết thực trạng đang xảy ra cho những lệnh cấp thời, và trực tiếp chỉ huy đoàn quân. Và nếu, lại một chữ nếu nữa, ông hiên ngang chấp nhận mất chức, giáng cấp, hay tử hình khi cưỡng lại lệnh của vị Tổng Tư lệnh tối cao Quân lực Việt Nam Cộng Hòa lúc 8 giờ 45 phút sáng ngày mai, 19 tháng 3, 1975!!!

Có như vậy, trận thư hùng quyết liệt năm 1975, giữa Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên Việt Nam với các Tướng tài giỏi nhất của Bắc Việt mới được lịch sử sau này phê phán, đánh giá!

Nhưng... sự việc đó đã chẳng bao giờ xảy ra!

15 giờ, giờ mà Tướng Phú tại bộ Tư lệnh Quân đoàn II chờ đợi để bắt tay Thủ tướng Khiêm và đón tiếp phái đoàn chính phủ từ Sài Gòn ra. Cũng giờ phút đó, trên một chiến tuyến dài từ một buôn Thượng phía tây nam Phú Bổn, hàng trăm bàn tay đen đui, khô cằn của những xạ thủ Bắc quân đang chuẩn bị nạp đạn vào nòng súng.

Trung đoàn 9 tiên phong của Sư đoàn 320 Cộng sản Bắc Việt từ bắc Ban Mê Thuột đã sử dụng Quốc lộ 14, và băng rừng đi suốt đêm để tới trận địa trưa nay. Trước đó các tiểu đoàn địa phương Việt cộng ba tỉnh Bình Định, Phú Bổn, Phú Yên, và những đơn vị đặc công Thượng cũng được lệnh tập trung, tăng cường cho nỗ lực đánh phá, đóng chốt để làm trì trệ cuộc rút quân. Lệnh này do chính Văn Tiến Dũng, Tổng Tư lệnh quân đội Bắc Việt từ bộ Tư lệnh chiến trường Tây nguyên của Hoàng Minh Thảo tại bắc Ban Mê Thuột, đã chỉ thị trực tiếp cho Kim Tuấn, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 320, và viên tướng Tư lệnh Quân khu 5 Việt Cộng. Ngoài ra, Dũng cũng ra lệnh cho toàn bộ Sư đoàn 968 từ mặt trận nam Pleiku, cấp tốc tiến về Phú Bổn đánh tập hậu đoàn quân triệt thoái.

Các loại đại bác 122, 105 ly, súng cối 83, 61 của địch và của Sư đoàn 23 Bộ binh bỏ lại Ban Mê Thuột, đều được kéo theo sử dụng.

Loạt đạn đầu địch bắn đi, nổ chính xác trên mục tiêu. Đó là thị xã Phú Bổn!

Phú Bổn là một tỉnh nhỏ nhất tại miền cao nguyên. Trước kia là một quận. Thành phố Phú Bổn gồm vài ba đường phố chính. Một số nhà gạch được dùng làm toà Tỉnh trưởng, các cơ sở hành chánh, trường học, tiểu khu. Còn đa số là nhà tôn, nhà lá, vừa làm doanh trại, vừa làm trại gia binh cho các đơn vị Địa phương quân, Nghĩa quân người Thượng. Quân nhân và gia đình họ chiếm đến 90% dân số thị xã Phú Bổn.

Từ 13 giờ trưa hôm qua 17 tháng 3, 1975, khi những chiếc xe thiết giáp đầu tiên vào Phú Bổn, phố quận này đã nhận nhịp hân lên. Sau đó, đợt này qua đợt khác, xe và người chen chúc, dồn vào như nê-m-cối. Cả trăm ngàn người co rút trong cái thị xã nhỏ bé này. Vì bị làn sóng người Kinh xâm nhập chớp nhoáng, quyền lợi bị đụng chạm, một số lớn lính Thượng, dù không phải là Thượng cộng, cũng đã nổi lửa đốt nhà, đốt doanh

trại, bỏ đi.

Pháo của Bắc quân nã vào. Những đơn vị chiến xa, pháo binh nặng... tập trung trong thị xã, bây giờ kẹt cứng, không nhúc nhích, không sử dụng được. Các trưởng xa, tài xế, pháo thủ cũng chịu chung số phận như những người khác.

Tôi đã viết ở trên, chỉ cần một trái lựu đạn vô ý rớt nổ cũng sẽ gây thương tích cho cả trăm người. Bây giờ là những trận mưa pháo.

Thật kinh hoàng, khủng khiếp. Biến người và biến máu. Đó cũng là giờ phút khởi đầu đoàn quân, đoàn xe, đoàn người đi trên khúc quanh tử thần của Tỉnh lộ máu số 7!

Tôi sẽ không viết thêm nữa về sự chết chóc, đau thương, thống hận mà các chiến sĩ và đồng bào đã khốn khổ trải qua từng giây, từng phút trên quãng đường dài Phú Bổn-Phú Yên. Người đọc theo dõi những biến chuyển của chiến trường có thể tự suy ra.

Hệ thống chỉ huy của Quân đoàn II trong cuộc rút quân, ở cấp cao nhất, thật tồi tệ, vô kỷ luật. Hai người có uy quyền chỉ huy những lực lượng quan trọng, Chuẩn tướng Phạm Duy Tất, Biệt động quân và Đại tá Nguyễn Văn Đồng, Thiết giáp hoàn toàn đổ kỵ, ganh tức nhau. Tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân của Tư lệnh Quân đoàn hống hách, tự kiêu tự đại, chẳng ai phục.

Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng, "bộ óc" của Quân đoàn, người đã thiết kế và tổ chức cuộc rút quân trong hai đêm hai ngày, làm việc gần như 24 trên 24 giờ. Có chức nhưng không có quân. Có tài nhưng không có quyền hành ngoài mặt trận để dụng võ, tung hoành. Ông ở lại Pleiku cho đến giờ phút chót, và di chuyển bằng xe theo đoàn quân. Các Tướng Cẩm và Tất rất lạnh nhạt, không đếm xỉa gì đến công trạng của ông. Và mới đây, ông bị một lính Biệt động quân dí súng... dọa nạt, làm nhục. Ông

căm hận, bất mãn. Hỗn loạn xảy ra, ông mặc xác cho hai Tướng Cẩm và Tất giải quyết. Ông cũng không cần chú ý, tuân theo lệnh của hai Tướng này. Và ông đã trở thành một cấp chỉ huy vô kỷ luật, vô trách nhiệm nhất!!

Đó cũng là cái giá mà Tướng Phú phải trả khi ông gấn sao quá sớm cho Đại tá Phạm Duy Tất. Và, ông đã không đích thân trực tiếp chỉ huy cuộc rút quân!

17 giờ, Tướng Phú hét trong máy STS106, ra lệnh cho các Tướng Cẩm, Tất, Đại tá Đồng, bằng mọi giá "mang" tất cả thiết giáp ra khỏi tầm pháo của địch, hướng về Phú Yên mà đi. Liên đoàn Biệt động quân đi đầu, di chuyển theo những đơn vị Thiết giáp để bảo vệ.

Đó là những lệnh quan trọng và cấp bách. Nhưng Tướng Phú đâu biết rằng khi ông bay ở trên trời, ra lệnh ở Phú Yên, ở Nha Trang, các cấp chỉ huy trong cuộc rút quân này đã không thi hành nghiêm chỉnh? Buổi sáng, ông chỉ thị phân tán đoàn xe, vừa di chuyển vừa sẵn sàng chiến đấu... Chiến xa bố trí phía ngoài cùng với những đơn vị Biệt động quân. Chỉ 5 giờ sau đó, hơn 50% lực lượng chiến xa và pháo binh nặng của Quân đoàn kẹt cứng trong Phú Bổn và thung lũng Hồng, cách tỉnh lỵ này vài cây số về phía đông. Có thể gần 300 chiến xa và thiết vận xa bây giờ đã trở thành những đồng sắt khổng lồ... bất khiển dụng!!!

17 giờ 10 phút, Tướng Phú ra lệnh đi bay, rồi hủy bỏ. Không liên lạc được với Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn. Ông ra lệnh Tướng Cẩm cho hợp đoàn trực thăng tìm kiếm và bốc Đại tá Lý.

17 giờ 25, Trung tâm Hành quân Quân đoàn vẫn chưa được tin tức gì về Đại tá Tham mưu trưởng. Máy liên lạc không rõ. Bị phá!

17 giờ 40 phút, Tướng Phú quyết định bay đi Phú Bổn chỉ huy, và tìm bốc Đại tá Lý. Đây cũng là một sự việc đặc biệt. Tướng Phú làm việc với Đại tá Lý thường gắt gỏng, độc đoán. Nhưng ông có một cái nhìn tinh

tường, biết Đại tá Lý là một sĩ quan giỏi.

Và những lúc như thế này, mới biết ông là một người tốt, có lòng.

18 giờ 15, Tư lệnh Quân đoàn trên vùng trời Phú Yên-Phú Bổn. Tướng Tất báo cáo Biệt động quân và Thiết giáp tiêu diệt khoảng 100 Cộng quân ở tây nam Phú Bổn. Trận đánh vừa kết thúc. Tịch thu được cả hỏa tiễn phòng không tối tân của Nga Sô SA7. Trực thăng Tướng Phú lúc này bay cao... 11000 bộ!

Ra lệnh cho Tướng Tất chuẩn bị đi bộ với quân. Tìm ra vị trí và liên lạc được với Tham mưu trưởng Quân đoàn. Một trực thăng trong hợp đoàn trực thăng của Tướng Cẩm được gọi xuống bốc Đại tá Lý và bộ Tham mưu Hành quân nhẹ của Quân đoàn về làm việc tại Trung tâm Hành quân tiểu khu Phú Bổn.

18 giờ 30, Đại tá Đồng, Tư lệnh Lữ đoàn II Thiết giáp, cùng trên hệ thống liên lạc với Tướng Tất, nhận lệnh trực tiếp của Tư lệnh Quân đoàn II.

- Thiết giáp, Pháo binh, và Chủ lực quân di chuyển ngay.

- Phá chướng ngại vật, bằng mọi ngả đường quân đi bộ tiến về Cung Sơn đêm nay.

- Những chiến xa hư, phá hủy, không để cho địch quân lấy.

- Tướng Tất đi bộ với quân.

18 giờ 45, Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn báo cáo một số lớn chiến xa M48 và M41 đi được.

19 giờ, một khu vực quận Cung Sơn cháy. Các xe bị cháy, bị hư kẹt lại, đẩy sang hai bên đường rất nhiều. Lại có những "va chạm" giữa Tướng Cẩm và Đại tá Lý. Tướng Phú ra lệnh "một lần chót", Tham mưu trưởng Quân đoàn phải tuân lệnh của Phi Bảo (danh hiệu Tướng Cẩm).

19 giờ 10 phút, trời tối. Những đám cháy bốc lên cao tại nhiều nơi.

Lính Thượng với đặc công Việt cộng trà trộn, tiếp tục nổi loạn. Đốt nhà, đốt nhiều xe còn bị dòn đong trong thị xã Phú Bổn.

19 giờ 15, Tướng Phú bay về Nha Trang, đau đớn than: "Yếu tố bất ngờ" chỉ giữ được hai ngày! Về Phú Bổn đình trệ một ngày, bị hư kế hoạch, mất một số chiến xa. Sau đó, ông lại tự an ủi: "Nhưng nếu trễ thêm một ngày tại Pleiku, sẽ... sa lầy!!! (?)

Mặt trận Khánh Dương và Phước An.

Một Lữ đoàn Dù từ Đà Nẵng sẽ về tới chiều nay, tăng cường cho mặt trận Khánh Dương. Đó là tin tức vui mừng, phấn khởi nhất cho các cấp chỉ huy Quân đoàn II, và những đơn vị đang chiến đấu tại mặt trận này.

Vùng trách nhiệm của Lữ đoàn Dù sẽ trấn đóng và phòng thủ tại đèo M'Drak, gần Khánh Dương. Những Thiết đoàn chiến xa M48, M41 từ Pleiku về sẽ được gọi liên, cấp tốc chuẩn bị chiến đấu khi tuyến Dù bị chọc thủng.

Trong những ngày tới, các tuyến phòng thủ trên Quốc lộ 21, Khánh Dương-Nha Trang, gồm: tuyến Khánh Dương, M'Drak, Dục Mỹ, đèo Rù Rì. Bộ Tư lệnh Hành quân Sư đoàn 23 sẽ đặt tại đèo Rù Rì, sát Nha Trang; và bộ Chỉ huy Biệt động quân, Quân khu II tại động Ba Thỉn, Cam Ranh.

8 giờ sáng phi cơ quan sát L19 phát hiện 4 xe tăng Cộng sản Bắc Việt tại cầu 42, bắc Khánh Dương. Trung tá Không quân Nguyễn Văn Giang, Giám đốc Không trợ II được yêu cầu lên bộ Tư lệnh Hành quân Sư đoàn 23, phối hợp việc sử dụng Không quân cho mặt trận này. Đồng thời theo dõi việc đánh bom hủy bỏ kho đạn đại bác, những bồn xăng, đài radar còn nguyên vẹn tại Pleiku và phi trường Cù Hanh.

Trung tá Giang hôm nay là cái gạch nối giữa Tư lệnh Quân đoàn II và Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân. Trong cơn thịnh nộ khi trình bày với

Tướng Thọ, Trưởng Phòng 3 Tổng Tham mưu; Tướng Phú đòi đề nghị giáng cấp Tướng Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân. Tướng Sang đã không thi hành nghiêm chỉnh lệnh của Quân đoàn, còn đồ thừa... bậy bạ. Sân bay đóng cửa trước giờ ấn định. Một số sĩ quan chỉ lo "áp phe" và chuyên chở gia đình...

Phi trường Cù Hanh vô cùng hỗn loạn, mất trật tự trong hai ngày 15 tháng 3 và 16 tháng 3, 1975. Trong khi đó, những kho chiến cụ khổng lồ của Quân đoàn và Sư đoàn 6 Không quân để lại, đã không được tiêu hủy như kế hoạch. Những điều Đại tá Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn báo cáo về Sài Gòn chiều 16 tháng 3, 1975 đều gần đúng sự thật!

Những sự hỗn loạn này, chắc chắn sẽ không xảy ra, nếu Tướng Phú ở lại Pleiku cho đến ngày 17 tháng 3, 1975 khi đoàn quân khởi sự di chuyển. Buổi trưa, Tướng Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân đã đích thân bay chỉ huy, quan sát vụ đánh bom phá hủy phi trường Cù Hanh và các cơ sở quân sự tại Pleiku.

Dân chúng Ban Mê Thuột trốn chạy Cộng sản, băng rừng, lội suối, gồng gánh về phía Phước An mỗi lúc một đông. Theo kế hoạch, bộ Tư lệnh Quân đoàn chỉ thị cho Tỉnh trưởng Phú Yên và Nha Trang, chuẩn bị tổ chức tiếp đón những đơn vị triệt thoái từ Pleiku về, như một đoàn quân... chiến thắng!

Buổi chiều, tại mặt trận Khánh Dương lại có thêm 7 chiến xa Cộng sản Bắc Việt xuất hiện. Tuy nhiên, mặt trận này còn vững. Trung đoàn trưởng Trung đoàn 40 của Sư đoàn 22 Bộ binh cũng vừa được gọi tới chỉ huy các đơn vị của Sư đoàn 22 tăng cường cho mặt trận Khánh Dương.

NHỮNG CÁI LỆNH VÀ MỘT HỆ THỐNG CHỈ HUY TỒI TỆ

Ngày thứ ba 19 tháng 3, 1975.

1 giờ 15 sáng, Tướng Tất đi bộ chỉ huy đoàn quân, báo cáo về bộ Tư lệnh Quân đoàn, quận Phú Túc đang bị pháo rất nặng. Liên đoàn 7 Biệt động quân với Thiết giáp đang trên đà tiến nhanh đến giải vây. Bảo đảm sẽ tiêu diệt lực lượng địch, khoảng hai tiểu đoàn Việt cộng, không cho chúng đóng chốt tại Phú Túc chặn đầu đoàn xe. Tinh thần chiến đấu các cánh quân rất cao.

2 giờ sáng, quận Phú Túc bị tràn ngập. Trận đánh đẫm máu sau đó đã diễn ra giữa Liên đoàn 7 Biệt động quân và những tiểu đoàn địch.

Khi tái chiếm quận Phú Túc, Biệt động quân đã tịch thu được 15 khẩu súng cối 83, 81 ly và một số đạn súng cối rất quan trọng. Khoảng 2 phần 3 quân số địch bị tiêu diệt, bỏ lại chiến trường cùng vũ khí cá nhân, và 2 thương binh Việt cộng. Phía ta thiệt hại trung bình. Liên đoàn trưởng Liên đoàn 7 Biệt động quân bị thương. Một chiến xa M41 và một xe chở hỏa tiễn TOW bị cháy. Tuy nhiên, lực lượng địch vẫn bám chặt những vùng

quanh Phú Túc để pháo phá rồi với mục đích làm ngưng trệ cuộc rút quân.

8 giờ 05 phút, bộ Tư Lệnh Quân đoàn II báo cáo về Phòng 3 bộ Tổng Tham mưu, đoàn chiến xa đã qua Hậu Bồn. Sắp đến cây cầu lớn, một trong những cây cầu quan trọng cho cuộc rút quân trên Liên tỉnh lộ 7, và trước khi tới Phú Túc. Biệt động quân đã chiếm và bảo vệ cầu này từ đêm hôm trước. Từ mờ sáng, những đơn vị Công binh Chiến đấu Liên đoàn 6 đã dồn mọi nỗ lực để sửa chữa. Địch vẫn từ xa pháo tới. Hy vọng sẽ hoàn tất khoảng 9 giờ sáng.

8 giờ 45, Tổng thống Thiệu gọi, ra lệnh phải mang chiến xa M48 về bằng mọi giá (?) Lệnh này được truyền đi cấp thời cho các Tướng Cẩm, Tấn và Đại tá Đồng, Tư lệnh Lữ đoàn Thiết giáp.

8 giờ 50 phút, hai Tiểu đoàn K9, K13 Việt cộng li lợm của Phú Yên đã đóng chốt dày đặc trên 25 cây số đường từ phía đông quận Sơn Hòa tới Hiếu Xương, và cách Phú Yên 12 cây số theo hướng tây nam. Tin này làm cho các cấp chỉ huy cuộc rút quân lo ngại trong những ngày tới. Đó cũng là "25 cây số xác" của đoàn người từ cao nguyên về đồng bằng trên con đường của tử thần: Tỉnh lộ máu số 7!!!

Những lệnh cấp thời được ban hành. Tỉnh trưởng Phú Yên chịu trách nhiệm giải tỏa các chốt. Lực lượng Hành quân của Phú Yên sẽ được tăng cường những tiểu đoàn Biệt động quân đi đầu trong đoàn quân triệt thoái.

Biệt động quân cũng được lệnh tiếp tục chiếm giữ Phú Túc, để cho đoàn quân di chuyển ngang qua sáng nay!

Toàn những lệnh là lệnh! Nhưng ai sẽ thi hành? Và giá trị của những cái lệnh? Sáng nay, Tổng thống Thiệu ở dinh Độc Lập gọi ra lệnh bằng mọi giá phải mang chiến xa nặng M48, đại bác 175 ly về phòng thủ mặt trận Duyên hải và Sài Gòn. Tôi nghĩ rằng ông đã căn cứ vào những tường trình của Đại tướng Viên, Chuẩn tướng Thọ, bộ Tổng Tham mưu và Tướng

Phú, tin rằng Lực lượng Chiến xa và Pháo binh nặng Quân đoàn II còn nguyên vẹn.

Tướng Phú, cho đến giờ phút này, cũng tin như vậy. Tướng Cẩm, Tướng Tất, Đại tá Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn chỉ huy trực tiếp đoàn xe, đoàn quân báo cáo với ông mọi diễn tiến, từng giờ, từng 15 phút, và có khi từng phút.

Cả một hệ thống chỉ huy, báo cáo khoa học và máy móc. Nhưng ai là người thật sự có thẩm quyền để biết rõ về số thiết giáp M48, M41, đại bác 175 ly, 155 ly của Quân đoàn II còn có thể sử dụng được.

Để tránh cho Tổng thống Thiệu, với tư cách là Tổng Tư lệnh tối cao Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, không ra những cái lệnh "cứng ngắc" như lúc 8 giờ 45 sáng nay (!) Để Tướng Phú không bị sa lầy, và thực hiện được cái quyết định táo bạo mà ông đã trình với Thủ tướng Khiêm lúc 4 giờ chiều hôm qua 18 tháng 3, 1975 tại Nha Trang: cứu quân chủ lực và cứu được cả mấy chục ngàn dân vô tội chết oan sau đó!

Ngày thứ ba của cuộc triệt thoái cao nguyên, cuộc rút quân quan trọng nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Liên quan đến sự sống còn của Đất Nước và những phần đất còn lại của miền Nam tự do. Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Trung tướng Lê Nguyên Khang, Phụ tá Hành quân, Trung tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Liên quân, chưa một lần bay tới Nha Trang, nơi đặt bộ Tư lệnh Quân đoàn II... di tản!

Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II chỉ bay trên trời, chưa hề đáp xuống Phú Bổn hay trận địa. Tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân Quân đoàn bay chỉ huy, bay thật cao để tránh phòng không địch. Tướng Phạm Duy Tất, thay mặt Tướng Phú, chỉ huy tổng quát đoàn quân, "tung hoành ngang dọc", nhưng chỉ chú trọng đến những Liên đoàn

Biệt động quân. Với Lực lượng Thiết giáp, gần như ông không có thẩm quyền, và cũng không muốn "lý" đến nữa. Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn, đi theo đoàn xe, không quân, không trực thăng, bây giờ về ngôi tại tiểu khu Phú Yên. Ông báo cáo về Tổng Tham mưu, báo cáo với Tướng Phú theo máy gọi về, và theo sự suy diễn tưởng tượng!!!

10 giờ, Tướng Phú bay C47 chỉ huy đoàn quân.

10 giờ 40 phút, Tướng Tất tường trình tình hình. Tư lệnh Quân đoàn không liên lạc được với Tư lệnh Lữ đoàn II Thiết kỵ. Ra lệnh trực tiếp cho Đại tá Sáu, Tư lệnh phó Lữ đoàn.

11 giờ 30, cây cầu lớn gần Phú Túc vẫn chưa làm xong. Đường còn quá xa, thiên nan vạn nan. Lúng túng, khó khăn vì phải giữ chiến xa do lệnh thượng cấp. Lo lắng sợ Sư đoàn 320 Cộng sản Bắc Việt bôn tập, xả láng, tinh thần lính có vợ con đi theo bị sa sút nặng nề.

11 giờ 35 phút, ra lệnh Tướng Phan Đình Niệm, Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh về trình diện. Gởi quân vào "clear" chốt Việt cộng.

12 giờ, bộ Tham mưu nhẹ Quân đoàn báo cáo 3000 xe, kể cả xe Honda, đã về tới Sơn Hòa (?)

12 giờ 10 phút, gặp Tham mưu trưởng Quân đoàn, Tướng Phú khiển trách Đại tá Lý nặng nề. Vụ Đại tá Lý báo cáo với Tướng Thọ, bộ Tổng Tham mưu về tệ trạng phi trường Cù Hanh, Pleiku. Tướng Sang và Sư đoàn 6 Không quân phản ứng; tinh thần phục vụ và hợp tác của Không quân giảm đi 40% (?)

12 giờ 25 phút, Tướng Thọ từ bộ Tổng Tham mưu Sài Gòn gọi ra. Lệnh Tổng thống sử dụng Pháo binh, Không quân tối đa, san bằng Phú Túc để đoàn quân di chuyển. Cầu gặp khó khăn, dùng vĩ sắt PSP của sân bay Cung Sơn thả xuống làm đường cho chiến xa đi. Tướng Phú ra lệnh bắn vào nhóm Thượng nổi loạn để đoàn xe tiến gấp về Sơn Hòa.

15 giờ, gặp Tướng Phan Đình Niệm, Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh. Trao phó trách nhiệm, giải tỏa chốt, thanh toán hai tiểu đoàn Việt cộng ở tây nam Phú Yên 12 cây số, cho Sư đoàn 22 Bộ binh. Đoàn xe chính còn lại trên khoảng Phú Túc-Cung Sơn, ước lượng 3000 xe. Lính Thượng vẫn nổi loạn giữa Hậu Bốn-Phú Túc. Đốt những xe kẹt lại phía sau.

15 giờ 20 phút, 13 thiết vận xa qua sông được, yểm trợ Công binh làm cầu. Phía Cung Sơn làm được 30 thước. Địch pháo vào đoàn xe. Đánh dữ dội giữa Biệt động quân và Việt cộng quanh Phú Túc. Công binh vẫn tiếp tục làm cầu và phà.

17 giờ 05 phút, đơn vị Thiết giáp đi tập hậu, Thiết đoàn 3 Thiết kỵ bị kẹt ở 2 cây số nam Phú Bốn. Lực lượng bảo vệ bỏ chạy. Thêm 4 chiến xa bị cháy.

Tổng cộng chiến xa bị thiệt hại trong hai ngày 18 tháng 3 và 19 tháng 3, 1975: 30 chiến xa. Đó là theo báo cáo, sự thật nhiều hơn nữa.

17 giờ 30, đoàn xe sang sông Phú Túc. Phà chở chiến xa được phá đi sau khi sử dụng.

Tư lệnh Quân đoàn II gọi Tướng Thọ, Phòng 3 Tổng Tham mưu thông báo quyết định đánh bom tiêu hủy những chiến xa bị kẹt lại. Những chiến xa bị hư, hết xăng (?), tài xế bỏ chạy...

17 giờ 45, Tướng Cẩm theo sát Liên đoàn 6 Biệt động quân trong nhiệm vụ càn quét các lực lượng Việt cộng quanh Phú Túc. Không quân yểm trợ tối đa. Hai trực thăng khổng lồ "chinoock" bốc tới được 1000 miếng PSP để trải, lát trên những khúc đường lồi lõm cho đoàn xe qua.

Tướng Tất được lệnh mang bộ Chỉ huy Hành quân về tuyến phòng thủ Cung Sơn.

Các Tỉnh trưởng Kontum, Pleiku, Phú Bốn được lệnh lập điểm tiếp cư, tổ chức cơ sở hành chánh tại Phú Yên.

17 giờ 50 phút, ghi nhận Phú Bốn mất. Một số lớn chiến xa M48, M41 bị kẹt lại Phú Bốn. Tổng số chiến xa đi được vừa qua sông Phú Túc: 6 M48, 16 M41, 13 thiết vận xa M113.

Tư lệnh Quân đoàn nổi giận khi được báo cáo Tỉnh trưởng Phú Yên rất lơ là trong việc giải tỏa các chốt, và đã đi cùng với Mỹ tới Cung Sơn chiều nay bằng Air America.

18 giờ, Tướng Nguyễn Văn Chức, nguyên Chỉ huy trưởng Công binh Quân lực Việt Nam Cộng Hoà ở Phú Túc, Cung Sơn về, tường trình với Tư lệnh Quân đoàn II: đoàn xe quân đội qua sông Phú Túc khoảng 1500 cái, thay vì 3000 cái như Tham mưu trưởng Quân đoàn báo cáo. Công binh sẽ ráng gỡ tất cả PSP ở sân bay Cung Sơn và số dự trữ tại Cam Ranh, để sử dụng cho những cầu và các đoạn đường cần sửa chữa kế tiếp.

Tướng Chức rời Sài Gòn chiều 18 tháng 3, 1975. Phó Tổng thống Trần Văn Hương nhờ chuyển lời thăm Tướng Phú. Cụ Hương khuyên Tướng Phú ráng giữ gìn sức khỏe.

Những mặt trận khác. Lữ đoàn 3 Nhảy dù từ Vùng I đã về tới Nha Trang.

9 giờ 50 phút, Tướng Phú ra lệnh và thảo luận với Trung tá Lê Văn Phát, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn Dù về tuyến phòng thủ đèo M'Drak và Khánh Dương. Quân Dù sẽ vào vùng trách nhiệm ngày mai 20 tháng 3, 1975.

13 giờ 45, Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt từ mặt trận phía đông Ban Mê Thuột đã kéo xuống Phước An. Hai Trung đoàn 25 và 26 Cộng sản Bắc Việt với chiến xa, trọng pháo tấn công Trung đoàn 44. Quân số Trung đoàn 44 gồm 1 Tiểu đoàn Bộ binh và một Đại đội Trinh sát. Lực lượng quá chênh

lệch. Bộ Chỉ huy Trung đoàn bị địch đánh tan ngay trong nửa giờ giao tranh đầu. Trung đoàn trưởng Trung đoàn 44 mất liên lạc. Một số quân nhân thoát đi được, đang tập trung để tiếp tục phòng thủ tuyến Phước An.

15 giờ, Tướng Phú gặp Tướng Phan Đình Niệm, Tư lệnh Sư đoàn 22 và Đại tá Nguyễn Văn Đức, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Tướng Niệm trình bày về tình hình mặt trận bắc Bình Định. Trung đoàn 12 Việt cộng đã trở lại vùng núi Chéo, chiếm cao điểm 82. Sư đoàn 22 Bộ binh hiện đối diện toàn bộ Sư đoàn 3 Sao Vàng và những trung đoàn địa phương, những đơn vị pháo tăng cường của địch. Sư đoàn 22 Bộ binh được giao thêm nhiệm vụ giải tỏa chốt trên chặng Hiếu Xương-Sơn Hòa.

Đại tá Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh đề nghị bổ xung quân số cho Sư đoàn, và tái trang bị lại cho Trung đoàn 44 Bộ binh. Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa chấp thuận cho thành lập gấp một số Tiểu đoàn Địa phương quân, lấy danh hiệu các đơn vị cũ ở Pleiku, Phú Bổn, Kontum và đặc khu Cam Ranh.

16 giờ 40 phút, thông báo cho Tỉnh trưởng Quảng Đức biết, Tổng thống chỉ thị giữ Quảng Đức "bằng mọi giá"! Khen ngợi các lực lượng tiểu khu Quảng Đức đã chống trả địch mãnh liệt trong suốt ngày 18 tháng 3, 1975 để không bị tràn ngập.

Vẫn có những trở ngại, trục trặc giữa bộ Tư lệnh Quân đoàn và Sư đoàn 6 Không quân. Buổi sáng, Đại tá Loan, Tổng cục phó Tiếp vận gọi ra yêu cầu những mục tiêu đánh bom ở Pleiku hôm nay, ưu tiên gồm có kho đạn đại bác mới 14000 tấn, bộ Tư lệnh Quân đoàn, hệ thống Siêu tần số, và kho xăng. Đây là lần thứ 4, bộ Tư lệnh Quân đoàn ra lệnh cho Sư đoàn 6 Không quân đánh bom hủy phá các cơ sở quân sự quan trọng, các kho chiến cụ, kho xăng, kho đạn... ở Pleiku, kể từ ngày Quân đoàn rút đi, nhưng vẫn chưa hoàn tất!

TƯỚNG MẶT TRẬN - TƯỚNG BIÊN KHU

Tướng Phạm Văn Phú khi chỉ huy Sư đoàn 1 Bộ binh trong trận Hạ Lào, và trấn giữ mặt trận tây nam Huế, Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, đã được báo chí đặt cho danh hiệu "Tướng Mặt Trận". Ông là vị Tướng duy nhất của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa mà tất cả mọi cấp bậc từ trung úy đến thiếu tướng, đều do công trạng và được đặc cách vinh thăng ngoài mặt trận.

Ông đã chỉ huy từ cấp trung đội nhỏ nhất, sau đó leo dần lên đại đội, tiểu đoàn, và cuối cùng là Tư lệnh Quân đoàn.

Tôi rất kính trọng Tướng Phú. Ông là một cấp chỉ huy, một người anh, và một chiến hữu của tôi. Hai mươi năm trong quân đội, và theo nghề viết báo, lần đầu tiên tôi đi theo một ông Tướng. Đó cũng là để nói lên cái "nợ", cái tình tri kỷ giữa Tướng Phú và tôi. Tuy nhiên, tôi phải thành thật nói rằng, ông là một trong những vị Tư lệnh Sư đoàn tài ba nhất của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa; nhưng đã "không đúng với kích thước và tầm vóc", khi trở thành Tư lệnh Quân đoàn II và Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên!

Quân đoàn II với một lãnh thổ rộng lớn gồm 12 tỉnh, gần nửa Đất Nước, với hai mặt trận Cao nguyên và Duyên hải, với đất đai, giang sơn của người Thượng gồm nhiều sắc dân khác nhau, và với biên giới của ba quốc gia Việt-Miên-Lào.

Tư lệnh Quân đoàn II vừa phải là một nhà quân sự, vừa phải là một nhà chính trị "chỉ huy và lãnh đạo"; phải can trường, đảm lược và có uy quyền trước ba quân.

Phải có những quyết định nhanh chóng, sắc bén, nhận lãnh trách nhiệm, độc lập, và tự phong cho mình cái quyền "tiền trạm hậu tấu" của một Tướng trấn ải ngoài biên cương thuở trước!

Như của một Tướng Đổ Cao Trí đã cho sửa lại cọc biên giới khi lãnh thổ Vùng II còn là Đệ tam Quân khu thời Đệ nhất Cộng hòa. Ra lệnh pháo binh nã vào mật khu Việt cộng đóng ở bên kia phần đất của Cam Bốt. Như một Tướng Nguyễn Khánh đã chỉ tham gia cuộc đảo chánh 1963 vào giờ phút chót khi thấy rằng đã đến lúc phải theo, và theo với điều kiện nào ?

Hoặc như Tướng Vĩnh Lộc, trong cái ngạo mạn trí thức khi tự đặt cho mình danh hiệu "anh Cả Trường Sơn", ký tên dưới những bài nghiên cứu về quân sự là "Tướng Biên Khu" Vĩnh Lộc! Và oai phong lừng lững, một mình đứng giữa khu rừng cháy nhìn về phía Pleime, Đức Cơ, để rồi biến những địa danh đó trở thành những di tích, những chiến thắng để đời của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Hay ít nhất phải có uy quyền quyết liệt, và khinh thường cái chết, chia sẻ trách nhiệm, nguy hiểm với quân sĩ ngoài chiến trường như Tướng Nguyễn Văn Toàn, vị Tư lệnh Quân đoàn II tiền nhiệm, trước Tướng Phạm Văn Phú. Tôi tin rằng nếu Tướng Toàn còn chỉ huy Quân đoàn II, ngay chiều hôm qua khi Trung đoàn 9 Cộng sản Bắc Việt kéo về Buôn Blech, mưa pháo vào đoàn xe, ông đã đáp trực thăng xuống Phú Bổn, để biết rõ

thực trạng xảy ra trên chiến trường, để thấy ngay rằng lực lượng chiến xa M48, M41 và pháo binh nặng của Quân đoàn, đại bác 175 và 155 ly, đã bắt khiến dụng tới 70, 80%. (Chứ không phải là "một số", hay ba mươi cái như Tướng Phú được báo cáo.) Để thi hành cái "quyết định táo bạo" và vô cùng cần thiết mà Tướng Phú đã trình bày với Thủ tướng Khiêm, và để không phải tuân hành cái lệnh của Tổng thống Thiệu sáng nay lúc 8 giờ 45 phút ngày 19 tháng 3, 1975 "bằng mọi giá phải mang chiến xa M48 và đại bác 175 ly về"! Đồng thời với những cái chốt của hai Tiểu đoàn K9, K13 Việt cộng giữa Sơn Hòa-Hiếu Xương, làm ngưng trệ cuộc rút quân. Ông Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Phú Yên sẽ được lệnh thay "đồ đẹp", mang bộ Chỉ huy tiểu khu lên quận Hiếu Xương hành quân, và ông Tỉnh trưởng chỉ về khi nào các chốt đã được giải tỏa!!

Tướng Nguyễn Văn Toàn theo lời đồn, là một Tướng nổi tiếng ăn chơi, tham nhũng. Nhưng ông cũng là một dũng tướng, một cấp chỉ huy có oai quyền ngoài mặt trận. Năm 1971, trong cuộc hành quân Hạ Lào, các Sư đoàn Nhảy dù, Thủy quân lục chiến, Sư đoàn 1 bị thiệt hại rất nặng. Trong thời gian này, Tướng Toàn ra Huế, một đàn em ông là Tướng Phan Hoà Hiệp đã tổ chức nhảy đầm để tiếp đón. Tôi rất bất mãn, và ngay khi về Sài Gòn, đã viết một bài phản đối quyết liệt với tựa đề: "Khiêu vũ trên xác chết!"

Một năm sau, trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, một buổi chiều tàn, nhá nhem tối, một nhà báo Nhật và tôi đang theo dõi trận đánh nhau trong thành phố của một Tiểu đoàn Thủy quân lục chiến và quân Cộng sản Bắc Việt trong thị trấn Đông Hà ngoài vùng giới tuyến. Một lúc tình cờ nhìn lên, tôi thấy Tướng Toàn đứng trên một ngọn đồi cạnh chiếc thiết vận xa M113. Lúc đó ông là Tư lệnh phó Hành quân, Quân khu I. Hình ảnh này làm tôi kính nể. Một vài tuần sau đó, khi Kontum sắp mất, ông được bổ nhiệm làm

Tư lệnh Quân đoàn II và Chiến trường Cao nguyên.

Ngay khi vừa nhậm chức, ông bay lên Kontum, đáp xuống mặt trận. Hành động này làm cho các cấp chỉ huy và quân sĩ kính phục, tin tưởng.

Tướng Ngô Dzu trước đó, không bao giờ dám xuống mặt trận!

Sự can đảm và quyết liệt của Tướng Toàn ngoài mặt trận cũng được nhà báo Nguyễn Đạt Thịnh nói đến khi viết về những trận đánh chốt trên ngọn Chu Pao, giữa Kontum và Pleiku, của Biệt động quân và Không quân. Những cái chốt vô cùng độc địa của Cộng sản Bắc Việt, gai góc gấp chục lần những chốt trên Liên tỉnh lộ 7 trong cuộc rút quân này. Cộng quân đục, đục, làm sẵn những cỗ quan tài bằng đá ở các hang hốc giữa sườn núi cheo leo. Những xạ thủ súng cối, đại liên, súng phòng không - những cảm tử quân của Bắc Việt - được xích chân vào súng, ăn, ngủ, và chiến đấu cho đến chết. Tướng Toàn đã tới ngọn Chu Pao, đứng ở đó nhiều lần để chia sẻ những nguy hiểm với các chiến hữu của mình, và để thấy những cái chốt phải được giải tỏa đúng thời gian hạn định!

Trong 20 năm sau cùng của chiến tranh Việt Nam, với nhận định của một Ký giả Chiến trường về các Tướng chỉ huy Quân đoàn II và Chiến trường Cao nguyên. Tôi nghĩ, và có thể tôi đã sai lầm, chỉ có 4 Tướng xứng đáng với "kích thước và tầm vóc" của một Tướng Biên khu. Đó là cố Đại tướng Đỗ Cao Trí, Đại tướng Nguyễn Khánh, Trung tướng Vĩnh Lộc, và Trung tướng Nguyễn Văn Toàn.

PHỐ QUẬN PHÚ BỒN: RỪNG CHIẾN XA, ĐẠI BÁC VÀ NHỮNG XÁC NGƯỜI!

Ngày thứ tư 20 tháng 3, 1975.

Cuộc triệt thoái cao nguyên sang ngày thứ tư. Hệ thống chỉ huy không phối hợp, không liên lạc, và hoàn toàn theo "võ tự do" của các Tướng Cẩm, Tất, và Đại tá Đồng (Thiết giáp), có thể Tướng Phú đã khám phá ra. Nhưng quá trễ!

8 giờ 05 phút, Tướng Tất tường trình tình hình chung của đoàn quân. Bộ Tham mưu Lữ đoàn II Thiết kỵ và các chiến xa đi được, đã sang sông Phú Túc chiều hôm qua. Liên đoàn 4 Biệt động quân và những Tiểu đoàn Biệt động quân khác phòng thủ tuyến Phú Túc, và đi đoạn hậu; vừa di chuyển, vừa tác chiến để bảo vệ phía sau cho đoàn xe. Sáng nay, một số mới vừa sang sông Phú Túc. Liên đoàn 4 Biệt động quân đi sau cùng cũng đã tới Phú Bồn.

Những đơn vị Biệt động quân này vừa chịu những trận mưa pháo của địch, vừa phải quần thảo với Bắc quân trong 3 ngày liền. Thiệt hại trung bình một phần ba quân số. Tinh thần bị giao động về quyết định rút bỏ cao

nguyên. Họ vẫn còn phong độ, xứng đáng là thành phần của đoàn quân Mũ Nâu Biệt động quân, Mũ Xanh Lực lượng Đặc biệt khi trước, những người lính bảo vệ trấn giữ vùng biên giới, địa đầu.

Đoàn quân, đoàn xe đã đi khá xa. Lực lượng Thiết giáp bạn cũng đã ở bên kia sông. Nhưng trước khi di chuyển, rút lui đúng với đội hình, chuẩn bị cho những trận đánh kế tiếp, họ đã tập hợp lại ở phi trường để kiểm điểm anh em, vũ khí, đạn dược...

Chính cái phong cách của những người quân nhân nhà nghề, khinh thường nguy hiểm này đã khiến họ khám phá ra một sự thật, một sự thật bi thảm, đau lòng.

Thành phố đất đỏ nhỏ bé miền núi Phú Bổn, sau những trận mưa pháo của Bắc quân, buổi trưa và đêm 18 tháng 3, 1975 đã biến thành một "chợ trời xác chết". Khắp nơi, chỗ nào cũng có xác người chồng chất lên nhau. Đau đớn nhất là những chiến hữu của họ trong cái chết oan khiên, tức tưởi. Những pháo thủ súng lớn nằm dài, sóng sượt dưới chân đại bác, gối đầu lên nhau. Hai nòng súng cao ngất, loại đại bác 175 ly, lớn nhất của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, cũng chum đầu lại (?) Những trường xa, tài xế các loại chiến xa M48, M41 ngồi yên bất động trong pháo tháp, trên đầu xe, với hình hài không còn nguyên vẹn.

Một góc sân trường tiểu học, họ đếm được 4 xe M41 đậu dồn lại. Khu đất trống trước tòa Hành chánh, 8 chiếc M48, M41 san sát bên nhau như để triển lãm.

Vây bọc chung quanh những khẩu đại bác 175 ly, những chiến xa là những hàng rào xác người, xe cháy, xe hư, kéo dài ra tới ngoài thị xã. Quang cảnh này cho thấy nếu may mắn đến với một số tài xế chiến xa, và những xe khổng lồ kéo đại pháo: Họ không chết đau thương như những người khác, muốn trở lại con đường máu Liên tỉnh lộ 7, họ phải điều khiển

khối chiến cụ nặng nhiều ngàn tấn, nghiêng trên hàng trăm, hàng ngàn xác người. Hình ảnh đó làm cho những ai, dù chỉ có một hiểu biết tối thiểu về quân sự cũng cảm hận, tủi hổ.

70% lực lượng chiến xa và pháo binh nặng của Quân đoàn II được bố trí, dồn đóng trong Phú Bốn. Một phố quận mà mỗi chiều chưa tới một cây số! Và sau hai trận mưa pháo của địch, số chiến cụ khổng lồ hàng tỷ bạc, và vô cùng quan trọng trong trận đánh quyết định này trở thành bất khiển dụng.

Tổng số chiến xa nặng và đại bác 175 ly của Quân đoàn II bỏ lại Phú Bốn:

- 40 chiến xa M41 và M48.
- 8 khẩu đại bác 175 ly.

Đó là màn đầu của cuộc rút quân. Một cuộc rút quân vĩ đại nhất, và cũng tồi tệ nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam!

Trong ba ngày đầu, một trung đoàn Cộng sản Bắc Việt và những đơn vị pháo đã làm thiệt hại 70% lực lượng chiến xa và pháo binh nặng của Quân đoàn II. Màn hai, trong những ngày tới: chủ lực quân còn lại của Vùng II.

8 giờ 15, Tướng Phú thở dài chán nản: "Đại tá Đồng và Thiết giáp chẳng làm gì được nữa!" Chỉ còn tin tưởng vào Lực lượng Biệt động quân, Công binh bảo vệ đoàn xe và giải quyết con đường.

Trung tá Nguyễn Văn Giang, Giám đốc Không trợ II và Sĩ quan trưởng Phòng 3 Quân đoàn được lệnh bay C47 chỉ huy đánh bom tiêu hủy chiến xa, đại bác và xe cộ kẹt lại trong Phú Bốn!!!

Đại tá Gia, Tỉnh trưởng Phú Yên được hỏi về cái chốt phía tây nam Tuy Hòa 12 cây số? Ông Tỉnh trưởng cũng xuất thân từ binh chủng Thiết giáp này, hàng ngày vẫn đi hành quân bằng bộ đồ đẹp màu vàng, uể thẳng

nếp và xe Peugeot 403 tới Toà Hành chánh (!), dù cách đây 2 ngày, 2 Tiểu đoàn K9, K13 kéo về đóng chốt trên khoảng đường Hiếu Xương-Sơn Hòa. Tướng Phú giận lắm, vì ông đã chỉ thị cho Đại tá Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Phú Yên phải cẩn thận đặc biệt. Các đơn vị của tiểu khu phải hành quân liên tục bảo vệ con đường này. Ông Tỉnh trưởng ù lì, Tướng Phú định cách chức Tỉnh trưởng Phú Yên, nhưng rồi nghĩ Trung tá Thiết đoàn trưởng, chỉ huy lực lượng chiến xa nặng M48 trong đoàn quân triệt thoái là con rể Đại tá Gia, nên lại thôi.

10 giờ 10 phút, Tổng lãnh sự Mỹ ở Nha Trang và Tỉnh trưởng Khánh Hòa sau đó, tới gặp Tướng Phú. Tôi không theo dõi hai cuộc gặp gỡ này.

10 giờ 30, Tư lệnh Quân đoàn II tiếp 2 Dân biểu Trần Văn Ân và Nguyễn Ngọc Bảy từ Sài Gòn ra. Họ hỏi Tướng Phú về tinh thần quân sĩ và đồng bào ? Các Dân biểu Trần Văn Ân, Bác sĩ Nguyễn Ngọc Bảy hứa hợp tác tối đa với bộ Tư lệnh Quân đoàn trong vấn đề động viên tinh thần chống Cộng của dân chúng, để quân và dân cùng hợp tác chiến đấu bảo vệ những phần đất còn lại của Quân đoàn II. Một Dân biểu khác, đơn vị Nha Trang, phi công Nguyễn Văn Cử khoảng 11 giờ cũng gọi tới yêu cầu được gặp Tướng Phú. Cử và tôi là bạn. Tôi trả lời anh: "Gặp Tướng Phú bây giờ cũng chẳng nói lên được gì!" Tôi đề nghị anh ngày mai trở vào Sài Gòn thảo luận lại với những Dân biểu gốc lính khác trong chiến dịch tố ông Thiệu của Cha Thanh. Như vậy đã tạm đủ. Tiếp tục thêm càng làm lính xuống tinh thần, và có thể mất nước lẹ hơn nữa!

11 giờ 20 phút, các đơn vị Công binh, Liên đoàn 6 vẫn dồn mọi nỗ lực ủi đường, sửa cầu, làm cầu trên Liên tỉnh lộ 7 để đoàn xe qua. Cứ một cây cầu sắp sửa làm xong, dân chúng đã ồ ạt tràn tới. Hỗn loạn, vô trật tự không có cách nào giải quyết được. Con đường gai góc hiểm nghèo của đoàn người về từ cao nguyên đã dài, càng dài hơn.

11 giờ 30, Đại tá Lều Thọ Cường, Tư lệnh phó Sư đoàn 22 Bộ binh được lệnh rời mặt trận Bình Định về Phú Yên chỉ huy các lực lượng đánh chốt. Những chốt gần nhất cách Tuy Hòa khoảng 12 cây số. Ông cũng được lệnh bảo vệ đường Phú Yên-Nha Trang, và quan trọng nhất là Đèo Cả.

Đại tá Cường là một trong những cấp chỉ huy tài giỏi của quân đội. Ông đã cùng với Tướng Phan Đình Niệm xây dựng lại Sư đoàn 22 Bộ binh sau khi đại đơn vị này tan hàng tại Kontum năm 1972. Nhưng sức người có hạn, khi ông được lệnh bảo vệ Đèo Cả và đường Phú Yên-Nha Trang thì khoảng đường này, trên Quốc lộ 1 đã bị Việt cộng đóng chốt lúc 9 giờ 40 sáng. Một khúc khác, hai cống lớn trên Quốc lộ 1 bị sập. Giao thông gián đoạn.

11 giờ 30 cùng với những tin tức dồn dập từ chiến trường Quân Khu I, chiến xa và quân Cộng sản Bắc Việt tràn ngập Quảng Trị đêm qua 19 tháng 3, 1975. Và Huế bỏ ngỏ. Hai tỉnh Lâm Đồng, Quảng Đức, Quân khu II, bị đánh nặng. Tin Đà Lạt di tản. Dân chúng hoang mang, lo sợ, chạy đổ dồn về Cam Ranh. Tư lệnh Quân đoàn II gọi Đại tá Nguyễn Hợp Đoàn, người sinh ra để... làm Tỉnh trưởng, Kontum, Đà Lạt, và sắp về Gia Định (!), yêu cầu "phát ngôn vừa phải". Tình hình Đà Lạt không "vô cùng nguy ngập" như ông Tỉnh trưởng đã la hoảng. Và để đo lường tài chỉ huy, can đảm của người-anh-em trong Lực lượng Đặc biệt khi trước, Tướng Phú ra lệnh cho Đại tá Đoàn trả lại các Tiểu đoàn đã tăng phái cho Đà Lạt. Vì các "thượng cấp" sẽ không còn lên Đà Lạt nghỉ mát nữa (!). Ngoài ra, tiểu khu Tuyên Đức, Đà Lạt gởi một đại đội tăng cường gấp cho Lâm Đồng.

15 giờ, tỉnh Quảng Đức và chi khu Kiến Đức bị pháo, và bị địch tấn công lần thứ hai. Mất liên lạc với Tỉnh trưởng từ 15 giờ 20 phút. Chi khu trưởng Kiến Đức bị thương.

17 giờ 30, 6 gunships (trực thăng vũ trang) được điều động "clear" chốt gần Tuy Hòa. Không quân đã đánh cháy hết chiến xa, đại bác, và xe cộ bỏ lại Phú Bổn.

Sư đoàn 6 Không quân vẫn còn đánh bom hủy diệt bộ Tư lệnh Quân đoàn II, Pleiku (?)

Tướng Phạm Duy Tất bảo đảm có đầy đủ xăng cho các chiến xa còn lại sử dụng.

19 giờ, thêm 6 chiến xa bị cháy vì trúng pháo của địch. Những chiến xa này đã đi được. Sau đó, Đại tá Đồng, Tư lệnh Lữ đoàn Thiết giáp ra lệnh đơn vị chiến xa này trở lại bảo vệ đoàn xe phía sau. Tướng phú kết án Đại tá Đồng "phá hoại Quốc gia!?"

Mặt trận Khánh Dương: Hai mặt trận bắc Bình Định và Khánh Dương bị áp lực nặng nề.

Nguồn tin chính xác, Sư đoàn 968 Cộng sản Bắc Việt và những trung đoàn còn lại của Sư đoàn 320 Điện Biên Phủ đã bỏ Ban Mê Thuột, di chuyển xuống bắc Khánh Dương 8 cây số.

8 giờ 20 phút, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh cùng với sĩ quan đại diện Không quân chọn lựa các mục tiêu ưu tiên cho Không quân đánh bom. Oanh kích tối đa vùng tập trung chiến xa Cộng sản Bắc Việt ở cây số 31 và phía bắc cây số 31 trên Quốc lộ 21, khoảng 9 cây số.

Lữ đoàn 3 Nhảy dù tiến quân vào tuyến phòng thủ: đèo M'Drak.

Mặt trận Khánh Dương sẽ được tăng cường thêm các Liên đoàn Biệt động quân (?), trong đoàn quân triệt thoái từ cao nguyên về.

17 giờ 10 phút, Tư lệnh Quân đoàn II họp bộ Tư lệnh Quân đoàn, chỉ thị thi hành một số quyết định quan trọng:

- Bộ Tư lệnh nhẹ của Sư đoàn 22 Bộ binh cùng với Pháo binh và một Tiểu đoàn từ Bình Định về, thay thế Sư đoàn 23 tại mặt trận Khánh Dương.

- Sư đoàn 23 Bộ binh với quân số đã thiệt hại tới 80%, di chuyển về Trung tâm Huấn luyện Dục Mỹ, bổ xung và tái vũ trang.

- Địa phương quân tiểu khu Ban Mê Thuột được chuyển tập thể về tiểu khu Khánh Hòa, để thành lập gấp thêm 3 Tiểu đoàn Địa phương quân cho Nha Trang.

- Các Lực lượng Thiết giáp, Pháo binh, Biệt động quân từ cao nguyên về, sẽ được di chuyển tới các Trung tâm Huấn luyện tại Dục Mỹ để tái trang bị và tổ chức lại.

Tất cả các đơn vị có 15 ngày để thành lập, bổ xung quân số, tái vũ trang, và chiến đấu lại.

NHỮNG ĐAU THƯƠNG BẤT NGỜ

Ngày thứ năm 21 tháng 3, 1975.

Ngày thứ 5 của đoàn quân triệt thoái trên Liên tỉnh lộ máu số 7: 80% lực lượng chiến xa nặng M48, M41, và những khẩu đại bác khổng lồ 175 ly của Quân đoàn II bị tiêu hủy. Nhiều tỷ bạc, nhiều trăm ngàn tấn chiến cụ trở thành tro bụi. Đoàn quân tinh nhuệ Mũ Nâu Biệt động quân với 7 Liên đoàn, quân số khoảng 10 ngàn, bị thiệt hại gần một nửa. Đa số, nếu không muốn nói là hầu hết, không được chiến đấu trực diện với quân thù trong trận cuối cùng. Họ chết tức tưởi, oan nghiệt bởi những trận mưa pháo của Bắc quân!

Đó cũng là kết quả cái lệnh sai lầm rút bỏ cao nguyên của tập đoàn Tướng lãnh, lãnh đạo Đất Nước và Quân đội. Và hệ thống chỉ huy tồi tệ của bộ Tham mưu Quân đoàn II trong cuộc rút quân.

"Canh bạc thâu cáy... cạn lán" với Mỹ của ông Thiệu đã sang giai đoạn cháy túi. Tướng Phú cũng không còn cơ hội để trở thành anh hùng.

Nhưng khi đoàn xe, đoàn người còn vất vưởng trên con đường của

tử thân, thì gánh nặng còn đè xuống những người lính, những đơn vị còn lại của Quân đoàn II.

Sư đoàn 22 Bộ binh bây giờ là niềm hy vọng, và cũng là đại đơn vị cuối cùng trấn giữ, bao vùng cả 3 mặt trận: Bình Định, Phú Yên và Nha Trang.

"Sức người có hạn!". Câu này hình như tôi đã viết ở trên. Những người lính già của chiến trường, một lúc nào đó rồi cũng sẽ gục ngã. Nhưng họ sẽ gục ngã như thế nào ?

7 giờ sáng, tin chiến xa Bắc Việt xuất hiện gần Phú Bổn. Hai phi tuần phản lực A37 được gọi đi cấp thời. Nhưng sau khi Không quân đánh cháy được kiểm nhận là, 3 thiết vận xa M113 của quân ta bỏ lại Phú Bổn. Những phi xuất kế tiếp, Không quân lại oanh kích, hủy diệt số chiến xa, đại bác, chiến cụ bị kẹt trong thị xã này.

8 giờ 30, Tư lệnh Quân đoàn bay đi Phú Yên.

9 giờ 15 họp các Tướng Cẩm, Tấn và Tỉnh trưởng Phú Yên. Bằng mọi giá Quân đoàn II phải giữ tuyến Cung Sơn, Phú Yên và tuyến Khánh Dương, Nha Trang. Một đơn vị của tiểu khu Phú Yên được lệnh chiếm giữ Đèo Cả trên Quốc lộ 1, giữa Phú Yên-Nha Trang. Biệt động quân sẽ tới tăng cường sau. Tái tổ chức các đơn vị ngay tại tuyến đầu. Dùng biện pháp cứng rắn với nhóm lính Thượng nổi loạn.

Ba ngàn đồng bào từ Kontum, Pleiku về xin định cư tại quận Sơn Hòa, Phú Yên. Phải giữ vững tinh thần quân, dân Sơn Hoà.

12 giờ 15, phi trường Khánh Dương bị pháo. Một lực lượng địch chưa biết rõ quân số về cách phi trường Khánh Dương khoảng 1 cây số theo hướng nam. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh lùi thêm 10 cây số về phía nam Khánh Dương.

13 giờ, Tư lệnh Quân đoàn và Tướng Phan Đình Niệm, Tư lệnh Sư

đoàn 22 Bộ binh thảo luận việc phối trí và chỉ huy hai mặt trận chính còn lại của Quân khu II: mặt trận Khánh Dương và mặt trận Bình Định, Phú Yên.

Tướng Phú rất đau đớn và lo lắng về sự thiệt hại khá nặng của 7 Liên đoàn Biệt động quân và số chiến xa, đại pháo, chiến cụ kẹt lại Phú Bổn.

Sau khi Tướng Niệm về, ông như rối trí, mất bình tĩnh. Không ăn cơm. Ra những cái lệnh lung tung cho Đại tá Tham Mưu trưởng Quân đoàn, các Trưởng Phòng 3, Phòng 4, Truyền tin và Chỉ huy trưởng Pháo binh Quân đoàn.

Tướng Lê Văn Thân soạn thảo thông cáo trấn an dân chúng, Tướng Phú không đọc, đặt bút ký ngay.

14 giờ 20 phút, Tỉnh trưởng Nha Trang báo cáo lực lượng chính Việt cộng vẫn ở cây số 62 trên Quốc lộ 21. Phi cơ quan sát cho tin sai. Không có Việt cộng ở phi trường Khánh Dương!

16 giờ, Trung tướng Nguyễn Xuân Thịnh, Chỉ huy trưởng Pháo binh Quân lực Việt Nam Cộng Hòa và Trung tướng Nguyễn Bảo Trị từ bộ Tổng Tham mưu ra Nha Trang "nghiên cứu" tình hình (!)

17 giờ, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh được lệnh trở lại Khánh Dương chỉ huy. Không được lùi thêm. Cần thận đề phòng, không cho địch cắt đường và đánh bọc hậu Trung đoàn 40, Sư đoàn 22 mới được tăng cường. Pháo binh phải được bảo vệ, tránh tập trung.

17 giờ 15, Tướng Thọ, Phòng 3 bộ Tổng Tham mưu gọi ra cho biết, Tổng thống Thiệu vừa khiển trách về vụ đoàn xe. Có thể thêm Sư đoàn 312 Cộng sản từ Ban Mê Thuột xuống!

17 giờ 20 phút, tin từ mặt trận Khánh Dương xác nhận toàn bộ Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt, đã ở vùng cây số 62. Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 40 vừa giao tranh với một trung đoàn Cộng sản Bắc Việt. Quân ta hạ 2 xe

tăng Bắc Việt ở 10 cây số tây Khánh Dương. Gần 100 xác Việt cộng bỏ lại chiến trường với vũ khí. Hai tù binh Cộng sản Bắc Việt bị bắt đã khai thuộc Sư đoàn F10. Đây là trận "gặp gỡ" đầu tiên năm 1975 giữa Trung đoàn 40 và Sư đoàn F10 của địch.

Khoảng hơn một năm trước đây, khi Sư đoàn 22 Bộ binh hành quân tại cao nguyên, Trung đoàn 40 phòng thủ bắc Kontum đã quần thảo thường xuyên với Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt.

Mặt trận Khánh Dương sẽ vô cùng nặng nề, nếu cả 2 Sư đoàn F10, Sư đoàn 320 và Sư đoàn mới 312 Cộng sản Bắc Việt cùng tập trung tấn công. Cộng quân có thể đánh một mũi chính xuống thẳng Nha Trang, tuyến của Lữ đoàn 3 Nhảy dù phải được tăng cường chiến xa và những Tiểu đoàn Biệt động quân.

17 giờ 30, một tin vô cùng đau đớn khác xảy ra vào ngày thứ 5 trong cuộc rút quân: 4 trái bom của Không quân thả trúng vị trí phòng thủ của hai Tiểu đoàn Biệt động quân có chiến xa bảo vệ. 4 chiến xa M48 bị cháy. Biệt động quân thiệt hại rất nặng.

Hy vọng đoàn xe thoát khỏi Liên tỉnh lộ 7, Lực lượng Biệt động quân còn 3 Liên đoàn. Như vậy, ít nhất 50% quân số và vũ khí của 7 Liên đoàn Biệt động quân đã bị thiệt hại.

17 giờ 45, Tướng Thọ, Phòng 3 bộ Tổng Tham mưu gọi yêu cầu tăng thêm một Tiểu đoàn Biệt động quân giữ Đèo Cả, Phú Yên-Nha Trang. Không quân được lệnh đánh sập cây cầu giữa Phú Túc-Phú Bốn, đề phòng chiến xa Bắc Việt kéo tới.

Những trục thắng và chinook chở vật liệu cho Công binh làm cầu, làm đường, hôm nay đã bốc được 400 đồng bào và quân nhân kiệt sức về Phú Yên.

Sư đoàn 6 Không quân báo cáo thêm về những trận đánh bom hủy

diệt 2 cơ sở quân sự chính tại Pleiku: phi trường Cù Hanh, hoàn tất 90%; bộ Tư lệnh Quân đoàn, 70%. Ngày mai sẽ có những phi vụ đánh tiếp.

20 giờ, những bài báo Ký giả Nguyễn Tú viết về đoàn quân triệt thoái đăng trên báo Chính Luận, được đài phát thanh Hà Nội và đài phát thanh Giải phóng đọc nguyên văn. Tướng Phú gọi tôi khiển trách: "Tôi bị phiền nhiều quá vì báo chí các anh!"

Tôi yên lặng chịu trận. Ký giả lão thành Nguyễn Tú là người tôi rất kính trọng. Mùa xuân vừa rồi ông đã ăn tết với anh em Biệt động quân cả tuần lễ tại mặt trận bắc Kontum. Khi đoàn quân tăng viện xuống Phước An, ông yêu cầu được nhảy theo đơn vị đầu tiên.

Hôm rời Pleiku, tôi "gởi" ông bay theo Tướng Tất. Nhưng sau đó ông đã xin đi đường bộ với đoàn xe và những đơn vị Biệt động quân.

Những bài báo ông viết rất có giá trị. Đó cũng chỉ là một phần của đau thương, kinh hoàng đã xảy ra trong cuộc rút quân trên con đường của tử thần: Liên tỉnh lộ 7!!!

SƯ ĐOÀN 22 BỘ BINH: MỘT BIỂU TƯỢNG, MỘT UY DŨNG

Ngày thứ 7 của cuộc rút quân, và sau hai tuần lễ Cộng sản Bắc Việt tấn chiếm Ban Mê Thuột: hai phần ba Chủ lực quân của Quân đoàn II... tan tành. Đó là Sư đoàn 23 Bộ binh và 7 Liên đoàn Biệt động quân, những đơn vị này đã bị thiệt hại tới 60, 70% quân số!

Lực lượng Pháo binh nặng 175 ly, 155 ly, các Thiết đoàn chiến xa M48, M41 coi như "bất khả chiến đấu" 90%. Gánh nặng đè xuống cho những đơn vị còn lại: Sư đoàn 22 Bộ binh và Lữ đoàn 3 Nhảy dù. Lữ đoàn 3 Dù được tăng phái phòng thủ tuyến Đèo M'Drak, mặt trận Khánh Dương.

Niềm hy vọng cuối cùng và cũng là đại đơn vị duy nhất còn lại của Quân khu II - Sư đoàn 22 Bộ binh - được trải dài, bao vùng cả 3 mặt trận. Các Trung đoàn 41, 42, 47 trấn giữ Quốc lộ 19 và mặt trận Bình Định. Hàng ngày đối diện với Sư đoàn 3 Sao Vàng, các đơn vị trọng pháo, chiến xa Cộng sản Bắc Việt. Hai phần ba quân số Trung đoàn 40 Bộ binh và bộ Chỉ huy Trung đoàn tăng cường cho mặt trận Khánh Dương. Tư lệnh phó Sư đoàn 22, bộ Tham mưu nhẹ được lệnh tới cố vấn đánh chốt tại Phú Yên,

và bảo vệ Đèo Cả trên Quốc lộ 1, giữa đường Phú Yên-Nha Trang.

Sư đoàn 22 Bộ binh được coi như một biểu tượng, một uy dũng, một kỳ diệu trong tinh thần chiến đấu tuyệt vời, thần thánh nhất của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Sư đoàn với danh hiệu "Tam Hắc Sơn, Bạch Nhị Hà, Trấn Sơn-Bình Hải" này đã từng đại bại, tan hàng, tưởng như bị Bắc quân xóa tên từ nhiều năm trước. Nhưng rồi vẫn oai hùng trở lại phong độ, chiến đấu dũng mãnh cho tới ngày cuối cùng.

Trận đánh lớn đầu tiên của chiến tranh Việt Nam xảy ra tại Cao nguyên năm 1961. Gần một Trung đoàn Bộ binh bị thiệt hại. Vị Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh thời gian này là Trung tá Nguyễn Bảo Trị.

Hồi đó, vùng trách nhiệm của Sư đoàn còn kéo dài theo biên giới trên Quốc lộ 14: từ Dakto, Banhet qua Dak Sut, Dak Peck và lên tới Dakrotah. Sau trận này, tôi đã có dịp lên sống trên một ngọn đồi gần Toumorong 40 ngày, để nghiên cứu viết về mặt trận B3 của địch, và chia sẻ những đau đớn, tủi nhục của đoàn quân bại trận (!)

Một lần nữa, tháng 4, 1972, Sư đoàn tan hàng tại Tân Cảnh, Dakto, Kontum. Tư lệnh Sư đoàn, bộ Tham mưu, Trung đoàn trưởng 47 mất tích. Hai Trung đoàn 42 và 47 bị đánh tan tành. Trung đoàn 42 về được Pleiku 50 người, Trung đoàn 47 khoảng 300. Tại mặt trận bắc Bình Định, sau những trận bị tấn kích tại Bồng Sơn và khi địch chiếm Tam Quan, Hoài Ân, Hoài Nhơn rồi, Trung đoàn 40 chạy được tới Phú Tài, Qui Nhơn gần 100 người (!)

Thời gian này, Sư đoàn 22 Bộ binh xuống còn... 1 Trung đoàn và cần được bổ xung thêm quân số!

Nhưng rồi như một phép nhiệm mầu, với chính sách "tam cùng": cùng ăn, cùng ngủ, cùng sống chết với nhau, Sư đoàn đã hồi sinh mau lẹ.

Đúng 4 tháng sau, Sư đoàn 22 Bộ binh đã chiếm lại tất cả những phần đất bị mất vào tay giặc, vùng bắc Bình Định.

Những trận đánh dồn dập suốt mấy tháng trời tại bắc Bình Định, Trung đoàn 21 Cộng sản Bắc Việt của Sư đoàn 3 Sao Vàng bị khai tử hoàn toàn. Một trung đoàn chủ lực khác của địch, Trung đoàn 141 ngoài Quảng Ngãi, phải được gọi vào thay thế.

Một thời gian sau, các chiến sĩ Sư đoàn 22 Bộ binh, một lần nữa trở lại Tây nguyên. Đây cũng là dịp để những người anh hùng "trấn-sơn-bình-hải" này trả được cái hận cũ: hận bị tan hàng hồi tháng 4, 1972.

Trung đoàn 40 lên bắc Kontum cùng với các chiến sĩ Biệt động quân, đương đầu với Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt. Trung đoàn 42 tăng cường trấn giữ mặt trận tây nam Pleiku, với sự hiện diện thường xuyên của Sư đoàn 320 Bắc Việt.

Và, cái hận cũ đã được trả. Những lực lượng của Sư đoàn 22 Bộ binh đã chặn đứng, phá vỡ được cuộc hành quân quan trọng của Sư đoàn 320 Cộng sản Bắc Việt trong ý đồ tấn chiếm căn cứ Pleime, và sau đó mở trực tiếp vận từ căn cứ này tới Quốc lộ 19. Trong một trận phản phục kích tuyệt vời gần Pleime,. Trung đoàn 42 Bộ binh đã tiêu diệt gọn 2 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 64 Bắc Việt.

Trung đoàn 40, Sư đoàn 22 Bộ binh hôm nay gặp lại đối thủ cũ: Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt tại mặt trận bắc Kontum khi trước. Âu đó cũng là định mệnh!!!

MẶT TRỜI VẪN Ở... PHƯƠNG TÂY

Ngày thứ sáu 22 tháng 3, 1975.

Mặt trận Khánh Dương bị áp lực vô cùng nặng nề của địch. Các Sư đoàn Cộng sản Bắc Việt F10, 316 đã bỏ mặt trận Ban Mê Thuột, dốc toàn lực lượng kéo xuống Khánh Dương.

Đoàn quân, đoàn xe triệt thoái từ Pleiku, hơn 80% chiến xa và pháo binh nặng đã tiêu tan với Cộng sản Bắc Việt trong cuộc tổng tấn công này, bây giờ là mục tiêu thứ yếu.

Trung đoàn 9 thuộc Sư đoàn 320 Cộng sản Bắc Việt tuy bị thiệt hại rất nặng sau các cuộc giao tranh với Biệt động quân và Thiết giáp của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, nhưng đã được bổ xung quân số 100%.

Trung đoàn này gồm có các đơn vị pháo nhẹ tăng cường, những tiểu đoàn Việt cộng địa phương của Phú Yên, Phú Bổn vẫn tiếp tục bám sát, đánh pháo, đóng chốt, quấy phá làm trì trệ cuộc rút quân.

Ngày thứ 12 của cuộc tổng tấn công, ngày 22 tháng 3, 1975, gần 3 sư đoàn chính qui Cộng sản Bắc Việt với những đơn vị pháo, chiến xa kéo

về Khánh Dương với ý đồ tiến thẳng xuống miền Duyên hải, và đánh chiếm Nha Trang. Nha Trang mất, đương nhiên Bình Định và Phú Yên mất theo.

Trận đánh dò dẫm của một trung đoàn thuộc Sư đoàn F10 chiều qua, với Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 40, Sư đoàn 22 Bộ binh tại tây Khánh Dương, đã gây tổn thất khá nặng cho Bắc quân.

Nhưng đó mới chỉ là mở đầu!

7 giờ 30 sáng, các chiến sĩ Tiểu đoàn 2 và Đại đội Trinh Sát Trung đoàn 40, Sư Đoàn 22 Bộ binh, dù vẫn còn say men chiến thắng trong trận đánh với quân Cộng sản Bắc Việt chiều hôm trước, nhưng họ không dám lơ là. Trận tổng tấn công này địch đang ở thế thượng phong. Họ biết như vậy!

Rừng núi cao nguyên thật lạnh. Nhưng họ cũng đã quen sau những năm tháng dài trấn đóng, và hành quân tại miền bắc Kontum trước đây. Các chiến sĩ Trung đoàn 40 và 2 Tiểu đoàn Địa phương quân thiện chiến của tiểu khu Phan Rang, luôn luôn trong tình trạng báo động, trên chiến tuyến phía tây mặt trận Khánh Dương.

Đúng 7 giờ 30 sáng, một trận địa chấn kinh hồn. Hàng ngàn, nhiều ngàn trái đại bác của địch nã vào như "bắn hiệu lực" trên tuyến phòng thủ. Sau đó là chiến xa và biển người.

Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt dốc toàn lực lượng với chiến xa, pháo binh quyết rửa cái nhục chiều ngày hôm qua. Khoảng 40 phút, các lực lượng phòng thủ phía tây Khánh Dương gồm gần nửa quân số Trung đoàn 40, Sư đoàn 22 Bộ binh và 2 Tiểu đoàn Địa phương quân Phan Rang, tan ra từng... mảnh nhỏ.

9 giờ, Đại tá Nghìn, Tỉnh trưởng Quảng Đức liên lạc về khẩn báo: quận Kiến Đức mất. Quận Gia Nghĩa đang bị pháo nặng. Cộng quân từ An Lộc kéo về, đã tiến sát phi trường Quảng Đức. Vẫn mất liên lạc với Tiểu

đoàn 82 Biệt động quân từ 12 giờ 40 phút ngày hôm qua, 21 tháng 3, 1975.

9 giờ 05 phút, Việt cộng bắn đại bác 122 ly vào chi khu Khánh Dương (?) Tướng Lê Văn Thân báo cáo về, có 12 chiến xa Bắc Việt xuất hiện gần Khánh Dương. Lực lượng địch không nguy trang, tiếp tục tiến về Khánh Dương. Không quân được gọi lên oanh kích.

Vụ Quảng Đức xin rút ? Tướng Phú yêu cầu Tướng Thọ, Phòng 3 bộ Tổng Tham mưu trình Đại tướng Viên. Tướng Viên không quyết định. Tư lệnh Quân đoàn II nhắc lại lệnh Tổng thống Thiệu "tùy cơ ứng biến":

9 giờ 30, chi khu Khánh Dương mất liên lạc. Trời xấu. Máy STS từ bộ Tư lệnh Quân đoàn chưa liên lạc được với bộ Tư lệnh Sư đoàn 23.

Tướng Tất chỉ huy đoàn quân gặp khó khăn. Hết đạn dược, lương thực. Toàn bộ Tiểu đoàn Tiếp vận 2 được lệnh vào Tuy Hòa, yểm trợ cho chiến trường Phú Yên. Bộ Tham mưu Quân đoàn sẽ được tăng cường cho mặt trận Phú Yên kể từ ngày mai 23 tháng 3, 1975.

Hợp đoàn trực thăng vẫn chưa tới Phú Yên. Lệnh cho Giám đốc Không trợ II liên lạc, theo dõi.

10 giờ, lực lượng chi khu Khánh Dương di tản vì bị Việt cộng tràn ngập (!) Đây là màn dàn cảnh của Quận trưởng Khánh Dương: cho em út thuộc Tiểu đoàn 272 Địa phương quân Khánh Hòa bắn súng cối vào hàng rào phòng thủ quận, rồi bỏ chạy. Tiểu đoàn 63 Pháo binh sau đó, vào quận kéo 2 khẩu đại bác 105 ly đi, không thấy có Việt cộng. Tướng Phú ra lệnh truy tố Quận trưởng Khánh Dương, nhưng sau đó lại bỏ (!)

10 giờ 15, hãm chỉ huy và hệ thống liên lạc của Tỉnh trưởng Quảng Đức bị pháo sập. Đại tá Tỉnh trưởng chỉ huy lực lượng còn lại của tiểu khu, mở đường máu rút về hướng Lâm Đồng.

11 giờ 30 Tướng Tất báo cáo chiến xa và Biệt động quân đánh chốt chưa có kết quả. Liên đoàn 7 Biệt động quân và lực lượng chiến xa còn lại,

quá mệt mỏi vì bị thiệt hại rất nặng. Việc chỉ huy rất khó khăn, vì Liên đoàn trưởng Liên đoàn 7 Biệt động quân không tuân lệnh nữa (?) Xin thêm phi cơ oanh kích, và hợp đoàn trực thăng, chinook gửi gấp cho Phú Yên.

11 giờ 45, Lữ đoàn 3 Nhảy dù xin Không quân oanh kích đoàn chiến xa Bắc Việt, khoảng 20 cái đang tiến về hướng Đèo M'Drak. Xin tăng cường thiết giáp và chở gấp hỏa tiễn TOW ra mặt trận.

13 giờ, Tướng Lê Văn Thân, Phụ tá Quân khu II tăng cường chỉ huy mặt trận Khánh Dương báo cáo, sợ mặt trận Khánh Dương vỡ. Tướng Phú định bốc Tướng Tất về chỉ huy mặt trận này, nhưng lại lo mặt trận Phú Yên mất, nên đành hủy bỏ quyết định đó.

Tư lệnh Quân đoàn II ra lệnh cho Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 3 Dù tập hợp mọi thành phần quân nhân từ Ban Mê Thuột, Khánh Dương về. Phát súng chiến đấu với Lữ đoàn Dù ở tuyến M'Drak. Trái lệnh cho phép bắn tại chỗ.

14 giờ, một phản lực A37 rớt tại mặt trận Khánh Dương.

14 giờ 15 phút, thêm 7 chiến xa Bắc Việt xuất hiện tại bắc Khánh Dương.

14 giờ 20 phút, Lữ đoàn Dù phát hiện một đoàn xe dài chở quân ở phía đông Khánh Dương. Những phi tuần A37 được gửi lên đánh liên tiếp.

15 giờ, cựu Trung tướng Mỹ Timmes, một nhân vật cao cấp của CIA tới bộ Tư lệnh Quân đoàn II, thảo luận với Tướng Phú về tình hình Khánh Dương và Nha Trang (?)

16 giờ, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 3 Dù được lệnh chỉ huy luân lực lượng của Trung đoàn 40 mới tập hợp lại được, sau trận đánh sáng nay.

Quân Dù được tăng cường thêm pháo binh và 1 chi đội thiết vận xa. Tại mặt trận Khánh Dương được ghi nhận có rất nhiều chiến xa đủ loại của Bắc Việt xuất hiện. Trong khi đó, phía ta chỉ có thiết vận xa chở quân M113

không có một chiến xa M48, M41 nào!

16 giờ 20 phút, bộ Tổng Tham mưu, Phòng 3 được Quân đoàn II tường trình:

- Mặt trận Khánh Dương nặng nề.
- Đoàn quân di chuyển tiến về Phú Yên vẫn ngưng tại chỗ.
- Các đơn vị Địa phương quân Ninh Thuận và Khánh Hòa bị thiệt hại nặng.
- Chinook chở PSP làm cầu đã thực hiện được 6 chuyến. Hy vọng làm xong cây cầu lớn trước tối!

Mặt trận Khánh Dương hôm nay với những biến chuyển dồn dập xảy ra từ sáng sớm. Những chiến xa, những đoàn xe chở quân Cộng sản Bắc Việt tiến tới từ bắc, từ đông, từ tây Khánh Dương; tưởng rằng mặt trận này sẽ vỡ tung.

Tuy nhiên, với những trận đánh bom hữu hiệu, cảm tử của các phi công phản lực A37 anh hùng, đã chặn đứng được sức tiến giông bão của địch. Đó cũng là ngày mà đoàn quân Mũ Đỏ trên Đèo M'Drak, và những cánh quân bạn dưới đất còn nhìn thấy mặt trời ở... phương tây!!!

MỘT QUYẾT ĐỊNH ĐỂ THU NGẮN THỜI GIAN

Ngày thứ bảy 23 tháng 3, 1975.

Một tin đầu tiên trong ngày bay về: Lực lượng Biệt động quân bảo vệ đoàn xe, đêm qua giao tranh, tiêu diệt gọn một đại đội Việt cộng, 62 xác giặc và 50 súng bỏ lại.

Nhưng sau đó là những báo cáo các tin tức được loan truyền đi về cuộc rút quân của đài phát thanh Việt cộng và báo chí ngoại quốc. Đốt xe, hãm hiếp, cướp của, giết người. Lính không tuân lệnh cấp chỉ huy. Gọi tên các Tướng lãnh mà họ nghĩ rằng đã ra lệnh rút quân để nguyên rửa. Đoàn quân, đoàn xe di chuyển ô hợp, vô tổ chức, vô kỷ luật...

10 giờ 30, Tư lệnh Quân đoàn II bay đến Phú Yên. Đại tá Tỉnh trưởng vẫn quần áo đẹp, giấy "láng coóng", tường trình các chốt gần Tuy Hòa cực kỳ nan giải. Tiểu đoàn Địa phương quân Phú Yên bị thiệt hại khá nặng. Tinh thần xuống dốc. Bi thảm!

Tướng Phú lạnh lùng nhìn ông Tỉnh trưởng, rồi vút điếu thuốc đang hút dở xuống đất. Ông quay sang hỏi các sĩ quan bộ Tham mưu Quân đoàn,

hôm nay đã lên tăng cường cho mặt trận Phú Yên:

- Có bao nhiêu chuyến chinook chở vĩ sắt làm cầu hôm nay ?

Đại tá Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn:

- Dạ, 10 phi xuất.

- Nhớ theo dõi Không quân vụ này!

- ...

Tướng Phú đứng bật dậy. Ông tiến lại tấm bản đồ lớn, nhìn thật lâu vào phần chi chít chấm đỏ: những chốt Việt cộng gần Phú Yên. Một lát sau, ông rời Trung tâm Hành quân tiểu khu Phú Yên, ra lệnh bay. Tôi đoán có thể Tướng Phú đã tìm ra giải pháp diệt gấp những cái chốt quái ác của địch (?)

12 giờ 15, bay trên vùng Cung Sơn, quan sát đoàn xe, đoàn người. Cây cầu chính trên sông Ba, dài gần 300 thước, một trở ngại quan trọng của cuộc rút quân, hy vọng làm xong đêm nay. Các chiến sĩ Liên đoàn 6 Công binh Chiến đấu làm ngày, làm đêm, để hoàn thành cây cầu lịch sử này. Cây cầu đã chiến dài nhất của chiến tranh Việt Nam, được làm bằng vĩ sắt sân bay. Họ thực hiện cây cầu, hay đúng hơn, họ đã lấp kín sông Ba bằng nhiều chục ngàn tấm PSP, bằng sức người, bằng mồ hôi, bằng máu, và bằng xác những chiến hữu của mình!

14 giờ, xe kéo pháo và chiến xa địch tiến về tây bắc Khánh Dương. Trời nắng. Mục tiêu rất rõ cho các phản lực cơ A37 oanh kích!

Khoảng 2 tiểu đoàn quân di chuyển phía đông bắc Khánh Dương. Trung tâm Hành quân Quân đoàn yêu cầu Không quân quan sát kỹ trước khi đánh. Sợ lăm quân của Trung đoàn 40 và Lực lượng Địa phương quân Ninh Thuận, bị vỡ tuyến trong trận đánh sáng hôm qua.

14 giờ 30, Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn trình Tướng Phú về việc Sư đoàn 23 và bộ chỉ huy các Tiểu đoàn Địa phương quân Phan Rang,

gỡ máy móc, và rút khỏi mặt trận Khánh Dương "không đúng nguyên tắc!"

Tướng Phú nổi giận: "Dốt! Phá hại..." Sự việc này tôi thấy hơi quá đáng, và thật mâu thuẫn. Tôi liên tưởng và so sánh đến cuộc rút quân của Quân đoàn hiện nay. 40 chiến xa M48, M41 và 8 khẩu đại bác 175 ly để lại Phú Bốn. Hàng nhiều trăm ngàn tấn chiến cụ khác trở thành bất khiển dụng ??

15 giờ, Tư lệnh phó Quân khu, Tướng Lê Văn Thân vào gặp riêng Tư lệnh Quân đoàn. Phân tích tình hình chính trị, quân sự. Mỹ bỏ, mặt trận Khánh Dương sắp vỡ. Tướng Phú đang giận, càng giận hơn. Đòi đuổi Tướng Thân về Sài Gòn!!

16 giờ 05 phút, 8 quả CBU vừa được thả xuống các chốt quan trọng của Việt cộng cách 5 phút. Vô cùng hữu hiệu! Đây là loại bom "bi" cực mạnh. Rất đắt tiền, và rất ít được sử dụng trong chiến tranh Việt Nam.

Những lực lượng đánh chốt lên tinh thần!

16 giờ 15, một tin quan trọng khác. "Cây cầu lịch sử" ngang sông Ba làm xong 95%. Chắc chắn đêm nay 23 tháng 3, 1975 sẽ hoàn thành!

16 giờ 30, một biểu dương về lực lượng chiến xa Cộng sản Bắc Việt tại Khánh Dương. Nhiều chiến xa xuất hiện ở tây bắc Khánh Dương 2 cây số. Hai T54 ở 4 cây số đông nam. Nhiều xe kéo pháo tại 3 cây số phía bắc...

Những phản lực cơ A37 đánh bom vô cùng chính xác, chặn bớt sức tiến quân của địch. 34 phi xuất yểm trợ cho mặt trận Khánh Dương hôm nay. Đoàn chim sắt và những phi công anh hùng vẫn là những cứu tinh của các cánh quân dưới đất. Nếu không có Không quân yểm trợ, mặt trận này đã vỡ từ hôm qua.

17 giờ, Tư lệnh Quân đoàn chủ tọa buổi họp tham mưu. Lạc quan về tình hình!

- Soạn thảo và phổ biến trên đài phát thanh về tình hình các mặt trận

để trấn an dân chúng. Quân nhân các thành phần từ những nơi khác, trình diện tại những địa điểm được qui định, và chiến đấu trở lại.

- Ra lệnh cho Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh tái tổ chức và trang bị cấp tốc những tiểu đoàn tác chiến để gởi ra mặt trận.

- Chuẩn bị đón đoàn quân từ cao nguyên trở về!

Tướng Phú cũng chia sẻ với các sĩ quan bộ Tham mưu Quân đoàn về tin tức chính xác nhất từ đoàn quân triệt thoái do cựu Đại tá Huy, Lực lượng Đặc biệt, bạn ông kể lại (!) Hỗn loạn, vô kỷ luật, nhưng cũng thật khó khăn, gay cấn! Ông phục Tướng Phạm Duy Tất "bậc sư".

Bị kẹt trong Phú Bốn một mình, bộ Chỉ huy Biệt động quân trúng pháo địch, nhưng không báo cáo về cho Quân đoàn biết. Hôm sau, lùng kiếm, bốc được Đại tá Cao Văn Ủy và vài sĩ quan tham mưu khác.

Hôm nay là ngày thứ 7 của cuộc rút quân. Đúng ra, Tướng Phú phải biết tình hình chính xác xảy ra từng giờ, từng phút, ngay từ ngày đầu tiên!!

VÕ ÂN

NGƯỜI ANH HÙNG BẤT TỬ

Ngày thứ tám 24 tháng 3, 1975.

Ngày thứ 8 của cuộc rút quân. Một tin chấn động làm tất cả mọi người ngạc nhiên, và vui mừng. Đó là tin người anh hùng Võ Ân, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 53 Bộ binh còn sống, và trở về cùng với 2 quân nhân khác. Trung đoàn 53 Bộ binh là đơn vị đã chiến đấu dũng mãnh và phi thường nhất tại mặt trận Phụng Dục, Ban Mê Thuột.

7 ngày 7 đêm từ 10 tháng 3, 1975 đến 17 tháng 3, 1975, chiến đấu liên tục, không tiếp tế, không tản thương và dùng súng, đạn tịch thu được của địch để tiêu diệt chúng. Trung đoàn 53 Bộ binh đã gây thiệt hại nặng nề cho các trung đoàn tiên phong của Sư đoàn 316, và Sư đoàn 320 Cộng sản Bắc Việt. Bị đánh biến người và tràn ngập sáng ngày 17 tháng 3, 1975, Trung đoàn 53 Bộ binh tan ra từng mảnh nhỏ. Một số rất ít về được Phước An. Hầu hết các cấp chỉ huy đều bị chết, hoặc bị địch tàn sát. Tin Trung tá Võ Ân, Trung đoàn trưởng bị thiệt mạng ngay từ phút đầu. Lon đại tá chưa kịp thả xuống mặt trận.

Nhưng người anh hùng Võ Ân đã bắt tử. 7 ngày 7 đêm chiến đấu với quân thù tại phi trường Phụng Dực. Sau đó, 7 ngày 7 đêm băng rừng, lội suối, ăn lá cây, cò đại từ Ban Mê Thuột về tới buôn Thượng Dam Rong, Đà Lạt cùng với 2 chiến hữu.

Tướng Phú gấn lon Đại tá cho anh và ra lệnh tái thành lập gấp Trung đoàn 53 Bộ binh để anh ra chiến trường tung hoành trở lại!

9 giờ sáng, Tướng Phú dự buổi họp của bộ Tham mưu Quân đoàn. Sau khi nghe phần trình bày về ước tính tình hình địch, ông đã gặp riêng Trung tá Trưởng Phòng 2 Quân đoàn để xem không ảnh tối mật. Bắc quân với 3 Sư đoàn chủ lực F10, 320 và 316 với chiến xa, đại pháo có thể tiến thẳng về Nha Trang trong một vài ngày tới.

Tướng Phú không đồng ý với Sĩ quan Trưởng Phòng Nhì về tin tình báo quan trọng này. Ông nói không thể ước tính, đề cao sức mạnh quá nhiều của "thằng" Cộng sản, làm mất tinh thần quân sĩ!

9 giờ 30, cây cầu dài nhất, nan giải nhất trên Liên tỉnh lộ 7 đã làm xong. Đây là một chiến tích, một thành quả phi thường của Lực lượng Công binh Chiến đấu Quân lực Việt Nam Cộng hòa. "Người anh cả" của binh chủng, Tướng Nguyễn Văn Chúc đã đích thân theo dõi và tới chia sẻ trách nhiệm, nguy hiểm với các chiến hữu của mình. Tiếc rằng, ông trở thành Chỉ huy trưởng của binh chủng Công binh hơi trễ!

Hy vọng đoàn xe về tới Phú Yên hôm nay.

9 giờ 45, thời tiết xấu tại Phú Yên. Một trở ngại kỹ thuật. Phi tuần đánh bom... 8 CBU trước 10 giờ sáng không thực hiện được. Chốt gai góc nhất còn lại là chốt 42. Đồn Đại Hàn cũ. Có giao thông hào và kiên cố.

Đặc công Việt cộng tới sát đoàn xe, ném lựu đạn và bắn súng nhỏ vào đồng bào. Thương vong gần 100 người.

10 giờ 10 phút, vụ Tỉnh trưởng Quảng Đức được giải quyết. Mỹ báo

(?) Quảng Đức chưa bị tấn công đã rút lui. Pháo binh có thể là do lực lượng "phía ta" bắn vào. Sau khi điều tra, được biết Đại tá Tỉnh trưởng đi bay về bị Việt cộng bắn, vẫn đáp xuống chỉ huy. Sau đó bị pháo sập hầm Chỉ huy và Truyền tin, mới ra lệnh mở đường máu rút. Đây không phải là vụ Khánh Dương thứ hai!

10 giờ 30, Tỉnh trưởng Phú Yên được lệnh "clear" những chốt nhỏ cách đoàn xe chừng 4 cây số "gấp rút". Đại tướng Viên gọi khiển trách nặng nề về các chốt vẫn chưa được giải tỏa. Tướng Cẩm được lệnh theo dõi "con gà chết" ông Tỉnh trưởng Phú Yên quần áo "láng koóng" này! Ra lệnh sử dụng Lực lượng Biệt động quân còn lại của Liên đoàn 22 Biệt động quân để đánh.

13 giờ, những chốt nhỏ vẫn chưa được giải tỏa. Tỉnh trưởng Phú Yên trốn, không chịu lên máy báo cáo về!

Đây là một sự kiện hết sức lạ lùng. Cho đến giờ phút này, nhiều người tự hỏi tại sao Tướng Phú không chịu thay hai Tỉnh trưởng Phú Yên và Nha Trang ?

13 giờ 15, Nguồn tin chính xác báo cáo về chốt 42-Đồn Đại Hàn thật gay go, hiểm hóc. Có địa đạo vô cùng kiên cố. Nếu không được đánh bằng CBU và Napalm thì vô phương! Lực lượng Biệt động quân và Địa phương quân Phú Yên đã bị dội ra.

13 giờ 30, đích thân Tư lệnh Quân đoàn II gọi điện thoại lên lạc với Đại tá Thảo, Chỉ huy trưởng Căn cứ Không quân Phan Rang, nơi phát xuất những phi tuần phản lực đánh chốt bằng CBU và Napalm.

Tướng Phú nói ngay trong điện thoại cho Đại tá Thảo biết về sự quan trọng của Không quân yểm trợ đoàn xe đánh bom hôm nay. Cầu sông Ba đã làm xong. Đoàn xe di chuyển qua chỉ cách chốt đồn Đại Hàn 4 cây số. Nếu bị kẹt ở đó vài ngày nữa, Cộng quân từ Ban Mê Thuột kéo về đánh là

tiêu tủng.

Thất bại sẽ vô cùng nặng nề, và đồng bào chết thảm nhiều hơn. Sáng nay Việt cộng bắn đồng bào đã bị gần 100 thương vong. Ông yêu cầu anh em Không quân khắc phục mọi khó khăn, "gởi đi" 10 phi tuần trưa nay. Tướng Tất và Trung tá Nguyễn Văn Giang, Giám đốc Không trợ II sẽ đón tại Phú Yên và hướng dẫn A37 đánh.

Trong ống liên hợp trên tay Tướng Phú, tiếng của Đại tá Thảo vang ra:

- Thiếu tướng yên chí. Tôi sẽ gởi "trẻ" đi đủ 10 phi tuần hôm nay. A37 sẽ bay rà theo mặt biển tới. Đánh chết bỏ, "còn ăn hết nhịn" để cứu đồng bào!

Tiếng "trẻ" và "còn ăn hết nhịn" rất đặc biệt, và được dùng thông dụng trong binh chủng Không quân. "Trẻ" ở đây có nghĩa là những pilot đàn em. Người nói phải ở cấp cao hơn và là những "đàn anh"!

10 giờ 50 phút, Tư lệnh Quân đoàn II tường trình với Tham mưu trưởng Liên quân, Tướng Đồng Văn Khuyên về tình hình hai mặt trận Phú Yên và Khánh Dương. Tướng Khuyên tiết lộ cho biết, tình hình Đà Nẵng và Quân khu I lúc này còn bi đát hơn!

14 giờ 30, Tỉnh trưởng Nha Trang tới cùng với đề nghị của Tướng Thân, yêu cầu Tướng Phú nói trên TV và Radio để trấn an đồng bào. Tướng Phú từ chối: "Tôi đang lo đái ra máu về đoàn xe. Tôi không muốn nói gì cả!"

15 giờ 45, phi tuần đánh CBU55 chuẩn bị cất cánh tại Phan Rang. Sau đó là những phi tuần đánh bom lửa Napalm. Hy vọng các chốt lớn, chốt bé được giải tỏa ngày hôm nay cho đoàn xe qua.

16 giờ 03 phút, Phụ tá Hành quân, Tư lệnh Quân đoàn II, Tướng Trần Văn Cẩm từ Phú Yên gọi về, thất thanh báo cáo, chiến xa Cộng sản Bắc

Việt bôn tập phía sau đoàn xe!

Giờ phút này cũng là giờ phút đau thương, kinh hoàng của gần 100 ngàn người, mà đa số là dân chúng còn kẹt lại trên Tỉnh lộ máu số 7. Họ tưởng rằng đã thoát nạn. Cầu làm xong. Cái chốt trước mặt, chốt 42, đồn Đại Hàn, sẽ được giải tỏa. Và đêm nay họ tới Phú Yên. An bình sẽ đến. Nhưng, không. Trận chiến quyết định này không giản dị như vậy.

Bắc quân từ khắp ngả kéo tới, sau những trận pháo như mưa vào đoàn người, đoàn xe. Lực lượng địch hôm nay thật hùng hậu. Có ít nhất là 2 trung đoàn của Sư đoàn 320 Cộng sản Bắc Việt, và những đơn vị pháo đã bám sát đoàn xe từ ngày thứ 3 của cuộc rút quân. Sự hiện diện của Sư đoàn 320 tại mặt trận Khánh Dương chỉ là một phần của sư đoàn này, cùng với các Sư đoàn F10 và 316 Cộng sản Bắc Việt.

15 phút đầu tiên của trận tấn công ban ngày này, Bắc quân cắt đoàn xe thành 3 khúc. 4 chiến xa M41 còn lại bị bắn cháy làm tắc nghẽn đường rút quân. Phía sau và bộ Chỉ huy Hành quân Biệt động quân bị đánh nặng nhất. Chỉ huy cuộc rút quân, Tướng Phạm Duy Tất bây giờ là Tiểu đoàn trưởng. Ông và Đại tá Cao Văn Ủy, Phụ tá Tướng Tất cùng chỉ huy một Tiểu đoàn Biệt động quân và bộ Tham mưu, vừa đánh, vừa chạy. Kinh hoàng và hỗn loạn. Tiếng kêu khóc, rên xiết, thảm thương vang động một góc trời, tạo thành một thứ âm thanh ai oán, chết chóc.

17 giờ 01 phút, Tiếng phản lực cơ gầm thét, sấm sét không gian. Hai cánh đại bàng xuất hiện. Đó cũng là cứu tinh của đoàn người chiến nạn. Những người dân khốn khổ, những người quân nhân tài xế quân xa, và những người lính đi với gia đình, quên cả nguy hiểm, ngẩng đầu lên nhìn đoàn chim cánh thép. Lẫn trong tiếng than khóc kinh hoàng, còn có cả những tiếng hò hét, hô hoán vang lừng...

Ưu tiên một vẫn là cái chốt 42, đồn Đại Hàn, và phi tuần đầu là phi

tuần đánh CBU. Nhưng ngay khi tới vùng mục tiêu, hai người phi công anh hùng nghe trong máy truyền tin được biết, đoàn quân bạn đang gặp nạn dưới đất, nên họ đã áp dụng một kỹ thuật bay đặc biệt, "dương đông kích tây", làm bạt vĩa địch quân. Trời vẫn xấu, những trần mây thật thấp. Họ quên mọi nguy hiểm, nhào lên lộn xuống nhiều lần, làm cho Bắc quân hoang mang, không biết họ sẽ trút bom xuống đâu? Lợi dụng lúc này, Lực lượng Chiến đấu Biệt động quân đã chinh đồn lại được hàng ngũ. Và sau đó, bằng những uy dũng, sấm sét, 8 trái CBU được đánh thẳng vào chốt 42. Những "chùm bom bi" rơi trúng mục tiêu. Với tiếng nổ quái dị, với sức hủy diệt ghê người, đã làm cho các đơn vị Cộng sản Bắc Việt ở xa cũng vô cùng khiếp sợ.

Những phi tuần đánh bom và Napalm kế tiếp đã yểm trợ hữu hiệu, giúp các chiến sĩ Biệt động quân chặn đứng được mưu đồ dùng biển người trộn chấu của Việt cộng, để sé nát đoàn xe. Nhưng rồi một tai biến bất ngờ khác lại đến với các chiến sĩ Mũ Nâu Biệt động quân. Một trái bom rớt xuống vị trí của một đại đội. Thương vong! Đau đớn!

Khi đoàn chim cánh thép rời mặt trận, các Lực lượng Biệt động quân vẫn đánh vui với quân Cộng sản Bắc Việt ở một làng phía nam Cung Sơn.

Cũng trong khoảng thời gian này, Tướng Phú gọi cho Đại tá Tham mưu trưởng Sư đoàn 22, la hét về việc không gởi một Tiểu đoàn chuyên trị đánh chốt của Sư đoàn 22 tới Phú Yên. Đại tá Chung, cũng là người bạn cùng khóa trường Võ bị Đà Lạt với Tướng Phú, ngay tình so sánh những chốt ở Bồng Sơn, Tam Quan, Bình Định, và những chốt trên Liên tỉnh lộ 7 đều khó khăn giống nhau. Nhưng Sư đoàn 22 "gỡ cái một"! Thế là cơn thịnh nộ lại nổi lên. Tướng Phú nói Đại tá Chung "dồn mặt", đòi nhốt, bỏ tù ông bạn quý!

19 giờ, đoàn xe mới sang sông, khoảng 1000 cái. Chưa biết đích xác

về kết quả 8 trái CBU đánh đồn Đại Hàn. Trời tối, các đơn vị Biệt động quân và Lực lượng Chiến xa còn lại, tổ chức phòng tuyến, đề phòng Bắc quân trở lại ban đêm bôn tập phía sau một lần nữa.

Tướng Phạm Duy Tất chỉ huy trực tiếp cuộc rút quân, đêm nay quyết định "ta pi" với địch, ra lệnh những thiết vận xa đã sang sông, trở lại bảo vệ bến phà cho các xe khác tiếp tục sang. Những Tiểu đoàn Biệt động quân đi đầu tiếp tục tiến. Vừa mở đường "clear" chốt nhỏ, vừa nằm lại giữ an ninh cho đoàn xe di chuyển.

8 khẩu đại bác 105 ly được kéo vào trong quận, để có thể bắn yểm trợ các cánh quân bạn, những đơn vị phòng thủ quận, và bảo vệ 8 khẩu đại bác, chuẩn bị chiến đấu tại chỗ!

20 giờ, Tướng Phú than: "đau đớn! thất bại! Đồng bào tràn đi vô tổ chức! Không giữ được trật tự, kỷ luật!"

Gọi cho Tỉnh trưởng Phan Rang đề phòng cẩn mật. Nguồn tin của Phòng 2 bộ Tổng Tham mưu, có thể những đơn vị đặc công Việt cộng đột nhập, đánh phá thị xã Phan Rang đêm nay.

Một nguồn tin tình báo khác, Bắc quân sau khi chiếm Quảng Tín ngoài Quân khu I, đêm nay sẽ dứt Quảng Ngãi.

Cộng quân ước tính, Quân khu II giữ được Nha Trang và Bình Định! Có thể đêm nay Đà Lạt bị đánh.

22 giờ vẫn chưa được báo cáo chính xác về kết quả đánh bom chốt 42 ? Tướng Trần Văn Cẩm được lệnh báo cáo Tư lệnh Quân đoàn II khi có tin tức này bất cứ lúc nào trong đêm.

24 giờ, Tướng Tất gọi về tường trình, tình hình sáng sủa. Khoảng 2000 xe sẽ qua sông được đêm nay.

NHỮNG CÁNH ĐẠI BÀNG

Để thu ngắn thời gian, để cho những chết chóc kinh hoàng không kéo dài thêm nữa, đối với đoàn quân triệt thoái, và những đồng bào chiến nạn khổ khổ từ cao nguyên về, sáng ngày 23 tháng 3, 1975, tại bộ Tư lệnh Quân đoàn II Hành quân ở Phú Yên, Tướng Phạm Văn Phú đã quyết định cho sử dụng loại bom đặc biệt CBU55, để tiêu diệt các đơn vị đặc công cảm tử Việt cộng đóng chốt trên đoạn đường rút quân còn lại. CBU (Cluster Bomb Unit) là loại "bom bi" cực mạnh, với sức ép khủng khiếp. Những "chùm bom khổng lồ" khi được phóng ra sẽ nổ dây chuyền. Và trong tầm hiệu lực tuyệt đối của một đường bán kính nửa cây số (của một chùm bom), tất cả mọi sinh, động vật dù ở hang hốc, dưới hầm hố kiên cố, trong một tích tắc sẽ trở thành bất động, tàn úa!

Loại bom CBU rất đắt tiền. Sau Hiệp định Paris 1973, đây cũng là lần đầu tiên được sử dụng lại trên chiến trường Việt Nam. Vị Tư lệnh Quân đoàn II đã phải thật khó khăn trong quyết định cho sử dụng loại bom đặc biệt này.

16 giờ ngày 23 tháng 3, 1975, 8 chùm bom CBU được thả xuống dài theo các cây số chốt của Việt cộng, vô cùng chính xác, và hữu hiệu!

Nhưng chốt 42, đồn Đại Hàn, cách cây cầu lớn trên sông Ba khoảng 4 cây số, vẫn còn là một chướng ngại lì lợm, gai góc, với những địa đạo, giao thông hào kiên cố phía trong.

Do đó, thêm một phi tuần CBU nữa, cùng với những phi tuần đánh bom Napalm sẽ được sử dụng trước 10 giờ sáng ngày 24 tháng 3, 1975 để "clear" chốt này với bất cứ giá nào!

Tuy nhiên, vì lý do kỹ thuật, quyết định đó đã không thể thực hiện đúng với thời gian dự định.

Ngày 24 tháng 3, 1975 tại Phú Yên, thời tiết quá xấu, sương mù dày đặc, hai phản lực cơ A37 đầu tiên mang theo 8 bom CBU đã tới vùng mục tiêu, rồi lại quay trở về.

Khoảng thời gian từ 10 giờ sáng đến 13 giờ trưa đối với Tướng Phú thật dài. Những tin tức dồn dập từ mặt trận báo cáo về làm ông nóng như lửa đốt, đứng ngồi không yên.

Ngay từ mờ sáng, nhiều tổ đặc công Việt cộng mang quân phục, vũ khí của Quân lực Việt Nam Cộng hòa, đã trà trộn, bám sát đoàn xe. Chúng ném lựu đạn, bắn súng nhỏ vào đồng bào và trẻ thơ vô tội. Thương vong lên tới gần 100 người, gây kinh hoàng và lo sợ đến tột cùng cho đoàn người chiến nạn. Vì kể từ giờ phút đó, chết chóc kề bên, bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra.

13 giờ trưa, các Lực lượng Biệt động quân thiện chiến của Quân khu II trong thành phần đi đầu còn lại, sau nhiều lần xung phong vào chốt 42 -đồn Đại Hàn, đều bị dội ra. Thiệt hại rất nặng. Các xạ thủ đại liên, các tổ súng cối của địch, những cảm tử quân Việt cộng, được xích chân vào nhau, vào vũ khí để chiến đấu, và chết tại chỗ.

Tướng Phú mất đồ ngẫu. Ông ra lệnh cho Sĩ quan Truyền tin Quân đoàn liên lạc với Chỉ huy trưởng Căn cứ Không quân Phan Rang, nơi phát xuất những phi tuần phản lực A37 "đánh" CBU và Napalm.

Sau đó, ông nói chuyện thẳng với Đại tá Thảo, vị Chỉ huy trưởng Căn cứ. "Đây không phải là một cái lệnh!" Vì tất cả những cái lệnh của Quân đoàn, của bộ Tư lệnh Hành quân Không quân, bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân từ tối hôm qua, sáng nay do trở ngại kỹ thuật, thời tiết, đã không thể thực hiện được.

Tướng Phú yêu cầu Đại tá Thảo và anh em phi công hãy nghĩ đến sự thống khổ, sự hiểm nguy của đồng bào, của các chiến hữu, để cố gắng hoàn thành nhiệm vụ. Và ông đã thành công trong phương cách chỉ huy đặc biệt này!

10 phi tuần phản lực A37 đánh bom CBU và Napalm yểm trợ cho đoàn quân triệt thoái ngày 24 tháng 2, 1975. Sau đó, đã được thực hiện đúng như Đại tá Thảo hứa với Tướng Phú.

Diễn tiến từng giờ mà tôi ghi nhận ở trên, cho thấy những phi công anh hùng đã khắc phục, chế ngự mọi hiểm nguy, mọi trở ngại kỹ thuật, thời tiết, và sự an toàn cho chính bản thân mình, để cứu đồng bào và các chiến hữu anh em.

Những phi công cảm tử, anh hùng của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã bay xuất trận hôm ấy, trong tinh thần của những hiệp sĩ. Trên vùng trời Phú Yên lúc 17 giờ ngày 24 tháng 3, 1975, khi "những cánh đại bàng" xuất hiện, họ thật sự là những cứu tinh, là những người đã mang theo sự sống cho đoàn người, đoàn quân phía dưới.

Như hàng trăm ngàn đồng bào và các chiến hữu khác có mặt hôm đó tại Liên tỉnh lộ 7, tôi muốn được bày tỏ sự kính phục đặc biệt, và ca ngợi những phi công anh hùng này.

Tôi cũng muốn được so sánh những phi vụ đánh CBU và Napalm, tiêu diệt các chốt cuối cùng của Việt cộng, trên Liên tỉnh lộ 7, ngày 24 tháng 3, 1975, để giải cứu đoàn quân; quan trọng và nguy hiểm như những phi vụ cảm tử của một Biệt đoàn Không quân Mỹ trong sứ mạng đánh sập cây cầu chiến lược Hàm Rồng ngang qua sông Mã, Thanh Hóa năm 1972 trước đây.

Và những người viết quân sử, rồi đây sẽ vinh danh những người phi công hiệp sĩ, anh hùng này!

13 GIỜ 13 PHÚT, VÀ... 13 THIẾT VẬN XA M113

Ngày thứ chín 25 tháng 3, 1975.

8 giờ 15, sau 8 giờ chờ đợi về kết quả của những trận đánh bom CBU, bom lửa vào chốt 42 - đồn Đại Hàn, Tướng Phú vẫn chưa nhận được báo cáo chắc chắn. Trước khi nói chuyện với Tướng Thọ, Phòng 3 bộ Tổng Tham mưu về tình hình các mặt trận, ông lại được Tướng Cẩm từ Phú Yên gọi về tường trình: thêm 4 chốt nhỏ khác, mọc gần đồn Đại Hàn. Lực lượng Địa phương quân Phú Yên có nhiệm vụ gỡ chốt đã bỏ chạy hết. Chỉ còn lại Biệt động quân.

Tướng Phú nóng như lửa đốt. Ông mất bình tĩnh, gắt gỏng. Và cơn thịnh nộ lại trút lên đầu Thiếu tá Hóa, Sĩ quan Tùy viên, và bất cứ người nào gặp ông lúc đó.

8 giờ 45, Tư lệnh Quân đoàn II đi Phú Yên. Gặp Tướng Cẩm, Phụ tá Hành quân, Đại tá Gia, Tỉnh trưởng Phú Yên. Cả hai người cùng "mù tịt" về tin tức chốt đồn Đại Hàn. Hệ thống chỉ huy, và liên lạc của Quân đoàn trong cuộc rút quân thật tồi tệ, và đáng phàn nàn!

10 giờ, Đại tá Cao Văn Ủy, Phụ tá Tướng Tất bay về tường trình, hầu hết xe quân đội đã sang sông, khoảng gần 2000 cái. Tướng Tất ra lệnh "mở đường máu" để tiến vào Phú Yên.

Lực lượng Thiết giáp còn lại và những trực thăng võ trang đi trước, "clear" những chốt mở đường. Kế đó xe và quân của các đơn vị thiện chiến Lôi hổ, Biệt động quân, Thám kích...

10 giờ 30, những phi tuần phản lực liên tiếp bay tới, đánh bom hủy diệt những ổ chiến đấu chính của địch còn lại trên đường rút quân.

11 giờ, tất cả xe quân đội đã qua sông, chỉ còn kẹt xe dân sự. Vui mừng! Phấn khởi!

13 giờ, lực lượng chiến xa dẫn đầu đoàn xe, đoàn quân sắp về tới Tuy Hòa! Tiếng hò hét, reo mừng trong các hệ thống truyền tin, điện thoại. Sự hân hoan lộ trên nét mặt mọi người. Hồi hộp! Chờ đợi!

Các bà Tướng, bà Tá ở Nha Trang, Phú Yên được yêu cầu lễ tiếp, cúng tiếp!

Chiến thắng thần thánh!

Đại lộ Kinh Hoàng ngoài Huế: 2 ngày, 15 cây số!

Liên tỉnh lộ máu 7, Pleiku-Phú Yên: 9 ngày, 9 đêm, 300 cây số!

13 giờ 13 phút: Chiến thắng thần thánh! (Than ôi! Chiến thắng... thần thánh!!!)

Lực lượng Lữ đoàn II Thiết kỵ Quân đoàn II rút khỏi Pleiku sáng ngày 17 tháng 3, 1975 gồm 300 thiết giáp đủ loại, với những thiết đoàn chiến xa nặng tối tân M48, để đương đầu với T54 của Cộng sản Bắc Việt, chiến xa M41...Trưa nay, 25 tháng 3, 1975 về gần tới Phú Yên, sau khi kiểm soát lại, đúng 13 thiết vận xa M113 (xe lội nước chở quân)!!!

13 giờ 13 phút, 13 thiết vận xa M113!

Một trùng hợp ngẫu nhiên. Số 13 với người Mỹ là con số may mắn.

Nhưng với người Việt Nam là con số xui xẻo!

Chi đoàn Thiết vận xa M113 này cùng với lực lượng mở đường đi đầu, sau đó đã vô kỷ luật, tách rời đoàn xe, bọc qua một nhánh nhỏ của sông Ba định về trước, chứ không tiến thẳng trên Liên tỉnh lộ 7. Đoàn xe vẫn bị kẹt chót ở Phú Thứ!

16 giờ, Tư lệnh Quân đoàn II ra lệnh Tướng Cẩm bay chỉ huy Lực lượng Lôi hổ và những "gunships", trực thăng võ trang, mở đường tiến nhanh hơn. Bằng mọi giá phải về tới Phú Yên hôm nay. 13 thiết vận xa được lệnh trở lại ép địch vào giữa các chốt nhỏ để tiêu diệt!

Một chuyện bất ngờ xảy ra: Chi đoàn 3, TĐ3 Thiết kỵ không tuân lệnh! Lý do, Đại úy Chi đoàn trưởng, các trưởng xa, tài xế, xạ thủ đã đi suốt 9 ngày 8 đêm kinh hoàng trên Liên tỉnh lộ máu số 7, con đường của tử thần Pleiku-Phú Yên dài 300 cây số, với chết chóc, khủng khiếp từng giây, từng phút đã làm cho họ mệt mỏi, chán chường, và khiếp sợ! Hầu hết, họ là những quân nhân tình nguyện, những người lính nhà nghề và của chiến trường. Họ đã sống, đã biết rõ tất cả mọi diễn biến của cuộc rút quân ngay từ phút đầu.

Họ còn sống. Họ về được. Đó là một may mắn, một may mắn đặc biệt của họ. Do đó, họ không muốn trở lại "con đường của tử thần" này nữa! Hơn thế, họ cũng biết đây là một trận giặc... tàn! Một thảm bại nặng nề của Quân đoàn. Bây giờ đều là những kẻ thua trận, quan cũng như lính, lính cũng như quan!

Hành động vô kỷ luật nặng nề, không tuân lệnh thượng cấp ngoài mặt trận này, cuối cùng được trình Tướng Phú giải quyết!

Bình thường, hành động này rất ít xảy ra. Và nếu xảy ra, cũng không cần phải đưa lên tới Tư lệnh Quân đoàn xét xử. Tuy nhiên, đây là một trường hợp đặc biệt. Tướng Phú hiểu rằng 13 chiếc thiết vận xa này, là tất

cả lực lượng chiến xa của Quân đoàn II còn lại mang từ Pleiku về, và sẽ được sử dụng để phòng thủ mặt trận Phú Yên. Đồng thời những thiết vận xa trở lại để yểm trợ cho đoàn xe lúc này rất cấp bách, và vô cùng cần thiết. Do đó, ông quyết định không dùng biện pháp cứng rắn đối với số quân nhân này.

Một cái lệnh, hay đúng hơn là một "trao đổi nhỏ" giữa Tư lệnh Quân đoàn và Đại Úy Chi đoàn trưởng Chi đoàn 3, TĐ3 Thiết kỵ. "Chi đoàn thiết vận xa M113 phải trở lại ngay để yểm trợ cho đoàn xe. Khi đoàn quân về tới Phú Yên, các quân nhân trong Chi đoàn 3, TĐ3 sẽ được thăng một cấp đồng loạt. Ngược lại, nếu không tuân lệnh sẽ bị bắn tại chỗ!"

Cùng một lúc với lệnh này, Tướng Phạm Duy Tất chỉ huy cuộc rút quân đã kịp thời đáp trực thăng xuống chặn đầu đoàn thiết vận xa. Ông đã chia sẻ những đau buồn với Đại úy Chi đoàn trưởng Chi đoàn 3, TĐ3 Thiết kỵ về cái tang vợ và hai con thơ vừa bị chết thảm trong đoàn người di chuyển phía sau, và ra lệnh cho anh em Thiết giáp trở lại yểm trợ đoàn quân trên Liên tỉnh lộ 7. Ông cũng xác nhận về cái lệnh của Thiếu tướng Tư lệnh Quân đoàn sẽ được thi hành nghiêm chỉnh.

Chi đoàn 3, TĐ3 Thiết kỵ sau đó đã trở lại cùng với các Lực lượng Biệt động quân, Lôi hổ diệt chốt cuối cùng của Việt cộng trên đường rút quân. Một giờ sau đó, những tên Việt cộng cuối cùng tại chốt Phú Thứ bị tiêu diệt. Liên tỉnh lộ 7 được khai thông lúc 17 giờ ngày 25 tháng 3, 1975.

Sự việc xảy ra cho Đại úy Trương Văn Hội, Chi đoàn trưởng Chi đoàn 3, TĐ3 Thiết kỵ là một biến cố hết sức đặc biệt. Bởi vì anh là một cấp chỉ huy duy nhất của Lữ đoàn II Thiết kỵ, mang được 13 thiết vận xa thoát khỏi con đường của tử thần Liên tỉnh lộ 7 trong cuộc rút quân cao nguyên 1975.

Trương Văn Hội tốt nghiệp Khóa 25 Sĩ quan Thủ Đức cuối năm 1967

. Những tháng cuối cùng của chiến tranh Việt Nam, Hội chỉ huy Chi đoàn 3, TĐ3 Thiết kỵ tăng phái, hoạt động tại mặt trận bắc Kontum. Đơn vị này đã cùng với các Lực lượng Biệt động quân gây tổn thất nặng nề cho các đơn vị chính qui Cộng sản Bắc Việt tại mặt trận B3 trong hai tháng đầu năm 1975.

Trong cuộc rút quân, Chi đoàn 3, TĐ3 Thiết kỵ, Chi đoàn 1, TĐ19 Chiến xa cùng với Liên đoàn 6 Biệt động quân là thành phần của Chiến đoàn tiên phong, đi đầu mở đường. Khi các đơn vị chiến xa nặng vào pháo binh 175 ly, 155 ly bị địch pháo và được phá hủy ngày 20 tháng 3, 1975 tại Phú Bốn và vùng Thung lũng Hồng; Chi đoàn 1, TĐ19 Chiến xa M41, các Chi đoàn 3, TĐ3 và TĐ8 Thiết kỵ đã thoát đi được.

Nhưng sau một tuần lễ chiến đấu, và trận mưa pháo của địch vào bộ Chỉ huy Hành quân tiền phương đêm 22 tháng 3, 1975 gần Cung Sơn, tất cả chiến xa M41 của Chi đoàn 1, TĐ19 Chiến xa bị hủy diệt, và Chi đoàn 3, TĐ8 Thiết kỵ cũng bị thiệt hại nặng.

Đêm 24 tháng 3, 1975, Tiểu đoàn 34 Biệt động quân cùng với Chi đoàn 3, TĐ3 Thiết kỵ được lệnh vượt sông, diệt những chốt Việt cộng từ sông Ba về đồi Hoàng Én, nơi có một Tiểu đoàn Địa phương quân tiểu khu Phú Yên trấn giữ. Trận chiến gai góc giữa Lực lượng Biệt động quân-Thiết giáp và những cảm tử quân Việt cộng kéo dài nhiều tiếng đồng hồ từ rạng sáng 25 tháng 3, 1975.

Để trừ diệt những chốt quái ác trên đoạn đường đó, thêm 18 chiến sĩ Mũ Nâu hy sinh và 2 thiết vận xa bị bắn cháy. Cùng với thời gian này, Đại úy Trương Văn Hội nghe tin vợ và hai con thơ chết thảm. Trong một giây phút đau thương, chán nản, anh đã ra lệnh cho những thiết vận xa còn lại di chuyển bọc theo sông Ba để đi một ngả khác về Phú Yên. Nhưng mọi chuyện sau đó đã không có gì đáng tiếc xảy ra.

17 giờ 30, những xe đầu về tới Phú Yên. Đoàn quân, đoàn xe, đoàn người tiếp tục tiến về suốt đêm, và cho đến sáng hôm sau. Xe quân đội về được gần 2000 cái lớn, nhỏ.

Đêm nay 25 tháng 3, 1975, cũng là một đêm hỗn loạn ở hai thành phố Phú Yên và Nha Trang. Lính trở về từ miền rừng núi giết người, cướp của. Chuyện xảy ra ở Phú Yên, một linh mục tới chợ biết. Hai quân nhân khác, ngay trong đêm đã bay về Nha Trang, dùng lựu đạn tổng tiến.

Buổi tối, Trung tướng Phạm Quốc Thuần, Chỉ huy trưởng trường Hạ Sĩ quan Nha Trang, với tư cách là Quân trấn trưởng, tới gặp Tướng Phú thảo luận về những biện pháp để giữ an ninh, bảo vệ đồng bào, và duy trì kỷ luật quân đội. Một vài giải pháp được đề ra. Có thể sử dụng một vài quân nhân vô kỷ luật để làm gương.

Thời gian này cũng là lúc Tướng Phú nổi bật nhất trên báo chí. Tin tức đánh đi từ Sài Gòn: Ông bị Tổng thống Thiệu gọi về cách chức, giáng cấp, trực thăng chở Tướng Phú bị rơi, Tướng Phú đã tự tử chết v.v...

23 giờ, Tư lệnh Quân đoàn ra lệnh cho Tướng Tất gọi gấp Tiểu đoàn 34 Biệt động quân về trấn đóng đèo Rù Rì, sát Nha Trang. Một Tiểu đoàn Địa phương quân nữa, tăng cường cho Đèo Cả trên Quốc lộ 1, Phú Yên-Nha Trang. Tái tổ chức và trang bị một Liên đoàn Biệt động quân cùng với một Trung đoàn, đang được tái tổ chức, của Sư đoàn 23 Bộ binh lên chiến đấu tại mặt trận Khánh Dương.

Sau đó, Tướng Phú đồng ý trả lời cuộc phỏng vấn truyền thanh của Đặc phái viên đài Tiếng nói Quân Đội về cuộc rút quân.

TINH THẦN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TƯỚNG LÃNH TRONG CUỘC RÚT QUÂN

Thiếu Tướng Phạm Văn Phú được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân đoàn II nhưng không phải do ý muốn của Tổng thống Thiệu, hay qua "đường giây" của một "trung tâm quyền lực". Do đó, ông đã không có một uy tín nào với dinh Độc Lập và bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Ngày 5 tháng 11, 1974, bộ Tham mưu theo ông lên Pleiku chỉ có hai sĩ quan: Thiếu tá Nguyễn Quang Vinh, Chánh văn phòng và Thiếu tá Nguyễn Văn Hóa, Sĩ quan Tùy viên.

Một yêu cầu rất hợp lý, và để giữ uy tín cho một Tướng lãnh tân Tư lệnh Quân đoàn, cũng bị bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa bác bỏ.

Đó là việc ông đề cử 2 lần, các Đại tá Cao Đăng Tường, Phụ tá Ban Liên hợp Quân sự Hai Bên, và Đại tá Nguyễn Văn Đại, Chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Biệt động quân, giữ chức vụ Tham mưu trưởng Quân đoàn II. Tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Liên quân Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, không biết vì lý do gì đã quyết liệt bác bỏ.

Và cả 2 lần đều đề nghị lên Đại tướng Cao Văn Viên, không chấp thuận!

Đây là một việc chưa bao giờ xảy ra cho bất cứ vị Tư lệnh Quân đoàn nào của cả 4 Vùng Chiến thuật! Điều này đã làm cho uy tín của Tướng Phú bị giảm sút đi rất nhiều.

Sự va chạm quyền hành và danh dự đầu tiên xảy ra giữa Tướng Phạm Văn Phú và Tướng Trần Văn Cẩm, cựu Tham mưu trưởng Quân đoàn II.

Ngay khi lên Pleiku, Tướng Phú nâng Tướng Cẩm lên làm Phụ tá Hành quân của Tư lệnh Quân đoàn II. Chức vụ lớn hơn, nhưng là chức vụ "ngồi chơi xơi nước", không quyền hành, chuyên viên đại diện Tư lệnh Quân đoàn đi chỉ huy và thanh sát các mặt trận lớn!

Tướng Cẩm bất mãn ngay từ khi bị mất chức Tham mưu trưởng Quân đoàn II. Do đó, khi Tướng Phú đề nghị hai lần người thay thế ông, đều bị bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa từ chối. Tướng Cẩm đã bớt đi được một phần nào sự bức tức, và cũng nhìn thấy ngay Tướng Phú không phải là một Tư lệnh Quân đoàn có thực quyền, như những vị Tư lệnh Quân đoàn khác!

Vị tân Tham mưu trưởng Quân đoàn II, do Tướng Đồng Văn Khuyên từ Sài Gòn chỉ định, không qua đề nghị của Tướng Phú, là Đại tá Lê Khắc Lý.

Đại tá Lý là một sĩ quan giỏi về tham mưu và tổ chức. Ông có dáng dấp của một người trí thức, và thật khôn ngoan. Làm việc siêng năng, chăm chỉ. Luôn luôn tuyệt đối tuân theo lệnh thượng cấp. Và đặc biệt rất kính trọng, vâng lời Tướng Phú. Tuy nhiên, một đặc điểm mà có thể nhiều người, nhất là những cấp chỉ huy, không thích hoặc e ngại ông, vì ông "mập và lùn"!

Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn, Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân, Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân

đoàn, đó là ba cấp chỉ huy cao cấp và có trách nhiệm nhất của Quân đoàn II. Nhưng ba người đều ở "3 phe" khác nhau. Họ làm việc bề ngoài rất bình thường, không có chuyện gì xảy ra. Nhưng bên trong, nghi ngờ, đổ kỵ, bất mãn và không ai tin ai!

Ngày 14 tháng 3, 1975 ở Cam Ranh về. Tướng Phú gắn lon Chuẩn tướng cho Đại tá Phạm Duy Tất, Tư lệnh mặt trận Kontum, một "đàn em" thân tín của Tướng Phú ngay từ khi còn ở Lực lượng Đặc biệt. Và ngay sau đó, khi ra lệnh thiết kế tổ chức cuộc rút quân, Tướng Phú đã bổ nhiệm Chuẩn tướng Tất, thay mặt ông trong chức vụ chỉ huy tổng quát.

Tất nhiên, Tướng Phú có cái lý của ông khi đề cử Chuẩn tướng Tất vào chức vụ này. Vì Chuẩn tướng Tất là Chỉ huy trưởng Biệt động quân, Quân khu II, Tư lệnh hai mặt trận Kontum và nam Pleiku, chỉ huy 7 Liên đoàn Biệt động quân với quân số hơn 1 sư đoàn. Biệt động quân là lực lượng chính yếu, vô cùng quan trọng để bảo vệ cho đoàn quân, đoàn xe triệt thoái.

Nhưng quyết định này làm cho Chuẩn tướng Cẩm, Phụ tá Hành quân Tư lệnh Quân đoàn đã bất mãn, lại càng bất mãn hơn.

Với Đại tá Lê Khắc Lý, một người thông minh và khôn ngoan, ngay khi ông nhận được lệnh thiết kế và tổ chức cuộc rút quân, rồi thấy Tướng Phú rời Pleiku liền sau đó, ông nhìn thấy ngay sự thất bại. Do đó, việc Tướng Phú hứa hẹn cho ông lên tướng khi về tới Nha Trang, chắc chắn sẽ không bao giờ xảy ra. Cũng vì vậy, kể từ ngày 15 tháng 3, 1975, Đại tá Lý đã không tuân theo lệnh của hai Tướng Cẩm và Tất. Ngoài ra, những báo cáo không theo hệ thống, ông gọi thẳng về Sài Gòn, tường trình những diễn tiến, biến chuyển của cuộc rút quân, luôn luôn trái ngược với báo cáo của các Tướng Phú, Cẩm, và Tất!

Một cấp chỉ huy nữa, cũng có trách nhiệm nặng nề và uy quyền trong

cuộc triệt thoái cao nguyên 1975, đó là Đại tá Nguyễn Văn Đồng, Tư lệnh Lữ đoàn II Thiết kỵ. Những thiết đoàn chiến xa M48 và M41 là lực lượng cơ giới vô cùng quan yếu để bảo vệ đoàn quân, đoàn xe di chuyển; cũng như để phòng thủ mặt trận Duyên hải, và những phần đất còn lại của Quân khu II trong tương lai.

Tư lệnh Lữ đoàn II Thiết kỵ là một Sĩ quan Kỵ binh... già của chiến trường, và "muôn đời bất mãn". Do đó, ông coi những cái lệnh của các Tướng Cẩm và Tất chẳng có giá trị nào!

Ngay cả Tướng Phú, Tư lệnh Quân đoàn II, nhiều khi bay ở trên ra lệnh, Đại tá Đồng cũng tránh né. Ông để cho Đại tá Sáu, Tư lệnh phó trực tiếp nhận những chỉ thị của Tướng Phú.

Sự lúng cùn trong hệ thống chỉ huy và tổ chức của cuộc rút quân, sự vô kỷ luật, vô trách nhiệm, không phục tùng, không tuân lệnh, bất mãn, đổ kỵ của những sĩ quan có trách nhiệm, cao cấp nhất của Quân đoàn II, phụ thêm vào là nguyên nhân đưa đến sự thảm bại nặng nề.

Ngày đầu tiên 17 tháng 3, 1975 trên chặng đường Pleiku-Phú Bổn, khi đoàn quân, đoàn xe chưa bị pháo, bị chặn đánh, những báo cáo gọi về Trung tâm Hành quân Quân đoàn, về bộ Tổng Tham mưu Sài Gòn, đều đúng sự thật.

Nhưng kể từ ngày thứ hai, sau những trận mưa pháo của Cộng sản Bắc Việt, và tiếp đó suốt cuộc rút quân, tất cả mọi báo cáo của bốn người có quyền hành và có trách nhiệm nhất: Chuẩn tướng Cẩm, Chuẩn tướng Tất, Đại tá Lý, Đại tá Đồng đều khác nhau, và sai với sự thật xảy ra trên chiến trường.

Hệ thống chỉ huy cuộc rút quân thật tồi tệ, vô kỷ luật. "Hệ thống báo cáo" từ đoàn quân triệt thoái về bộ Tư lệnh Quân đoàn II, về bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, về dinh Độc Lập Sài Gòn là một "hệ

thống báo cáo láo"!

70% lực lượng chiến xa M48, M41 và 100 % lực lượng pháo binh nặng của Quân đoàn, 8 khẩu đại bác 175 ly đã bỏ lại Phú Bốn và vùng xung quanh Hồng, coi như bị hủy diệt ngay từ chiều ngày thứ hai của cuộc rút quân 18 tháng 3, 1975. Nhưng chỉ có một cấp chỉ huy duy nhất, là Đại tá Tư lệnh Lữ đoàn II Thiết kỵ biết rõ sự thật. Và ông đã trì hoãn, trốn tránh trách nhiệm, không báo cáo cho Tướng Tất, và Trung tâm Hành quân Quân đoàn biết. Còn các Tướng Cẩm, Tất và Đại tá Lý đều rất lơ mơ.

Ngày 19 tháng 3, 1975, Không quân được lệnh hủy diệt những khối chiến cụ khổng lồ, chiến xa và đại pháo, bỏ lại Phú Bốn. Tại Sài Gòn, từ dinh Độc Lập, Tổng thống Thiệu tiếp tục ra lệnh cho Tư lệnh Quân đoàn II bằng mọi giá, phải mang chiến xa M48 và đại bác 175 ly về. Tướng Phú cũng vẫn tin rằng lực lượng chiến xa M48 và M41 mới chỉ bị thiệt hại chừng... 50%.

Do đó, ông đã bị "sa lầy" vào những cái lệnh của thượng cấp, và "hệ thống báo cáo láo" của các Tướng, Tá chỉ huy cuộc rút quân!

Kết quả là không một khẩu đại bác 175 ly, 155 ly, một chiến xa M48, M41 nào mang ra được khỏi Liên tỉnh lộ máu số 7. Trái lại còn làm cho mấy chục ngàn đồng bào và trẻ thơ vô tội bị chết oan trên "con đường của tử thần" này. Gần 20 ngàn quân tinh nhuệ bị thảm bại, tan rã gồm các Liên đoàn Biệt động quân, Lữ đoàn II Thiết kỵ, Liên đoàn 6 Công binh Chiến đấu, các Lực lượng Lôi hổ, Thám kích, Trinh sát v.v...

Cuộc triệt thoái cao nguyên 1975 là một cuộc rút quân vĩ đại nhất, và cũng là một thảm bại nặng nề với hệ thống chỉ huy tổ chức tồi tệ nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam.

"Guồng máy khổng lồ" lãnh đạo và chỉ huy hơn một triệu quân dưới cờ, bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã không trực tiếp

tổ chức, điều khiển, và theo sát với tình hình thật sự xảy ra ngoài chiến trường.

Trong suốt thời gian của cuộc rút quân, 9 ngày 9 đêm trên 300 cây số đường máu kinh hoàng Pleiku-Phú Yên, không có một Tướng lãnh nào của bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa từ Sài Gòn bay ra quan sát.

Ba ông Tướng lớn nhất, quyền hành nhất của quân đội: các Tướng Cao Văn Viên, Lê Nguyên Khang, Đồng Văn Khuyên cũng không hề ra tới Nha Trang một lần để thăm viếng, thanh sát bộ Tư lệnh Quân đoàn II di tản.

Đó là một sự thật bi thảm! Và đó cũng là tinh thần, trách nhiệm (?) của các Tướng lớn nhất bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, và các cấp chỉ huy bộ Tư lệnh Quân đoàn II trong cuộc triệt thoái cao nguyên 1975!!!

V

**NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG
TRÊN
CHIẾN TRƯỜNG QUÂN ĐOÀN II**

MỘT BIẾN CHUYỂN MỚI ?

Ngày 29 tháng 3, 1975.

Sau khi Quảng Tín và Quảng Ngãi, Quân khu I mất, mặt trận Bình Định vô cùng nặng nề.

0 giờ sáng ngày 27 tháng 3, 1975, Cộng sản Bắc Việt tấn công và tràn ngập Tam Quan. Bình Khê cũng bị áp lực địch rất nặng. 17 giờ 15 ngày 28 tháng 3, 1975, Tướng Phan Đình Niệm, Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh đã xin rút Trung đoàn 47 từ Phù Cú về Đèo Nhông. Đặc công Việt cộng đánh phá khu bến tàu tại thị xã Qui Nhơn. Nổi loạn, ăn cướp xảy ra buổi tối. Dân chúng hoang mang, lo sợ vì Mỹ đã bắt đầu rời Qui Nhơn.

Cũng trong ngày 28 tháng 3, 1975, Cộng quân tấn chiếm quận Bờ Sa, Lâm Đồng lúc 3 giờ sáng. 7 giờ 15 Việt cộng bắt đầu pháo vào thị xã Lâm Đồng. 9 giờ 15 mất liên lạc, và 10 giờ 45 Lâm Đồng bị tràn ngập. Tỉnh Lâm Đồng chính thức ghi nhận bị mất lúc 12 giờ trưa ngày 28 tháng 3, 1975.

Lâm Đồng mất khi Liên đoàn 24 Biệt động quân được lệnh tới tăng

cường cho tiểu khu này chưa tới nơi.

29 tháng 3, 1975, Tỉnh trưởng Phú Yên bị cách chức. Một Trung tá Biệt động quân từ Kontum về thay thế. Đây không phải là một trừng phạt, mà là một ân huệ cho ông Tỉnh trưởng! Ông còn đủ thì giờ để thu xếp, dọn dẹp nhà cửa rồi Phú Yên (!)

13 giờ trưa, Trung tướng Lê Nguyên Khang, vị Tướng có dáng dấp "trí thức" nhất của quân đội, tới bộ Tư lệnh Quân đoàn II. Quần áo vẫn luôn luôn thẳng nếp, ngay ngắn. Kính trắng, gọng vàng, và thuốc lá cầm tay (!) Tướng Lê Nguyên Khang là Phụ tá Hành quân của Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Người có chức vụ, cấp bậc và quyền hành thứ 2 của bộ Tổng Tham mưu, của Quân đội (?)

Ngày thứ 19 của trận chiến quyết định giữa hai miền Nam-Bắc Việt Nam. 80% Chủ lực quân của Quân đoàn II bị đánh tan tành trên khắp các mặt trận và trong cuộc rút quân; Quân đoàn I sắp mất (hay đã mất?). Đây là lần đầu tiên vị Tướng Phụ tá Hành quân của Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa rời Sài Gòn bay ra Nha Trang.

13 giờ 05 phút ngày 29 tháng 3, 1975 Nha Trang vẫn còn là một thành phố rất đẹp, và để nghỉ mát của Việt Nam. Giờ này, Văn Tiến Dũng, Hoàng Minh Thảo, những tướng Cộng sản Bắc Việt chắc đang ở trong một bìa rừng nào đó gần Ban Mê Thuột, hay đi bộ theo quân tiến về Nha Trang? Đó cũng là những nét độc đáo, tương phản của chiến tranh Việt Nam!!!

13 giờ 10 phút, Tướng Khang, Tướng Phú, Tướng Thuần họp mật. Tướng Thân, Phụ tá Quân khu II bị Tướng Phú "đuổi", không cho họp. Tướng Thuần là Chỉ huy trưởng trường Hạ sĩ quan Nha Trang, cựu Tư lệnh Quân đoàn III. Họp xong, khi hai Tướng Khang và Thuần đã rời bộ Tư lệnh Quân đoàn, Tướng Phú nói:

- Tình hình Đà Nẵng bi thảm! Đau khổ! 11 Tướng... khóc! (theo tiết lộ của Trung tướng Lê Nguyên Khang).

14 giờ, một buổi họp khác giữa Tướng Phú, Tướng Thân và Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn. Những biện pháp kỷ luật gắt gao được áp dụng tại các tiểu khu, thị xã còn lại của Quân khu II: Cấm quân ban ngày, Tòa Mặt Trận xét xử các phần tử bất hảo và bắn bỏ nếu can tội. Đề phòng an ninh tối đa các phi trường và bến tàu. Nhất định không để xảy ra vụ Đà Nẵng thứ hai! ?

14 giờ 30, Tư lệnh Quân đoàn ra lệnh cho Tướng Phan Đình Niệm, Tư lệnh Sư đoàn 22 và Đại tá Vy, Tỉnh trưởng Bình Định phòng thủ và cẩn thận không để địch chiếm phi trường Phù Cát. Sư đoàn 22 lấy 1200 súng M16 của tân binh Trung tâm Huấn luyện Phù Cát, gửi gấp về Nha Trang cho Sư đoàn 23 Bộ binh. Sư đoàn 23 đã tập hợp được 900 quân nhân, nhưng... không có súng!

Tỉnh trưởng Bình Định phải bắn bỏ nhiều "thằng tập kết nội tuyến", và những phần tử trộm cướp, bất hảo.

15 giờ, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 3 Nhảy dù tại tuyến Đèo M'Drak, Khánh Dương được lệnh quyết liệt với những phần tử từ Ban Mê Thuột, Pleiku về, không tuân lệnh thượng cấp!

Tướng Nguyễn Văn Lượng, Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân phải cẩn thận tối đa về phi trường Nha Trang.

17 giờ 10 phút, Tướng Đồng Văn Khuyên... xuất trận!

Trung tướng Đồng Văn Khuyên là Tham mưu trưởng Liên quân, người chỉ huy và phối hợp mọi hoạt động của Hải, Lục, Không quân Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Tướng Khuyên từ Sài Gòn gọi ra... "hỏi thăm" về tình hình các mặt trận.

Đây là một biến chuyển thật bất ngờ. Cùng một ngày, hai vị Tướng

có chức vụ và cấp bậc hàng thứ nhì và thứ ba của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đều... xuất trận! Trong Thế chiến II, để tạo một chiến thắng cho quân đội Anh, làm thay đổi tình thế tại các mặt trận, Thủ tướng Churchill ra lệnh cho Tướng Montgomery xuất trận. Và Tướng Montgomery đã tạo được những chiến thắng lớn.

Hôm nay, 29 tháng 3, 1975, cả hai vị "Tướng lớn" của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa cùng xuất trận. Hy vọng tình hình sẽ thay đổi, sáng sủa. Tướng Đồng Văn Khuyên tuy không quen trận mạc như Tướng Montgomery của Anh Cát Lợi, nhưng ông là một Tướng giỏi về tham mưu, và may mắn trong lãnh vực thăng cấp. Với người Mỹ, ông có công rất lớn trong việc tổ chức và bành trướng hóa các cơ cấu của bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Tốt nghiệp sĩ quan, từ cấp bậc thiếu úy, ông làm việc tại Phòng 4 Tổng tham mưu. Rồi theo thời gian và đường công danh "chim bay vi vút", ông trở thành Trưởng Phòng 4, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiếp vận, và cuối cùng là Tham mưu trưởng Liên quân Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Tất cả mọi cấp bậc từ thiếu úy lên trung úy, đại úy, đến trung tướng... 3 sao, ông đều được vinh thăng tại Sài Gòn.

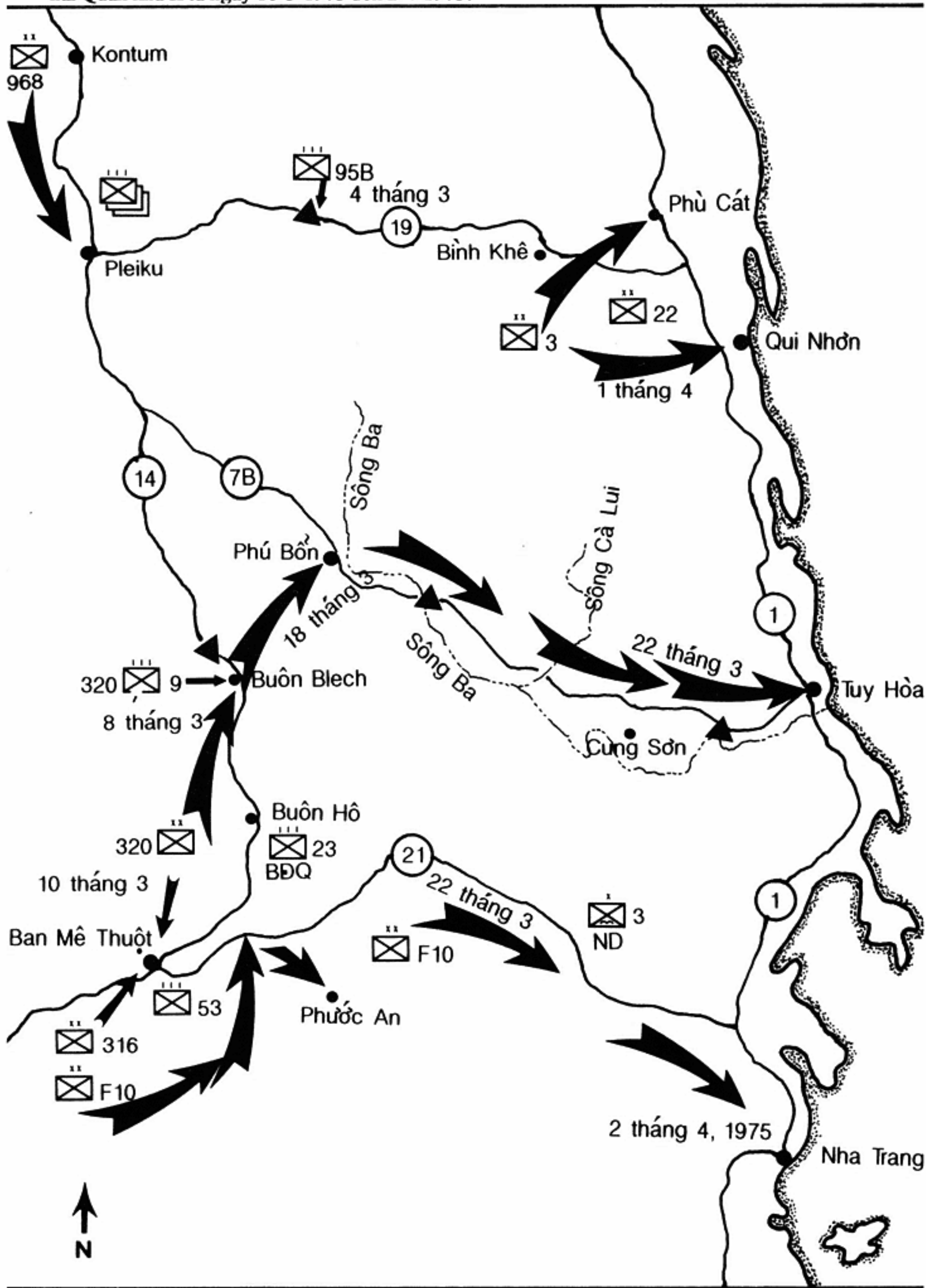
Ngoài ra, Tướng Khuyên còn kiêm nhiệm chức vụ Tổng thủ quỹ của quỹ Tiết kiệm Quân đội (quỹ Tiết kiệm Quân đội thu góp được trên 4 tỷ bạc, bằng những đồng tiền... máu của lính!)

18 giờ, Tổng thống Thiệu gọi ra Nha Trang. Tướng Phú tường trình tình hình các mặt trận.

20 giờ, Bộ Tham mưu tiểu khu Lâm Đồng và một đơn vị Địa phương quân do Trung tá Tham mưu trưởng tiểu khu chỉ huy, chạy về được tới Phan Rang.

Đà Lạt thiết quân luật từ 20 giờ đêm đến 6 giờ sáng. Phan Thiết bị pháo!

Những cuộc tấn công của Cộng sản Bắc Việt trên Chiến trường Cao nguyên, và tại Mặt trận Duyên hải Quân khu II từ ngày 10-3-1975 đến 2-4-1975.



➔ Đường tiến quân của Cộng sản Bắc Việt.

ĐOÀN QUÂN MŨ ĐỎ

20 giờ 20 ngày 29 tháng 3, 1975, bộ Tư lệnh Quân đoàn II nhận được báo cáo từ mặt trận Khánh Dương, Quốc lộ 21: Lữ đoàn 3 Nhảy dù đang bị tấn công nặng.

Lực lượng Mũ Đỏ bây giờ là linh hồn của mặt trận Khánh Dương, Quân khu II. Tuyến Dù vỡ, Nha Trang không bị đánh cũng vào tay giặc. Và bộ Tư lệnh Quân đoàn sẽ lại di tản lần thứ hai!

Đà Nẵng mất. Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn vừa đau buồn, vừa lóe lên một tia hy vọng. Chiều mai, 30 tháng 3, 1975 hay chậm lắm là 2 ngày nữa, mặt trận Khánh Dương Nha Trang sẽ được tăng cường bởi đoàn quân Mũ Xanh Thủy quân Lục chiến.

Tướng Phú dùng máy Siêu tần số liên lạc với Trung tá Lê Văn Phát, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 3 Nhảy dù, bây giờ là Tư lệnh mặt trận Khánh Dương. Ông ra lệnh, ông yêu cầu... anh-em-Dù ráng chống đỡ đêm nay. Ngày mai sẽ có 2 Tiểu đoàn Biệt động quân, và sau đó, 1 Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến từ Đà Nẵng về cùng lên chiến đấu tại mặt trận này!

Vị Tư lệnh chiến trường, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 3 Dù ra lệnh cho các đơn vị lập phòng tuyến thép, không lùi.

21 giờ đêm, 4 thiết vận xa của Chi đoàn 2, TĐ8 tăng cường, tự ý rời vị trí được chỉ định, bị bắn cháy tại chỗ theo lệnh của một cấp chỉ huy tuyến ngoài cùng. Đó là kỷ luật thép trong tinh thần và truyền thống của đoàn quân Mũ Đỏ, ngay từ khi binh chủng được thành lập: để chiến thắng, và để quân thù khiếp sợ!

Nhưng đêm nay ? Lữ đoàn 3 Nhảy dù sau những thiệt hại tại Quân đoàn I, và hơn một tuần lễ tại mặt trận Khánh Dương, quân số chỉ còn hơn 1000.

Không chiến xa, không pháo binh nặng. Làm sao họ đương đầu được với 3 sư đoàn chủ lực quân Cộng sản Bắc Việt F10, 320, 316, đông hơn gấp 10 lần, và với những trung đoàn pháo, trung đoàn chiến xa T54, đã tiến sát gần bên ?

Tuyến đầu tiên của Lữ đoàn 3 Mũ Đỏ, Tiểu đoàn 5 Nhảy dù bị vây kín bốn mặt. Bị đánh trợn chấu, biến người...

Tiểu đoàn 5 Nhảy dù là đơn vị tôi có khá nhiều kỷ niệm. Tôi đã ôm dù nhảy tập, nhảy hành quân theo họ nhiều lần. Tôi có những người-anh-em từ cấp binh Nhì đến Tiểu đoàn trưởng ngay từ cuối thập niên 1950. Như NQT, Ngô Lê Tĩnh, Hà Huyền Chi, Nguyễn Chí Hiếu, Bùi Quyền... và nhiều nữa.

Nhưng hai người mà tôi nhớ nhất, đó là một chú-em-nhỏ binh Nhì, 17 tuổi, đã bắn hạ chiến xa Bắc Việt tại An Lộc trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Chú em này sau trở thành con đỡ đầu của cụ Trần Văn Hương, Phó Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa. Và "người phóng viên... già" Nguyễn Đạt Thịnh đã quyết định in hình "người anh hùng Mũ Đỏ trẻ tuổi" ra ngoài bìa một tờ báo Quân Đội, thay vì in hình Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và

Tướng Vanuxem "xuống" An Lộc ngày 7 tháng 7, 1972!

Một người nữa là Bùi Quyền. Anh là một Tiểu đoàn trưởng có tư cách, anh hùng, người Tham mưu trưởng tài ba của Lữ đoàn, và nghèo nhất nước. Anh biết chia sẻ những nguy hiểm và những thiếu thốn của anh em binh sĩ. Khi anh làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 5 Nhảy dù, vợ của ông Tiểu đoàn trưởng, của các sĩ quan, cũng như những bà vợ của anh em binh sĩ đều ở trong những dãy nhà tôn, và chia nhau đồng đều quyền lợi của đơn vị.

Đó cũng là "người niên trưởng hắc búa", thần tượng của nhà văn Phan Nhật Nam ngoài chiến trường, cũng như khi còn học ở trường Võ bị Đà Lạt!

Hơn một tuần lễ, Lữ đoàn 3 Nhảy dù tới trấn đóng Đèo M'Drak, chúng tôi mới gặp nhau một lần. Đêm nay, Bùi Quyền và những người anh em khác của tôi đang "ngập chìm" giữa vòng vây địch. Đường Nha Trang-Khánh Dương, 20 phút bay! Tôi muốn được đến gần họ ngay bây giờ, dù chỉ để nghe thấy tiếng họ gọi lên, để biết rằng họ vẫn còn đang chiến đấu!

19 năm trước, khi còn "tuổi trẻ hân hoan đợi gói trong cờ", tôi được đào tạo thành một quân nhân nhà nghề. Tôi được gởi đi học lớp Đại đội trưởng tại một trường Bộ binh Hoa Kỳ. Học đánh nhau theo... kiểu Mỹ!

Có lần trong phần kết thúc của một bài học về tác chiến, người Sĩ quan Huấn luyện viên nói một câu, tôi còn nhớ mang máng rằng:

- Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi thường nói: "con muốn điều gì, hãy nhắm mắt lại và mơ ước, lúc con mở mắt ra, mẹ cho con tất cả những gì con muốn". Lớn lên, khi chỉ huy ngoài mặt trận, lúc bị vây hãm, tràn ngập, tôi nhắm mắt lại, và tin rằng khi mở mắt ra, tôi sẽ thấy... một đám mây hình nấm!

Đám mây hình nấm là hình dáng cột khói của một trái bom nguyên

tử nhỏ, là bom B52 dội xuống, là bức tường mây cao ngất của mấy chục khẩu đại bác cùng bắn hiệu lực vào mục tiêu.

Đó là đánh nhau theo kiểu Mỹ! Người Mỹ đã huấn luyện tôi, huấn luyện những cấp chỉ huy của Lữ đoàn 3 Nhảy dù đánh nhau như vậy, đúng 20 năm nay. Nhưng bây giờ, người Mỹ phản bội, bỏ chạy. Không B52, không đại bác, không chiến xa. Và trước một quân thù hung bạo với một rừng xe tăng, đại pháo, với biển người lớp lớp, hàng hàng!!!

Nhìn về phía Khánh Dương, tôi thấy mịt mù, xa tắp. Tự nhiên tôi nhắm mắt lại. Tôi theo đạo Công Giáo, nhưng đã hơn 10 năm rồi, chưa một lần bước đến nhà thờ. Và đêm nay, tôi đã nguyện cầu. Tôi cầu xin cho những người anh em tôi qua được một đêm. Ngày mai, quân tăng viện... sẽ đến!!!

TƯỚNG WEYAND

"SÚ GIẢ"... CUỐI CÙNG!

Ngày 30 tháng 3, 1975.

7 giờ sáng, Tiểu đoàn 5 Dù vẫn còn bị vây kín. Địch trộn chấu, đánh cận chiến suốt đêm nhưng tuyến phòng thủ chưa bị vỡ hẳn.

Trời sáng. Những phi tuần phản lực A37 lên đánh. Sức ép của Bắc quân giảm bớt. Quân Dù đã gấp rút tổ chức lại vị trí phòng thủ của mình. 20 phi tuần phản lực yểm trợ Lữ đoàn 3 Nhảy dù tại mặt trận Khánh Dương hôm nay.

Tướng Thọ, Trưởng Phòng 3 bộ Tổng Tham mưu gọi ra rất sớm. Ông cho biết Sư đoàn Thủy quân Lục chiến sẽ tới Cam Ranh bằng những Dương vận hạm chiều 30 tháng 3, 1975. Thủy quân Lục chiến ở ngoài bán đảo. Một Lữ đoàn sẽ được tái tổ chức, trang bị gấp rút tăng cường cho mặt trận Khánh Dương. Tướng Phú đón nhận tin này vô cùng phấn khởi.

8 giờ, Tư lệnh Quân đoàn họp bộ tham mưu, ra lệnh các quân nhân từ Ban Mê Thuột, Kontum, Pleiku, Phú Bổn về: địa phương quân trình diện tiểu khu Nha Trang, chủ lực quân trình diện bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh.

Tất cả phải sẵn sàng chiến đấu ngay khi được cấp phát súng đạn.

Vụ các y sĩ ở Qui Nhơn... trốn. Ký lệnh truy nã khẩn cấp (?)

9 giờ 30, Tướng Phú từ văn phòng Tư lệnh bước ra. Ông nói sẽ đi đón Tướng Weyand sớm hơn 10 phút, và ông muốn tôi đi cùng. Thống tướng Weyand là Tư lệnh cuối cùng của lực lượng Mỹ chiến đấu tại Việt Nam. Và cũng là sứ giả chót của Tổng thống (Mỹ) Ford gửi sang.

Theo lệnh của Tướng Phú, tôi lái xe thật chậm từ bộ Tư lệnh Quân đoàn II ra phi trường quân sự Nha Trang. Trên xe jeep, chỉ có Tướng Phú và tôi, ông hỏi:

- Tướng Weyand tới Sài Gòn, chưa gặp Tổng thống Thiệu, bay thẳng ra đây, theo anh, ông ta muốn gì ?

- Tôi nghĩ ông ấy muốn biết rõ và giám định tình hình thật sự đang xảy ra trên chiến trường, để về tường trình lại với Tổng thống Mỹ.

- ...

- Thiếu tướng nên nói thẳng cho ông ta biết những nguy ngập và những nhu cầu cần thiết, cấp bách nhất là chiến xa và đại bác. Thiếu tướng và Tướng Weyand đều là những nhà quân sự. Thảo luận trên căn bản thành thật, minh bạch chứ không cần phải chơi "poker" như những nhà chính trị!

- Họ định "cắt" cho Cộng sản đến đâu ?

Tôi bỗng thắng xe lại theo phản ứng tự nhiên, và ngược nhìn Tướng Phú giây lát, rồi chậm rãi nói:

- Chắc mình sẽ "giữ" được từ Nha Trang!

- Hừ! Tại sao lại từ Nha Trang ? Mình phải giữ được từ Khánh Dương và Phú Yên. Cho "thằng" Cộng sản thêm Qui Nhơn nữa là quá rồi!

- ...

Đúng 10 giờ sáng ngày 30 tháng 3, 1975, Tướng Weyand tới Nha Trang bằng chiếc phản lực cơ quân sự loại nhỏ. Từ phi trường về bộ Tư lệnh

Quân đoàn II, Tướng Phú tự lái xe jeep cùng với Tướng Weyand ngồi trên.

Cuộc họp của hai Tướng Phú và Weyand chấm dứt lúc 10 giờ 55, khoảng 40 phút. Sau đó, Tướng Phú gọi tôi vào văn phòng và chỉ lên tấm bản đồ lớn treo trên tường:

- Tướng Weyand nói Tổng thống Thiệu đang bị "tẩu hỏa nhập ma" (tôi không biết Tướng Phú dịch ở chữ nào ra ?), nên ông ta muốn gặp tôi trước để giám định tình hình. Tướng Weyand nhấn mạnh, nếu tôi giữ được từ Đèo Rù Rì, Nha Trang trở vào, đã là... anh hùng!

- Thiếu tướng có đề nghị, yêu cầu ông ta về những chiến cụ cần thiết, cấp bách ?

- Có... chứ! Mọi yêu cầu của tôi đều được chấp thuận (?) Đại bác và chiến xa nặng M48 sẽ được chở tới Cam Ranh!!!

Tướng Phú vung cây gậy chỉ huy. Một nét tươi vui thoáng hiện trên gương mặt khắc khổ của ông. 20 ngày nay, từ hôm Cộng quân đánh chiếm Ban Mê Thuột, đây là lần thứ nhì tôi thấy Tướng Phú vui như vậy.

Ông tiếp tục thao thao:

- Chiều nay đi Cam Ranh thăm Trung tướng Trưởng (Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn I), có thêm một Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến cho mặt trận Khánh Dương sẽ đỡ hơn!

- ...

12 giờ, Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh, Tướng Phan Đình Niệm bay về trình bày với Tướng Phú tình hình nguy ngập của Bình Định. Tướng Phú chỉ thị Tướng Niệm phải cho quân bảo vệ, và hết sức cẩn thận bến tàu Qui Nhơn.

Ra lệnh cho Tỉnh trưởng Bình Định cứng rắn tối đa. Nếu cần, giới nghiêm 24 trên 24 giờ.

13 giờ, Tướng Phạm Duy Tất cho biết Biệt động quân từ Pleiku, Kon

tum về thiếu súng M16. Đã liên lạc với Đại tá Đại, Chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Biệt động quân Dục Mỹ "xin", nhưng vẫn không đủ. Tướng Phú chỉ thị lấy súng hư, 3, 4 khẩu sửa làm... 1, phát cho lính. Ông la hét đòi "bỏ tù" Trung tá Nguyễn Ngọc Vân, Trưởng Phòng 4 Quân đoàn (người bạn cùng khóa với Tướng Phú), vì không theo dõi việc lấy lại 1200 khẩu M16 ngoài Trung tâm Huấn luyện Phù Cát, Qui Nhơn. Sự thật, Tướng Phú mới ra lệnh thu súng của các tân binh lúc 14 giờ 30 ngày hôm qua 29 tháng 3, 1975. Và ngay buổi tối, các tân binh đã bỏ chạy, gửi súng lại cho Việt cộng!

14 giờ 30, Tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân Quân đoàn được chỉ thị ra lệnh cho các cấp chỉ huy lực lượng an ninh trấn giữ Đèo Ngoạn Mục (đèo Bellevue), Đà Lạt-Phan Rang, bắn bỏ những quân nhân bỏ chạy vượt qua đèo này.

14 giờ 15, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 3 Nhảy dù gọi về tường trình tình hình vô cùng nguy ngập. Tướng Phú yêu cầu "anh em Dù"... cố gắng! Sẽ có quân tăng viện!

Tướng Lượng, Sư đoàn 2 Không quân được lệnh chuẩn bị kế hoạch mang phản lực từ phi trường Phù Cát, Qui Nhơn về Nha Trang và Phan Rang. Tỉnh, Thị trưởng Cam Ranh, Ninh Thuận, tùy theo sáng kiến, giữ kỷ luật tối đa đối với những quân nhân bỏ chạy từ Đà Lạt, và những phần tử bất hảo trong đoàn quân từ Đà Nẵng về Cam Ranh chiều nay, 30 tháng 3, 1975.

15 giờ 20 phút, Bình Định rối loạn. Các Trưởng ty, sở... trốn chạy hết. Một số lớn đơn vị Địa phương quân rút súng, bỏ ngũ. Lính Biệt động quân và Địa phương quân bắn loạn trong thành phố. Đặc công Việt cộng đánh phá nhiều nơi.

Bộ Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh, và tiểu khu Bình Định được lệnh

"phối hợp nhẹ nhàng" để khỏi bị... hồng chân (?)

16 giờ, Thiếu tướng Lâm Quang Thơ, Chỉ huy trưởng trường Võ bị Đà Lạt tới gặp Tướng Phú xin tăng cường lực lượng phòng thủ thị xã Đà Lạt, và một số chiến xa.

Tướng Phú chỉ thị Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn, ra lệnh cho Liên đoàn 24 Biệt động quân từ Quảng Đức về, lên Đà Lạt. Ông cũng hứa với Tướng Thơ sẽ gởi chiến xa lên Đà Lạt, nếu được... Mỹ chờ tới Cam Ranh!

TÀN THEO CUỘC CHIẾN

17 giờ ngày 30 tháng 3, 1975, Tư lệnh Quân đoàn II bay ra Cam Ranh đón Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn I, và cũng là cấp chỉ huy cũ của ông.

Khoảng 10 phút, trên chiếc soái hạm chỉ huy của Tư lệnh Hải quân Vùng II, ra một vùng biển ngoài Cam Ranh, Tướng Phú lẫm lẫm không nói một câu nào. Riêng Phó Đề đốc Hoàng Cơ Minh, Tư lệnh Hải quân Vùng II vẫn giữ được phong cách của một Tướng lãnh chỉ huy trong vùng trách nhiệm của mình. Vẫn bộ đồ xanh hải quân bạc màu, đôi cánh dù ngạo nghễ trên ngực áo, đi sau Tướng Phú, bước lên Dương vận hạm 404, Phó Đề đốc Hoàng Cơ Minh không đeo súng, không có cận vệ theo!

Quang cảnh trên tàu lúc này thật náo nhiệt, xô bồ. Hầu hết là anh em thuộc Sư đoàn Thủy quân Lục chiến. Quần áo trộn màu xanh rần ri cộp biển. Họ đứng, nằm, ngồi... chen chúc mọi nơi, mọi chỗ. Tất cả đều mệt mỏi. Không vũ khí. Không còn phong độ. Tướng Phú và Tướng Minh đi qua, không ai chào hỏi, không ai nhường lối.

Tự nhiên tôi thấy đau buốt trong tim. Đoàn quân Mũ Xanh cộp biển Thủy quân lục chiến, một trong những đại đơn vị vũ bão hàng đầu của Quân đội, Lực lượng Tổng trừ bị giống như Sư đoàn Nhảy dù. Nhưng, từ nhiều năm Sư đoàn Thủy quân lục chiến đã không được sử dụng như Sư đoàn Nhảy dù. Các chiến sĩ trong đoàn quân này bị đẩy ra vùng giới tuyến, hành quân liên miên.

Đó là kết quả cuộc "hôn nhân gượng ép" của hai Tướng Nguyễn Văn Thiệu-Nguyễn Cao Kỳ trong chức vụ Tổng thống và Phó Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa. Đó là những nạn nhân của sự tranh giành, nghi kỵ giữa hai "thế lực quyền hành", của "cánh phải, cánh trái"... dinh Độc Lập! Bây giờ, Sư đoàn Thủy quân lục chiến trở thành một đoàn quân bại trận, nhu nhược, và không muốn chiến đấu nữa!!!

Tướng Phú và Tướng Minh phải khó khăn lắm mới lách xuống được chỗ Tướng Ngô Quang Trưởng nằm... dưỡng bệnh. Vị Tư lệnh Chiến trường vùng Hòa tuyến, một Tướng lãnh tài ba trong 7 năm liên tiếp của những chiến trường Quân đoàn IV, Quân đoàn I, bây giờ nằm yên bất động như một xác chết. Ông thờ thoi thóp nhờ bình nước biển, và sự tận tâm săn sóc của người quân y sĩ. Quanh ông có Tướng Khánh, Tư lệnh Sư đoàn 1 Không quân, Đại tá Nguyễn Hữu Duệ, Thị trưởng Huế, Bác sĩ Nghiêmv.v...

Tướng Phú ghé sát tai Tướng Trưởng hỏi 2 lần, nhưng sắc diện trên mặt ông không thay đổi. Nhưng rồi có một giây, Tướng Trưởng ngược nhìn lên. Cặp môi nhợt nhạt hơi nhếch đi một chút. Đôi mắt đỏ ngầu như muốn bật máu! Trong tia nhìn ấy, chắc những người chung quanh cũng như tôi, biết Tướng Trưởng muốn nói gì ?

Cuộc thăm viếng không đối thoại đúng 10 phút. Sau đó, Tướng Phú đứng nghiêm chào Tướng Trưởng và ra về.

Bỗng một bàn tay chìa ra phía tôi:

- Này P.H., giữ số "a lô", lát nữa về gọi cho vợ "moi", nói "moi" đang ở trên vùng biển Cam Ranh. Hôm nay là ngày 30 tháng 3, kỷ niệm 15 năm của bọn này! Nhớ nhé!

Tôi ngỡ ngàng. Nhưng khi nhìn người vừa nói, mặc đồ bay, Tướng Khánh, Tư lệnh Sư đoàn 1 Không quân, thì tôi không thấy "lạ" nữa. Tôi trả lời:

- Ông yên chí. Về tới Nha Trang tôi sẽ gọi ngay!

Đó cũng là cá tính đặc biệt, tếu, bất cần đời, coi mọi chuyện đều nhẹ nhàng của những phi công Việt Nam. Và cũng là lý do tại sao vợ và người yêu của các "tài xế" lái máy bay, đều là những người đàn bà đẹp!

Tự nhiên tôi nhớ đến tên một số pi-lốt "già" mà tôi thích họ, cùng với những biệt danh, như Cương "khềnh", Hợi "voi", Ước "cao", Giang "nám" v.v... Biệt danh của Tướng Khánh là Khánh... "khỉ". Và đúng là Khánh khỉ! Khỉ thật! Dù chữ "khỉ" ở đây có một nghĩa khác hơn (!).

Tướng Nguyễn Đức Khánh, Tư lệnh Sư đoàn 1 Không quân, cũng là một trong bốn, năm vị Tướng của khoảng 40 ông Tướng tôi đã gặp trong trận chiến mất nước sau cùng, không bị... "panic"!

18 giờ 30, Trước khi bay về Nha Trang, Tướng Phú đã tới bàn doanh của Phó Đề đốc Hoàng Cơ Minh tại bộ Tư lệnh Hải quân Vùng II.

Hai Tướng Phú và Minh thảo luận về cuộc hành quân trên biển để cứu Sư đoàn 22 Bộ binh, trường hợp Bình Định mất. Tướng Hoàng Cơ Minh đã trình bày về phương tiện Hải quân sẽ được sử dụng, và hải pháo yểm trợ cho cuộc hành quân này.

20 giờ, Tướng Niệm, Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh gọi báo cáo tình hình Bình Định vô cùng rối ren. Hầu hết các đơn vị Địa phương quân tại các quận đã rã ngũ, bỏ chạy.

Tướng Phú gọi về Tổng Tham mưu trình với hai Tướng Lê Nguyên Khang, Phụ tá Hành quân và Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Liên quân về tình hình mặt trận Bình Định; và sự "bi thảm" của Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn I.

21 giờ, Tướng Phú tiếp Trung tướng Phạm Quốc Thuần, và sau đó tiếp một người bạn cũ trong Lực lượng Đặc biệt Mỹ. Người bạn này (tôi không nhớ tên) là bạn của Tướng Phú và Vinh, Chánh văn phòng Tướng Phú. Anh là cựu Trung tá Lực lượng Đặc biệt. Anh yêu Việt Nam như yêu quê hương anh. Anh nói gần như muốn khóc với cả ba chúng tôi (Tướng Phú, Vinh và tôi): "một tháng hay hai tháng nữa sẽ... không còn Việt Nam!" Nếu Tướng Phú giữ được Nha Trang, sẽ là... đại anh hùng, và anh trở lại tái phục!

Sau đó, anh nhờ Vinh xem anh em nào cần xe hơi, đồ đạc, đến nhà anh lấy. Và anh thở dài nói trước khi giã từ: "Nhưng sẽ chẳng còn xài được bao nhiêu lâu nữa, vì Cộng sản sẽ vào!"

Cả ba chúng tôi cùng im lặng. Đó là lời nói thành thật rất hiếm hoi của một người bạn Mỹ... tốt.

22 giờ, Phan Thiết bị pháo. Đà Lạt kêu cứu, sắp lâm nguy. Phòng tuyến Lữ đoàn 3 Nhảy dù vô cùng nguy ngập, không biết vỡ lúc nào. Bắt được 3 tù binh Cộng sản Bắc Việt thuộc Sư đoàn F10. Sư đoàn này đã chuẩn bị sẵn sàng, sẽ dốc toàn lực lượng, và với chiến xa, đánh một mũi thẳng xuống Nha Trang.

Quân tăng viện vẫn chưa có cho mặt trận Khánh Dương.

23 giờ 15, Tư lệnh Quân đoàn II họp riêng với Tướng Phạm Duy Tất, Biệt động quân. Tướng Phú vô cùng lo lắng về mặt trận Khánh Dương, và tin tức do tù binh Bắc Việt khai, Sư đoàn F10 tiến đánh Nha Trang.

Tướng Phú định ra lệnh cho Sư đoàn 22 Bộ binh rút về Qui Nhơn

đêm nay . Phòng thủ quân cảng Qui Nhơn. Chờ đoàn tàu của Hải quân Vùng II tới bốc Sư đoàn 22 về trấn giữ mặt trận Phú Yên và cùng với quân Dù, tại mặt trận Khánh Dương.

Tướng Tất can ngăn nói, nếu rút khỏi Qui Nhơn, Nha Trang còn mất lẹ hơn. Do đó, Tướng Phú lưỡng lự về quyết định bỏ Qui Nhơn, và rút quân Sư đoàn 22 Bộ binh về đêm 30 tháng 3, 1975.

NHỮNG SỰ THẬT BI THẢM

Ngày 31 tháng 3, 1975.

7 giờ 45, tình hình mặt trận Khánh Dương vô cùng nguy ngập. Tuyến của Tiểu đoàn 5 Dù bị địch cắt ra từng "mảnh" nhỏ. Thiệt hại rất nặng. Nếu không có quân tăng viện, Lữ đoàn 3 Nhảy dù sẽ bị tràn ngập bất cứ lúc nào.

Tướng Phú gọi về Tổng Tham mưu "tha thiết khẩn cầu" Tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Liên quân Quân lực Việt Nam Cộng Hoà, bằng mọi cách gọi quân tăng viện gấp cho mặt trận Khánh Dương.

Tướng Phú xin Tướng Khuyên cho được giữ lại hai Tiểu đoàn Biệt động quân tăng cường trấn đóng Đèo Cả (Phú Yên, Nha Trang), ưu tiên gọi lên chiến đấu tại mặt trận Khánh Dương với Lữ đoàn 3 Dù trước. Và xin lệnh cho Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến vào vùng trách nhiệm (mặt trận Khánh Dương) hôm nay!

10 giờ, Tư lệnh Quân đoàn II họp với các Tướng lãnh từ Sài Gòn ra: Tướng Triển, bộ Tổng Tham mưu, Tướng Lành, Tư lệnh phó Không quân, Tướng Thuần, trưởng Hạ sĩ quan Nha Trang, và các Tướng Sang, Lượng,

Sư đoàn 6 và Sư đoàn 2 Không quân.

Đại tá Tuyên, Chỉ huy trưởng căn cứ Phù Cát trình bày về tình hình bị đất tại phi trường Phù Cát. Lực lượng Địa phương quân phòng thủ bỏ súng, rã ngũ. Đề nghị Sư đoàn 22 Bộ binh đặt bộ Tư lệnh Hành quân trong phi trường. Chấp thuận cho di chuyển một số máy bay, và nhân viên (không cần thiết) về Nha Trang trước.

11 giờ, quân tăng viện cho mặt trận Khánh Dương vẫn chưa thấy... nhúc nhích. Tướng Phú quyết định ra lệnh toàn Lực lượng Sư đoàn 22 Bộ binh rút về Qui Nhơn. Trấn giữ và phòng thủ đặc biệt quân cảng. Chuẩn bị "đường lùi", xuống tàu về Khánh Dương, Nha Trang và Phú Yên.

12 giờ, Tư lệnh Quân đoàn II tường trình Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng về tình hình mặt trận Bình Định, và lệnh rút các Trung đoàn 41, 42, 47 từ các mặt trận Quốc lộ 19 và bắc Bình Định về phòng thủ Qui Nhơn.

13 giờ 30, Tướng Phú gọi về Sài Gòn trình Tổng thống Thiệu về mặt trận Bình Định. Đặc công Cộng sản xâm nhập thị xã, các quận đánh phá. Tổng nổi dậy. Địa phương quân rã ngũ, bỏ súng chạy. Đã cho lệnh Sư đoàn 22 rút quân toàn bộ về phòng thủ Qui Nhơn. Tướng Niệm, Tư lệnh Sư đoàn, các Trung đoàn trưởng đều khóc.

Hy vọng rút về được 50% lực lượng! Tổng thống Thiệu cho Tướng Phú những chỉ thị đặc biệt.

13 giờ 40, phi trường Phù Cát, Bình Định bị pháo và tấn công. Vô cùng nguy kịch.

13 giờ 45, Lữ đoàn 3 Dù bị đánh rất nặng. Hạ 4 chiến xa, nhưng phòng tuyến sẽ lùi xa hơn nữa. Nếu không có quân tăng viện, mặt trận Khánh Dương sẽ vỡ!

Đại tá Đức, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh được lệnh, bằng mọi giá phải tái thành lập, trang bị xong 1 Trung đoàn, di chuyển lên chiến đấu với Lữ

đoàn 3 Dù tại Khánh Dương ngày mai 1 tháng 4, 1975.

14 giờ, Đại tướng Cao Văn Viên gọi ra hỏi lại về tình hình hai mặt trận. Ông đang tìm mọi cách để cứu Lữ đoàn 3 Nhảy dù. Thêm hai Tiểu đoàn Biệt động quân khẩn cấp tăng cường cho mặt trận Khánh Dương. Tướng Viên chỉ thị Tướng Phú ra lệnh các Lực lượng Sư đoàn 22 rút từ từ, vừa đánh vừa rút. Đề phòng tối đa, đừng để bị phục kích.

14 giờ 35 phút, mặt trận Khánh Dương nguy kịch. "Kêu cứu" lần thứ 4 trong ngày!

14 giờ 45, Tướng Đồng Văn Khuyên gọi ra lệnh cho Quân đoàn II liên lạc với Tướng Bùi Thế Lân, Tư lệnh Sư đoàn Thủy quân Lục chiến để lấy 1 Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến tăng viện cho Khánh Dương (?) Tướng Phú trả lời vắn tắt, rồi giận dữ vút ống liên hợp xuống, miệng lảm nhảm: "ngu như con bò tót, mà cũng đòi chỉ huy!"

Đây cũng là một sự thật vừa bi thảm, vừa khôi hài trong những ngày chót của chiến tranh Việt Nam.

Tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Liên quân Quân lực Việt Nam Cộng hòa, một ông Tướng văn phòng chưa bao giờ làm Đại đội trưởng một đại đội tác chiến, bây giờ nắm giữ vận mạng "ba quân". Như thế, hỏi làm sao ông ta có thể chỉ huy các Tướng trận mạc như Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II, Tướng Bùi Thế Lân, Tư lệnh Sư đoàn Thủy quân Lục chiến (?)

15 giờ, Tướng Lê Quang Lưỡng, Tư lệnh Sư đoàn Nhảy dù yêu cầu Tướng Phú tăng quân cho Lữ đoàn 3. Ông cũng đang cố gắng cùng với những Tướng khác tiếp thêm quân cho Dù.

15 giờ 30, Tướng Phú lên lạc được với Tướng Phan Đình Niệm, Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh (sau nhiều lần gọi), chuyển lệnh của Tổng thống Thiệu lúc 13 giờ 30, ngày 31 tháng 3, 1975: "Tổng thống đã quyết định

cố thủ Qui Nhơn, giữ quân cảng và hải cảng, đánh lâu dài, không thể để Qui Nhơn rối loạn!"

Sau đó, khi Tướng Niệm tiếp tục bay chỉ huy rút quân, Tướng Phú ra lệnh riêng cho Đại tá Chung, Tham mưu trưởng Sư đoàn 22, người bạn cùng khóa Võ bị Đà Lạt với Tướng Phú, "chuẩn bị đường lùi" của Sư đoàn bằng tàu Hải quân!

15 giờ 50 phút, Lữ đoàn 3 Nhảy dù gọi về kêu cứu lần thứ 5!

15 giờ 52 phút, Tướng Phú quyết định cho đánh 2 phi tuần CBU55. 16 chùm "bom bi" CBU được thả cuống mặt trận Khánh Dương để chặn sức tiến giông bão của Bắc quân. Để cho đoàn quân Mũ Đỏ trên mặt trận Khánh Dương còn được nhìn thấy "mặt trời ở phương tây" chiều nay!

Đây là những trái CBU thứ 32 và sau cùng được sử dụng trên Chiến trường Cao nguyên 1975. 16 trái CBU đầu tiên được sử dụng trong hai ngày 23 tháng 3 và 24 tháng 3, 1975 để cứu đoàn xe, đoàn quân rút từ Pleiku.

16 giờ 15, loạn ở hai thành phố Nha Trang và Cam Ranh, đủ mọi thứ lính ăn cướp, bắn loạn... Tại Nha Trang, Thiếu tá Hẫu, Quân vụ trưởng, một sĩ quan Tiểu đoàn 5 Nhảy dù cũ, được lệnh chỉ huy Lực lượng Quân cảnh và An ninh cho bắn tại chỗ các phần tử bất hảo, vô kỷ luật.

17 giờ 20 phút, Tướng Phú tường trình với Đại tướng Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng Chính phủ về tình hình hai mặt trận tại Quân khu II.

Tình hình cả hai mặt trận vô cùng nguy ngập. Lực lượng rất ít, so với lực lượng Quân khu I khi về phòng thủ Đà Nẵng. Chưa liên lạc được với cấp chỉ huy Sư đoàn Thủy quân Lục chiến. Một tàu buôn của Nhật kéo một sà lan từ Đà Nẵng về, chở khoảng 2000 người, vừa đồng bào, vừa lính Sư đoàn 3, Thủy quân Lục chiến, Lôi hổ...

Air Việt Nam cho lên loạn, bán vé sau. Tình hình như ngày đầu của

Đà Nẵng đã xảy ra! Yêu cầu Sài Gòn chỉ thị cho Air Việt Nam đáp ở Phan Rang hay Cam Ranh, thay vì Nha Trang!

19 giờ, Qui Nhơn mất!!!

Hỗn loạn, bắn phá khắp nơi. Việt cộng đầy thành phố (?)

Tư lệnh Quân đoàn II gọi về Tổng Tham mưu báo cáo. "Giới chức có thẩm quyền" ở đầu giây bên kia vẫn là... Trung tướng Đồng Văn Khuyên!!! Tướng Phú quăng máy điện thoại xuống bàn. Ông nói thật lớn:

- Đau khổ! Đau khổ!!!

Ra lệnh bay C47. Bỏ ăn, vừa đi, vừa chạy ra xe jeep!

Bây giờ Tướng Phú đã thấy tình hình nguy ngập không phải là Khánh Dương, Bình Định hay Phú Yên, mà là Nha Trang!

Không còn hy vọng, mong đợi về quân tăng viện do lệnh của Sài Gòn. Lệnh của một ông Tướng chưa bao giờ biết chỉ huy đánh giặc, ai là người sẽ tuân theo ?

Ông phải tìm đường tự cứu bằng lực lượng và phương tiện cơ hữu của Quân đoàn. Ông bắt đầu liều! Ông không muốn nghe lệnh của dinh Độc Lập, của bộ Tổng Tham mưu Sài Gòn nữa. Ông sử dụng quyền của một "Tướng Biên Khu". Nhưng đã quá muộn mất rồi!!

20 giờ 30, Tư lệnh Quân đoàn II trên vùng trời Bình Định. Từ bộ Chỉ huy Hành quân trên không, Tướng Phú cố gắng liên lạc với Tướng Phan Đình Niệm, Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh trong 15 phút, nhưng không được.

20 giờ 50 phút, Tướng Phú "bắt gặp" Đại tá Lều Thộ Cường, Tư lệnh phó Sư đoàn 22 trên tần số liên lạc. Đại tá Cường báo cáo với Tướng Phú, Tướng Niệm hiện đang bay chỉ huy cuộc rút quân.

Tướng Phú ra lệnh cho Đại tá Cường về chỉ huy căn cứ An Sơn, bộ Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh. Điều động chỉ huy và báo cáo về Quân đoàn mọi diễn tiến cuộc rút quân của các Trung đoàn 41, 42 và 47.

21 giờ 05 phút, Tư lệnh Hải quân Vùng II, Phó Đề đốc Hoàng Cơ Minh trình với Tướng Phú:

- Hạm đội Vùng II với những Dương vận hạm được bảo vệ bởi các Trợ chiến hạm, hiện đã ở trên vùng biển Qui Nhơn sẵn sàng cứu quân Sư đoàn 22 Bộ binh. Tướng Phan Đình Niệm hiện đang ở dưới tàu Hải quân!

Tướng Phú la thất thanh trong máy:

- Tại sao ?

Tướng Minh đồng dục trả lời:

- Tướng Niệm bị... xiu!!!

Mặt Tướng Phú tái nhợt.

- ...!!!

Ông giận run lên, định nói thêm điều gì, nhưng rồi lại dần được.

Sự việc xảy ra thật bất ngờ, và thật đáng buồn! 15 phút trước, Tướng Phú được Đại tá Cường, Tư lệnh phó Sư đoàn 22 báo cáo, Tướng Niệm đang bay chỉ huy những cánh quân của 2 Trung đoàn 41, 42 trên các mặt trận Quốc lộ 19, cách Qui Nhơn hơn 30 cây số, và Trung đoàn 47 tại bắc Bình Định, gần 60 cây. Giờ này, cả ba Trung đoàn may mắn lắm mới đi được khoảng một phần ba chặng đường rút quân, hoặc đang bị phục kích, bị chặn đánh...

Trong khi đó, vị Tướng tư lệnh "khả kính" đã bay trực thăng bán phản lực HU1B về... "xiu" dưới tàu Hải quân, nơi được bảo vệ bởi những Trợ chiến hạm với đại bác 76 ly, và ngoài tầm pháo của địch!

Tôi hiểu được cái đau đớn của Tướng Phú, cũng như của chính tôi lúc này. Chiều 30 tết vừa qua, Tướng Phan Đình Niệm và bộ Tham mưu Sư đoàn 22 Bộ binh về Pleiku chúc tết (?) Tư lệnh Quân đoàn. Trước "hào quang chiến thắng" của Sư đoàn 22 trong năm 1973-1974 và trong một lúc cởi mở, Tướng Phú nói với tất cả sĩ quan và anh em quân nhân hiện diện:

- Vì lý do sức khỏe, một thời gian ngắn nữa tôi sẽ xin thượng cấp cho được từ chức. Và người xứng đáng nhất, tôi mong ước sẽ thay thế tôi là Thiếu tướng Phan Đình Niệm, Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh!

Trước Tướng Phú hai năm, tôi cũng là người đã ngưỡng mộ đại đơn vị Sư đoàn 22 Bộ binh. Tôi nghe "dàn" Trung đoàn trưởng 41, 42, và 47 của Sư đoàn 22 là các Đại tá, Trung tá 28, 29 tuổi. Những cấp chỉ huy tài ba, anh hùng của Quân đội tốt nghiệp các khóa 16, 17 trường Võ bị Đà Lạt. Vị Tư lệnh Sư đoàn, Đại tá Phan Đình Niệm cũng là người được thuộc cấp kính mến.

Do đó, thời gian Sư đoàn tái chiếm lại những phần đất bị mất tại bắc Bình Định tháng 8, 1972, tôi đã ra ngoài mặt trận Bình Định. Tôi đã bày tỏ sự ngưỡng mộ và kính phục những anh hùng của Sư đoàn 22 bằng một loạt bài viết trên báo Quân Đội, và những phóng sự truyền thanh. Đặc biệt trên tờ Điều Hâu, chúng tôi đã dành số báo sau cùng để viết về hai mặt trận Cao nguyên và Bình Định, trước khi tờ báo này bị khai tử; vì không có 10 triệu đóng ký quỹ theo luật lệ báo chí mới!

Bây giờ sự việc xảy ra làm tôi đau đớn, xấu hổ. Tất nhiên, tôi đã không viết sai về các chiến sĩ anh hùng của Sư đoàn 22 Bộ binh, từ cấp Tư lệnh phó, Trung đoàn trưởng... trở xuống. Nhưng tôi đã sai, tôi đâu có ngờ đã hơn một lần "bẻ cong ngòi viết" khi ca tụng ông Tư lệnh Sư đoàn, Tướng Phan Đình Niệm!

21 giờ 09 phút, Tư lệnh Quân đoàn II chỉ định Tư lệnh Hải quân Vùng II, Phó Đề đốc Hoàng Cơ Minh là Tư lệnh mặt trận Bình Định, thay thế Tướng Phan Đình Niệm. Tướng Phú cho Tướng Minh những lệnh cần thiết, nếu các Trung đoàn 41, 42 và 47 về tới Qui Nhơn đêm nay.

22 giờ 15, Tướng Phú bay về Nha Trang.

23 giờ 55 phút, Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn bay chỉ huy mặt

trận Bình Định về trình bày tình hình bi thảm: các Trung đoàn 41, 42 và 47 của Sư đoàn 22 Bộ binh trên đường rút quân, bị phục kích, bị chặn đánh, bị "chặt đứt" từng khúc nhỏ!

0 giờ ngày 1 tháng 4, 1975, mặt trận Khánh Dương vô cùng nguy ngập. Tuy nhiên, Lữ đoàn 3 Nhảy dù và các Tiểu đoàn Biệt động quân vẫn còn chiến đấu!

0 giờ 3 phút, Tổng thống Thiệu từ dinh Độc Lập Sài Gòn gọi, ra lệnh cho Tư lệnh Quân đoàn II tái chiếm Qui Nhơn!!!

Tướng Phú gục đầu xuống bàn sau lệnh này!

0 giờ 10 phút, Tướng Trần Đình Thọ, Trưởng Phòng 3 Tổng Tham mưu liên lạc "cố vấn" Tướng Phú: "Qui Nhơn có rất nhiều hải pháo (??)"

Tôi không biết sự liên hệ giữa Tướng Phú và Tướng Thọ. Nhưng trong những ngày cuối cùng của Tướng Phú, Tướng Thọ là người đã chia sẻ những khó khăn và mang đến cho Tướng Phú những giây phút hy vọng, vui sướng về tin quân tăng viện, và những tin mật của thượng cấp. Đó cũng là tình chiến hữu đặc biệt của hai ông Tướng!

1 giờ sáng, Đại tá Trần Công Liễu, Thị trưởng Cam Ranh báo cáo: rối loạn, cướp bóc, bắn phá tại Cam Ranh. Các Tướng Lâm Quang Thi, Bùi Thế Lân, Nguyễn Văn Hình (từ Vùng I về) rất bi quan, và hoàn toàn bất lực trước những vụ bạo động.

Tình hình Nha Trang cũng bi thảm, rối loạn. Dân bỏ đi hai phần ba.

Tướng Lê Văn Thân, Tư lệnh phó Quân khu mang đến một linh mục, Cha Phương, cho biết dân chúng hoang mang tột cùng về tin đồn chiến xa Cộng sản Bắc Việt đang trên đường tiến về Nha Trang. Tướng Phú nghe xong câu đầu, đứng dậy bỏ vào trong, và nói:

- Tôi biết như vậy đủ rồi!!!

TRỞ LẠI NHỮNG NGỌN ĐỒI VÔ DANH

11 giờ sáng ngày 31 tháng 3, 1975 tại bộ Tư lệnh Hành quân mặt trận Bình Định, vị Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh nhận được lệnh "điều động" Sư đoàn về phòng thủ Qui Nhơn.

11 giờ 1 phút, trên hệ thống truyền tin chỉ huy giữa Sư đoàn với Trung đoàn, và sau đó, Trung đoàn, Tiểu đoàn, các Trung đoàn trưởng, Tiểu đoàn trưởng đều nghẹn ngào khi nghe tin này. Cả ba Trung đoàn 41, 42 và 47 lúc đó đều đang giao tranh với địch. Trung đoàn 41 và 42 Bộ binh tại các mặt trận trên Quốc lộ 19, cách Qui Nhơn hơn 30 cây số, và Trung đoàn 47 ở phía bắc Bình Định.

Có những người quân nhân nhà nghề đã chiến đấu trong đại đơn vị này suốt hai thập niên, ngay từ khi Sư đoàn mới thành lập. Đã trải qua bao nhiêu thăng trầm, biến đổi, vinh quang, bi hùng trong suốt 20 năm dòng dã, "những người lính già" của chiến trường tưởng không bao giờ bị gục ngã. Nhưng với cái lệnh rút khỏi vùng hành quân hôm nay, họ biết ngay, đây là giai đoạn chót cuối đời binh nghiệp!!!

Sư đoàn đã từng bị đánh tan tành, và tưởng rằng bị xóa tên trong Mùa hè 1972. Họ đã rút lui, đã tan hàng, chạy bộ suốt cả chục cây số đường rừng, núi để về tới "điểm tập trung".

Nhưng họ không sờn lòng, nản chí. Họ vẫn vững tinh thần, tin tưởng rằng sẽ có ngày Sư đoàn hồi sinh, trở lại phong độ.

Một cuộc rút lui khác nữa mà họ cũng không bao giờ quên. Đó là cuộc chuyển quân thần tốc của một trung đoàn, Trung đoàn 42 Bộ binh từ Tây nguyên trở về Bình Định, tái chiếm Đèo Nhông. Đây cũng là một chiến thắng kỳ diệu nhất của Trung đoàn 42 trong năm 1974. Trung đoàn 42 Bộ binh đang hành quân tại vùng Pleime, tây nam Pleiku, trong một buổi chiều được lệnh về giải tỏa áp lực của địch tại mặt trận Bình Định. Cuộc chuyển quân tưởng rằng phải được thực hiện trong vòng 2 hay 3 ngày. Nhưng ngay đêm ấy, toàn bộ Trung đoàn đã về tới bắc Phù Cát. Và từ đó, dùng bàn đạp đánh thẳng vào hậu phương địch, khiến Bắc quân trở tay không kịp. Những trận đánh đẫm máu dòng đã suốt 3 ngày sau, Trung đoàn 42 đã tiêu diệt gần một trung đoàn Cộng sản Bắc Việt của Sư đoàn 3 Sao Vàng, dựng nên "chiến thắng Đèo Nhông".

Trước khi mặt trận Ban Mê Thuột bùng nổ, một lần nữa Trung đoàn 42 Bộ binh lại biến hai ngọn đồi vô danh vùng tây, tây nam quận Hoài Nhơn, Bình Định thành những di tích của chiến sử, nói lên tinh thần chiến đấu chống Cộng phi thường của người quân nhân Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Hai ngọn đồi vô danh đó là những ngọn đồi chiến lược, được mang số 82 và 174, nằm trên huyết lộ vận chuyển của Cộng quân, trên trục Quảng Ngãi-Bình Định. Cũng tại hai cao điểm chiến lược này, bọn nhà báo bất lương ngoại quốc sau gần 20 năm xuyên tạc về chiến tranh Việt Nam, đã ngả nón kính phục về tinh thần dũng cảm của Quân lực Việt Nam Cộng

Hòa. Một phái đoàn Quốc hội Hoa Kỳ cũng được gửi tới đó quan sát chiến trường, và khi trở về nước đã lên tiếng bênh vực, ủng hộ Việt Nam. Nhưng, mọi chuyện đã quá muộn!!!

22 giờ đêm, Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh cuối cùng của Quân đoàn II và Chiến trường Cao nguyên, bay trên đầu những cánh quân Sư đoàn 22 Bộ binh. Với phương tiện và hải pháo yểm trợ của Hải quân Vùng II, ông hy vọng sẽ cứu được 50% lực lượng của Sư đoàn. Tuy nhiên, điều mong ước của ông không bao giờ đến!

Giờ phút này, trước đó và sau đó, suốt 22 tiếng đồng hồ, các Trung đoàn 41, 42 và 47 trên chặng đường rút quân, và cũng là một trận tuyến dài hơn 30 cây số, từng đơn vị bị phục kích, bị đánh tan tác, bị "chặt đứt" ra từng khúc nhỏ.

Đây là một cuộc trả thù tàn ác, man rợ nhất trong trận chiến sau cùng của chiến tranh Việt Nam. Trên 30 cây số đường máu, chiến đấu không yểm trợ, không tiếp tế, không tản thương. Hậu phương rã ngũ, bỏ súng. Trước mặt, sau lưng... đều là địch.

Đối thủ tuy vẫn là Sư đoàn 3 Sao Vàng, và những tiểu đoàn đặc công Cộng sản Bắc Việt, nhưng Bắc quân ở thế thượng phong. Có pháo, chiến xa yểm trợ, và một hậu phương lớn nổi dậy. Những người Cộng sản đã không cần biết đến qui luật của chiến tranh. Chúng thẳng tay tàn sát kẻ thù trong đơn vị mà trước đây đã gây cho chúng những tổn thất lớn lao, những thất bại đau đớn.

Trên 30 cây số đường máu, các chiến sĩ Sư đoàn 22 Bộ binh đã chiến đấu trong tình trạng tuyệt vọng, nhưng dũng cảm, anh hùng. Họ đã bắn đến viên đạn cuối cùng, rồi gục xuống.

Có những hành động thật hào hùng, thật phi thường.

Một cấp chỉ huy Trung đoàn 47 đã quỳ xuống, ôm lấy người lính bị

thương, rồi bật khóc. Người lính chỉ còn thoi thóp, nhưng ngón tay vẫn để trên cò súng. Hình ảnh này làm ông đau đớn, ông đứng dậy bỏ đi. Nhưng rồi trở lại, và thật bình tĩnh, ông rút súng, kết liễu đời đứa em thân yêu, sau đó bắn vào đầu mình!

Có một "người anh lớn" khác, đợi cho các chiến hữu của mình lên tàu hết, rồi lững thững bỏ đi. Trời bừng sáng, nhưng anh không đi về hướng mặt trời, anh trở lại con đường cũ, trở lại phía có "những ngọn đồi vô danh". Nơi đó, anh sẽ gặp "dũng sĩ Mai Hồng Bướm", người binh Nhất Trung đội trưởng anh hùng của Sư đoàn 22 Bộ binh, người Trung đội trưởng thứ sáu của Trung đội, đã chỉ huy đơn vị đánh bật kẻ thù khỏi đỉnh Du Tụ, Hoài Ân trước khi gục ngã. Và gặp lại rất nhiều những anh hùng vô danh khác của Sư đoàn, những người đã lấy máu mình tô thắm cho màu cờ đơn vị trong những năm sau cùng!!!

VĨNH BIỆT NHỮNG ANH HÙNG CỦA CHIẾN TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH VÀ KHÁNH DƯƠNG

Ngày 1 tháng 4, 1975.

7 giờ, Phụ tá Hành quân Quân đoàn II, Tướng Trần Văn Cẩm gọi từ Phú Yên về báo, Cộng quân pháo vào thị xã rất dữ dội, và bắt đầu tấn công cả ba mặt. Sau lần liên lạc này, Tướng Cẩm, Tư lệnh mặt trận Phú Yên coi như mất tích.

Tốt nghiệp trường Võ bị Đà Lạt năm 1953, Tướng Trần Văn Cẩm phục vụ trong binh chủng Pháo binh. Là một trong những Sĩ quan Pháo binh kỳ cựu của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, ông đã từng giữ những chức vụ quan trọng: Tham mưu trưởng Sư đoàn 1 Bộ binh, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, Tham mưu trưởng Quân đoàn II, và cuối cùng là Phụ tá Hành quân của Tư lệnh Quân đoàn và Chiến trường Cao Nguyên.

7 giờ 30 sáng 1 tháng 4, 1975 Tướng Cẩm bay chỉ huy, sau khi rời khỏi đơn vị phòng thủ phi trường Đông Tác, Phú Yên một thời gian ngắn, trực thăng trực trực máy phải đáp xuống một bãi cát sát cầu Đà Răng. Khi Việt cộng ủa ra, Tướng Cẩm hiên ngang tự xưng cấp bậc, chức vụ, đòi gặp

cấp chỉ huy địch để được đối sử theo quy chế tù binh (!)

8 giờ 10 phút, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 3 Nhảy dù tại mặt trận Khánh Dương trình với Tướng Phú tình hình vô cùng nguy ngập, bi đát. Phòng tuyến Dù bị vỡ nhiều nơi. Nhiều chiến xa địch xuất hiện rất gần. Hỏa tiễn TOW (bắn chiến xa) của quân Dù cũng còn rất ít. Nếu không có tăng viện và được cấp phát thêm hỏa tiễn TOW, mặt trận Khánh Dương có thể bị tràn ngập ngày hôm nay. Tướng Phú lại than: "Đau khổ! Bi thảm!"

Hai tiểu đoàn (-) Biệt động quân được "châm" thêm cho phòng tuyến Dù chiều qua 31 tháng 3, 1975 coi như lực lượng chiến đấu cuối cùng của Quân khu từ Pleiku-Kontum, đã được tái trang bị vũ khí. Ông yêu cầu anh em Lữ đoàn 3 Dù ráng cố gắng chờ quân của Sư đoàn 22 từ Qui Nhơn về cùng với một Trung đoàn của Sư đoàn 23 Bộ binh.

8 giờ 15, Tư lệnh Quân đoàn II bay C47 chỉ huy hai mặt trận Phú Yên và Bình Định.

Ngoài phi trường, Tướng Phú cũng được Đại tá Đại, Chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Biệt động quân Dục Mỹ báo cáo cho biết: nếu tuyến Dù vỡ, chiến xa Cộng sản Bắc Việt sẽ tiến thẳng về Nha Trang. Tuyến Dục Mỹ với một số tân binh và súng ngắn, nhiều lắm chịu đựng được... 5 phút!!!

Quang cảnh ngoài phi trường và dọc theo con đường biển xuống Cầu Đá (bến tàu,) Nha Trang sáng nay, vô cùng nhộn nhịp. Những chuyến bay Air America chở nhân viên và dụng cụ tòa Tổng lãnh sự Mỹ lên, xuống tấp nập. Các tàu buôn lớn, nhỏ chở đồng bào, chở lính mặc thường phục và gia đình, rời bến mỗi lúc một tăng.

9 giờ 30, trên vùng trời Bình Định.

Từ Nha Trang, Tướng Phú ra lệnh bay thẳng đi Qui Nhơn. Ông rất nóng lòng về các cánh quân của Trung đoàn 41, 42 và 47 rút từ mặt trận Quốc lộ 19 và bắc Bình Định. Bởi vì sau khi Đại tá Tham mưu trưởng Quân

đoàn bay chỉ huy về lúc 0 giờ sáng, tin tức sau đó về cuộc rút quân của Sư đoàn 22 Bộ binh rất lơ mơ!

Ngay khi tới không phận Qui Nhơn, Tướng Phú đã liên lạc được với Phó Đề đốc Hoàng Cơ Minh, Tư lệnh mặt trận Bình Định. Tướng Minh trình Tướng Phú giặc Cộng đã chiếm toàn thị xã. Địch pháo vào các cơ sở quân sự, hành chánh và sân bay rất dữ dội. Và tàu Hải quân đang tiến vào bốc Sư đoàn 22. Tướng Phú hỏi:

- Anh cho tôi biết quân của Sư đoàn 22 Bộ binh về bến tàu được chừng bao nhiêu ?

- Khoảng gần 1000, và họ vẫn còn đang di chuyển về từng toán nhỏ.

Tướng Phú:

- Anh có thể ra lệnh chờ thêm mấy tiếng nữa để cứu thêm quân của 22 ? (Sư đoàn 22 Bộ binh)

Tướng Minh:

- Địch pháo rất nhiều, không thể trì hoãn được!

- Một tiếng đồng hồ nữa... được không ?

Giọng Tướng Hoàng Cơ Minh dồn dập, đanh thép:

- Tôi đã trình với Thiếu tướng, địch hiện đang pháo rất dữ dội. Nó (Việt cộng) pháo trúng tàu của Hải quân là vô phương, hết thuốc (!) Phải lẹ lăm mới cứu được số anh em đang ở bến tàu. Chờ cứu thêm một số người nữa rất nguy hiểm, và có thể... chết hết!

Tướng Phú thở dài:

- Đau khổ! Anh là Tư lệnh mặt trận... Qui Nhơn, anh toàn quyền quyết định!!!

- ...

Tiếng "đau khổ" Tướng Phú dùng thường xuyên, có khi 20, 30 lần một ngày.

Quân của ba Trung đoàn 41, 42 và 47 Sư đoàn 22 Bộ binh xuống tàu Hải quân tại quân cảng Qui Nhơn lúc 10 giờ sáng ngày 1 tháng 4, 1975, về được khoảng trên 1000 người.

Đại tá Lê Cầu, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 47 Bộ binh và một số lớn cấp chỉ huy khác được ghi nhận tử trận, mất tích hoặc bị địch bắt sống. Riêng Đại tá Nguyễn Hữu Thông, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 42 Bộ binh, sau khi đưa một số chiến hữu còn lại xuống tàu, đã lững thững bỏ đi!

Cuộc rút quân của Sư đoàn 22 Bộ binh được bắt đầu từ 11 giờ 30 sáng ngày 31 tháng 3, 1975 đến 9 giờ 30 sáng ngày 1 tháng 4, 1975. Đúng 22 tiếng đồng hồ!

Ba vị Đại tá và hai phần ba cấp chỉ huy đã "ở lại" chiến trường Bình Định, cùng với hơn 4000 chiến sĩ anh hùng của mình. (Khoảng 70% quân số của 3 Trung đoàn 41, 42 và 47 Sư đoàn 22 Bộ binh). Họ đã thực hành đúng với phương châm "tam cùng" của Sư đoàn: "cùng ăn, cùng ngủ, cùng sống chết"!!!

10 giờ, Tướng Phú bay trở lại Nha Trang. Trên đường về từ Qui Nhơn, ông không liên lạc được với Trung tá Tỉnh trưởng, bộ Tham mưu mặt trận Phú Yên, bộ Chỉ huy tiểu khu, các cánh quân...

Về tới Nha Trang, Trung tâm Hành quân Quân đoàn báo cáo tin tức sau cùng nhận được từ mặt trận Phú Yên lúc 9 giờ 30 sáng ngày 1 tháng 4, 1975:

- Tướng Trần Văn Cẩm, Tư lệnh mặt trận Phú Yên mất tích ngay từ sáng sớm. (7 giờ sáng là lần liên lạc cuối cùng giữa Tướng Cẩm và Tướng Phú).

- Trung tá Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Phú Yên bị thương và đã được chở về Nha Trang.

- 9 giờ 30 Việt cộng tràn ngập thị xã, phi trường Phú Yên hết sử dụng.

- Giao tranh ác liệt vẫn tiếp diễn giữa các Lực lượng Biệt động quân, Địa phương quân và quân chính qui Bắc Việt tại cầu Lò Rèn (?) và gần Đèo Cả trên Quốc lộ 1 (Phú Yên-Nha Trang).

10 giờ 30, Tư lệnh Quân đoàn II triệu tập cuộc họp khẩn cấp các vị Tướng lãnh trong vùng tại bộ Tư lệnh Quân đoàn. Tham dự gồm có Trung tướng Phạm Quốc Thuần, Chỉ huy trưởng trường Hạ sĩ quan Nha Trang, Tướng Nguyễn Văn Lượng, Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân, Phó Đề đốc Châu, Chỉ huy trưởng căn cứ Hải quân Nha Trang. Tướng Phú tóm lược tình hình các mặt trận Bình Định, Phú Yên và Khánh Dương. Ông yêu cầu quý vị Tướng lãnh tùy theo phương tiện, sáng kiến, và tự quyết định về việc phòng thủ những đơn vị của mình (?) Lực lượng của Quân đoàn đã dồn hết lên mặt trận Khánh Dương. Tại tuyến Dục Mỹ, chỉ có tân binh của các Trung tâm Huấn luyện Biệt động quân, Bộ binh và Pháo binh.

Quân chủ lực phòng thủ Nha Trang phải chờ quân của Sư đoàn 22 Bộ binh về!

Trung tướng Phạm Quốc Thuần, vị cựu Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ binh và Quân đoàn III là người đã chia sẻ trách nhiệm và cố vấn Tướng Phú nhiều nhất. Ông là vị Tướng có cấp bậc cao hơn hết của Quân khu II, nhưng ông luôn luôn tôn trọng chức vụ Tư lệnh Quân đoàn II của Tướng Phú. Khi bộ Tư lệnh Quân đoàn rời về Nha Trang, khi cần đóng góp ý kiến, những ước đoán về tình hình xảy ra trên chiến trường, ông tới bộ Tư lệnh Quân đoàn thảo luận với Tướng Phú. Trong hai tuần lễ cuối cùng, ông đã đưa ý kiến việc động viên tinh thần quân dân sau phòng tuyến Khánh Dương, thiết lập "một trục lộ" chống chiến xa Cộng sản Bắc Việt dài từ Dục Mỹ tới Nha Trang, với những chướng ngại vật, giao thông hào... Và, chuẩn bị chiến đấu lâu dài trên tuyến Đèo Rù Rì để phòng thủ Nha Trang.

Tiếc rằng, trong thời gian này, khắp các mặt trận Quân khu II đều

nặng nề. Ngoài ra, những Lực lượng Chiến tranh Tâm lý Hành quân của Quân đoàn và phương tiện đều gần như bị thiệt hại 100% khi di chuyển từ Pleiku về. Do đó, đã không có bất cứ một hoạt động nào về chiến tranh tâm lý để động viên tinh thần quân sĩ và dân chúng, cũng như trấn an dư luận.

Những đóng góp và ý kiến quý báu của Trung tướng Phạm Quốc Thuần trong những ngày cuối cùng trên chiến trường Quân đoàn II, do đó, đã không thể thực hiện được!

Tướng Phạm Quốc Thuần là một nhà quân sự có kiến thức sâu rộng. Đầu năm 1973 ông được bổ nhiệm là Trưởng phái đoàn Quân sự Việt Nam Cộng Hòa trong Ban Liên hợp Quân Sự 2 Bên và 4 Bên. Ông tiên đoán ngay Cộng sản sẽ xé bỏ bản hiệp định ngưng bắn vừa được ký kết tại Paris ngày 27 tháng 1, 1973. Nói chuyện với Tướng Việt cộng Trần Văn Trà tại bàn hội nghị, ông rất cứng rắn, bác bỏ mọi đòi hỏi về "ưu đãi, miễn trừ" của phái đoàn Việt cộng để được đối xử như một phái đoàn ngoại giao. Trần Văn Trà và các cán bộ Mặt trận Giải phóng miền Nam chỉ được phép họp báo tự do tại trung tâm thủ đô Sài Gòn, và tham quan những nơi khác trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa khi nào Cộng sản Hà Nội cũng đồng ý để phái đoàn Quân sự Việt Nam Cộng Hòa ra Bắc làm công việc đó. Có một lần trong giờ nghỉ giải lao, Tướng Thuần nói với Trà: "Nếu Hồ Chí Minh của các anh là một người bình thường, ngu một chút, thì Việt Nam đã tránh được đổ máu 28 năm..."

Sau đó, khi trở thành Tư lệnh Quân đoàn III, mỗi khi Việt cộng vi phạm hiệp định ngưng bắn, ông đã ra lệnh cho các đơn vị Quân lực Việt Nam Cộng Hòa trả đũa ngay tức khắc. Những trận ném bom xuống các cơ sở Việt cộng tại Lộc Ninh, những cuộc hành quân vượt biên sang Cam Bốt đánh trả địch quân đầu năm 1974 đã làm cho cả Cộng sản lẫn Mỹ điên đầu. Kế hoạch thiết lập "trục lộ chống chiến xa" và những giao thông hào,

ngăn chặn đại bác 130 ly Cộng sản Bắc Việt kéo về gần thủ đô; vừa khởi sự thì ông bị thay thế.

12 giờ 15, một sĩ quan của Trung tâm Hành quân Quân đoàn II hét hải chạy ra la lớn:

- "Phi cơ quan sát báo cáo về, chiến xa Bắc Việt đã tới Dục Mỹ và Ninh Hòa..."

Thế là một số quân nhân các phòng khác chạy ủa ra ngoài. Tướng Phú từ lầu nhĩ đi xuống, ông hét:

- Thế là... thế nào ? Tại sao bỏ chạy ?

Một số quân nhân khác vẫn tiếp tục chạy ra đường, không cần biết ông nói gì! Một điều hết sức kỳ quái và tức cười là, khi sự việc này xảy ra, đứng cạnh Tướng Phú gồm có Đại tá Lý, Tham mưu trưởng, Thiếu tá Vinh, Thiếu tá Hóa và tôi; gần ngay đó là một hạ sĩ quan Quân cảnh của văn phòng Tư lệnh, và những toán lính gác Quân cảnh ngoài cổng bộ Tư lệnh, nhưng, không một ai ra lệnh, hoặc phản ứng gì với số quân nhân bỏ chạy này!!

Tôi nghĩ mọi người, kể cả tôi đã bị "panic" khi nghe chiến xa Cộng sản Bắc Việt về tới Ninh Hòa. Tướng Phú đứng trước Trung tâm Hành quân chừng 10 phút, không ra lệnh, không nói thêm một tiếng nào nữa. Im lặng đến ngột ngạt...

12 giờ 30, Trung tướng Phạm Quốc Thuần trở lại bộ Tư lệnh Quân đoàn II. Tướng Phú bước ra đón ông, và giơ tay phân trần:

- Sĩ quan và lính tráng tôi... bỏ chạy hết!

- ...

Sau đó Tướng Phú thảo luận với Tướng Thuần.

12 giờ 45, Tướng Phú ra lệnh cho Thiếu tá Hóa:

- Bay lên Khánh Dương!

Nói xong ông hối hả bước đi, không bắt tay, không chào Tướng Thuần. Và ông cũng không biết trực thăng hiện đậu ở chỗ nào ? Tôi đã mời Trung tướng Thuần cùng bay chỉ huy với Tướng Phú, và Tướng Thuần gật đầu. Lúc này, chỉ có Thiếu tá Vinh, Chánh văn phòng và tôi biết trực thăng của Tư lệnh Quân đoàn đậu ở đâu.

Sáng nay, bay với Tướng Phú từ Qui Nhơn về, tôi cho Vinh biết Qui Nhơn và Phú Yên đã mất. Nếu tuyến Khánh Dương vỡ, Nha Trang sẽ hỗn loạn. Tướng Phú đã vào "mê hồn trận", nhiều lúc hơi mất bình tĩnh!

Tôi đề nghị với Vinh việc bảo vệ hai chiếc máy bay chỉ huy của Tướng Phú. Vinh đồng ý. Và ngay lập tức, anh ra lệnh cho hai phi hành đoàn C47 và trực thăng của Tư lệnh Quân đoàn.

Trực thăng từ bãi VIP ngoài phi trường bay về đậu trong khu "trailer" sát biển, trước tư dinh của Tướng Phú. Khu này có hàng rào cao vây chung quanh, và quân cảnh giữ an ninh. Phi hành đoàn C47, bộ Tư lệnh Hành quân trên không được lệnh túc trực ngoài phi trường để bay ngay khi có lệnh.

Quyết định này là do sự thỏa thuận, sắp xếp của Vinh và tôi. Tướng Phú, Tham mưu trưởng Quân đoàn, Sĩ quan Tùy viên cũng không biết. Do đó, khi Tướng Phú ra lệnh bay trực thăng chỉ huy mặt trận Khánh Dương, Vinh cũng gọi ra phi trường cho lệnh chiếc C47 về Phan Rang.

12 giờ 55 phút, Tư lệnh Quân đoàn II tới Sư đoàn 2 Không quân. Tướng Phú cho Tướng Lượng biết về những tin tức sau cùng của mặt trận Khánh Dương. Tướng Lượng được lệnh "đóng cửa" phi trường Nha Trang. Sư đoàn 2 Không quân tự đảm trách công việc phòng thủ căn cứ Không quân và phi trường (?)

13 giờ, hai chiếc DC4 và "Viscount" cuối cùng của Air Việt Nam cất cánh. Tôi không thích hình dáng chiếc "Viscount" do Air Việt Nam mượn

của Đài Loan. Nhưng chiếc DC4 đã gợi cho tôi nhớ thật nhiều kỷ niệm. Có thể đây là lần cuối cùng tôi thấy Nha Trang, thấy chiếc DC4 trên vùng đất này. Tự nhiên tôi nghĩ về những chuyến DC4 Sài Gòn-Đà Lạt-Nha Trang-Pleiku... hồi 1961, 1963. Những chuyến bay được điều khiển bởi một người phi công nghệ sĩ, một phù thủy trong nghề bay, và những nữ tiếp viên phi hành đẹp nhất của Air Việt Nam.

Bay qua những danh lam thắng cảnh, họ giới thiệu những cảnh đẹp của quê hương như các chuyến bay dành cho du khách. Bây giờ, họ ở đâu?

13 giờ 25 phút, bay trên Khánh Dương, Tướng Phú không liên lạc được với Lữ đoàn 3 Nhảy dù. Không liên lạc được với các Tiểu đoàn Biệt động quân và những đơn vị Bộ binh còn lại của Quân đoàn (một phần của Trung đoàn 40, Sư đoàn 22 Bộ binh và Trung đoàn 45, Sư đoàn 23 Bộ binh). Bay ngang Dục Mỹ, ông cũng không liên lạc được với Đại tá Đại, Chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Biệt động quân, và những đơn vị phòng thủ tuyến Dục Mỹ. Tuyến Dục Mỹ gồm quân của các Trung tâm Huấn luyện Bộ binh, Biệt động quân, Pháo binh v.v...

Tướng Phú ra lệnh bay về Phan Rang.

14 giờ, trực thăng vừa đáp xuống phi trường, thấy chiếc C47, bộ Chỉ huy Hành quân trên không của Quân đoàn, Tướng Phú hấp tấp leo lên. Ra lệnh bay trở lại mặt trận Khánh Dương. Trung tướng Phạm Quốc Thuần cũng lên C47, theo quan sát.

Bay trên Khánh Dương chừng 10 phút, Tướng Phú liên lạc được với một sĩ quan của bộ Chỉ huy Lữ đoàn 3 Nhảy dù. Ông được báo cáo vẫn tất là Lữ đoàn 3 Nhảy dù đã bị tràn ngập. Tuyến phòng thủ bị cắt nát, bị "vỡ ra từng mảnh". Sau đó phía dưới tắt máy, không còn cách nào có thể liên lạc được nữa.

14 giờ 50 phút, Tướng Phú ra lệnh bay về Phan Rang lần thứ 2. Dọc

đường, ông chỉ thị cho Đại tá Đức, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh "gom quân" về cố thủ tại Động Ba Thỉn, Cam Ranh.

15 giờ 30, vừa xuống Phan Rang chừng 5 phút, Tướng Phú lại ra lệnh bay lên Khánh Dương lần thứ 3. Trung tướng Phạm Quốc Thuần nhìn tôi lắc đầu. Và Tướng Thuần không bay theo quan sát nữa.

Tướng Phú đã bị rối loạn!!!

Bay trên hai tuyến Khánh Dương và Dục Mỹ khoảng 15 phút, Tướng Phú không liên lạc được với bất cứ một cấp chỉ huy, hay một cánh quân nào dưới đất. Ông lại ra lệnh bay về!

(Năm 1993 gặp lại Trung tá Bùi Quyền, Tham mưu trưởng Lữ đoàn 3 Nhảy dù, được anh cho biết hệ thống liên lạc truyền tin của Lữ đoàn 3 Dù trúng pháo địch, bị tê liệt hoàn toàn ngay từ buổi trưa ngày 1 tháng 4, 1975.)

17 giờ, Tư lệnh Quân đoàn II bay trực thăng trở lại Nha Trang. Và đây cũng là lần thứ 4 bay từ Phan Rang đi Khánh Dương, Nha Trang kể từ lúc 13 giờ trưa nay 1 tháng 4, 1975!!!

Lần bay này, Thiếu tá Vinh Chánh văn phòng của Tướng Phú ở lại Phan Rang. Chỉ có Thiếu tá Hóa, Sĩ quan Tùy viên và tôi bay theo.

17 giờ 30, Trực thăng Tướng Phú đáp xuống sát bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân, gần phi trường Nha Trang.

Được liên lạc trước, nhưng Tướng Lượng, Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân đã không ra đón như lúc 12 giờ 55 phút trưa nay. Một xe jeep của Không quân được gọi ra chỗ trực thăng đậu.

Tướng Phú vào văn phòng Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân. Không có Tướng Lượng, không có một quân nhân trong văn phòng. Không khí ngột ngạt, lạ lùng!

17 giờ 50 phút, đúng 20 phút sau, Chuẩn tướng Nguyễn Ngọc Oánh, Chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Không quân Nha Trang và Chuẩn

tướng Nguyễn Văn Lượng, Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân bước vào. Tướng Phú ngồi ở chiếc ghế sát với bàn của Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân, nhưng hai Tướng Lượng và Oánh không chào hỏi, tới ngồi ở bàn khác, đối diện.

Thấy thái độ và cách xử sự khác thường của hai Tướng Lượng và Oánh, Tướng Phú hơi ngạc nhiên, nhưng rồi chợt hiểu. Ông hất hàm hỏi Tướng Lượng:

- Có chuyện gì xảy ra ?

- !!!

Tướng Lượng không trả lời, mặt lầm lì. Tôi mệt mỏi, chán nản cái cảnh "loạn quân, loạn tướng" này, nên cũng không muốn giữ kỷ luật quân đội nữa. Tôi ngồi bệt xuống sàn nhà, tay để lên cò súng của khẩu AR18 với hai băng đạn cong chập lại.

Tôi liếc nhìn "đồ chơi", khoảng 10 trái lựu đạn "mini" trên chiếc áo đi rừng của Lực lượng Đặc biệt mà Vinh "võ trang" cho tôi, chờ đợi chuyện gì sẽ xảy ra ? Nhưng không, Tướng Nguyễn Ngọc Oánh với một giọng hết sức từ tốn, lễ độ, nói với Tướng Phú:

- Tôi muốn thưa với Thiếu tướng, tôi được chỉ định làm Tư lệnh mặt trận Nha Trang, vì Quân đoàn II... không còn nữa!

Tướng Phú mặt biến sắc, hỏi dồn:

- Lệnh ai ? Anh nhận lệnh ai ?

Tướng Nguyễn Ngọc Oánh vẫn thật điềm đạm, chậm rãi nói:

- Thưa Thiếu tướng, lệnh của bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, của Trung tướng Đồng Văn Khuyên từ Sài Gòn!

- !!!

Tôi nhìn Tướng Oánh với một sự kính trọng đặc biệt. Cách đối xử của ông với Tướng Phú, một người đã bị "tước đoạt binh quyền" thật đáng

hoàng. Đó cũng là cách xử sự của một Tướng lãnh "đàn anh" có tư cách. Chuẩn tướng Nguyễn Ngọc Oánh là một đại niên trưởng của cả Tướng Phú và tôi, nếu theo "đẳng cấp" các sĩ quan tốt nghiệp trường Võ bị Đà Lạt!

Tướng Nguyễn Ngọc Oánh tốt nghiệp khóa 3 Trần Hưng Đạo năm 1951, khóa đầu tiên tại Đà Lạt khi trường sĩ quan hiện dịch được di chuyển từ Huế về. Trong số những cấp chỉ huy Quân lực Việt Nam Cộng Hòa tốt nghiệp khóa 3 trường Võ bị Đà Lạt phải kể đến Trung tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư lệnh Quân đoàn I, 1967-1972, Trung tướng Nguyễn Xuân Thịnh, Tư lệnh Sư đoàn 25 Bộ binh và Chỉ huy trưởng Pháo binh, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, Đại tá Đỗ Ngọc Nhận, Tư lệnh Sư đoàn Khinh chiến 12, 1957 và Chỉ huy trưởng trường Võ bị Quốc Gia Việt Nam, 1966-1968...

18 giờ 40 phút, Tướng Phạm Văn Phú dùng điện thoại của Tướng Lượm gọi về Sài Gòn. Đây cũng là một sáng suốt cuối cùng để Tướng Phú không bị đau đớn hơn, và bị nhục trước hai Tướng Oánh và Lượm.

Đầu giây bên kia là Trung tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Liên quân Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Ngay từ câu đầu tiên, Tướng Phú đã hét lên trong ống liên hợp:

- Tôi đi đâu ? Tôi bay chỉ huy!

- !!!

- Tôi ra lệnh cho Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân đóng cửa phi trường lúc 1 giờ trưa, và bay đi mặt trận Khánh Dương...

- !!!

- Tôi là Tư lệnh Quân đoàn. Đi đâu, đó là quyền của tôi! Trung tướng Thuần trên máy bay chỉ huy của tôi mấy tiếng đồng hồ, nhưng tôi không cần Trung tướng phải tin! Và tôi cũng không cần phải trình Trung tướng.

- !!!

- Trung tướng ngồi văn phòng, Trung tướng không biết chỉ huy,

Trung tướng... im đi!! Trung tướng...

- !!!

19 giờ 15, Tướng Phú gác máy điện thoại xuống, mặt giận dữ lắm lắm... Hình như ông nhắc lại câu nói quen thuộc, mà đã có lần tôi nghe thấy sau khi ông nói chuyện điện thoại với Tướng Khuyên: "Ngu như con bò tốt mà cũng đòi chỉ huy, ra lệnh!"

Tuy nhiên, lúc mà Tướng Phú gác ống liên hợp lên máy điện thoại để trên bàn của Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân, 19 giờ 15 ngày 1 tháng 4, 1975, cũng là lúc chức vụ Tư lệnh Quân đoàn II bị tước bỏ có hiệu lực!

Đây cũng là một sự thật bi thảm trong những ngày sau cùng của chiến tranh Việt Nam. Một "ông Tướng văn phòng" cách chức một Tư lệnh Quân đoàn, và cũng là một Tướng lãnh trận mạc trong khi ông này đang bay chỉ huy mặt trận!!!

19 giờ 45, Tướng Phú ra trực thăng bay trở về Phan Rang.

Một chuyện bất ngờ xảy đến. Ngay khi Tướng Phú vừa ngồi lên xe jeep, một xe đầy lính và vũ khí phóng tới. Một Thiếu tá Không quân nhảy xuống nói lớn:

- Tại sao ? tại sao ? Các ông là Tướng, lại bỏ lính chạy ? Ai phòng thủ căn cứ này ?

Rất nhanh, thay vì lái xe như lúc vào bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân, tôi ngồi đề lên Tướng Phú. Tôi chĩa khẩu AR18 về phía người sĩ quan này:

- Anh không được vô lễ! Ông Tướng Tư lệnh Quân đoàn không có nhiệm vụ phải phòng thủ căn cứ Không quân!

Sở dĩ hành động vô kỷ luật này xảy ra, vì trước đó, đã có một sự việc thật đáng tiếc. Buổi trưa, Tướng Phú đáp trực thăng xuống bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân, ra lệnh cho Chuẩn tướng Lượng đóng cửa phi trường

và tăng cường việc phòng thủ căn cứ Không quân Nha Trang. Nhưng ngay khi ông vừa bay lên mặt trận Khánh Dương cùng với Trung tướng Phạm Quốc Thuần thì, Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn tự động rời bộ Tư lệnh vào căn cứ Không quân xin phương tiện về Sài Gòn. Trung tá Nguyễn Văn Giang, Giám đốc Không trợ Quân đoàn II, chứng kiến cảnh tượng ông Đại tá này cúi đầu, năn nỉ, để được chạy trước lính, và bị Sĩ quan An ninh phi trường, ra lệnh giữ lại nhiều tiếng đồng hồ; đã lắc đầu ngao ngán, vì hành động này không thể nào chấp nhận được ?

Đêm 1 tháng 4, 1975, Tướng Phú nằm dưới chân một ngọn núi, trên cái giường bố không nệm, không chăn, tại bộ Chỉ huy của một Tiểu đoàn Địa phương quân Ninh Thuận, phòng thủ căn cứ Không quân Phan Rang.

Đêm nay cũng là một đêm hỗn loạn, cướp bóc xảy ra tại các thành phố Phan Rang, Cam Ranh, Nha Trang.

Cố gắng cuối cùng của Trung tướng Lê Nguyên Khang, tìm kiếm quân tăng viện cho Lữ đoàn 3 Nhảy dù tại mặt trận Khánh Dương coi như thất bại, và đã quá muộn. Lính vô kỷ luật đã chặn đường, định không cho trực thăng ông cất cánh tại Cam Ranh!

Ngày cuối cùng kết thúc cuộc đời binh nghiệp của Tướng Phạm Văn Phú: 2 tháng 4, 1975! Bộ Tư lệnh Quân đoàn II lần lượt "tan hàng" tại Pleiku, Nha Trang.

1 giờ 45 trưa ngày 2 tháng 4, 1975, trên ngọn đồi "Lầu ông Hoàng" Phan Thiết, khi chờ Tướng Nguyễn Văn Hiếu, Tư lệnh phó Quân đoàn III, tới nhận bàn giao phần lãnh thổ còn lại của Quân đoàn II được sát nhập vào Quân đoàn III. Bộ tham mưu cuối cùng của Quân đoàn II và Chiến trường

Cao nguyên vốn vẹn có 5 người. Đó là Tướng Phú, Đại tá Đức, Thiếu tá Vinh, Thiếu tá Hóa và tôi.

Tướng Phú trông thật già nua, mệt mỏi. Ông đứng đó, nhưng như một cái xác không hồn. Với sự kính trọng đặc biệt, và quý mến Tướng Phú, tôi ao ước ông sẽ "làm một cái gì" sau cùng cho Đất Nước. Biết đâu cái "quyết định phi thường" ấy sẽ thay đổi được phần nào của tình thế, và tên tuổi ông còn mãi trong quân sử ?

2 giờ 12 phút, Thiếu tá Hóa tới trình Tướng Phú, trực thăng của Tướng Hiếu tới nhận bàn giao sắp đáp xuống.

Tự nhiên tôi thấy đôi mắt Tướng Phú như muốn tóe lửa. Và sau khi Hóa vừa quay gót, Tướng Phú vút điều thuốc đang cầm trên tay xuống đất. Rất nhanh, ông rút khẩu súng ngắn nòng ra khỏi vỏ. Cái "quyết định phi thường" sắp đến ? Đứng sát cạnh Tướng Phú, tôi nhắm mắt lại, sung sướng... chờ đợi. Với sự kính trọng và hãnh diện, tôi thầm mong được ôm lấy xác Tướng Phú khi ông gục xuống. Và tôi cũng chấp nhận những viên đạn có thể bắn trệch sang tôi!

Nhưng một tiếng hét thất thanh của Đại tá Đức: "Thiếu Tướng". Khẩu súng trên tay Tướng Phú bị gạt bắn xuống đất. Sự việc này xảy ra thật bất ngờ. Vì nhắm mắt, tôi đã không được chứng kiến cái giây phút hồi hộp, gay cấn này. Tôi cũng không hiểu tại sao cái động tác bóp cò súng của Tướng Phú lại chậm hơn động tác gạt khẩu súng xuống đất của Đại tá Đức ? Tuy nhiên, tôi hiểu được rằng sự sống và chết của con người ta là quyền của Thượng Đế. Và, tự tử là một hành động can đảm, phi thường.

Tướng Phú không chết ngày 2 tháng 4, 1975 trên đồi "Lầu ông Hoàng", Phan Thiết, nhưng ông đã tự tử chết tại Sài Gòn trưa 30 tháng 4, 1975, sau khi nghe Tướng Dương Văn Minh đầu hàng Cộng sản.

"ÔNG ĐẠI TƯỚNG"

Cuối năm 1960, sau "cú" đảo chánh hụt của Trung tá Vương Văn Đông, Đại tá Cao Văn Viên về chỉ huy đoàn quân Mũ Đỏ.

Truyền thống của Nhảy dù, nếu sĩ quan chuyển về binh chủng này không bắt đầu từ cấp Trung đội trưởng, sẽ rất khó chỉ huy, vì không được cấp dưới kính phục. Trường hợp của Tướng Cao Văn Viên thật đặc biệt. Ông mang lon Đại tá về chỉ huy đơn vị vũ bão hàng đầu của Quân đội khi mới vừa đeo cánh dù trên ngực áo (!) Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, với sự can đảm, đức độ của Tướng Viên, ông được toàn thể các cấp của binh chủng Nhảy dù kính phục. Ông đã trở thành vị Tư lệnh đầu tiên của Sư đoàn Nhảy dù sau khi bị thương, và lên Tướng ngoài chiến trường trong một trận đánh lớn tại Vùng IV Chiến thuật.

Khi Tướng Viên rời Sư đoàn Dù đi làm Tư lệnh Quân đoàn III, ông là một trong những quân nhân Mũ Đỏ có nhiều "saut" nhảy điều khiển nhất, kể từ khi binh chủng được thành lập.

Thời gian Tướng Viên về chỉ huy đoàn quân Mũ Đỏ cũng là thời gian

tôi đi học nhảy dù, để trở thành Phóng viên Chiến tranh Nhảy dù của Quân đội.

Tôi đi học nhảy dù để dễ đi hành quân, và "hành nghề" với các đơn vị Nhảy dù, Thủy quân Lục chiến, Lực lượng Đặc biệt..., và bớt đi cái mặc cảm mình là lính "kiếng", lính thành phố. Nói ra hơi ngượng, nhưng sự thật những "saut" dù tự động tôi nhảy trong 15 năm không bằng người nữ anh hùng Võ Thị Vui trong đoàn quân Mũ Đỏ, nhảy điều khiển bồi dưỡng vài tuần lễ.

Tôi có một kỷ niệm khá đặc biệt với Tướng Viên. Ngày đầu tiên của trận Hạ Lào 1971, tôi có mặt tại bộ Tư lệnh Hành quân của Quân đoàn I và Sư đoàn Nhảy dù đóng ở Khe Sanh.

Hôm ấy tôi mặc đồ Nhảy dù, và đội mũ xanh Lực lượng Đặc biệt. Tôi gặp cả hai Tướng Nhảy dù thật (còn tôi là Nhảy dù... giả!), Đại tướng Viên và Trung tướng Dư Quốc Đống, Tư lệnh Sư đoàn Nhảy dù.

Tướng Viên thấy tôi hỏi ngay, và là một câu hỏi có nhiều nghĩa:

- Tại sao lúc anh "xanh", lúc anh "đỏ" ? Xanh hay đỏ, anh phải rõ ràng chứ!

Tôi trả lời:

- Thưa Đại tướng, Lực lượng Đặc biệt mới bị giải tán, hôm nay tôi đội mũ xanh một lần chót... để kỷ niệm.

Tướng Viên không nói gì thêm.

Tôi yên chí thế nào cũng bị 30 ngày phạt. Sau đó, vì lý do nghề nghiệp, tôi bắt buộc phải đụng với ông một lần nữa. Từ Đông Hà về Sài Gòn, tôi đã "ngoại giao" với người Phi công trưởng phi hành đoàn, đi trên C47 dành riêng của Đại tướng Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Tôi ngồi ở một hàng ghế dưới cùng, lẫn trong nhóm anh em quân nhân đi theo Tướng Viên.

Bay từ Đông Hà về, khoảng hơn 1 giờ sau, tôi ngạc nhiên khi Đại tướng Viên xuống ngồi bên cạnh. Ông "tâm sự" đủ cho tôi hiểu tại sao có dư luận nói ông chán nản, và xin từ chức nhiều lần ? Đó là vì những tai tiếng về một số chức vụ bổ nhiệm không theo tổ chức và hệ thống chỉ huy của Quân đội mà qua những "trung tâm quyền lực" khác nhau. Ông nói:

- Tôi đã yêu cầu Tổng thống Thiệu cho điều tra những tai tiếng của "mụ vợ" tôi. Tôi chịu trách nhiệm về những chức vụ do tôi bổ nhiệm!!

Hồi đó, tôi không thắc mắc. Nhưng với những sự việc xảy ra trong những ngày chót của Chiến trường Cao nguyên, tôi lại muốn được hỏi Đại tướng Viên về việc bổ nhiệm hai chức vụ rất quan trọng trong Quân đội. Đó là chức vụ Tham mưu trưởng Liên quân Quân lực Việt Nam Cộng Hòa do Trung tướng Đồng Văn Khuyên đảm nhiệm, và chức vụ Cục trưởng Cục Tâm lý chiến ?

Cục Tâm lý chiến nơi tập trung mọi hoạt động về báo chí, phát thanh, truyền hình, điện ảnh, ấn họa, chiến tranh tâm lý hành quân v.v... Vị Cục trưởng Tâm lý chiến cuối cùng là thi sĩ Cao Tiêu, một nhà thơ nổi tiếng, và cũng là một "chuyên viên" viết diễn văn cho các ông Tướng Tổng Tham mưu trưởng, ngay từ hồi còn Thống tướng Lê Văn Ty.

Tuy nhiên, ông không thuộc ngành Chiến tranh Chính trị. Khi ông mang lon Trung tá, và được bổ nhiệm về chỉ huy cục này, Trung tướng Trần Văn Trung, Tổng Cục trưởng, Phụ tá Đại tướng Viên về chiến tranh chính trị, không được hỏi ý kiến.

Ba vị Đại tá Tổng cục phó và Phụ tá của Trung tướng Trung với 10, 15 năm kinh nghiệm chuyên môn trong ngành chiến tranh chính trị, cũng không có cơ hội được đề nghị để lựa chọn!!

25 ngày cuối cùng, rút quân và đẫm máu trên Chiến trường Cao nguyên, vị Cục trưởng Tâm lý chiến khả kính vẫn tiếp tục ở Sài Gòn làm

thơ, và "cho" giấy "bạn bè" in sách!!!

Không có bất cứ một hoạt động Chiến tranh Tâm lý Hành quân nào yểm trợ cho chiến trường như thời Trung tá Nguyễn Văn Châu trước 1963, và Đại tá Vũ Quang tiếp đó.

Hỏi như vậy, nhưng tôi tin rằng Tướng Viên không bổ nhiệm hai chức vụ này.

Có thể, Trung tướng Đồng Văn Khuyên và Đại tá Hoàng Ngọc Tiêu đã được bổ nhiệm qua "đường giây" của một "trung tâm quyền lực" khác! Bà Thủ tướng Khiêm ? Bà Tổng thống Thiệu ? Hay... "Chị Tư" ?

"Chị Tư" là biệt danh của bà Tướng Viên, phu nhân của Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa!!!

VI

NHỮNG ANH HÙNG CỦA QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

NHỮNG ANH HÙNG

"Tôi là một cô gái 21 tuổi, người Công Giáo. Tôi có người anh cấp bậc Chuẩn úy, tử trận ở Kontum cách đây ba tháng. Bức thư cuối cùng, anh tôi viết... ông là một anh hùng. Một anh hùng đúng như sự mơ tưởng của tôi. Và đã từ lâu, tôi mong ước được nằm trong tay một người anh hùng. Nếu ông muốn, khi nào về Sài Gòn gặp tôi, ở địa chỉ..."

Tuần lễ đầu tiên lên Pleiku, giữa tháng 11, 1974, trong chồng thư gửi cho Tư lệnh Quân đoàn II, tôi đã đọc một bức thư có đoạn viết trên. Bức thư ngoài phong bì đề một hàng chữ: *Gửi Ông Tướng Quân Đoàn II*".

Tôi biết đây không phải là thư của Tướng Phú, nên không trình ông. Và tôi đã đọc đi, đọc lại bức thư khoảng 10 lần, rồi quyết định xé bỏ. Tôi không hiểu tại sao tôi đã làm như vậy ? Dù biết rằng mình không có trách nhiệm phải chuyển lá thư này. Vì biết chuyển cho ai ?

"Ông Tướng anh hùng" của cô gái có thể cũng chính là vị Tướng mà cụ Trần Văn Hương, Phó Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa đã viết thư khen ngợi, và bày tỏ sự ngưỡng mộ đặc biệt.

Có lần, cụ nói với nhóm Phóng viên Quân đội chúng tôi:

- Trong giai đoạn khó khăn hiện tại, Đất Nước cần có những Tướng lãnh can đảm, anh hùng như vậy!

Trong trận chiến sau cùng, những tuần lễ đầu khi Cộng sản Bắc Việt chiếm Ban Mê Thuột, và sau đó Quân đoàn I và II mất. Người ta hy vọng sẽ có một vài Tướng lãnh chỉ huy, có trách nhiệm để "làm một cái gì" xoay đổi lại tình thế, để cho toàn quân, toàn dân noi gương, kiên trì chiến đấu, bảo vệ những phần đất còn lại của quê hương.

Nhưng, chuyện đó đã không xảy ra!

Có rất nhiều người đã tiếc rằng, nếu các Tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vỹ chỉ huy những đại đơn vị của Quân đoàn I và Quân đoàn II, chắc chắn chúng ta đã có... những anh hùng!

Sự thật thì trong trận chiến mất nước sau cùng, chúng ta có rất nhiều anh hùng. Đó là những phi công phản lực đã bất chấp mọi nguy hiểm, lao xuống "đánh" chiến xa, đại bác của địch, hay yểm trợ cứu quân bạn dưới đất, để rồi bốc cháy, gãy cánh trên khắp các mặt trận Ban Mê Thuột, Pleiku, Khánh Dương, Phú Yên, Phan Rang, Long Khánh...

Những anh hùng trong đoàn quân Mũ Đỏ, Biệt động quân, Thủy quân Lục chiến, các Sư đoàn Bộ binh, Thiết giáp, Lôi hổ, Công binh Chiến đấu, Địa phương quân... đã chiến đấu anh dũng và hy sinh thầm lặng trên các chiến trường Quân khu I và Quân khu II, trước ngày 1 tháng 4, 1975. Chỉ tiếc rằng họ là những quân nhân cấp nhỏ, nên sự hy sinh không có tiếng vang to lớn, đúng với sự đòi hỏi, và đáp ứng được tình thế.

Có một hy sinh của người anh hùng, một đại anh hùng, sáng ngày 1 tháng 4, 1975 cũng bị rơi vào quên lãng. Và cũng là một thiệt thòi lớn lao cho Đất Nước! Đó là trường hợp Đại tá Nguyễn Hữu Thông, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 42, Sư đoàn 22 Bộ binh.

Tôi có thể quả quyết nói rằng, trong 20 năm sau cùng của chiến tranh Việt Nam, không một Tướng lĩnh nào khi chỉ huy cấp Trung đoàn và Lữ đoàn, đã tạo dựng được những chiến công to lớn như người anh hùng Nguyễn Hữu Thông. Những tướng Cộng sản Bắc Việt chỉ huy Sư đoàn 320 Điện Biên Phủ, Sư đoàn 3 Sao Vàng trong những năm 1973, 1974, 1975, cho đến bây giờ, và mãi mãi sẽ phải cúi mặt khi nhớ đến những thảm bại nhục nhã. Những thảm bại bởi Trung đoàn 42 Bộ binh do Đại tá Nguyễn Hữu Thông chỉ huy tại Pleime, Đèo Nhông, và "những ngọn đồi vô danh", cao điểm chiến lược 82 và 174 tại tây, tây nam Hoài Nhơn, Bình Định.

"Nhân vật và hình ảnh" Nguyễn Hữu Thông, sau khi đưa những "chiến hữu anh em còn lại" về vùng an toàn, đã một mình lững thững... trở lại con đường cũ, về phía "những ngọn đồi vô danh"... thật phi thường, thật hào hùng! Hình ảnh này còn vĩ đại, và "đẹp" hơn nhân vật Kiều Phong trong truyện kiếm hiệp của Kim Dung!

Ngày 1 tháng 4, 1975, nếu người anh hùng Nguyễn Hữu Thông là Thiếu tướng Nguyễn Hữu Thông, chắc chắn cái chết của ông sẽ tạo thành một trận cuồng phong. "Trận cuồng phong" từ vùng đất linh thiêng của Quang Trung Đại Đế sẽ làm quân thù khiếp sợ. Và gây được sự tin tưởng, phấn khởi cho toàn quân, toàn dân trong những ngày cuối cùng!

Hai năm trước đây, tôi có dịp hầu chuyện với một vị tiền bối cùng thời với Hồ Chí Minh. Tôi có thưa với cụ về tài ba, anh hùng của những sĩ quan các khóa 16, 17, 18 Đà Lạt. Họ được huấn luyện bốn năm cả về quân sự lẫn văn hóa như tại các trường Võ bị của Mỹ, Anh, Pháp.

Trong trận chiến sau cùng, các sĩ quan này giữ những chức vụ Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng... đa số đều tự tử chết, hoặc ở lại chiến đấu với chiến hữu của mình cho đến phút cuối cùng. Như các Đại tá Nguyễn Xuân Phúc, Thủy quân Lục chiến ngoài Vùng I, Nguyễn Hữu Thông, Lê

Cầu tại mặt trận Bình Định, Bùi Quyền, Lữ đoàn 3 Nhảy dù...

Nếu Hiệp định Paris 27 tháng 1, 1973 được ký kết trễ hơn khoảng 2 năm nữa, miền Nam không bao giờ mất vào tay Cộng sản. Bởi vì, Đất Nước và Quân đội sẽ được lãnh đạo và chỉ huy bởi những Tướng lĩnh anh hùng, có khả năng cả về quân sự lẫn văn hóa, với đầy đủ "TRÍ, ĐỨC, DŨNG". Vị tiền bối thờ dài nói:

- Đó là chuyện thật đáng tiếc, và cũng là vận nước đã hết!! Khi cố Tổng thống Ngô Đình Diệm nhìn thấy cái "chu kỳ quân nhân cầm quyền" tại Việt Nam, tại những quốc gia chậm tiến có chiến tranh, và trong "tay" của Mỹ, ông đã bổ nhiệm một người có gần đầy đủ những đức tính đó về "dạy" trường Võ bị Đà Lạt. Nhưng ông Diệm đã để trễ mất một năm nên "người đó" chỉ đào tạo được những "De Gaulle, Eisenhower cấp... Đại tá" cho Việt Nam!!

Nghe lời vị tiền bối, tôi đã nhớ lại một vài sự việc đã xảy ra cách đây hơn 20 năm. Năm 1965, Tướng Moshe Dayan của Do Thái, với tư cách một chuyên gia quân sự, và sang "hành nghề" Phóng viên Chiến tranh tại Việt Nam. Trong một cuộc gặp gỡ thân mật với nhóm Phóng viên Quân đội, ông cho biết tinh thần chiến đấu dũng cảm của những chiến sĩ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa rất đáng ca ngợi. Những sĩ quan cấp Đại đội trưởng, Tiểu đoàn trưởng đều là những anh hùng. "Chắc chắn họ sẽ là những nhà lãnh đạo, những Tướng lĩnh tài ba của Việt Nam trong tương lai!"

Một sự việc khác liên quan đến một cấp chỉ huy, và cũng là người có công rất lớn trong việc đào tạo lớp cán bộ trẻ trong Quân đội, kể từ đầu thập niên 1960, đồng thời nói lên cái "cao ngạo anh hùng" của người sĩ quan này, đó là trường hợp Đại tá Trần Ngọc Huyền, cựu Chỉ huy trưởng trường Võ bị Đà Lạt.

Thời Tướng Nguyễn Khánh là Quốc Trưởng, ông đã cải lệnh Tướng Khánh, bỏ chức Thứ trưởng Thông Tin, bỏ lên Tướng, bỏ Sài Gòn, bỏ... người yêu (!), mang lon Đại tá, đi hành quân cùng với một Tiểu đoàn Bộ binh, Sư đoàn 22 tại Dakto, Kontum.

Trong gần 30 năm trường Võ bị Quốc gia Việt Nam được thành lập, Đại tá Trần Ngọc Huyền cũng là một Sĩ quan Trừ bị duy nhất, tốt nghiệp trường Sĩ quan Thủ Đức, được đề cử chỉ huy trưởng này.

Và với tài ba, kiến thức sâu rộng, ông đã cho áp dụng đúng theo những phương châm "Tự thắng để Chỉ huy", "Chỉ huy và Lãnh đạo" để huấn luyện, đào tạo những sĩ quan ưu tú và anh hùng của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, trong gần hai thập niên sau cùng của chiến tranh Việt Nam.

NHỮNG GIÒNG CHỮ CUỐI

Tôi đã viết ra tất cả những bí mật, những cái lệnh của các Tướng lãnh, lãnh đạo Đất Nước và Quân đội, và mọi diễn biến xảy ra trong "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên tháng 3, 1975", đưa đến sự sụp đổ tinh thần, làm tan rã Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, và mất nước sau đó. Những tiết lộ trong cuốn sách này, ngoài đoạn viết về "Quyết định Cam Ranh 14 tháng 3" của năm Tướng Thiệu, Khiêm, Viên, Quang, Phú, tất cả đều là sự thật và có chứng tích.

Về "Quyết định Cam Ranh 14 tháng 3", tôi đã viết đi viết lại nhiều lần, và đây là lần tôi ưng ý nhất. Tôi có mặt tại "toà Bạch Dinh" Cam Ranh sáng ngày 14 tháng 3, 1975, nhưng tôi không được tham dự buổi họp này. Tôi viết bằng những tiết lộ của Tướng Phú, bằng những diễn biến sau đó của cuộc rút quân, bằng sự suy diễn của một nhà báo đã nghiên cứu về Chiến trường Cao nguyên, và hiểu biết một phần nào "cuộc đời chính trị và quân sự" của các Tướng lãnh hiện diện trong phiên họp.

Giữa năm 1986, trước khi hoàn thành cuốn sách, với mong ước tập tài liệu đặc biệt này có một giá trị tuyệt đối, tôi đã bỏ ra một tháng trời trở

lại miền đông Hoa Kỳ, bằng mọi cố gắng xin gặp Đại tướng Cao Văn Viên, cựu Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Tôi muốn được nghe một "tiếng nói thứ hai" về "Quyết định Cam Ranh ngày 14 tháng 3, 1975", vì Đại tướng Viên là một nhân vật rất quan trọng trong cuộc họp lịch sử này.

Lúc đầu, Đại tướng Viên từ chối không tiếp tôi, vì hai lý do:

1. Đất Nước mất đã hơn 11 năm, ông không muốn nhắc lại chuyện cũ, gây nên hiểu lầm, làm buồn lòng những anh em đã chết.

2. Hiện tại, dù đã trên 60 tuổi, ông vẫn phải làm việc rất vất vả, cực khổ để sinh sống, và ít khi có mặt ở nhà.

Tuy nhiên với sự khẩn khoản yêu cầu của tôi, Đại tướng Viên đồng ý cho tôi phỏng vấn trên điện thoại.

Nhưng thật bất ngờ, sau đó không biết vì lý do gì, tôi đã gọi khoảng 30 "cú" điện thoại viễn liên mà không lần nào gặp ông. Tôi chỉ được nói chuyện rất nhiều lần với bà Đại tướng Cao Văn Viên.

Tuy vậy, tôi vẫn chưa thất vọng. Tôi tin rằng trong tương lai, có dịp được diện kiến với Tướng Viên, chắc chắn ông sẽ nói cho tôi biết những điều đúng, những điều sai về "Quyết định Cam Ranh ngày 14 tháng 3, 1975" mà tôi đã viết ra. Và nếu có những điều sai, tôi sẵn sàng viết lại... thêm một lần nữa về "Quyết định" có tính cách lịch sử này.

Tôi xin chịu trách nhiệm về những điều tôi viết trong cuốn sách. Tôi cũng sẵn sàng chấp nhận mọi sự phê phán, mọi chuyện xảy ra bất cứ từ đâu tới. Đây là việc làm tôi đã suy nghĩ trong một thời gian khá lâu, trước khi quyết định phổ biến mọi bí mật mà tôi biết về "Cuộc triệt thoái Cao Nguyên", và những ngày cuối cùng trên chiến trường Quân đoàn II.

Trong cái nhục của một người quân nhân bại trận, hèn nhát trốn chạy sang đây, tôi đã muốn quên đi tất cả. Nhưng, những hình ảnh của trận

chiến sau cùng luôn luôn chồn vờn, ẩn hiện trước mắt tôi. Tôi rất đau đớn và vô cùng phần nộ khi phải nghe, phải đọc, hoặc ai nhắc đến câu: "Tan hàng bỏ chạy, Chưa đánh đã chạy, v.v..." Đó là một sỉ nhục chung cho cả tập thể Quân lực Việt Nam Cộng Hòa!

Điều đó không đúng. Xin hãy kết tội, phê phán những sai lầm của các Tướng lãnh, các cấp chỉ huy lãnh đạo Đất Nước, chỉ huy Quân đội, và kết tội tôi đã làm mất nước, đã thua trận, đã hèn nhát.

Nhưng hãy để yên cho những người đã chiến đấu và đã chết trong trận chiến sau cùng được yên nghỉ.

Sau khi Phước Long mất, mặt trận Ban Mê Thuột bùng nổ đầu tiên, ngày 10 tháng 3, 1975, trong trận đánh quyết định sau cùng, tinh thần chiến đấu của các đơn vị Quân lực Việt Nam Cộng Hòa như thế nào, những trang sách trên đã ghi lại mọi diễn biến, và từng ngày, từng giờ xảy ra.

Khi Cộng sản Bắc Việt tấn công Ban Mê Thuột, các đơn vị Chủ lực của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa tại thị xã này gồm Trung đoàn 53 Bộ binh, Liên đoàn 21 Biệt động quân, các đơn vị Pháo binh 105 ly, và Thiết vận xa M113. Trong 7 ngày chiến đấu, gần như 100% lực lượng của Trung đoàn 53 Bộ binh, và các đơn vị Pháo binh, Thiết vận xa bị thiệt hại. Liên đoàn 21 Biệt động quân bị tổn thất khoảng 80% quân số.

Các anh hùng phi công của Không quân Việt Nam đã chiến đấu gan dạ phi thường, để yểm trợ cho những cánh quân bạn dưới đất, và đánh những chiến xa, những dàn đại pháo của địch. Họ bị phòng không Cộng sản Bắc Việt bắn hạ hầu như mỗi ngày. Có ngày 3 phản lực cơ A37 và 1 trực thăng vũ trang bị bắn cháy, bị nổ tung như ngày 13 tháng 3, 1975.

17 ngày sau cùng trên chiến trường Quân khu II, kể từ ngày 17 tháng 3, 1975, song song với cuộc rút quân, các mặt trận Phước An, Khánh Dương, Bình Định, đều đồng loạt bùng nổ.

Tại khắp các mặt trận, Cộng sản Bắc Việt với một lực lượng quân chính qui đông hơn gấp từ 5 đến 10 lần, có chiến xa, đại pháo yểm trợ, do đó, chúng đã làm chủ tình hình ngay từ phút đầu. Tuy nhiên, các đơn vị Chủ lực còn lại của Quân đoàn II, và Lữ đoàn 3 Nhảy dù chỉ buông súng khi bị tràn ngập, hoặc đã bị thiệt hại 70% quân số, và không còn được tiếp tế đạn dược, không còn liên lạc được với Quân đoàn.

Trước ngày 30 tháng 3, 1975, hai Trung đoàn 44 và 45 của Sư đoàn 23 Bộ binh tại mặt trận Phước An, và Trung đoàn 40 của Sư đoàn 22 Bộ binh tăng cường cho mặt trận Khánh Dương đã bị tràn ngập nhiều lần, và bị thiệt hại gần 80% quân số.

Ngày 31 tháng 3, 1975, các Trung đoàn 41, 42 và 47 của Sư đoàn 22 Bộ binh tại các mặt trận Quốc lộ 19, và bắc Bình Định, sau khi bị thiệt hại ở chiến trường, và trên 30 cây số đường máu rút quân, xuống tàu tại Qui Nhơn được khoảng trên 1000 người. Bị thiệt hại trên 70%.

Lữ đoàn 3 Nhảy dù tăng phái cho mặt trận Khánh Dương, buông súng trưa ngày 1 tháng 4, 1975, sau khi vỡ tuyến, bị tràn ngập và không còn được tiếp tế, liên lạc được với Quân đoàn II. Lữ đoàn 3 Nhảy dù bị tổn thất 70% lực lượng.

Đó là thực trạng và tinh thần chiến đấu của các đơn vị Chủ lực Quân đoàn II, và Lữ đoàn 3 Nhảy dù trong những ngày sau cùng trên Chiến trường Cao nguyên.

Pleiku, Kontum, Nha Trang: Chưa đánh đã bỏ chạy! Đúng!

Cuộc rút bỏ Pleiku, Kontum năm 1975 là một sai lầm nghiêm trọng, một thiệt hại lớn lao nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam.

Tất cả Lực lượng Chiến xa M48, M41 và Pháo binh nặng, đại bác 175 ly, 155 ly của Quân đoàn bị hủy diệt. Gần 20 ngàn quân tinh nhuệ bị "thảm sát"!

7 Liên đoàn Biệt động quân, Lữ đoàn II Thiết kỵ, Liên đoàn 6 Công binh Chiến đấu, các đơn vị Lôi hổ, Thám kích... bị thiệt hại từ 70% đến 80%. Tôi dùng chữ "thảm sát" ở đây, vì hầu hết bị chết bởi pháo của Cộng sản Bắc Việt, bom do Không quân thả trúng, mìn bẫy của Đồng minh và quân ta gài từ trước trên Tỉnh lộ 7.

Đó là một quyết định sai lầm về chiến lược. Tập đoàn Tướng lãnh lãnh đạo Đất Nước và Quân đội phải chịu trách nhiệm trước lịch sử về quyết định rút bỏ Cao nguyên 1975, đưa đến sự sụp đổ, tan rã Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, và mất nước.

Tổ chức và hệ thống chỉ huy tồi tệ của cuộc rút quân không phối hợp, vô trách nhiệm, vô kỷ luật, đó là trách nhiệm của các Tướng lãnh bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, các Tướng và bộ Tham mưu Quân đoàn II. (Tôi cũng là một sĩ quan của bộ Tham mưu Quân đoàn II).

Còn về Nha Trang... bỏ chạy, đó là chuyện đương nhiên. Bởi vì, Bình Định, Phú Yên đã mất. Tất cả các đơn vị Chủ lực quân, Pháo binh, Thiết vận xa của Quân đoàn II, đã bị đánh tan tại hai mặt trận Phước An và Khánh Dương. Tuyến cuối cùng của Lữ đoàn 3 Nhảy dù trên Đèo M'Drak đã bị vỡ, bị tràn ngập. Kể từ trưa ngày 1 tháng 4, 1975, Nha Trang chỉ còn được phòng thủ bởi các Lực lượng Không quân, Hải quân và các tân binh trường Hạ sĩ quan...

Cộng quân không cần đánh, Nha Trang cũng mất!

12 năm sau ngày mất nước, những kẻ chiến thắng tại Việt Nam, đã và đang xóa bỏ tất cả những gì của hai chế độ Đế Nhất và Đế Nhị Cộng Hòa Việt Nam, từ 1954 đến 1975, để viết lại lịch sử.

Họ đã cho phổ biến cuốn "Chân dung Tướng Ngụy Sài Gòn", bôi bẩn từ trên xuống dưới. Họ bóp méo, xuyên tạc, biến Quân lực Việt Nam Cộng Hòa thành một "lực lượng đánh thuê", được Mỹ trả lương, làm tay sai cho ngoại bang.

Viết lại "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975", và những ngày cuối cùng của Quân đoàn II, tôi muốn được đóng góp một phần nhỏ vào công việc mà những người khác đã làm. Đó là làm sống lại những chiến tích oai hùng, và tinh thần chiến đấu dũng cảm của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Để làm giàu thêm tài liệu cho những người viết sử sau này. Để cho những hy sinh to lớn của toàn thể quân dân miền Nam trong 21 năm chiến đấu chống Cộng giữ nước, khỏi trở thành vô nghĩa!

Tôi tin rằng Thiếu tướng Phạm Văn Phú, người đã cho tôi biết tất cả những bí mật về cuộc rút quân, hiểu được việc tôi làm, và tha thứ cho tôi khi tôi tiết lộ tất cả mọi sự thật! Tôi mắc nợ về cuốn sách viết cho ông trong cái "giao ước nho nhỏ". Nhưng tôi đã trả được phần nào công ơn to lớn của các chiến hữu anh em khác, những người đã chiến đấu và đã chết cho hơn 20 triệu đồng bào miền Nam và tôi được sống tự do trong 21 năm sau cùng!

Ngoài ra, tôi cũng ao ước và tin tưởng rằng, sau khi tập tài liệu đặc biệt này được phổ biến, những Chính khách, những Tướng lĩnh, những người nắm giữ những bí mật của Quốc gia, sẽ sáng suốt và can đảm trình bày trung thực những vấn đề quan trọng của lịch sử Việt Nam. Đó sẽ là những đóng góp quý báu để những thế hệ sau này so sánh, và nhận thức được những xuyên tạc, bóp méo lịch sử của tập đoàn lãnh đạo Cộng sản Hà Nội.

Để hoàn thành được cuốn sách này, tôi muốn được cảm ơn ba người đã tạo cơ hội, thúc đẩy tôi trở lại nghề cầm bút sau 11 năm. Đó là Phạm Bảo Quân, Trương Ngọc Phương và Phạm Minh Hà.

Cũng từ khoảng thời gian ấn hành quyển "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975", tôi đã tìm gặp phỏng vấn, thảo luận với những chính khách, và một số cấp chỉ huy Quân đội từ cuộc chiến tranh Pháp-Việt Minh, để thu thập tài liệu, hình ảnh viết cuốn "30 Năm Chiến Tranh Việt Nam 1945-1975".

Trong ấn bản đặc biệt, tái bản quyển "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975" lần này, tôi muốn được ghi nhận thêm một số dữ kiện, và tóm tắt những ý kiến, nhận định của những vị cựu Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên, những Tư lệnh mặt trận quan trọng trong trận chiến sau cùng, trước khi miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng sản.

Đa số những nhà quân sự mà tôi được gặp lại, vẫn còn giữ được phong cách và tinh thần trách nhiệm của những cấp chỉ huy ngoài chiến trường khi trước. Với những năm tháng dài trong ngục tù Cộng sản, qua những tài liệu, sách, báo của "kẻ chiến thắng", và của những biên khảo gia ngoại quốc viết về chiến tranh Việt Nam, họ đã tìm ra được nguyên nhân đưa đến sự sụp đổ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Sự tan rã mau chóng trong trận chiến 50 ngày ngắn ngủi của một đạo quân hùng mạnh nhất Đông Nam Á, đã từng chiến đấu chống Cộng sản suốt 20 năm bảo vệ tự do cho miền Nam Việt Nam.

Nguyên nhân chính đưa đến cuộc thất trận 1975 là sự khủng hoảng lãnh đạo, và những quyết định chiến lược sai lầm của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, cũng là Tổng Tư lệnh tối cao Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Sự việc ông Thiệu cho sửa hiến pháp để làm Tổng thống thêm một nhiệm kỳ nữa, thay đổi lập trường chống Cộng khi viện trợ Mỹ bị cắt giảm, thay đổi đồng loạt các Tư lệnh Quân đoàn cuối năm 1974, đã gây đổ vỡ từ thượng tầng Quốc gia, làm xáo trộn hệ thống chỉ huy, kế hoạch hành quân và phòng thủ tại các Vùng và Khu Chiến thuật.

Quyết định Cam Ranh ngày 14 tháng 3, 1975, ra lệnh triệt thoái Cao nguyên, rút quân ngoài Vùng I, đã đưa đến sự sụp đổ mau chóng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Trong vòng hai tuần lễ, 500 ngàn quân tan rã, một nửa Đất Nước rơi vào tay Cộng sản.

Lệnh "rút bỏ Huế, rồi tử thủ Huế, và lại rút bỏ Huế" của Tổng thống Thiệu trong vòng 48 tiếng đồng hồ, đã là một bản án oan nghiệt, khai tử các Sư đoàn 1 Bộ binh, Sư đoàn Thủy quân Lục chiến và nhiều đơn vị khác trên chiến trường Quân khu I.

Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Chiến trường Vùng Hòa tuyến, một vị Tướng trận mạc nổi danh, một quân nhân kỷ luật của binh chủng Nhảy dù, trong những ngày chót đã không còn tuân lệnh các ông Tướng lãnh đạo ở Sài Gòn nữa.

Tôi có dịp gặp lại Trung tướng Trưởng năm 1990 hỏi lại về sự việc này ? Tướng Trưởng đã thật xúc động, đau đớn khi nghĩ về những chiến hữu của mình trong trận chiến tan hàng, tồi tệ. Ông nhận lãnh trách nhiệm. Và ông trả lời:

- "Khi mọi người không còn tin tưởng vào thượng cấp của mình nữa, thì sự thất bại, đổ vỡ đương nhiên phải xảy ra!"

Đại tướng Nguyễn Khánh, Trung tướng Vĩnh Lộc, những cựu Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên đều nhận định rằng quyết định rút bỏ Cao nguyên là một lỗi lầm to lớn, tai hại. Tướng Khánh cho biết Tướng Phú là một cấp chỉ huy giỏi, nhưng ông ta đã được giao phó cho một nhiệm vụ quá nặng nề, quá với khả năng. Tướng Vĩnh Lộc thì ước muốn được tham gia vào quyết định này để thay vì rút bỏ Cao nguyên, sẽ thực hiện kế hoạch hành quân tái chiếm Ban Mê Thuột trong 48 giờ (?) Những Tư lệnh mặt trận, những cấp chỉ huy khác cũng đã ao ước, nếu năm 1975 Quân lực Việt Nam Cộng Hòa có một vị Tổng Tư lệnh Quân đội tài giỏi, thì trận chiến

sau cùng tại Cao nguyên, và giữa hai miền Nam-Bắc đã không kết thúc một cách thảm hại, tồi tệ như vậy. Vị Tổng Tư lệnh Quân đội kiêm Tư lệnh Chiến trường này phải có tầm vóc, kích thước như các Tướng DeLattre, Westmoreland, Abrams trước đó, trong chiến tranh Việt Nam.

Tên tuổi những nhà quân sự, những vị Tướng lớn của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa được nhắc đến nhiều nhất trong chức vụ này là cố Đại tướng Đỗ Cao Trí, Đại tướng Nguyễn Khánh, và Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu. Chỉ tiếc rằng cả hai Tướng Nguyễn Khánh và Nguyễn Văn Thiệu đều đã lựa chọn, phiêu lưu vào lãnh vực chính trị... sở đoán của mình. Biết đâu một lúc nào đó ở cuối đời, sống lang thang như những người lính bại trận khác, họ sẽ chẳng hối hận về lựa chọn này ?

Quyết định triệt thoái Cao nguyên 1975 là một quyết định chiến lược sai lầm, làm tan rã Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, và gây những thiệt hại lớn lao nhất trong chiến tranh Việt Nam. Tướng Phạm Văn Phú, người trực tiếp thi hành quyết định này đã tự kết thúc đời mình để nhận lãnh trách nhiệm. Cái chết của ông nói lên khí phách của một người làm Tướng như biên khảo gia Nguyễn Đông Thành viết: "Người thất bại anh hùng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên 1975, tự giết để được chết với lương tâm thanh thản, để giữ tiết tháo và tinh thần trách nhiệm của một Tướng lãnh".

PHỤ CHÚ ĐẶC BIỆT

Tôi rời Phú Quốc, Việt Nam buổi trưa ngày 30 tháng 4, 1975. Như tất cả các nghệ sĩ đài "Mẹ Việt Nam", một số nhà văn, nhà báo khác được bốc đi vào giờ phút chót. Chúng tôi lên chiếc tàu buôn American Challenger với một bộ quần áo đang mặc trên người và chiếc sách tay nhỏ. Hai cuốn sổ tay nhật ký hành quân gần 500 trang, ghi lại mọi diễn biến những ngày cuối cùng của chiến tranh Việt Nam, là "di sản" duy nhất tôi mang theo được.

Đã 12 năm trong cuộc sống vô nghĩa ở đây, dù lang thang hết nơi này qua nơi khác, nhưng không bao giờ hai cuốn sổ tay nhật ký hành quân này rời xa tôi. Quyển "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975" được viết bằng những chứng tích sống thực mà tôi ghi nhận từng giờ, từng phút của 25 ngày sau cùng trên Chiến trường Cao nguyên và Quân đoàn II.

Sau đây là phóng ảnh một số trang nhật ký hành quân từ ngày 9 tháng 3, 1975 đến ngày 2 tháng 4, 1975.

PHẠM HUẤN

16-3 - Ban chấp hành (BCH)
 - Ban chấp hành (BCH) 12/23
 12/23/23

15-3 - 12/23/23

13-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

12-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

11-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

9-3 (Ban chấp hành) - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

→ 04/23/23
 CS Tân dân BMT

- Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

13-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

12-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

11-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

10-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

9-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

8-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

7-3 - Ban chấp hành (BCH) 12/23/23
 Ban chấp hành (BCH) 12/23/23

Ngày 18/3/54 → 18h - Trại rừng (8h45)
 19h - Lều chơ ở 2h
 19h - Trại rừng chơ 1h45 Lều chơ 1h45

18h - Trại rừng (8h45)
 19h - Lều chơ ở 2h
 21-3

20-3

19-3

Một chiếc thuyền bị vỡ

18-3

18h - Trại rừng (8h45)
 19h - Lều chơ ở 2h
 21-3

18h - Trại rừng (8h45)
 19h - Lều chơ ở 2h
 21-3

18h - Trại rừng (8h45)
 19h - Lều chơ ở 2h
 21-3

* Trại rừng (8h45)
 19h - Lều chơ ở 2h
 21-3

Đi vào rừng tìm kiếm
 19h - Lều chơ ở 2h
 21-3

18h - Trại rừng (8h45)
 19h - Lều chơ ở 2h
 21-3

18/3
 18h - Trại rừng (8h45)
 19h - Lều chơ ở 2h
 21-3

18h - Trại rừng (8h45)
 19h - Lều chơ ở 2h
 21-3

18h - Trại rừng (8h45)
 19h - Lều chơ ở 2h
 21-3

BẬT

Trong buổi họp mặt Giáng Sinh 1986, Phạm Huấn trao cho tôi bản thảo cuốn sách "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975", muốn tôi đọc và góp một vài ý kiến. Tối về nhà, tôi mở cuốn sách, định đọc vài chục trang nhưng sau đó, tôi đã đọc không ngừng, và đọc hết luôn hơn 300 trang chữ viết trong suốt đêm hôm đó.

Mỗi dòng chữ nguệch ngoạc của Phạm Huấn là mỗi giòng máu sôi bỏng của hàng trăm, hàng ngàn chiến sĩ anh em của tôi đã chết vô danh, chết tức tưởi, và uất nghẹn trên lộ trình "tự sát" có tên là Liên-Tĩnh-Lộ-7.

Trong suốt 30 năm chiến tranh và 11 năm sau ngày mất nước, đây là cuốn sách đầu tiên đã nói lên được cái thân phận vừa đau thương, vừa hào hùng của người lính Cộng Hòa thấp cổ bé họng, đã mô tả được những uất nghẹn của người sĩ quan Việt Nam nhìn thấy thảm cảnh Quân đội tan hoang mà bó tay chịu chết, và cũng đã phơi bày được cái hậu trường tàn nhẫn, hèn nhát, và bất nhân của nhóm người lãnh đạo Quốc gia và chỉ huy Quân đội.

- Một ông Tướng bị thương nhẹ đã òa lên khóc khi vị Tư lệnh Quân đoàn tới thăm.

- Một ông Tướng khác giả vờ ngất xỉu, trốn nằm trên chiếc tàu Hải quân mà vẫn báo cáo đang bay chỉ huy chiến địa. Ông Tướng này hiện đang ở Mỹ.

- Ba ông Tướng cao cấp khác, có mặt tại hội nghị Cam Ranh cùng với ông Thiệu, đã hoàn toàn im lặng, không góp bàn gì về cái quyết định giết người của ông Thiệu cả.

Trong khi đó, bên cạnh cái hèn nhát và vô trách nhiệm của những người lãnh đạo và chỉ huy cao cấp, Phạm Huấn ghi nhận được hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn chiến sĩ anh hùng và tài ba của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

- Một binh Nhì xạ thủ súng cối 81 Nguyễn Văn Bảy, và hàng ngàn "dũng sĩ" khác của Trung đoàn 53 Bộ binh tại mặt trận phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột. Đơn vị đã chiến đấu 7 ngày 7 đêm không tiếp tế, không tản thương, và chiến đấu cho đến những người lính cuối cùng...

- Một binh Nhất Mai Hồng Bướm "người Trung đội trưởng anh hùng" của Sư đoàn 22 Bộ binh ngoài chiến trường Bình Định.

- Những phi công phản lực A37 trong những phi vụ cảm tử để giải cứu đoàn quân, đoàn xe triệt thoái và các cánh quân bạn dưới đất, để rồi gầy cánh, nổ tung trên các mặt trận Ban Mê Thuột, Quảng Đức, Pleiku, Phú Bổn, Phú Yên, Khánh Dương...

- Những cấp chỉ huy tài ba anh hùng của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã ở lại với các chiến hữu của mình trong trận chiến sau cùng như các Đại tá Nguyễn Hữu Thông, Lê Cầu, Nguyễn Thiệu, Võ Ân, Bùi Quyền... của các Sư đoàn 22, 23 Bộ binh và Lữ đoàn 3 Nhảy dù.

Tôi cảm ơn Phạm Huấn đã nói lên được giùm tôi những tâm sự u uất

mà vì nhiều lý do tế nhị, tôi đã phải chất chứa trong lòng. Tâm sự này, chắc hẳn không phải của riêng Phạm Huấn, hay của riêng tôi, mà là của hầu hết các sĩ quan cấp nhỏ, muốn góp phần tạo dựng một hệ thống chỉ huy quân đội trong sạch và xứng đáng, nhưng đã bị bó tay hoặc đã trở nên im lặng đồng lõa.

Cái can đảm của Phạm Huấn không phải chỉ ở những chuyến bay "suýt chết", mà là cái thái độ thành khẩn, tự phê, đã công khai nói thẳng ra sự hèn nhát của chính mình và những xấu xa của một số Tướng lãnh thân tình nhất của Huấn. Trong giới sĩ phu Quốc gia cận đại, chỉ có hai người dám công khai nhận là mình hèn. Người thứ nhất là Phạm Duy, một nghệ sĩ dân sự, người đã hát: "Để lại cho em, hèn kém của anh". Người thứ nhì là Phạm Huấn, một nhà báo quân đội. Đó là cái liêm sỉ đòi hỏi tối thiểu ở một kẻ sĩ trong bất cứ thời đại nào.

Rất nhiều người trong giới lãnh đạo nền Đệ II Cộng Hòa, cả quân sự lẫn dân sự, đổ lỗi cho Mỹ làm Việt Nam mất nước. Tôi không đồng ý. Tôi cho rằng thái độ này biểu lộ đầy đủ nhất cái tinh thần hèn hạ, lệ thuộc ngoại bang, và cái bản chất vô liêm sỉ của loại sĩ phu tự bào chữa, bằng cách đổ lỗi cho người khác. Quân sĩ ta giỏi. Dân ta tốt. Súng ta nhiều. Ta mất nước là vì lãnh đạo tồi tệ.

Cuốn "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975" không phải chỉ là một thiên nhật ký phóng sự chiến trường, hay chỉ là một tài liệu quân sự bàn về một trận đánh. Cái giá trị đáng kể của cuốn sách thực sự bao hàm trong việc làm sống lại cái bối cảnh nhân tình thế thái của một chế độ đến hồi sụp đổ, và của một quân đội mỗi ngày nào anh dũng, bỗng nhiên đẩy chết trên một chiến trường tồi tệ không do họ gây ra.

Người đọc thấy rõ hai hiện tượng trở trêu, trái ngược hẳn nhau: một nhóm Tướng lãnh đạo im lìm ôm của chìm của nổi, cuốn gói ra đi cùng một

số đàn em, trong khi một khối đông đảo vừa tướng, vừa quân, vừa sĩ quan tiếp tục đổ máu, chiến đấu hào hùng, giữ từng tấc đất.

Người đọc cũng thấy rõ sự tàn nhẫn, lạnh lùng của Tổng thống Thiệu khi ban hành thứ mệnh lệnh tự sát cho Tướng Phú, và thái độ im lặng giả dối, sống chết mặc bay của những Tướng hiện diện.

Trong hoàn cảnh cực kỳ cô đơn và rối loạn, Tướng Phú đã may mắn có được Phạm Huấn bên cạnh, một sĩ quan thuộc cấp khá bình tĩnh, để nghe ông trút hết tâm sự uất nghẹn của một tướng quân biết mình đang rơi vào một trận chiến "mê hồn" mà hậu quả sẽ là hàng chục ngàn quân bỏ xác.

Câu chuyện Phạm Huấn kể về cái hội nghị Cam Ranh còn đặt ra một khía cạnh khác của nhân tình thế thái: Đó là khía cạnh đạo đức của mệnh lệnh. Trong suốt buổi họp, từ ông Thiệu, ông Khiêm tới ông Viên, ông Quang, không một ai đề cập tới số phận của hàng triệu dân, hàng trăm ngàn Địa phương quân, Nghĩa quân và gia đình binh sĩ sẽ bị bỏ rơi lại, và hàng chục ngàn xác chết quân dân, chắc chắn sẽ đầy rẫy dọc theo con đường tử lộ. Ông Thiệu phân tách tình hình, rồi lạnh lùng chỉ thị rút Chủ lực quân thật nhanh, thật bí mật về miền Duyên hải... Các ông Tướng khác giữ im lặng, thản nhiên như mọi việc đã được quyết định rồi, và không còn gì để bàn cãi nữa.

Trong vụ này có hai điều bí ẩn mà chỉ có ông Thiệu và ông Khiêm biết được mà thôi. Về phía ông Thiệu, lệnh triệt thoái Cao nguyên không biết có phải là một mưu kế làm eo với Mỹ, để kiếm viện trợ, hay chỉ là một quyết định thuần túy quân sự? Về phía ông Khiêm, không biết ông có hậu ý hỗ trợ việc triệt thoái, để đẩy ông Thiệu vào cái bẫy do ông Thiệu tự đặt ra cho chính mình không? Vào lúc đó, ông Khiêm bất mãn và chống đối kịch liệt việc ông Thiệu vận động Quốc hội tu chỉnh hiến pháp, cho phép ông tái tranh cử nhiệm kỳ III.

Riêng Tướng Phú, ông quả thật là một người đáng thương khi phải thi hành một mệnh lệnh mà ông hoàn toàn chống đối. Không những bị rối loạn trong một cuộc hành quân mà sự kiểm soát đã hoàn toàn lọt khỏi tay ông ngay từ đầu, Tướng Phú lại còn bị mê hoặc bởi những lời vuốt ve giả dối của thượng cấp của ông là Thủ tướng Khiêm.

Ngày 20 tháng 3, 1975, khi Dân biểu Nguyễn Ngọc Bẩy và tôi tới thăm Tướng Phú tại bộ Tư lệnh Quân đoàn II, lúc đó đã di chuyển về Nha Trang. Với một giọng nói thêu thào của một người chỉ huy đã mất trọn tự tin, ông cho chúng tôi biết là Đại tướng Khiêm đã điện thoại khen ngợi ông về cuộc điều quân triệt thoái. Đó là những lời khen giả dối, vì vào lúc đó hơn 20 ngàn quân và gần 4 ngàn xe cộ, thiết giáp xa vẫn còn kẹt ở giữa Phú Bổn-Phú Túc, cách Tuy Hòa hàng trăm cây số, và đang bị địch pháo, bị tấn công liên miên.

Tướng Phú là một trong những Tướng Tư lệnh Sư đoàn sáng giá nhất của Quân đội. Trong chiến trận Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, cùng với Phạm Duy, Nhật Trường và Duyên Anh, tôi và hai Dân biểu Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Trọng Nho đã bay ra thăm Sư đoàn 1 ngoài Thừa Thiên và Quảng Trị. Chúng tôi đã cùng Tướng Phú bay thăm các đơn vị sư đoàn, các tiền đồn biên giới, và bay ngang qua cả Phá Tam Giang. (Nhật Trường đã cảm hứng làm bài "Chiều trên Phá Tam Giang" nhân dịp này).

Tôi luôn luôn nhận thấy cái phong thái ung dung, bình dị, đầy tự tin của Tướng Phú. Áp lực địch khá nặng, nhưng Tướng Phú có vẻ nắm rõ từng chuyển động của địch, và do đó, công việc điều quân nơi ông hầu như tự động, dễ dàng, không phải tính toán nhiều.

Tuy nhiên, Phạm Huân đã nói đúng khi cho rằng khả năng của ông chỉ giới hạn tới cấp Sư đoàn, cấp đơn vị mà hầu hết các cuộc hành quân đều nặng về tính chất quân sự. Chúc vụ Tư lệnh Quân đoàn hoàn toàn ra ngoài

tâm vóc và khả năng của ông. Với cả chục tỉnh và nhiều triệu dân trong vùng kiểm soát của Quân đoàn II, rất nhiều vấn đề không thuộc lãnh vực quân sự được đặt ra, từ vấn đề bình định tới vấn đề an ninh, an sinh xã hội của dân chúng, tất cả đều xa lạ với một quân nhân chuyên nghiệp như Tướng Phú. Về quân sự, ông cũng chưa được học hỏi về cách sử dụng Hải Lục Không quân Pháo binh hiện đại và cách điều quân cấp Quân đoàn, Quân khu...

Càng xa lạ hơn, và khó khăn hơn nữa là việc điều khiển cả một cuộc triệt thoái vĩ đại nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Vì luôn luôn bận rộn trong các chức vụ chỉ huy tác chiến, ông không có dịp tu dưỡng, cập nhật hóa kiến thức quân sự trong các khóa tham mưu, chỉ huy cao cấp, khóa cao đẳng quốc phòng tại các trường ngoại quốc như Fort Leavenworth, War College hay các trường Việt Nam như trường Chỉ huy Tham mưu, trường Cao đẳng Quốc phòng tại Sài Gòn.

Lãnh đạo đã lỗi lầm khi trao chức vụ Tư lệnh Quân đoàn II cho Tướng Phú, lại càng lầm lẫn hơn khi bất thần bắt ông điều khiển một cuộc hành quân khó khăn, phiến toái nhất, "triệt thoái Cao nguyên", một loại hành quân mà thất bại nhiều hơn thành công.

Tuân lệnh ông Thiệu một cách máy móc, ông chỉ lo giữ cho được yếu tố bí mật và cấp thời khi làm lệnh hành quân, và đã hoàn toàn gác bỏ yếu tố tâm lý quân sĩ, yếu tố dân chúng và yếu tố gia đình binh sĩ. Chính vì tâm lý quân sĩ không được chuẩn bị trước, nên sự kinh hoàng trong đơn vị đã xảy ra ngay khi lệnh triệt thoái được thi hành. Kế đó sự kinh hoàng kéo theo sự rối loạn, và cuộc triệt thoái đã tức khắc trở thành một thứ "debandale" không cứu vãn được.

Kết quả là Tướng Phú không còn nắm được tình hình, hoàn toàn mất quyền kiểm soát, đành bó tay bỏ mặc cho biến cố quay cuồng. Đây là một

trường hợp điển hình của một cuộc triệt thoái biến thành một sự tháo chạy hỗn loạn.

Tuy nhiên, có một điều làm tôi thắc mắc, đó là cuốn sách của Phạm Huấn có thể làm người đọc có cảm tưởng là Tướng Phú ngại đáp máy bay xuống thăm các đơn vị lâm chiến. Điều này khác hẳn với những điều tôi nghĩ về vị Tướng tác chiến này. Tất cả các sĩ quan và binh sĩ đã có dịp làm việc dưới quyền Tướng Phú đều công nhận, ông là một cấp chỉ huy rất bình tĩnh và can đảm. Ông luôn luôn tới thẳng mặt trận thăm anh em, và ra ủy lạo binh sĩ ngay tại tiền tuyến. Một con người mà cả binh nghiệp đều diễn ra tại các đơn vị tác chiến, và hầu hết các cấp bậc đều gắn tại mặt trận, đã toan tự sát khi bị một ông Tướng "kiếng" chuyển lệnh cách chức, một người đã dám tự tử vì không muốn rơi vào tay địch. Một người như vậy không thể nào là một vị chỉ huy thiếu can trường được, vì trong ông, can trường đã trở thành một nếp sống hằng ngày. Tuy nhiên, sự mô tả của Phạm Huấn là của một nhân chứng sống, ghi nhận được xúc động của vị Tư lệnh từng giây, từng phút, chắc chắn phải có căn cứ.

Cho nên, trong sự hồ nghi, tôi muốn nghiêng về hai giả thuyết: hoặc Tướng Phú vì đã nhận chân được sự tàn nhẫn, lạnh lùng, ích kỷ của các Tướng Thiệu, Khiêm, Viên, Quang nên ông đã thay đổi thái độ, và không muốn chết uổng vì họ nữa; hoặc ông không muốn tới thăm một đơn vị lâm chiến khi ông không nắm chắc được tình hình. (Phạm Huấn có ghi nhận các báo cáo "láo" của nhiều cấp chỉ huy trong cuộc rút quân).

Tướng Phú đã nằm xuống, không thể làm sáng tỏ thắc mắc của những người sống sót. Nhưng cho đến bây giờ, tôi vẫn giữ nguyên vẹn lòng kính phục của tôi đối với ông, một vị Tư lệnh can trường, khi thắng thì vẫn khiêm tốn, và khi bại thì vẫn giữ được khí tiết của một tướng quân.

Một nhân vật thứ hai thật lu mờ trong biến cố triệt thoái Cao nguyên

mà tôi muốn bàn tới, đó là Chuẩn tướng Lê Văn Thân, Tư lệnh phó Quân khu, người mà Phạm Huấn chỉ nói phớt qua trong một số trường hợp thật đáng buồn.

Tướng Thân hầu như bị Tướng Phú loại ra ngoài mọi quyết định liên quan tới cuộc triệt thoái vì những bất đồng ý kiến về chiến lược, chiến thuật rút quân, và về đường lối cứu xét, giải quyết các vấn đề khác của Vùng II.

Dưới mắt tôi, Tướng Thân là một trong năm, ba Tướng sáng giá nhất, và có tương lai nhất của Quân đội Việt Nam. Rất ít người biết được giá trị của ông, một phần vì trong hàng Tướng lãnh, ông là một người em nhỏ mới lên sau này, một phần vì bản tính ông trầm lặng, ít nói, không thích phô trương và chỉ âm thầm làm việc, học hỏi và nghiên cứu.

Tôi biết Tướng Thân vì chúng tôi cùng gốc Pháo binh, và sau này vì công vụ, chúng tôi có nhiều dịp gặp nhau. Hồi đó, mặc dầu không nói ra, nhưng những liên hệ giữa chúng tôi rõ ràng là đang trở thành những liên hệ của những đồng chí sẽ gắn bó với nhau trong nhiều chục năm tới.

Tướng Thân là một Thị trưởng kiêm Tỉnh trưởng, gốc Bắc và theo đạo Công Giáo, cai quản Huế và Thừa Thiên lâu dài nhất. Tại đây, Phật Giáo và đảng phái địa phương rất mạnh. Ông đão nhậm Huế trong sự nghi kỵ của dân địa phương, và ông đã ra đi trong sự kính mến và tin cậy của họ. Có lẽ đây là thành công cao độ nhất của đời ông. Đây cũng là dịp để ông thử thách khả năng và những hiểu biết của ông về các vấn đề dân sự.

Khác với hầu hết các quân nhân chuyên nghiệp, Tướng Thân đã âm thầm chuẩn bị cho mình thật nhiều kiến thức và kinh nghiệm ngoài lãnh vực quân sự. Khả năng của ông là một khả năng đa hiệu, và lối nhìn sự việc của ông là một lối nhìn bao quát, sâu rộng của một người lãnh đạo, hơn là của một cấp chỉ huy quân sự. Đây là một điểm mấu chốt dẫn tới sự bất đồng ý kiến giữa Tướng Phú và ông.

Thật là một sự tiếc uổng khi Tướng Phú đã không biết sử dụng Tướng Thân trong các lãnh vực dân sự mà Tướng Thân rất thành thạo, và Tướng Phú rất cần trong nhiệm vụ Tư lệnh Quân đoàn. Riêng trong cuộc triệt thoái Cao nguyên, các yếu tố tâm lý và xã hội đã trở nên quan trọng hàng đầu. Việc bỏ dân, bỏ đất, bỏ cả Địa phương quân, Nghĩa quân, bỏ luôn cả gia đình binh sĩ cho Cộng sản không phải là một việc quân sự, và cũng không phải là một việc làm gấp rút trong vòng vài ba ngày như ông Thiệu muốn.

Sự mất niềm tin và tình trạng kinh hoàng nơi dân chúng và binh sĩ, một khi tung bút ra, sẽ lan truyền như một thứ giầy chuyền không ngăn chặn được nữa. Đó là hậu quả chính yếu đầu tiên và cuối cùng của cuộc tháo lui Pleiku, và hậu quả này đã thành cơn bão, lan tới tất cả các đơn vị Quân đội, tới dân chúng toàn quốc, và đã nhanh chóng dẫn tới việc mất nước.

Nếu Tướng Thân được Tướng Phú tham khảo ngay từ đầu, nếu các Tướng lãnh đạo Quốc gia nhìn rõ nguy cơ, và rũ bỏ kịp thời trò chơi quyền lực, nếu... nếu... tất cả những người có trách nhiệm ngồi lại được với nhau chừng 4, 5 tuần trước ngày mất nước, rồi một chính phủ cứu nguy ra đời với chừng vài ba chục Tướng lãnh có uy tín, và năm bảy chục ngàn quân rút ra bung, và rút về Vùng III, Vùng IV, ngày đó chắc chắn sự thế đã thay đổi hoàn toàn, và ngày hôm nay sự thế sẽ còn thuận lợi hơn... Nhưng mọi sự đều đã trễ tràng...

Tới đây, tôi thấy thiếu sót nếu không đề cập tới cái khối người đông đảo nhất trong Quân đội, đó là các Tướng lãnh, sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ tác chiến, các phi công oanh tạc, các thủy thủ chiến đấu trên sông, trên biển vào những ngày cuối cùng và bị kẹt lại.

Riêng hàng Tướng lãnh, người ta nhận thấy hầu hết các Tư lệnh Sư đoàn Bộ binh đều kẹt lại, và chiến đấu đến phút cuối cùng, một số tự tử,

một số chết trong tù, một số vẫn còn nằm trong trại cải tạo.

Các sĩ quan Trung đoàn trưởng, Tiểu đoàn trưởng, Đại đội trưởng, Trung đội trưởng phần lớn cũng đều kẹt lại cùng với các vị chỉ huy của họ. Chỉ một phần nhỏ thoát chạy vào phút chót, vượt ngục hay vượt biển sau này.

Chắc hẳn lịch sử sẽ đời đời ghi ơn các chiến sĩ anh hùng đã một đời hy sinh cho Tổ Quốc và cho lý tưởng tự do.

Trong cuộc sống phù du của kiếp người, đặc biệt là của những người lãnh đạo, vẫn có hai điều trường tồn miên viễn: đó là lịch sử và những nắm mồ. Giữa những cơn mê quyền lực, người lãnh đạo có thể lãng quên sự thực này và không tự hỏi: "Rồi đây, sau khi chết mình sẽ ra sao ?"

Cố Tổng thống Diệm đã chết thật lủi xùi giữa hận thù phần nộ của dân chúng. Nhưng chỉ một vài năm sau, nhiều người dân vô danh, cả Công Giáo lẫn Phật Giáo, cả người đảo chánh lẫn người ủng hộ, đã tự động tới ngôi mộ không tên của vị cố Tổng thống, thắp nến, đặt hoa, tưởng nhớ người quá cố. Ông Diệm có thể độc tài và nhảm lẫn khi cai trị. Nhưng với thời gian, người dân chỉ còn ghi lại tấm lòng yêu nước và gương đạo đức của ông.

Lịch sử sẽ ghi những gì về hội nghị Cam Ranh, và về các Tướng lãnh đạo nền Đệ II Cộng Hòa ? Sử liệu có lẽ sẽ cần năm, ba chục năm để hoàn tất. Nhưng ngay bây giờ thì sử xanh đã truyền tụng quá nhiều. Sử xanh ghi rằng: "Hội nghị Cam Ranh ngày 14 tháng 3, 1975 và cuộc triệt thoái Cao nguyên ngày 17 tháng 3, 1975 không phải là khởi đầu sụp đổ của chế độ Đệ II Cộng Hòa Việt Nam. Hai biến cố này thực sự là dứt điểm vụt tắt cuối cùng của cơn hấp hối đã dai dẳng nhiều năm của chế độ dưng phu Nguyễn Văn Thiệu-Trần Thiện Khiêm, trong đó một khối Quân đội gồm ĐA SỐ Tướng lãnh, và quân sĩ tài giỏi, anh hùng đã bị lợi dụng, thao túng

và chết uống bởi một nhóm nhỏ Tướng lãnh cầm quyền tham ô, bất lực và thiếu đạo đức, với sự tiếp tay của một thiểu số người vô tài bất hạnh; kể cả một số khoa bảng thời cơ và bịp bợm".

Tiền bạc của nhân dân mà họ mang ra ngoại quốc có thể giúp họ sống sung túc tới trăm tuổi là cùng. Nhưng tội lỗi của những Tướng lãnh đạo sẽ được lịch sử ghi rõ đời đời. Lương tâm thui chột của họ có thể làm ngơ, nhưng lịch sử bao giờ cũng sáng suốt, và tiếng nói dân gian bao giờ cũng công bình.

Liệu rồi đây, khi họ nằm xuống, những nắm mồ của họ có sẽ được chôn tại miền nắng ấm quê nhà, hay sẽ phải nằm cô đơn giữa một miền tuyết lạnh Mỹ Châu, Âu Châu ? Liệu rồi đây nhân dân có đủ khoan dung cho phép họ nằm cạnh những nắm mồ của các chiến sĩ anh hùng, đã chết trên chiến địa, đã tự sát khi bại trận hay đã chết trong lao tù ? Những anh hùng này đã hy sinh cho một chính nghĩa cao đẹp nhưng bị chết uống vì một lãnh đạo tồi tàn.

Tướng Phú đã nằm xuống, tuy không vinh dự như cố Đại tướng Đỗ Cao Trí được nằm xuống ngay giữa ba quân, nhưng với đầy đủ khí tiết của một cấp chỉ huy đã dám tự xử mình khi trách nhiệm không hoàn tất.

Tại sao những Tướng lãnh đạo nền Đệ II Cộng Hòa lại không thấy được tội lỗi của mình, và không dám tự xử ? Phải chăng đó là sự cách biệt giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân, giữa người yêu nước thật sự và người làm chính trị vì tham vọng cá nhân ? Phải chăng đó là sự cách biệt giữa Tướng tác chiến Phạm Văn Phú và các Tướng chính trị Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm ?

Ước mơ của tôi là một ngày nào quê hương được giải phóng, tôi sẽ về lại Việt Nam thăm mộ Tướng Phú, và các chiến sĩ vô danh khác, thấp nén hương tưởng nhớ những anh hùng đã vì quốc vong thân, và xám hối

về những tội lỗi của mình, những biếng nhác của tuổi trẻ vô tình, những hèn kém của tuổi trung niên nhiều hệ lụy, và những chán nản, mệt mỏi của tuổi lục tuần lưu vong thất thế.

TRẦN VĂN ÂN

Cựu Kim Sơn, mùa đông 1986.

Trần Văn Ân là một Bình luận gia thường trực về chiến cuộc của Việt Tấn Xã trước đây, với bút hiệu ABC. Cựu Phát ngôn nhân Quân sự, Giám đốc Báo chí bộ Thông tin và Dân biểu, Tổng Thư ký Ủy ban Quốc phòng Hạ viện, Việt Nam Cộng Hòa.

Ông cũng là Giáo sư Phụ khảo cho các phân khoa Kinh tế và Mậu dịch trường Đại học Tamkang, Taipei (1982-1984).

NGƯỜI THẤT BẠI ANH HÙNG PHẠM VĂN PHÚ TỰ GIẾT ĐỂ ĐƯỢC CHẾT VỚI LƯƠNG TÂM THANH THẢN, ĐỂ GIỮ ĐƯỢC TIẾT THÁO VÀ TINH THẦN TRÁCH NHIỆM CỦA MỘT TƯỚNG LÃNH.

Nguyễn Đông Thành

Clausewitz viết: "Trường quân sự cao nhất là quân sử". Nã Phá Luân, Hitler, Ngô Quang Trưởng, Rommel, Mac Arthur, Phạm Văn Phú, Lâm Bưu, Lê Văn Hưng, Võ Nguyên Giáp, Navarre, Nguyễn Văn Thiệu... đều là giảng viên của trường này. Họ trình bày những nguyên nhân, những hậu quả những trận thắng và bại của họ.

Phạm Huân viết quyển CUỘC TRIỆT THOÁI CAO NGUYÊN 1975 không sớm. Chúng ta có thể trách anh trễ nải trong việc mở rộng cánh cửa của ngôi trường quân sự cao nhất. Những tiết lộ của Phạm Huân liên hệ đến diễn biến quân sự có tầm quan trọng quyết định đối với cuộc thất trận 1975.

Nguyễn Đạt Thịnh

- Bạn đã từng than tiếc cho vụ rút quân của Anh ở Dunkerque 1940 ?
- Bạn đã từng hồi hộp khi đọc lại cuộc lui binh của Danh Tướng Napoléon ở Waterloo ?
- Bạn đã từng hoang mang khi nghe tin Tướng Salan lạng lã rút quân khỏi Hòa Bình - Chi Nê 1951 ?
- Bạn đã từng bất ngờ khi thấy Mỹ rút bỏ Khe Sanh một cách êm thấm năm 1968, giữa vòng đai bao vây trùng điệp của quân Cộng sản Bắc Việt ?
- Bạn sẽ... ngậm ngùi cho cuộc rút quân khỏi Pleiku ngày 17-3-1975 !

Đề rồi kết luận: Đó, là lịch sử!!!

Kim Thư

ISBN TX-2-021-086

GIÁ BÁN

Tại Hoa Kỳ: US\$ 18.00

Các nơi khác: US\$ 20.00